

# SOURCE OF LIFE

*by Léonard Lassalle*



# Cội Nguồn Cuộc Sống

Nguyên tác **SOURCE OF LIFE** của Leonard Lassalle

**Minh Thần** dịch 2015

© Phiên bản 10.2017 góc nhỏ

Phiên bản 10.2021

Sửa lỗi: Hartini Tâm Đan - Hoàng Nam

Leonard Lassalle

# Cội Nguồn Cuộc Sống

Minh Thần  
dịch 2015

gn  
2021

# MỤC LỤC

Lời nói đầu	10
<b>A. Những bước đầu với con đường tu tập mới lạ</b>	<b>12</b>
1. Thời thơ ấu	12
2. Tìm thấy người bạn đời	14
3. Nghe nói tới một lối tiếp cận mới về tâm Linh	17
4. Cuộc thăm viếng nước Pháp đầu tiên của Jean	21
5. Sự tiếp xúc đầu tiên với latihan	22
6. Làm cách nào chia sẻ những gì nghiệm được	32
7. Bắt gặp con thú	35
8. Sự phát triển của ý thức	41
9. Nhận biết nguồn gốc	44
10. Ngẫu nhiên và thực tế	45
11. Chứng tỏ cái tính độc lập của mình	46
12. Tiếp xúc lần đầu với quân đội	50
13. Nối kết trở lại với các sinh lực	59
14. Cuộc sống mới ở Pháp	63
15. Nghiệm thấy tình trạng bay bổng	69
16. Để cho sự sợ hãi trôi qua	71
17. Hôn lễ và hội nghị Subud thế giới lần đầu	75
<b>B. Tiếp xúc với một nhân vật phi thường</b>	<b>80</b>
1. Cuộc thăm viếng nước Pháp lần đầu của Bapak	80
2. Tên mới của tôi	87

3. Ý thức được các thiên thần	90
4. Lần đầu gặp các vị thiên sứ	92
5. Bapak, Jesus và Muhammed	97
6. Quả đào	102
7. Tiệm bán giày	103
8. Mù quáng lái xe dưới cơn mưa	105
9. Bapak bất ngờ thay đổi chương trình	109
10. Ý thức được phương diện tâm linh của thế giới vật chất	109
11. Thăng hễ của Thượng Đế	112

## C. Về sự lấy tên mới, thụ thai, tính dục, sống và chết 117

1. Trở thành cha mẹ	117
2. Đi tìm người cha ruột thịt	125
3. Thêm một chuyện về đặt tên	130
4. Một chứng nghiệm khác về đặt tên	131
5. Cắt bao đầu quy	131
6. Sự đối phó của Melinda với bệnh tật	136
7. Âm thanh của trái đất	140
8. Lão Edgar và mùi hôi bí hiểm	141
9. Sự ra đi của bà ngoại GG	144
10. Nối kết với nguồn gốc sự sống	151

## D. Hiệu quả của latihan trong đời sống hằng ngày của gia đình 154

1. Một tai nạn giúp chúng tôi đến miền Bắc ở	154
2. Tới Paris ở	156

3. Cuối cùng được giải ngũ	159
4. Kiếm việc làm để có thu nhập và một nơi chốn để sống	162
5. Thử thách bản thân	164
6. Tìm một nghề nghiệp là nguồn thu nhập trong nhiều năm sắp tới	172
7. Qua Anh ở	179
8. Làm cho mình thích nghi với những đòi hỏi	183
9. Sở hữu đầu tiên của chúng tôi	184
10. Là chủ nhân của tiệm buôn	189
11. Mua căn nhà Hoa Bia tại Bassett	191
12. Đứng vững và phát hiện được tài năng	194
13. Học hỏi được qua một kinh nghiệm đau đớn	203
14. Chứng kiến quyền năng của thế giới vật chất	212
15. Sau khi Bapak ra đi, 1987	221

## E. Latihan trong những chuyến đi quốc tế 225

1. Lần đầu đến thăm Java	225
2. Những thay đổi trong trách nhiệm tâm linh	230
3. Cái latihan đầu tiên của anh Janusz trong một gác mái ở Warsaw.	234
4. Có kẻ xuất hồn đến thăm trong latihan	238
5. Tổng thiên thần	243
6. Sinh lực toàn bao	249
7. Những vấn nạn tại phi trường Kinshasa	252
8. Tuân theo lối nhảy múa gào thét	256
9. Nhận được sự chỉ dẫn từ bất cứ bộ phận nào của cơ thể	261
10. Liên quan tới tổ tiên	265
11. Giải tỏa những gì bế tắc qua âm thanh và động tác trong	

latihan	269
12. Đối diện tà thuật	270
13. Phát triển sự nhận thức của linh hồn	273

## F. Đến ở miền Nam Provence 275

1. Đi khỏi nước Anh sau 26 năm	275
2. Tiếp theo là bắt tay vào công việc...	280
3. Vẽ tranh sơn dầu trở lại	284
4. Kế đến là một thử thách bất ngờ	287
5. Bi kịch ngày 11 tháng 9 năm 2001	291
6. Chỉ thêm một chuyện nữa	294
7. Vài lời cuối...	296

## THUẬT NGỮ 297

## Nhận Định về Source of Life của Leonard Lassalle 298







Leonard Lassalle

## Lời nói đầu

Cội Nguồn Sự Sống chứa đựng những chứng nghiệm trong cuộc đời tôi không do sự thúc đẩy của ham muốn và dục vọng, mà do một nơi chốn hoàn toàn bên ngoài cái bản ngã thông thường, điều tôi đi đến chỗ gọi là linh hồn.

Vậy thì, tôi không muốn tạo nên cái ấn tượng là toàn bộ cuộc đời mình được thôi thúc bởi điều gì cao quý vượt hẳn ra ngoài cái bản ngã thông thường. Tôi nói thật đấy, những ham muốn và dục vọng của tôi vẫn sống động, vẫn còn đây nhóc nơi cái Tôi và đã tích cực hoạt động trong quá trình cuộc đời tôi, với những thăng trầm, vui sướng và đau khổ.

Tháng 10 năm 1957 khi 19 tuổi, tôi bắt đầu theo lối tu tập gọi là latihan kedjiwaan của Subud. Dần dần, nhờ tập tành đều đặn, tôi nhận thức được bên cạnh cái bản ngã thông thường còn có một ý thức thâm sâu và tinh tế hơn.

Để cho sự ý thức đó trở thành căn nguyên, tôi cần phải nuôi dưỡng một không gian nội tâm chỉ có được khi tôi buông thả cái bản ngã thông thường vị kỉ. Sự nhận thức đó không do tâm trí, mà nhờ việc từ bỏ tâm trí để trở nên nhạy cảm và nhận thức được dễ hơn đời sống nội tâm mình.

Trong Cội Nguồn Sự Sống tôi chia sẻ những chứng nghiệm của mình, nhưng cũng nhận thức được là đôi lúc bạn có thể thấy những cái đó khó hiểu, hay không chấp nhận là sự thật, vì đó không là những gì dựa trên lý trí, theo nghĩa trần tục của từ ngữ đó. Đó là những gì xuất phát từ một sự ý thức trong đó cái lôgích của 2 cộng 2 không tất nhiên phải là 4. Tuy thế, tác động của nó đối với cuộc sống hằng ngày của tôi thì không thể chối bỏ được, như bạn sẽ nhận thấy, khi tiếp tục đọc.

Theo những gì tôi nhận thức được, những chứng nghiệm đó xuất phát từ sự tỉnh thức trở lại của ý thức nguyên thủy, cái ý thức đến từ Cội Nguồn Sự Sống. Bằng cách tu tập theo latihan, tôi dần dần

đi đến chỗ phát hiện được nơi bản thân mình một cách thức hiểu biết mới mẻ không do suy luận hay sự cộng trừ, mà do một tri giác toàn thể không sử dụng tư tưởng.

Tôi nhận thấy nơi bản chất mình là mình đã triển khai nhiều nơi chốn khác nhau của hiểu biết: những tạo tác của trí óc phải được hiểu bởi trí óc, những cảm xúc của tâm can phải hiểu trong tâm can, những thực tại tính chất tâm linh phải được hiểu bởi linh hồn qua cách bao gồm cái toàn thể. Tôi phát giác được nơi bản thân mình là mỗi mức độ của ý thức có cái thực tại và định luật hiện hữu của chính nó.

26 năm sau cái latihan đầu tiên của tôi, trong một buổi họp tại khách sạn Tara của London, mùng 2 tháng 10 năm 1983, Muhammad Pak Subuh (người đầu tiên tiếp nhận được latihan mà chúng tôi gọi là Bapak) yêu cầu tôi chia sẻ với người khác những chứng nghiệm trong những năm tháng theo tập latihan của mình.

Đó là lí do chánh yếu khiến tôi viết cuốn sách này: kể lại những chứng nghiệm theo những điều tôi đã trải qua, một cách chân thành và hết sức giản dị.

## A. Những bước đầu với con đường tu tập mới lạ

### 1. Thời thơ ấu

Thời thơ ấu của tôi là một thời bất thường, chủ yếu là vì bà mẹ lập dị, đáng yêu của tôi, đã nuôi nấng tôi trên một hoang đảo cách ven biển Var của miền Nam nước Pháp. Trên đảo Ile du Levant không có cửa tiệm và trường học, và cho tới lúc 6 tuổi những đứa trẻ duy nhất tôi quen biết là chị tôi và một đứa bé gái khác. Phần nhiều thời gian của mình tôi dùng cho chính mình, gần gũi với linh hồn mình, với loài chim và cá, với loài bò sát và côn trùng cư ngụ trên đảo và ven biển. Phần nhiều những gì tôi học được về nghệ thuật là từ âm nhạc sự chuyển động của đại dương, khi nó chảy ồng ộc vào những hang của loài cua trong tầng đá, từ cái chết êm ái của những làn sóng trên bãi biển nhỏ tí, trên sỏi đá, hay từ những âm thanh như tiếng huyết còi của gió mistral thổi qua khu rừng bụi cây.

Mẹ tôi, một họa sĩ, như một gương phản chiếu, in sâu vào cảm xúc tôi lối nhìn để tìm sự giao động thích hợp của những màu sắc khi sơn vẽ. Tôi thường quan sát cách bà dài lâu chăm chú nhìn những chủ đề của mình, trước khi cương quyết pha trộn những chất màu sáng chói, trơn như dầu, với con dao trộn màu, để đạt được kết quả mong muốn. Tôi có thể theo dõi bà hằng giờ trong sự ngưỡng mộ và yên lặng hoàn toàn.

Năm 1942, giữa lúc chiến tranh, sự sinh sống trên đảo Ile du Levant trở nên rất khó khăn; thức ăn thật khan hiếm và những tàu thuyền tiếp tế vượt qua từ lục địa con đường dài 15km thì càng

lúc càng ít đi. Ông bố nuôi tôi phải ra chiến trường để không bao giờ trở về, và mẹ tôi quyết định đến một ngôi làng nhỏ bé ở tên là Dieulefit, tại vùng Drôme thuộc miền Tây Nam nước Pháp. Nơi đó, bà kiếm được một tư thực cho trai và gái là một trường học trong đó chúng tôi là những đứa bé duy nhất không là nội trú. Nhận thấy sự nghèo khổ của chúng tôi, bà hiệu trưởng đã có lòng tốt không lấy học phí.

Chúng tôi học tại trường đó được 9 năm, và đó là nơi mình được giáo dục về những điều căn bản. Năm 1951, sau thời kì chiến tranh, mẹ tôi có ý nghĩ độc đáo là gửi chúng tôi đến học tại một ngôi trường ở Anh có đường lối giáo dục cách mạng tên là Summerhill mà hiệu trưởng là Mr. As Neill. Dì tôi và bà ngoại tôi trả học phí. Trường học đó đã tác động một cách thâm sâu và tích cực tới sự phát triển của cảm xúc tôi, khiến tôi tự tin và có khả năng ăn nói lưu loát tiếng Anh. Năm 15 tuổi, tôi đến Paris để học thuật vẽ và trong hai năm học được điều người ta gọi là 'quảng cáo': phác họa áp phích và khắc chữ.

Tình trạng được dạy dỗ không chính thống và thiếu người cha đó của tôi chắc đã khiến tôi có tinh thần độc lập và tự lực. Tôi có xu hướng là một kẻ thực tế, không thực sự tin bất cứ gì mà chính mình không trực tiếp nghiệm được. Tôi dựa sự hiểu biết của mình trên những gì mình có thể đụng chạm, những gì mình có thể cảm nhận.

Khi chúng tôi còn nhỏ, mẹ chúng tôi chưa từng đề cập tới Thượng Đế, hay kể cho tôi biết về Thánh Kinh, về Tân Ước hay về bất cứ lối tu tập hay tôn giáo nào. Bản thân bà cũng đã đau khổ nhiều vì một người cha độc đoán là mục sư, một người sau này trở thành một đại tá trong quân đội Anh. Nhưng qua sự đau khổ đó trong cảm xúc, bà đã tìm thấy con đường cá biệt của mình bằng cách gần gũi với thiên nhiên và đã dạy dỗ chúng tôi trong một không khí tự do đầy tình thương.

Có lối suy nghĩ hợp lí là điều khiến tôi thấy khá thoải mái và cho tôi một nền tảng từ đó mình hoạt động. Cái thế giới của tôi tương đối nhỏ bé, nhưng những gì mình hiểu được thì có ý nghĩa, vì tôi chỉ tin cậy những điều do thực tại của kinh nghiệm. Có một tư chất nghệ sĩ, nên tôi có xu hướng sống trong một vài nơi chốn của cảm

xúc, thay vì trong đầu óc mình. Điều đó giúp tôi lèo lái được chiếc thuyền mỏng manh của mình vượt qua những đại dương phức tạp và rộng lớn của cảm xúc.

## 2. Tìm thấy người bạn đời

Trong thời kì hai năm học vẽ tại trường Central School of Arts and Crafts ở London, tôi gặp Jean sau này tên là Melinda. Hồi đó cô kiếm được chút tiền làm người mẫu cho những lớp dạy vẽ của Leslie Cole. Một buổi sáng tháng 9 nọ trong năm 1956, tôi bước vào xưởng vẽ muộn hơn thông thường, và thích thú nhận thấy một kiểu mẫu là vật sống truyền cảm nhất ngồi trên một chiếc ghế căng cao, trang trí bằng rèm. Không muốn lãng phí thêm thời gian quý báu để sơn vẽ, tôi nhanh chóng đặt bức vẽ mình trên giá vẽ khắp khiêng của trường nghệ thuật. Vắt ép những ống chứa các màu vẽ, tôi tiếp tục chăm chú thoảng nhìn cô, tự hỏi góc cạnh nào là tốt nhất để tạo nên một sự bố trí hấp dẫn trên ván vẽ màu trắng.

Cuối cùng tôi chọn góc nhìn ba phần tư, đổ một chút dầu thông vào một hũ sữa chua cũ, và tay cầm bút lông tôi bắt đầu vẽ. Như một ngọn lửa bắt cháy trên đồng ruộng cỏ khô, nguồn cảm hứng chợt gia tăng, tôi hoàn toàn chìm đắm trong sự sáng tác của mình. Tôi vững vàng làm việc trong phần đầu của buổi sáng; trong đầu óc tôi không có ý nghĩ nào ngoài sự tập trung vào chủ đề.

Khi chăm chú quan sát cô, tôi nhận thấy cô mẫu này khác với những cô mà tôi đã làm việc chung ở Paris và London. Cô có vẻ như thức tỉnh trong lòng mình; trong cặp mắt màu xanh xa xôi, nhợt nhạt của cô có một sức mạnh phản chiếu một nhận thức về một điều gì đang tích cực hoạt động trong lòng. Trong lúc có bữa ăn nhẹ theo thông tục của người Anh, tôi không thể không đến bên Jean để hỏi coi mình có thể ngồi bên cạnh cô không; cô mỉm cười gật đầu một cách dịu dàng, quả quyết, lạnh lẽ.

Sau những trao đổi thông thường, chúng tôi bắt đầu trò chuyện.

Tôi hỏi: "Cô làm gì trong lòng mình trong tư thế cho vẽ?"

Ngạc nhiên vì câu hỏi về cá nhân mình, cô đáp: "Không gì hết!"

Tôi nhiều lần lặp lại câu hỏi của mình, và cuối cùng cô cho biết: “Nếu anh cố nài thì tôi sẽ nói: tôi đếm tới 100 và đồng thời từ 100 tới 1. Như thế, tôi tìm cách cảm nhận được chỗ cuối ngón chân mình, và từ từ đưa cơ thể lên tới đầu mình trong lúc tìm cách nhận thức được sự toàn thể của mình.”

Bật cười, cô nói thêm: “Nhưng tôi ít khi làm được; rất khó đấy!”

Ngạc nhiên và lấy làm khá phục về những thành tích của cô, tôi nói: “Những gì cô làm trông giống như lối tập luyện của Gurdjieff.”

Như thế nào đó, mỗi phần của chúng tôi đã cùng nhau hợp lại, tạo nên một quan hệ khặc. Nếu trước đó bạn chưa nghe nói tới Gurdjieff, thì ông là một tôn sư người Caucasia đem những lối tu thân từ Trung Đông tới cho những người Tây phương. Trung Tâm của ông tại Fontainebleau, gần Paris.

Jean cho tôi hay cô sống và làm việc tại một trung tâm tên là Viện Nghiên Cứu So Sánh Lịch Sử, Triết Học và Khoa Học. Nó nằm trong một khu đất có tên là Coombe Spring, gần Kingston upon Thames. Giám đốc của nó là ông John G Bennett, và dưới sự hướng dẫn của ông các đệ tử tu tập theo lối của Gurdjieff. Chính tôi cũng đã để ý đến lối tu của Gurdjieff và các tác phẩm của Ouspensky qua một nghệ sĩ ở London là bạn mình. Đọc những tác phẩm thần bí đó, tôi thấy được ý thức mình dao động như thế nào, tùy theo tâm trạng mình. Tôi nhận thấy không có gì là trường tồn trong những cảm xúc và ý nghĩ mình.

Chẳng bao lâu, Jean trở thành bạn thân của tôi, và chúng tôi dùng tất cả những lúc rảnh rỗi của mình để được bên cạnh nhau. Tôi bắt đầu đến thăm cô tại Coombe Springs, phần nhiều là vào buổi tối, và thường ở đó cho tới sáng sớm. Cô chia sẻ cuộc sống mình tại đó với tôi, kể cả lối tu mà cô theo qua những cách tập luyện khác nhau như ‘Động Tác’ và ‘Tập làm Ngưng Mọi Hoạt Động.’ Ông Bennett là sư phụ, trong khi một vài đệ tử nhiều kinh nghiệm thay ông truyền dạy. Cùng với cuộc sống của một sinh viên nghệ thuật ở London, tôi khai triển những quan hệ mới với những bạn bè của Jean tại Coombe Spring, nhưng đối với tôi những người ở đó và những kẻ đến thăm Viện có vẻ phức tạp và như thế nào đó khiến tôi có ấn tượng họ bị ‘sa lầy’ trong sự tận tụy của mình với





lỗi tu Gurdjieff và ông Bennett, sư phụ họ. Tôi 18 tuổi và có một tinh thần quá độc lập và tự chủ để theo đường lối của bất cứ ai ngoài cái của mình. Có lẽ do tình trạng được dạy dỗ bất thường, man rợ của mình, nên tôi không muốn tổ chức này hay tổ chức nó có quyền hành đối với mình.

### 3. Nghe nói tới một lối tiếp cận mới về tâm Linh

Hồi đó tôi chia sẻ một buồng nhỏ bé tại lầu hai với John Lawrence, một anh bạn sinh viên học thuật minh họa sách vở tại trường nghệ thuật Central School of Arts and Crafts. Buồng đó tại Belsize Park Avenue, không xa nơi Hampstead Heath. John được dạy dỗ theo đạo Công giáo và học tại một trường dân lập; tình trạng được dạy dỗ và những hoàn cảnh khác nhau của chúng tôi khiến mình hiểu biết khác nhau về tất cả các chủ đề. Chúng tôi thường vui thú trao đổi lập trường, mỗi người cố tìm cách làm cho người kia hiểu được quan điểm mình. Về chuyện tâm linh, anh được dạy bảo là phải 'tin' ở Thượng Đế, Tân Ước và Thánh Kinh, ở Jesus và những phép mầu của ông. Lập luận của tôi là nếu 'tin' ở cái gì thì như vậy nghĩa là mình không biết cái mình phải tin là gì; nhưng nếu biết được cái gì qua kinh nghiệm mình, thì không cần phải tin nữa.

Tôi thường chất vấn: "Có phải là hay hơn không, nếu chỉ biết được từ kinh nghiệm mình, thay vì chỉ tin ở những cái mà mình không biết chút gì, dù cái đó có vẻ thánh thiện đi nữa?"

Về điều đó John thường đáp: "Nhưng ta không biết được Thượng Đế! Ta chỉ có thể tin ở Thượng Đế."

Những buổi đàm thoại của chúng tôi thường kéo dài tới đêm khuya. Thời gian ngắn ngủi tại trường Summerhill School dạy tôi điều này là không có lối cư xử phải hay trái: điều này chỉ tùy thuộc cái góc cạnh từ đó mình nhìn. Tôi thấy tuy những cuộc tranh luận của chúng tôi thật thú vị, nhưng cả anh lẫn tôi đều không thay đổi lập trường mình.

Đến đây tôi xin được nói trở lại về chuyện như thế nào ý thức của linh hồn mình được làm cho thức tỉnh. Một đêm đầu mùa hè nọ trong năm 1957, tôi đang ngủ thì có tiếng còi xe hơi ngoài Belsize Park Avenue đánh thức mình dậy. Tôi nhìn qua một trong những

cửa sổ rộng lớn có khung kính trượt để coi xem kẻ nào có thể làm một chuyện điên khùng như vậy. Tôi rất ngạc nhiên khi trông thấy Jean và anh bạn của chúng tôi là Peter Gibbs đang vẩy tay gọi mình từ chiếc xe nhỏ bé mở mui Austin 7 dưới đường. Tôi kéo khung kính trượt lên và khe khẽ nói: "Im đi, các bạn sẽ đánh thức tất cả hàng xóm!>>

Jean nài nỉ, rộng miệng mỉm cười: "Tụi này có thể lên gặp anh?"

Tôi vẩy tay kêu họ vào, vội vã mặc quần din và áo sơ mi nằm dưới giường, chạy xuống dưới để mở cửa.

Họ tới để cho tôi hay một chuyện khó tin được đã xảy ra tại Coombe Spring. Tôi nhận thấy cặp mắt họ long lanh sự sống; họ có vẻ hân hoan như được gặp của thần tiên đưng vào.

Tôi hỏi, cố giữ cho giọng nói mình được khể đến mức tối đa: "Các bạn đã say rượu, hay đã dùng một thứ ma túy nào đó? Các bạn không biết bây giờ là 2 giờ rưỡi sáng hay sao?"

Peter liền cho hay nguyên do khiến họ bị kích động. Ông Bennett, một người tổ chức những hội thảo quốc tế về lối tu Gurdjieff, vừa mới mời một người Nam Dương tên là Muhammad Pak Subuh tới ở, cùng với gia đình và bạn bè ông. Theo Peter, họ đã đến Coombe Springs để đem tới một đường lối tu tập hoàn toàn mới mẻ.

Sự nhanh chóng quyết định mời người đàn ông Nam Dương đáng kính đó hình như là của ông B và một vài môn đồ của lối tu Gurdjieff; một vài nhân vật kì cựu của 'Công Trình'(The Work), cách họ gọi lối tu đó, đã phải khá bối rối. Nhiều nhân vật kiên định đã vĩnh biệt Coombe Springs, tuy một vài người khác vẫn còn ở lại để nhận và nghiệm được sự 'giao tiếp' mà Muhammad Pak Subuh đem theo ông.

Peter do dự giải thích: "Ông giới thiệu cho chúng ta cái ông gọi là latihan kedjiwaan, hình như là một lối tu tập gì đó."

Hình như ông B, cùng với một số ít đệ tử được chọn lọc, đã bắt đầu theo tập cái latihan đó một vài tháng trước đó tại London. Nó được một nhân vật tên là Hussein Rofe đem ra ngoài Nam Dương,

chính nhân vật đó cũng đã trực tiếp tiếp nhận được, khi còn ở chung với Pak Subuh tại Nam Dương. Dựa trên những kết quả khả quan mà chính họ đã nghiệm thấy, ông B và số người đó đã quyết định giới thiệu nó cho những thành viên khác của Viện hiện đang có mặt tại Coombe Springs.

Sau này, ông B cho biết tại sao ông đã quyết định mời Pak Subuh đến Viện. Ông nói với họ về những buổi đàm thoại cuối cùng của mình với Gurdjieff, ngay trước khi Gurdjieff qua đời trong tháng 10 năm 1949. Gurdjieff đề nghị với Bennett là nên chú tâm tới một đường lối tâm linh sẽ ra đời ở Viễn Đông để trợ giúp nhân loại. Một thời gian sau đó, một vị chân sư Sufi tại Trung Đông cũng cho ông hay một điều tương tự. Theo những gì mình nghiệm được về latihan trong một thời gian ngắn, ông B quả quyết đó là cái gì mới mẻ và đáng bỏ công.

Peter cho hay tất cả những điều đó hầu như trong một hơi. Không hoàn toàn hiểu tất cả những chuyện đó là gì, tôi hỏi: "VẬY, thế nào là sự khác biệt với những gì bạn theo trước đó...lối tu Gurdjieff...tự quán sát và tất cả những điều gì liên quan."

Anh giảng giải: "Cái này thì khác hẳn. Với lối tu Gurdjieff thì người ta dùng ý chí và tập trung tư tưởng. Với latihan thì trái lại không dùng ý chí và tập trung tư tưởng; chúng tôi hoàn toàn buông bỏ và những gì lộ ra thì thật khó tin được."

Peter nhiệt tình cố chia sẻ những gì anh mới nghiệm được. Không hiểu những gì anh đang nói, tôi cay độc bắt bẻ: "Buông bỏ cái gì? Để làm gì?"

Jean xen vào, cô cũng muốn chia sẻ những gì nghiệm được về latihan; miệng cô như đang tự nhiên múa may khi cô bày tỏ niềm vui của mình: "Ngay trước khi phụ nữ bắt đầu tập latihan, chúng tôi được yêu cầu cởi giày và nhắm mắt lại. Tôi nghe thấy một bà Nam Dương nói 'bắt đầu'. Ngay sau đó, tôi cảm thấy sự cử động từ đáy lòng mình, tôi không chống cự lại mà chỉ việc làm theo. Nước mắt chảy xuống má tôi. Một cách tự nhiên tôi bắt đầu hát những âm thanh mà mình chưa từng hát trước đó. Có khoảng 10 phụ nữ trong phòng, và mọi người đều thoải mái cử động và ca hát, một vài người thì khóc, một vài người thì cười. Thật không ngờ được,

tôi cảm thấy tuyệt vời sau đó...”

Để quan trọng hóa những gì mình đang chia sẻ, cô chậm chạp hạ mi mắt xuống để nhắm mắt lại và chúng tỏ cho tôi thấy sự chân thành của cô. Giọng nói cô xúc động đến nỗi nước mắt tràn ngập trên má cô.

Tìm cách trở về căn bản của thực tế, tôi hỏi: “Khi nào chuyện đó xảy ra?”

Jean đáp: “Ồ, vừa tối nay khoảng 10 giờ tại căn nhà lớn. Tất cả những gì đã tập latihan đều tự hỏi không biết chuyện quái quỷ gì đang xảy ra cho mình.”

Tôi nhìn cả hai, âm thầm nghĩ: “Bọn này đang say rượu; họ nói những điều bậy bạ, và cái nơi chốn Coombe Springs có vẻ là một nhà thương điên.”

Cuối cùng, nhận thấy niềm vui và sự nhiệt thành của họ có vẻ như chẳng tác động gì tới anh bạn người Pháp, Peter chợt quyết định: “Thôi, có lẽ chúng tôi phải đi đây; như bạn đã biết, Jennifer sẽ hỏi không biết cái đồ quỷ quái là tôi đã biến đâu mất vào lúc buổi sáng!” Jennifer là vợ Peter.

Tôi nhìn vào cặp mắt xanh lá cây muôn màu của Jean. Trong độ sáng của nó, tôi trông thấy một bóng tối của sự thất vọng và hiểu rằng đó là vì tôi đã không đáp ứng niềm vui mênh mông của cô. Tôi nhả nhặn mỉm cười nói: “Chúc các bạn ngủ ngon. Lần tới thì hãy tìm cách đến vào một giờ giấc hợp lí hơn!”

Chúng tôi sắp xếp là tôi sẽ đến thăm cô tối thứ bảy sắp tới tại Coombe Springs.

Nằm trên giường ngủ tiếp, tôi nghe thấy tiếng máy rừ rừ của chiếc Austin 7 dần dần không được rõ nữa trong đêm khuya. Sự im lặng tiếp theo đó, thay vì khiến mình an tâm, lại là cơ hội để tôi suy nghĩ về những gì vừa xảy ra. Không, những người bạn của tôi hiển nhiên đã không say rượu. Tại sao họ đã không ngần ngại đi một đoạn đường thật dài, từ Kingston upon Thames tới phía Bắc London, để chia sẻ với tôi những cái kì quái mà họ đã nghiệm thấy? Đương nhiên, điều đó chứng tỏ sự chăm lo và thương mến

của họ đối với bạn mình, nhưng nguyên nhân đích thực nào đã khiến họ trong trạng thái kích động và cực kì vui mừng? Có lẽ họ đã bắt gặp cái gì đó bao la và rõ rệt, thật mới mẻ và cao cả, khiến họ cảm thấy cấp tốc phải chia sẻ nó với người họ thấy gần gũi nhất trong tâm hồn.

Sau những ý nghĩ đó là một cảm xúc ấm áp truyền vào ngực tôi: họ lái xe đến đây từ một nơi thật xa vì họ lo cho tôi. Tôi chợt cảm thấy xấu xa là mình đã nói "chúc các bạn ngủ ngon" một cách nhanh chóng và chói tai.

Một vài ngày sau đến thăm Viện, tôi nhận thấy có rất nhiều thay đổi nơi những người ở đó, kể từ lúc Pak Subuh đến. Mọi người thanh thản và tươi cười hơn, như được nối lỏng và chợt thấy vui sướng vì là chính mình. Đặc biệt thế hệ trẻ cảm thấy những gì nghiêm thấy ở latihan đã đoạn tuyệt mình với nơi chôn nhau cắt rốn chặt chẽ bó buộc họ với ông Bennett và lối tu Gurdjieff. Tôi nhận thấy những người ở đó thích nói chuyện hơn, như đã được giải thoát khỏi một sự căng thẳng trong lòng mình, điều này có lẽ là do họ cần phải tập trung tư tưởng để tự quan sát theo phương pháp Gurdjieff.

#### 4. Cuộc thăm viếng nước Pháp đầu tiên của Jean

Đầu mùa hè năm 1957 là lúc chúng tôi đi thăm mẹ tôi trong lúc được nghỉ học. Tôi mời Jean đến ở với chúng tôi tại Vallauris, nơi mẹ tôi sống trong vùng Côte d'Azur. Chúng tôi làm một chuyến du hành dài lâu bằng xe lửa, và đến Cannes dưới một bầu trời màu xanh tuyệt đẹp. Đây là lần đầu tiên Jean tới Pháp, và tôi kiêu hãnh chỉ cho cô thấy nơi chốn đẹp đẽ này của thế giới.

Mẹ tôi rất vui mừng rút cuộc gặp được cô bạn gái tôi, và lập tức cảm thấy rất mến cô. Sự tương phản trong lối sống hằng ngày của gia đình chúng tôi thì thật triệt để. Jean được dạy dỗ trong một không khí rất tự sản của Anh, trong đó những gì cảm thấy trong lòng ít được chia sẻ với bố mẹ. Mọi chuyện được giữ kín; đối với bố mẹ, cũng như với những người khác, ta luôn tỏ vẻ là mình đã nắm vững tất cả.

Trong gia đình tôi, hầu như tất cả các cảm xúc đều tức khắc được chia sẻ. Tôi nói hầu như tất cả là vì có những cảm xúc thâm sâu, khi mình đau khổ, không được chia sẻ, để tránh cho những người mình

thương yêu bị tổn thương.

Về mặt vật chất thì cũng khác nhau: ở Anh đa số nhà cửa đều có phòng tắm với nước nóng và nước lạnh, những phòng khách với màn cửa đầy hoa, những ghế bành ấm cúng. Ở Pháp chúng tôi chỉ có một vòi nước lạnh cho mọi người trong nhà dùng. Không có phòng khách, những màn cửa và những ghế bành ấm cúng. Nhà bếp vừa dùng là phòng khách, vừa là phòng làm việc, vì chỉ có một cái bàn cứng cáp trong nhà làm bàn ăn.

Tuy hồi đó người bạn mới của tôi không lấy làm khó chịu, nhưng nhiều năm sau đó cô cho tôi hay mình đã bị sốc vì nhận thấy một lối sống khác biệt. Tôi hài lòng nhất khi thấy Jean thân thiện với mẹ mình; họ cùng nhau trò chuyện trên nền đất cao dưới những cây nhỏ, trong khi mẹ tôi, miệng ngậm một điếu thuốc lá, làm những chao đèn bằng sợi cọ. Chúng tôi đi tắm trên biển Mediterranea màu xanh, đi xem bờ biển duyên dáng và vùng thôn dã hoang dại, khoan khoái ngồi chung trên một chiếc xe gắn máy Lambretta cũ kĩ màu xám của tôi.

Lần nghỉ hè đó, hai chúng tôi rất vui vẻ nhưng chẳng bao lâu đã đến lúc phải trở về Anh. Việc Jean gặp mẹ tôi là một giai đoạn quan trọng, vì đó là điều khiến Jean hiểu được lai lịch của tôi. Tôi đã gặp gia đình cô, và lấy làm phục cách cô có thể giải phóng mình khỏi ảnh hưởng mãnh liệt của lối sống giới tư sản. Như thế cô hiểu được lai lịch và cách được dạy dỗ là những điều hầu như đã tạo thành tính tình và cách xử thế của tôi.

Sau đó Jean trở về Coombe Springs. Cô không biết thật rõ những gì mình nên làm tiếp theo; động lực của latihan đã hoàn toàn thay đổi động lực của Viện và các môn đồ. Về phần mình, tôi chưa học xong hẳn môn nghệ thuật tại trường Central School of Arts and Crafts, và rất vui mừng lấy trở lại những cọ vẽ, sơn màu và bảng màu. Chẳng bao lâu, tôi trở về với sự sôi động của cuộc sống một sinh viên nghệ thuật ở London.

## 5. Sự tiếp xúc đầu tiên với latihan

Chị tôi, anh chồng Toby của chị và tôi quyết định thuê chung một căn phòng tại Nevern Square, không xa nơi trạm tàu điện ngầm Earl's Court. Anh Toby đã lấy lại sức khỏe sau 3 tháng điều dưỡng trong

một trung tâm dưỡng bệnh ở Jordan, và chị tôi kiếm được chút tiền bằng cách làm người mẫu cho giới thời trang của London. Tôi tìm cách dùng tất cả thời gian rảnh rỗi của mình để có thể gặp Jean, và lúc cuối tuần thì thường ở chung với Peter and Jennifer Gibb trong căn nhà Hoa Bia của họ tại Tây Sussex.

Những người bạn của tôi hầu như dùng hết thời gian của họ để nói về những gì họ mới nghiệm được với latihan. Tôi có thể thấy nó có nghĩa gì với họ, nhưng tôi không muốn dính líu vào; tôi thực sự cảm thấy là không cần thiết. Tuy nhiên, tôi quả thực chứng kiến được những tác động và thay đổi hiển nhiên của lối tu tập đó với họ. Tôi tự hỏi không biết nó cũng tác động được gì tới mình không. Tuy tôi không theo tập, nhưng sự thân cận của mình với Jean chắc đã ảnh hưởng tới toàn bộ cuộc sống mình.

Tôi nhận thấy cái cơ cấu mỏng manh mà mình đã xây dựng nơi bản thân, qua những vui buồn của cuộc sống mình, đang bắt đầu sụp đổ. Nó không vững bền như tôi đã nghĩ; hoài nghi đã len lỏi vào. Tôi thực sự đã biết được mình là ai? Cái anh chàng là tôi trong lòng mình hình như không bao giờ là như nhau, hẳn luôn thay đổi bất thường tùy theo có ai đó chung quanh. Tôi dần dần càng lúc càng thấy bối rối, và khi bạn bè và gia đình mình hỏi tôi một điều gì, bất cứ điều gì, tôi thường đáp: "Tôi không hình dung gì được; thực ra, tôi chẳng biết gì, ngay cả mình là ai".

Chị tôi và anh Toby rất lo lắng cho tôi. Họ nghĩ rằng hành vi kì quái của tôi là do ảnh hưởng của Jean, vì tôi thường dùng thời gian của mình giao du với cô. Sự phỏng đoán của họ làm tôi lo âu; trong đáy lòng mình tôi biết đó là lúc bắt đầu của một sự thay đổi nơi lòng mình, nhưng lại không thể minh giải. Những gì xảy ra trong đáy lòng mờ ảo đến nỗi tôi không biết phải chia sẻ như thế nào với bất cứ ai, ngay cả với gia đình mình. Tôi cảm thấy mình có những nhược điểm, như tất cả những sự phòng thủ của mình đều bị triệt hạ, khiến tôi thấy mình như một đứa bé rất nhỏ. Tôi vẫn còn trong tình trạng lạc lõng đó, thì một buổi tối thứ sáu nọ, giữa tháng 10 trong năm 1957, tôi đi vào cổng của Coombe Springs. Một cách tự động, điều này đã thành thói quen, tôi bước thẳng tới phòng ngủ của Jean, thì bất ngờ gặp anh Pierre Elliot trong sân nhỏ bên ngoài căn nhà chính.

Pierre, một người bà con của ông Bennett, đã trải qua phần nhiều thời sinh viên của mình tại trường Sorbonne ở Paris. Anh không bao giờ bỏ dịp nói tiếng Pháp cùng tôi. Đưa tay phải ra để bắt, anh mỉm cười nói: "Salut, François! Comment ça va?"

Khi Pierre hỏi tôi độ này ra sao, tôi cảm thấy mình có thể bày tỏ tấm lòng mình với anh, và đáp một cách ngại ngùng: "Không mấy tốt, thực ra thì không tốt chút nào; tôi cảm thấy đã đánh mất bản ngã mình. Hay những bản ngã của mình? Tôi cảm thấy mình hoàn toàn không biết gì về việc mình là ai hay về bất cứ gì khác".

Hai tay đặt sau lưng, bước đi một cách chậm chạp trong khi đang nhìn mặt đất, anh chăm chú nghe tôi nói. Anh chợt đứng lại, và quay đầu nhìn thẳng vào mắt tôi anh dịu dàng nói: "Tại sao anh không bắt đầu tập latihan?"

Sau một lúc, anh nói thêm: "Tôi có thể sắp xếp cho anh bắt đầu tập tối nay. Nếu anh muốn?"

Tôi sắp đáp "Thôi, cảm ơn, cái đó không thích hợp với tôi" thì chợt cảm thấy một sự im lặng trong lòng mình. Uy quyền tiếng nói nội tâm của tôi, trong những dịp không có là bao trước đó nó đã từng phát ra từ nơi sâu thẳm của bản chất mình, điềm nhiên lên tiếng: "Tại sao không? Mình nhận thấy mình chẳng biết gì hết; mình nhìn nhận không biết mình là ai. Tại sao mình không thử coi xem sao? Mình có thể mất mát gì?"

Như vậy thì hợp lí, tại sao không? Làm sao mình có thể phê phán về một điều mà mình chỉ biết được từ bên ngoài? Có gì mà phải mất mát? Tôi nhìn vào đôi mắt êm dịu, màu nâu quả phỉ của anh được che đậy bởi một cặp kính cũ kĩ bằng mai rùa. Đôi mắt đó có vẻ như đang cười; môi anh để lộ một nụ cười mời mọc. Tôi nghe thấy chính mình nói: "Được! Tại sao không? Cho tôi hay khi nào và nơi nào".

Anh đáp: "Đêm nay 9 giờ tại túp lều. Cứ việc đến như bình thường".

Túp lều là một lán rộng lớn bằng gỗ xây tạm thời. Nó được xây cất không xa căn nhà lớn chỉ để tập latihan, trong khi cái Djamichunatra (một kiến trúc rộng lớn chín cạnh) sắp xây xong tại



cuối phía nam của khu đất.

Jean không có trong phòng cô; tôi tìm thấy cô trong nhà tranh đang tán ngẫu cùng Sheila, một người bạn mới của cô. Cả hai đều hài lòng khi tôi cho họ hay về cuộc trò chuyện ngắn ngủi của mình với Pierre nơi sân nhỏ. Mắt Jean sáng ngời lấp lánh như pháo hoa cà phất phới lúc Giáng Sinh. Tôi hiểu được sự vui mừng của cô, vì sẽ có thêm một điều nữa trong cái thế giới nội tâm thân mật của mình mà chúng tôi cùng chia sẻ.

Cảm thấy khả quan vì đã quyết định bắt đầu theo lối tu tập mà người Nam Dương gọi là latihan kejiwaan, tôi nói: "Thực vậy, tôi thấy lạc lõng và không có gì phải mất mát, thế thì tại sao lại không thử?"

Một vài phút trước 9 giờ tôi đi bộ tới túp lều. Tôi bước chậm chạp, hít thở thật dài và sâu. Không khí mùa thu trở nên bén nhọn, lá cây đã rụng xuống; không có trăng và trong màn đêm tôi được dẫn đường bởi ánh sáng yếu ớt, mờ mịt của một bóng đèn trước cửa túp lều. Pierre đang đứng nơi phòng ngoài chật hẹp đợi tôi.

Chỉ một chiếc ghế dài, khung bằng thép, giắt những miếng gỗ mỏng, đặt dựa vào một bức tường bằng gỗ phía bên phải của tôi, anh nói: "Anh cởi áo choàng, áo vét tông và giày ra, kể cả bất cứ những thứ bằng thép như đồng hồ hay đồng tiền. Để những cái đó nơi đây, trên ghế, hay trong giày mình".

Khi bồn chồn cởi đôi giày da đánh của mình ra, tôi nghĩ: "Trời ơi, mình đang mang thân làm chuyện gì đây?"

Đó không là điều tôi cần phải nghĩ tới, khi cánh cửa phòng tập latihan bật mở ra. Đây không phải là lúc để suy nghĩ; tôi nhận thấy mình đứng trong một căn phòng rộng hơn điều mình mong đợi, khi nhìn kiến trúc từ bên ngoài. Nó được chiếu sáng bởi một bóng đèn mờ nhạt, treo từ đỉnh một mái nhà nghiêng, khiến khó có thể nhìn thấy bốn góc của nó. Lổ mũi tôi lập tức đánh hơi được một mùi sặc sụa của dầu đốt Parafin trộn với mùi hơi ẩm của những tấm thảm cũ bằng len bừa bãi trải trên sàn nhà bằng thứ gỗ cọt kệt huyền phù.

Pierre dẫn tôi tới giữa phòng và để tôi đứng dưới bóng đèn. Đứng đối diện tôi khoảng một mét là ông Bennett, cao lớn và oai vệ, cặp mắt màu xanh của ông hiền từ nhìn tôi, miệng ông nhẹ nhàng mỉm cười. Bên trái ông là Muhammad Pak Subuh, thường được gọi là Bapak. Tôi nhận thấy ông mang một cặp kính cận tân thời dày hình vuông, và ông là người duy nhất trong phòng không cởi giày. Ông để hai bàn tay sau lưng, như lơ đãng đang nhìn một một nơi xa xôi.

Bên phải ông Bennett là Pierre nhưng không mang kính, mắt đã nhắm lại. Cách xa hơn nữa trong phòng tôi nhận diện được, trong cảnh nửa tối nửa sáng, Sjafrudin, Iksan, Batara Pane và một người rất trẻ tên là Asikin.

Người ta gọi cái latihan đầu tiên là 'khai mở'; tôi tự hỏi không biết cái gì nơi bên trong mình sẽ được khai mở.

Ông Bennett đem tôi ra khỏi những ý nghĩ của mình, khi ông nói với một giọng trầm lặng: "Tịnh tâm, nhắm mắt lại...bắt đầu!"

Tôi nhắm mắt lại và nghĩ "Bắt đầu cái gì?" Chẳng bao lâu, tôi bắt đầu cảm thấy không khí chuyển động chung quanh mình, và có động tác trong phòng. Từ phía ông Bennett, tôi nghe thấy những tiếng động kì dị và điều gì như sự ca hát tự nhiên. Tò mò, tôi mở mắt ra không cho ai nhận thấy.

Nhìn xuyên qua mi mắt, tôi thấy ông Bennett đáng kính đang nhảy múa, đúng ra thì nên nói là đang khoa tay múa chân; ông làm tôi nhớ tới một con đười ươi cao lớn phóng đặng biểu lộ niềm vui của nó. Mắt nửa nhắm nửa mở, tôi quay đầu về phía những âm thanh khác. Tại một nơi xa trong phòng, Iksan đang múa một thứ võ thuật kì dị của Java, chân căng trong thế đá, đôi tay thẳng băng như của người chẻ củi, khi anh mạnh mẽ cử động và dẫn mạnh phát ra những tiếng thét. Pierre đã mất hút, rồi lại xuất hiện, đi vòng quanh phòng với những bước rộng lớn và chậm chạp. Mỗi người hiện diện, trừ tôi ra, đang biểu lộ cá tính mình, người này không phụ thuộc người kia.

Tôi cảm thấy trong phòng mình không thích hợp với đám người dị thường này. Tôi tự hỏi không biết mình có nên hay không chạy ra

cửa để đi ra ngoài. Tôi thực tình đã muốn ở đây, giữa lũ người kì cục này đang làm những chuyện quái đản? Tôi không cảm thấy lối tu tập này làm được gì cho mình; tôi không hiểu mình đã làm gì để đưa mình vào đây. Tôi đã quá dễ dãi khi đồng ý đến đây đêm nay? Nhưng mọi người đã đến để tập latihan với tôi. Tôi không thể đi ra ngoài, làm sao có thể được? Tôi cảm thấy chuyện này thật quái đản, không thích hợp với cảm xúc hay thể chất mình. Tôi tự hỏi nó sẽ kéo dài cho tới khi nào, thì chợt nhiên ngay đằng sau mình có một tiếng ợ thật lớn, rõ rệt...

Tôi lấy làm buồn cười về điều mình đang từ từ nghĩ: "Tại sao không? Tại sao lại không đánh răng, trong khi mọi người cũng làm vậy? Điều này cũng là do Thượng Đế?"

Trong khi những ý nghĩ có tính phê phán đang sôi sục trong đầu tôi, một tiếng ợ lớn khác tuôn ra. Lần này thì như là lòng trái đất đã mở ra, và những âm thanh ầm ầm phát ra một cách tùy thích, hoàn toàn không bị gò bó.

Tôi đã lớn lên nơi đồng quê, và luôn nhìn một cách khá ngưỡng mộ những con dê, bò và ngựa cảm thấy thoải mái như thế nào khi chúng cho hơi khí thoát ra cơ thể. Thích thú và tò mò muốn biết ai là kẻ có khả năng ợ một cách tự nhiên và thoải mái như vậy, tôi nhẹ nhàng quay đầu lại để coi xem đó là ai.

Ngay đằng sau bờ vai phải của tôi là Bapak, mắt ông nhắm, cơ thể ông nhẹ nhàng lắc lư. Ông hình như đang tại một nơi rất xa xăm, nhưng tôi cảm thấy mình hoàn toàn bị nhận thức của ông bao phủ. Tôi chợt ý thức được bản thân mình. Mình đang làm gì đây? Mình như một kẻ tọc mạch? Kế tiếp, tôi cảm thấy mình đang tan chảy trong lòng mình; tôi nhắm mắt lại và cảm thấy mình trở nên cực kì khiêm tốn, vì nhận thấy chính mình đang giảm xuống thành một con người nhỏ xíu. Điều này như là cái bản ngã thông thường của tôi, với tất cả những "là thế này thế nọ", đã tiêu tan. Chỉ còn lại là cái ý thức trong sự yên lặng.

Một lúc yên lặng thâm sâu và thanh bình tăng lên từ trong lòng, tiếp theo là sự nhận thức có sự hiện diện và nhiều sự sống trong bàn tay và cánh tay tôi, khi chúng chậm chạp đưa lên, một cách tự động. Cái ý chí duy nhất cần có là buông thả bản ngã, để chúng

được tự do cử động. Chúng hoàn toàn lộ diện, lơ lửng trong không gian mà tôi không phải cố gắng và một nụ cười vui sướng nở trên khuôn mặt tôi...

"Xong!", giọng nói của ông Bennett phang xuống như một con dao chặt củi to tướng. "Xong rồi!" Tôi cảm thấy bực tức vì có kẻ lố mắng xen vào và phản đối: "Ông nói xong rồi là làm sao! Tôi chỉ mới bắt đầu!"

Ông đáp theo lời của một người cha biết những gì là tốt cho con mình: "Không được, cậu đã tập hơn nửa tiếng đồng hồ, và như vậy là đủ rồi".

Chẳng có gì phải nói thêm nữa. Cái chứng nghiệm đó, tuy ngắn ngủi, là cái gì sâu sắc và hoàn toàn mới mẻ với tôi. Tôi cảm thấy rất an vui, khi chậm chạp bước tới phía cửa túp lều. Tôi cảm thấy không muốn nói chuyện với bất cứ ai. Tôi nhanh chóng mang giày và mặc áo choàng, trong khi những người khác đang chậm chạp đi ra ngoài, vừa nói vừa cười. Khi tôi đi bộ trong đêm tối trở về những căn nhà tranh, đầu óc tôi trống không, như là tư tưởng mình đã bị tạm thời phân cách ra khỏi nguồn gốc những ý nghĩ của mình.

Đi bộ trong ban đêm hơi lạnh làm tôi cảm thấy tuyệt vời. Tôi nhận thấy mình cảm giác được sự khác biệt với những gì trước kia. Khi đến những nhà tranh, tôi thích thú hưởng những giây phút của hư không, và chỉ cảm thấy sự hiện diện của bản chất mình. Tôi ngưng bước để đợi chờ coi mình có muốn leo lên căn phòng của Sheila hay không.

Cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng cười từ nhà bếp; sự rung cảm lạc quan của nó khiến tôi tiếp tục bước vào phòng với một vẻ mặt sáng ngời. Jean vui vẻ cười toe toét: "Ừa, anh đây rồi, tụi này đang tự hỏi anh đã ở đâu. Mau lên, hãy cho tụi này biết chuyện đó đã xảy ra như thế nào? Những ai đã có mặt tại đó?"

Sheila ngưng khuấy cái xoong của cô và quay người lại, tay cầm một thìa bằng gỗ. Cô cũng mỉm cười. Thực ra, tôi không mấy vui lòng chia sẻ cái chứng nghiệm chỉ xảy ra trong chốc lát, nhưng khi thấy họ khao khát muốn biết những gì xảy ra cho anh bạn

Francois của họ, tôi đành chiều họ mà để cho cái tính thích pha trò của mình làm chủ lấy mình.

Chúng tôi vui cười khi tôi diễn lại những gì đã xảy ra. Tôi bắt chước ông Bennett nhảy múa như một con khỉ; Iksan múa võ trong tranh tối tranh sáng; Pierre đi vòng quanh với đôi tay sau lưng, đầu cúi xuống như đang nhìn mặt đất...Thế rồi là cái ợ oai vệ và sự chột nhận thức được là Bapak đang đứng sau mình. Tôi tỏ sự nghiêm nghị trở lại, khi cho họ hay mình đã dẫn động như thế nào vì là một kẻ tọc mạch, và như thế nào mình dần dần biến thành một thứ chẳng là gì hết, và cảm thấy sâu sắc khiếm tốn. Chính lúc đó là lúc tôi ý thức được cái nội tâm mà mình đã không nghiệm thấy kể từ khi còn bé, nhưng bây giờ thì nó khác biệt vì mình đã thành người lớn.

Sáng hôm sau tôi thức dậy sớm, và trong lúc nằm bên cạnh thân thể nóng ấm của Jean, tôi tự hỏi: "Nếu bây giờ mình phải chết, mình sẽ là một Francois nào?"

Khi những ý nghĩ của mình trở nên yên lặng, tôi lập tức nhận thức được một sự mênh mông an bình, vô tận, trong đó tôi ý thức được đó là cái mình hiện đang có. Ngay lúc đó, tôi mong rằng mình có thể đến nơi chốn đó lúc chết.

Nhận thấy điều khiến an ủi nhất: cảm thấy sự gần cận của cội nguồn mình, sự sống trước khi có ngôn từ, sự toàn diện nhận thức được bản ngã sống động của mình trong cái được cảm thấy là sự bất diệt. Tôi có cảm tưởng là mình sẽ có thể nối kết trở lại với nó, chỉ bằng cách buông bỏ cái Tôi của mình.

Hồi đó tôi chỉ 19 tuổi; tiếng linh hồn không có trong dụng ngữ của tôi.

Tôi mong mỗi đi tập buổi latihan kế tiếp. Lần này, tôi sẽ không trung lập nhìn những người khác, mà sẽ lên vũ đài với tất cả lòng chân thành của mình, và sẽ hoàn toàn buông thả để coi xem những gì sẽ xảy ra.

Hai ngày sau, tôi đến từ London để tập xuất latihan 9 giờ tối của phái nam (theo lẽ thường, nam và nữ nên tập latihan riêng biệt).

Bên ngoài có một đám người đứng nối đuôi nhau khi tôi tới; tiền phòng rất nhỏ, nên phải mất một thời gian để mọi người cởi giày dép và áo choàng, lấy những thứ kim loại ra khỏi túi mình. Nhiều người trò chuyện với nhau như đang đi coi xi nê; những người khác thì có vẻ như đã mơ mơ màng màng, lơ đãng trong cái thế giới của họ.

Peter nhìn tôi, mỉm cười nói "Gặp lại lát nữa" trước khi biến vào phòng tập ánh đèn yếu ớt. Tôi đi theo sau. Một vài người nam đã tập latihan; những người khác thì đang yên lặng ngồi trên sàn nhà, lưng dựa vào những bức tường bằng gỗ. Một số ít đã xong xuôi và dần dần nhận thấy trở lại sự hiện diện của thể chất mình.

Tôi kiếm được một nơi khiến mình có đủ chỗ để cử động mà không gây phiền cho bất cứ ai. Mắt nhắm lại, cánh tay thả lỏng hai bên, chân và cẳng hơi dang ra, tôi đứng yên lặng, chân thành một cách thiết tha sẽ không chống lại bất cứ những gì bộc phát từ trong lòng. Điều đó khiến tôi cảm thấy như đứng trước một cánh cổng vô hình, đợi chờ những thúc đẩy khiến mình đi vào những khu đất chưa biết tới của thế giới nội tâm.

Chuyển sự chú ý của mình tới những gì bên ngoài mình, tôi nhận thấy phòng tập bây giờ đầy nhóc những người nam khác, mỗi người để hết nỗ lực vào latihan mình. Những âm thanh và động tác của tất cả những người đó thật dày đặc và khiến ngạc nhiên. Nhắm mắt lại thì tôi sẽ không thấy thế giới bên ngoài, nhưng tôi không thể bít tai để không thấy chung quanh mình những tiếng ồn ào hỗn độn nhưng lại điều hoà cùng nhau một cách kì lạ. Làm sao tôi có thể yên tĩnh đứng trong một nơi trông như nhà thương điên, thay vì là một nơi thờ bái. Tôi cho phép bản chất mình thấm nhập âm vang rung rinh của toàn thể phòng tập, y như việc nước chảy mạnh qua những cây sậy.

Tôi nhận thấy mình trở nên khá vô tư với thân thể và những gì đang xảy ra chung quanh mình. Ý thức của tôi chuyển tới một mức độ khác của sự sống; nó trở nên rõ ràng và bao quát hơn.

Một tiếng nói chói tai làm tôi chú ý, tai tôi không thể không nghe thấy nó trong những tiếng ồn ào của mọi người; hình như nó đang đến gần tôi cho tới khi đến nỗi tôi phải hé mắt nhìn. Đứng thình

lình đối diện với tôi cách không đầy 30cm là một kẻ lùn có râu, tuổi hơn 30; trán nhăn nheo, y cau mày siết chặt mắt. Những âm thanh khó nghe phát ra từ một cái miệng không thể trông thấy đằng sau một bộ râu râm rìa. Tôi hơi đi lùi lại và nghĩ: "Mình sẽ phải đi đâu từ nơi đây? Làm thế nào đối phó với chuyện này?"

Chợt nhiên tôi nhận thấy mình đã thò ra ngoài cái bản ngã bên trong mình để thành một Francois bên ngoài. Tôi đứng đó, ý thức được bản thân mình và hoàn toàn không cảm nhận được latihan. Tôi đợi chờ, và sau một lúc không có gì xảy ra, tôi quyết định chìm đắm xuống chiều sâu, tránh xa những ý nghĩ khó chịu về kẻ đó. Tôi nhận được giải đáp cho những câu hỏi nói trên của mình không do những ngôn từ của trí óc, mà qua sự buông thả những cảm xúc khó chịu mà ý nghĩ của mình nuôi dưỡng. Điều lí thú là ngay sau khi tôi tách biệt mình khỏi điều khiến mình mất yên tĩnh (thực ra nó nằm nơi chính mình) kẻ râu rìa gây ồn ào đi chỗ khác, và tôi nổi kết trở lại được với những rung động tinh tế của latihan.

Tôi bắt đầu nhận thức được thân thể mình, đặc biệt bàn tay tôi có vẻ như lớn hơn, như trong đó có sự sống rung động. Cánh tay tôi nâng lên một cách không nặng nề, như được một phép thần thông kéo lên. Tôi nhận biết được những gì đã xảy ra trong cái latihan đầu tiên lúc tối. Nhận thức được những cử động đang bộc phát, tôi để cho điều đó tự nhiên tiếp diễn. Ý chí tôi không thúc đẩy những cử động đó, vì hình như cái phần đó của bản chất mình đã không hoạt động, nhưng có cái gì khác ở đâu đó khiến cho cử động; đích xác ở đâu thì tôi không biết. Tiếp theo là cổ tay tôi, nó chậm chạp uốn éo, như những tảo bẹ theo sóng biển động. Toàn bộ thân thể tôi tuân theo một nhịp điệu chậm chạp, hài hoà. Không chỉ có tôi là kẻ đang nhìn sự cử động của cái thân thể thanh thản của mình, cả ý thức của tôi cũng trở nên rộng lớn hơn. Đồng thời tôi cũng hoàn toàn nhận thức được những người khác đang tập chung quanh mình.

Khoảng cách, thời gian và ý chí, cùng với cái Tôi, đã tan biến. Sự hiện diện của tôi có vẻ như có một kích thước khác, trong đó không có sự hiện diện của sự nhận thức thông thường. Thế nên, tôi ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng nói êm ái của anh Bob Wiffin: "Tập đủ rồi." Tôi nhận thấy quả thực mình không còn nghe thấy

những tiếng rùm beng của latihan nữa; trong cái không gian rộng lớn của túp lều bằng gỗ là một sự im lặng thăm thẳm.

Tôi kiếm một nơi mình có thể ngồi; trong lòng mình tôi cảm thấy một sự thoải mái mà mình không muốn làm mất đi. Tôi ngồi một lúc trên sàn nhà trải thảm để hưởng thụ sự an vui trong ý thức. Mọi người đều đứng lên để bước ra ngoài phòng. Tôi nhận thấy mình được nhẹ nhàng như thế nào thả dù xuống trở lại cái bản ngã thông thường của mình. Tôi trông thấy anh bạn Peter Gibbs bước ra ngoài phòng và đi theo anh. Trước khi xỏ giày vào chân, anh nhìn tôi với cặp mắt màu xanh nhợt nhạt vui vẻ sáng chói, như muốn nói: "Bây giờ anh hiểu tại sao chúng tôi đã bị kích động vì cái latihan lạ thường này".

## 6. Làm cách nào chia sẻ những gì nghiệm được

Bapak khuyên nên tập latihan hai hay ba lần, chứ đừng nhiều hơn. Hình như ban đầu điều này là không tốt nếu tập quá nhiều, vì như vậy sẽ làm cho mình mất liên lạc với thế giới vật chất. Tôi chọn cách tập hai lần mỗi tuần, vì tôi phải tốn nhiều tiền để đi từ London tới Coombe Springs.

Tôi thấy có cái gì đó khiến mình hân hoan. Sự giao tiếp với latihan thật giản dị; không cần đến ngôn từ để tiếp nhận, không pháp môn, không có những điều phải làm, không có những cách phải tập hay học, không cần một tôn sư hay guru. Tất cả những gì cần phải làm là buông thả một cách hoàn toàn và chân thành; chỉ có vậy thôi.

Trong những tuần tiếp theo, tôi đều đặn tập chung với những người nam khác trong túp lều bằng gỗ. Tôi nhận thấy những gì mình nghiệm được không bao giờ y như nhau; mỗi lần đều khác biệt, và điều này như là nhận thức của mình đang liên tục tiến hóa và phát triển. Những cử động của bản chất tôi có phụ thêm những âm thanh xuất phát từ nơi đáy lòng. Có những cái nghe êm đềm và hài hoà, những cái khác thì thô thiển và nghịch tai. Tôi phải nói rằng mình đã không hoàn toàn thả latihan trong nửa tiếng đồng hồ. Tôi thấy mình vẫn còn trốn thoát trở lại trí óc mình, đột ngột nghĩ tới điều này điều nọ một cách máy móc. Điều đó bằng cách này hay cách khác khiến xáo trộn; tại sao tôi đã không thể vịn vào



nước tâm linh cho nó chảy suốt nửa tiếng đồng hồ?

Sau một vài tháng, tôi nhận thấy cái quá trình đó phải là như vậy; do đó mà nó được coi là một sự tu tập. Nó đem nhận thức tới một mức độ khác của sự sống, trong đó không có chỗ đứng cho tư tưởng và trí óc thông thường. Nhưng bất cứ tính chất latihan mình là thế nào, tôi luôn kết cuộc nghiệm thấy một điều y như nhau: cảm thấy đắm chìm trong một sự an vui kéo dài khá lâu.

Tất nhiên tất cả những điều đó rất hứng thú; nó hoàn toàn mới mẻ mà không gì trước kia trong cuộc sống mình có thể sánh được. Trong ngày tôi thường cảm thấy nhẹ nhõm và vui sướng, như có gì nơi mình đã được giải thoát, nhưng tôi không thể nói đó là gì, hay hiểu được là do đâu. Tôi muốn chia sẻ cái cảm giác đó với bạn bè và thân nhân mình - ngay cả với những kẻ ngoài đường. Đôi khi tôi cảm thấy như đang trèo lên mái nhà thấp của trạm xe điện ngầm Earls Court để lớn tiếng kêu gọi những kẻ đang đi phía dưới: "Này các bạn! Cái đó đã đến. Nó là cho tất cả các bạn, đến đây mau!"

Nhưng tôi vui nhận biết rõ là nếu làm vậy, mình sẽ bị coi là một thằng khùng. Làm sao tôi chia sẻ được sự nhiệt tình của mình với những người khác? Tôi có thể dùng những lời lẽ gì để giải thích rõ rệt được cái tính cách giản dị, dễ tiếp cận của nó? Tất cả cái đó quá mới mẻ...Tôi không đủ dụng ngữ, sự tự tin và hiểu biết để giải thích.

Một tối chủ nhật nọ, tôi từ Coombe Springs trở về căn phòng tại khu Nevern Square trong tình trạng cảm thấy nhẹ nhõm và vui sướng, sau khi có một latihan đặc biệt rất mạnh. Chị Sylvette và chồng chị là anh Toby cũng có mặt, khi chúng tôi quyết định cùng ăn tối với nhau. Trong lúc đang ăn uống chị hỏi: "Tại sao trông em vừa rồi đầy sinh khí và vui sướng? Chuyện gì đã xảy ra? Trông em khác hẳn".

Tôi cảm thấy bị dồn vào thế bí, không biết làm cách nào kiếm được những ngôn từ thích đáng để giải thích những gì đã xảy ra quả thực là điều làm cho thay đổi. Cả hai đều dò hỏi nhìn tôi, đợi chờ tôi trả lời.

Tôi cố sức chia sẻ lòng nhiệt thành của mình, nhưng khó tìm thấy những lời lẽ thích đáng: "Thực ra...đó là cái latihan khó tin được. Chính là nó, ở...một lối tu tập em đang theo; thật không ngờ được!"

Tôi nói tiếp: "Nam và nữ tập cách biệt, ta chỉ việc đứng đó một cách thư thái, nếu làm được; rồi thì những điều li kì sẽ xảy ra... Em có những động tác này nọ và đôi khi đã nhảy múa, ca hát hay làm những chuyện tức cười. Tất cả những điều đó tự nhiên xảy ra; không có gì là cố ý. Như vậy khoảng 30 phút, sau đó thì cảm thấy rất trong sáng và an vui trong lòng".

Anh Toby nhìn tôi ngờ vực; mắt đầy lo lắng, anh nói: "Anh thấy chuyện đó rất nguy hiểm; làm sao em biết được cái latihan đó là do đâu? Tất cả những điều đó thật quái gở, và nếu anh là em, anh sẽ tránh xa nó!"

Tôi nghĩ: "Thôi không được rồi, mình đã khiến họ không có ấn tượng tốt. Chỉ mình cảm thấy vui sướng thì đủ là bằng chứng rồi, như vậy không được hay sao?"

Chị Sylvette càng khiến tôi thất vọng hơn, khi nói: "Toby, anh nói đúng đấy; chuyện đó thật điên khùng. Em không biết được cái đó là do đâu. Dù sao, gần đây em đã làm những chuyện rất kì quái. Đó có phải là vì cô gái em chơi chung với, có phải vậy không?"

Tôi khổ sở trong lòng vì cảm thấy hoàn toàn bị hiểu lầm; một cơn đau đáng kể. Tại sao tôi đã tự đưa mình vào tình trạng này? Tôi rất mến hai người họ, và biết rằng họ lo âu cho mình. Thực vậy, tôi đang thay đổi, nhưng làm sao lại không thay đổi khi tôi phát giác được nơi chính mình một không gian mệnh mông đầy hạnh phúc, một sự nhận thức sắc bén mà trước đó mình không hay biết. Điều này khiến tôi nhớ tới lúc còn là một đứa bé, mình đã nhìn thấy những gì đó, hiểu biết được những gì đó, cảm nhận được tình trạng nào đó, nhưng lại không thể diễn đạt những cái đó bằng ngôn từ.

Những người lớn thường hiểu sai những gì tôi cố sức giải thích, nên tôi cảm thấy sẽ chẳng được chuyện gì nếu mình chia sẻ thêm những chứng nghiệm trong Subud với anh Toby và chị Sylvette, vì

họ không có cái cấu trúc của trí óc khiến khách quan nghe tôi nói. Chắc kể từ đó họ đã nhận thấy những cảm nghĩ của tôi, nên sau buổi tối đó họ không hỏi tôi về latihan và những hiệu quả của nó trong nhiều năm. Thế nhưng, tôi hiểu được phản ứng của họ: tôi là đứa em trai bé bỏng của chị Sylvette, và chị đang tìm cách che chở tôi khỏi điều gì lạ lùng với chị. Chị thực sự không nhận biết được lúc đó tôi đã có khả năng tự lo cho bản thân mình.

Ngày tháng trôi qua, tôi càng lúc càng nhận thức được một sự hiện diện khác bên trong những bản ngã của mình; nó nằm trong những cảm xúc tinh tế của nội tâm, thay vì trong sự nhận thức hằng ngày cư ngụ trong cái Tôi thông thường của mình. Cách so sánh dễ hiểu nhất của tôi về sự hiện diện đó là điều người Tây Tạng gọi là 'con mắt thứ ba'. Tôi vừa đọc cuốn 7 Năm ở Tây Tạng. Tôi thích sự tương đồng đó vì nó diễn tả một sự nhận thức và cái nhìn vượt ngoài sự nhận thức thông thường và cái nhìn qua cặp mắt thông thường.

Tất cả những điều biết được đó rất mới mẻ với tôi; đó là những gì không do mình đã học hỏi hay đọc thấy trong sách, mà là thuộc những chứng nghiệm mới nhất của mình, của cái thế giới nội tâm mới phát giác được.

Tôi làm quen được một vài người Nam Dương cư ngụ tại Coombe Springs, đặc biệt một người tên là Sjafrudin. Anh là một người cao, tướng gày gò, mắt anh màu nâu êm dịu, nụ cười anh để lộ một hàm răng không đồng đều. Anh là một người rất dễ tiếp xúc, và có lẽ là một người thanh thản được nhất với người Âu Tây; anh nói được một chút tiếng Anh. Tôi thường trò chuyện và nói đùa cùng anh sau latihan; đề tài những cuộc trao đổi của chúng tôi không thành vấn đề, chúng tôi chỉ việc vui vẻ bầu bạn cùng nhau. Thường thường Peter, Robin và Toom cũng nhập cuộc; cái không khí giữa chúng tôi thật thanh thản và vui thú.

## 7. Bắt gặp con thú

Có một chuyện bất thường xảy ra khoảng hai tháng sau khi tôi lao đầu vào cuộc phiêu lưu tâm linh của mình. Tôi bị đau ốm. Tôi ít khi bị đau ốm đến nỗi phải nằm liệt giường: đôi khi tôi chỉ lật vạt bị cảm lạnh hay đau cổ, và đó là chuyện tôi luôn tự lo liệu cho mình

được mà chưa bao giờ phải kêu gọi một y sĩ. Nhưng một cơn đau dữ dội nơi tim mình chợt xảy ra lúc giữa đêm trong một ngày thứ sáu cuối tháng 11.

Cơn đau sắc bén và dữ dội đến nỗi sự hô hấp của tôi trở nên khó khăn và khiến tôi phải thu mình lại rồi co giãn hết cách này tới cách khác, như bị vận động bởi một kẻ đầy ác ý điều khiển những con rối. Lúc sáng sớm thứ bảy, tôi mê sảng và không ngăn nổi sự hoạt động quá mức của trí óc khiến đầu nhóc những ý nghĩ hắc ám. Thế nhưng, cái ý thức thâm sâu mà tôi mới nhận biết được nơi mình, vẫn còn hiện diện như một người bạn thân để chăm nom và cho tôi hay mọi chuyện sẽ tốt đẹp mà không có gì phải lo lắng. Tối thiểu thì đó là những thông điệp mà tôi nhận được từ nơi thâm sâu của bản chất mình, nhưng hầu như lúc nào tôi cũng bị đem trở về cái thực tại đen tối của thể chất mình, làm tôi trôi nổi trong một không gian chỉ có bóng tối.

Lúc sáng chủ nhật, Jean đến thăm cuối tuần như chúng tôi đã sắp xếp. Khi trông thấy tôi đau đớn không đứng thẳng được tại cửa nhà, cô tức khắc đem tôi trở về chiếc giường bệ bộn của mình. Chị Sylvette và anh Toby đã đi Paris trong hai tuần, và tôi thấy bất căng thẳng rất nhiều là chỉ có mình tôi trong phòng, trong khi tôi trải qua cái thời kì đau đớn bất ngờ này.

Jean hỏi: "Chuyện gì đã xảy ra cho con chuột của em?"

Vì những điều nào đó tôi vẫn chưa hiểu được tại sao cô thích gọi tôi là con chuột. Cơn đau dữ dội làm cho những ý nghĩ của tôi mất tổ chức nhưng tôi vẫn còn có thể kể sơ lược cho cô về chuyện gì đang xảy ra.

"Em phải kêu một bác sĩ đến khám bệnh cho anh. Không biết gần đây có ai không..."

Cô tỏ vẻ lo lắng rồi trầm ngâm nói thầm và biến vào phòng khách: "Thôi, biết rồi, bác sĩ Courtenais Mayers; hình như là một bác sĩ rất khá. Ông là người trong công trình Gurdjieff. Em sẽ kêu Coombe Springs để biết được số điện thoại ông".

Sau một lúc, cô trở lại với một nụ cười rộng lớn trên khuôn mặt

khả ái; sự hiện diện của cô trong phòng khiến tôi được an ủi nhiều, và chỉ việc nhìn cô săn sóc cho mình cũng khiến tôi thấy dễ chịu êm ái.

"Hay quá! Em đã nói chuyện với bác sĩ Courtenais Mayers, và ông sẽ đến khám bệnh cho anh lúc 6 giờ chiều".

Bác sĩ đến đúng giờ; Jean dẫn ông vào phòng ngủ của tôi. Tuổi ông hơn 40, cách ăn mặc của ông trông thanh lịch với một áo vét tông bằng vải tuyết, một áo sơ mi màu trắng và một nơ con bướm màu rượu vang đỏ. Ông đến ngồi bên cạnh giường. Khi ông hỏi tôi những điều này nọ, tôi nhận thấy giọng nói ông cho thấy ông là người Pháp. Ông đưa cánh tay trái ra phía trước để lộ một cặp khuy măng sét bằng vàng hào nhoáng, và nhìn chiếc đồng hồ của mình trong khi đang bắt mạch cho tôi với những ngón tay của bàn tay phải. Ông chắc chắn là một người không thích nói nhiều, và tôi tự hỏi không biết ông chẩn đoán ra sao. Không một lời nói nào, ông mở cái cặp bằng da của mình, lấy ra một ống nghe và chăm chú nghe tim tôi đập.

Tỏ sự lo ngại, ông nói: "Tình trạng tim cậu rất yếu; trong hai tuần kế tiếp cậu phải dưỡng bệnh. Tôi lập tức tiêm cho cậu một mũi long não. Kể từ ngày mai, uống những viên thuốc này mỗi ngày hai lần; kêu điện thoại cho tôi trong 10 ngày".

Ông viết nguệch ngoạc những gì đó khó đọc trên một miếng giấy và đi về một cách nhanh chóng như khi ông đến.

Cơn đau trong ngực tôi bắt đầu thuyên giảm, nhưng tôi còn quá yếu mệt để đứng dậy được. Cuối tuần đó Jean săn sóc cho tôi, và nấu đủ xúp cho tôi để ăn trong một tuần. Tối chủ nhật cô ra về để trở về Coombe Springs.

Trên giường, mắt nhắm lại, tôi để cho mình trôi giạt vào những không gian kì lạ, mờ đục, của những hình dạng và màu sắc sặc sỡ. Như một con chim thiếu cơ thể đang bay, ý thức của tôi nhanh nhẹn cho vào và cho ra những hình dạng và màu sắc đó, trong khi tôi cảm thấy những diện tích và nội dung khác nhau của nó. Nhiều lúc đó là những cảm giác hạnh phúc tuyệt vời và tình thương; những lúc khác là những cảm giác đen tối và khó chịu, khiến lo

lãng; nhưng rồi lại là cái cảm giác vui sướng tuyệt vời của tự do. Nhiều lúc, cuộc du hành đó thật chậm chạp, những lúc khác thì thật nhanh chóng; nhưng con chim của tôi không bao giờ đậu xuống. Tình trạng đó không liên hệ tới thời gian; nhiều lúc dài lâu trong ngày tháng của tôi được dùng để thám hiểm những thế giới kì bí đó.

Điều này xảy ra chắc đầu buổi tối thứ hai trong năm ngày nằm trên giường: tôi thức dậy và nhận thấy nơi bàn tay mình có gì đó kì quái. Ngón tay tôi đang nhẹ nhàng vuốt má thì tôi ngạc nhiên chợt phát giác thấy nó đang đi trên một khu vực gỗ ghè, như da tôi có đầy những chỗ bị sưng hình dạng gỗ ghè của núi lửa. Hơi lo sợ, tôi sờ môi mình và cảm thấy nó rất xù xì và lớn hơn thông thường. Rằng tôi có vẻ lớn hơn và cũng khiến cảm thấy dài hơn. Tôi không thể thấy những gì mình đang sờ mó. Cần có những bằng chứng về tình trạng đáng sợ và quái lạ đó, tôi cố gắng đứng dậy, lao vào phòng tắm, bật chiếc đèn hình ống trên gương, gắng gượng dựa tay trên bồn rửa mặt để can đảm nhìn vào gương.

Tôi phát giác thấy một quang cảnh khó tin nổi: gương phản chiếu lại hình ảnh một con thú quái dị. Kinh khiếp, tôi nhìn đằng sau mình để coi xem chắc có ai ở đó không, nhưng chẳng có ai hết. Tôi nhìn gương một lần nữa, và trong đó con thú đối diện tôi; tôi không thể tin chuyện đó, và phải sờ trên má mình để chắc chắn là mình không đang nằm mơ. Mặt tôi bèm xòm, mấp mô, và có đầy những lông gai dựng đứng. Cặp môi màu đỏ lẫn nâu đậm thì dày cộm và sứt mẻ, răng nanh hơi nhô ra nơi môi dưới. Lông mày cũng dày cộm và rậm rạp; tôi thu hết can đảm nhìn đôi mắt màu của vàng lẫn da cam; đó là những con mắt của một con thú hoang giận dữ. Tôi cảm thấy cái sức mạnh thú vật bị tách ra đang nhìn mình. Một gợn sóng khiến rùng mình chạy xuống xương sống tôi. Nhìn xa hơn vào bóng tối của tròng mắt, tôi thấy một sự hiện diện có vẻ quen thuộc một cách kì lạ. Một cách khá khó khăn, tôi lẩm bẩm tên mình qua cặp môi cứng đờ: "Francois?"

Tôi nhận thấy sự cứng nhắc của môi, khi đồng thời một giọng nói khàn khàn rung rinh phát ra từ ngực mình, vang dội qua cuống họng. Tôi tự đánh mình với lòng bàn tay mình, và đồng thời cảm thấy cái bề mặt đầy gai của cú đánh.

“Tất cả chuyện này là gì?”

Tôi đánh bạo hỏi, một cách ngập ngừng, vì khó êm xuôi phát âm được những lời lẽ của mình.

Một cơn giận sâu kín bộc phát trong ngực tôi; tôi điên tiết, phát cáu! Cơn thịnh nộ trong lòng khiến tôi thấy mình có sức mạnh kinh khủng; hoàn toàn của một con thú. Nhưng tại một nơi thâm kín nào đó, gần cội nguồn của chân tâm tôi, có một sự điềm nhiên vô tư hoàn toàn không bị ảnh hưởng của những điều không ngờ đang xảy ra.

“Làm cách nào đi ra ngoài đường phố đây? Mình không thể như thế này đi lên xe điện ngầm. Mình sẽ làm thiên hạ kinh sợ”.

Đó ý nghĩ của mình, khi tôi nhìn thấy con thú đang đi tới điện thoại, cầm nó lên để kêu gọi số của văn phòng tại Coombe Springs.

Chị Olga de Nottbeck, hồi đó làm thư kí, nhắc điện thoại lên. Khi nhận thấy tình trạng khẩn cấp bất thường trong giọng nói tôi, chị nói với một giọng êm dịu của Na Uy: “Hello Francois, được rồi, tôi sẽ đi tìm Sjafrudin ngay bây giờ; đợi một chút”.

Sự đợi chờ đó có vẻ lâu vô cùng, tuy cuối cùng tôi nghe thấy giọng nói êm ái, hầu như không được rõ, của anh bạn Nam Dương: “Hello, chuyện gì vậy Francois?”

“Chuyện này còn tệ hơn nhiều, Sjafrudin. Tôi đã trở thành một con thú dữ, một quái vật! Anh phải đến lập tức để giúp tôi thoát khỏi chuyện này. Có thể chúng ta sẽ cùng nhau tập latihan? Tôi không biết, như vậy có giúp gì được không?”

Tôi lớn tiếng hét vào điện thoại, không che đậy sự tức giận của mình.

Giọng nói êm dịu, đều đều, của Sjafrudin thân mật đáp: “Sẽ không sao đâu, đừng lo lắng, anh chỉ việc vào bếp làm cho mình một chén trà”.

Đối với con thú giận dữ là tôi, như vậy là quá sức chịu đựng, nên tôi nổi cơn: “Một chén trà? Chắc anh đang nói đùa. Anh không thể

để tôi như thế này. Cho anh hay, tôi đã thành một con quái vật ghê khiếp; tôi không nói đùa! Peter Gibbs sẽ lái xe đem anh đến. Tôi chắc chắn anh ấy sẽ đồng ý”.

Sau một lúc ngập ngừng dài lâu, Sjafrudin hết im lặng, và giọng nói êm ái, đều đặn, của anh trở lại qua điện thoại: “Bên ngoài có nhiều, rất nhiều sương mù, sương mù thật khá dày; chúng tôi không trông thấy gì...”

Quả thực là hết cỡ! Ăn thua gì một chút sương mù, khi một người bạn mình đang trong tình thế khó khăn. Như vậy là vô trách nhiệm, tôi bức tức nghĩ. Trong cơn căm giận, tôi ném phịch điện thoại xuống và cảm thấy hơi xấu hổ. Hơi thở của tôi trở nên nhanh chóng và khò khè; tôi đi vòng quanh phòng ba lần để khí giận của mình thoát ra, rồi trở lại nơi cái gương trên bồn rửa mặt để nhìn...

Tôi có thể nhận thấy trở lại những nét méo mó nơi con thú theo cách nào đó đã trở nên kém hung dữ hơn. Tôi e thẹn mỉm cười nhìn con quái vật. Mắt tôi có vẻ như đã biến thành màu xám, thay vì màu cháy rực của vàng như trước kia. Tôi đi đứng trong bếp, nhưng không cảm thấy mình thích một chén trà, theo đề nghị của anh bạn sợ sương mù. Tôi trông thấy một trái cam thu hút trong cái bát bằng gỗ, lập tức cắt đôi nó, lấy nước ép của nó vào một cái cốc. Mùi thơm trái cam thoát ra xâm chiếm lấy nhà bếp.

Tôi chăm chú nhìn khu vườn nhỏ bé; sương mù dày đặc tỏa ra một ánh sáng màu cam ác nghiệt từ một nơi nào đó bên kia những thân cây thiếu lá. Tôi uống một hớp nước cam và nghĩ: “Thành thật mà nói, anh bạn thân Sjafrudin sợ sương mù...Chắc bạn nghĩ tôi la hét trong điện thoại là chuyện thật điên khùng”.

Tôi đứng dựa vào khung cửa sổ đủ rộng lớn trong một thời gian để hớp từng hớp thức uống nồng nàn thơm tho và nhìn lên bầu trời ban đêm.

Cái cảm giác hung bạo và tức giận đã tan biến; tôi chùi trán và lông mày với lòng bàn tay và nhận thấy khuôn mặt mình đã thay đổi một lần nữa. Tôi chạy về phòng tắm và trông thấy, tuy khuôn mặt mình vẫn còn sưng và hơi méo mó, gương mặt con thú đã trở nên hiền lành hơn, cái diện mạo mình thường nhìn thấy mỗi sáng



khi đứng cạo râu trước gương. Tôi cũng nhận thấy mình không còn yếu mệt nữa, và cảm thấy không còn phải lên giường nằm. Cái chứng nghiệm rõ rệt đó như thế nào đó đã làm lung lay cái trí óc dựa trên lí trí của tôi. Tôi tìm cách hiểu được, nhưng không biết phải bắt đầu nơi đâu. Tất cả những gì tôi chắc chắn biết được là đó không là một giấc mơ, mà là có thật; điều tôi muốn nói là mình đã hoàn toàn sáng suốt trong khi điều đó xảy ra. Cái chứng nghiệm đó quái dị đến nỗi tôi không thể chia sẻ với bất cứ ai, ngoài Jean và Peter Gibb ra; tôi cảm thấy nếu không hiểu được ý nghĩa của nó, thì tối thiểu họ cũng không chê trách là điều gì do óc tưởng tượng của tôi.

Tôi quyết định không cố sức tìm hiểu cái chứng nghiệm đó, mà chỉ việc để kệ đó, chỉ việc chấp nhận đó là cái gì đã thực sự xảy ra mà không cần phải phân tích.

Tôi bình phục nhanh chóng hơn sự tiên đoán của bác sĩ Courtenais Mayers; thực vậy, ngày hôm sau tôi thức dậy cảm thấy trong sáng, tích cực, vui sướng và mạnh khỏe. Sau bữa ăn sáng, tôi quyết định không dùng nữa những viên thuốc cho bệnh tim, và đến trường Central School of Arts and Crafts để tiếp tục học hành.

Cái chứng nghiệm về con thú hung dữ khiến tôi không còn thích 'loan báo' về sự xuất hiện của latihan cho mọi người nói chung, cũng như cho các bạn thân của mình. Nên tôi quyết định không chia sẻ nữa những chứng nghiệm qua lối tu tập của mình, trừ phi với Jean.

Tuy nhiên, tôi quả thực đã xin lỗi Sjafrudin về việc mình đã lỡ mắng cúp điện thoại lúc buổi tối sương mù đó. Anh cười và nói: "Có gì đâu, Francois, một ngày nào đó anh sẽ hiểu được ý nghĩa cái chứng nghiệm đó".

## 8. Sự phát triển của ý thức

Latihan càng lúc càng thuộc về bản thân tôi; tập latihan không có gì là khó khăn, và tuân theo latihan để hoà hợp nó với cuộc sống trở thành một chuyện tự nhiên. Nhưng tôi không còn nói về nó nữa với những kẻ không thuộc nhóm người theo tập.

Mỗi buổi tập đều có sự khác biệt về những âm thanh và cử động xảy ra trong cái bản ngã thông thường cũng như trong những cảm xúc tinh vi của tôi. Trước khi bắt đầu tập latihan, tôi không nhận thức được rõ rệt là mình có thể lĩnh hội được những mức độ khác nhau của nhận thức nơi bên trong mình. Chỉ nhiều năm sau, qua một vài chứng nghiệm rõ ràng, tôi mới có thể phát giác thấy có những mức độ khác nhau của ý thức trong bản chất mình.

Coombe Springs đã biến thành một tổ ong đầy hoạt động: những người trên khắp thế giới đến đó ở trong một thời gian rồi trở về quê hương họ với latihan. Pak Subuh, bà vợ Ibu của ông và một vài vị thuộc gia đình họ, bắt đầu du hành vòng quanh thế giới tới những nơi họ được mời đến. Ông Bennett, thường đi chung với những người Nam Dương, nhanh chóng học được ngôn ngữ của họ, và trong chuyến đi thế giới đầu tiên, ông trở thành thông ngôn chính yếu.

Khi nói chuyện với chúng tôi, Pak Subuh luôn dùng diễn đạt bằng tiếng Nam Dương pha trộn với một vài từ ngữ thuộc tiếng Java bác học. Tôi nhận thấy điều này trong những buổi nói chuyện suốt cuộc đời ông và trong cuốn sách đáng chú ý nhất của ông là Susila Budhi Dharma: ông giảng giải một cách rõ rệt nhất về sự tương tác của những sinh lực cư ngụ nơi bên trong mỗi người và ảnh hưởng của nó đối với những hành vi của mình.

Ông giải thích thật đơn giản về toàn bộ tiềm năng sự phát triển của con người, và đó là những điều cần đối ứng hợp với cái trí óc dựa trên lí trí của tôi. Tôi nhanh chóng quen thuộc với lối ngôn ngữ mới mẻ đó khiến nó là cái của mình. Tương tự một đứa bé phát hiện được cái thế giới vật chất hấp dẫn và kì quái chung quanh nó, tôi cũng phát hiện được, sau khi bắt đầu tập latihan và qua chân ngã mình, một sự nhận thức càng lúc càng gia tăng về cái thế giới tâm linh trong sự đa dạng vô cùng của nó. Bắt đầu có thêm nhiều nhóm, không chỉ ở Anh, mà còn trên những lục địa khác nhau. Trong những chuyến du hành, Bapak luôn có những buổi nói chuyện, nhưng chỉ là cho những ai đã nghiệm được latihan. Những giảng giải của ông rất được hoan nghênh, vì giúp chúng tôi hiểu được những gì đang xảy ra nơi mỗi người. Ông thường dùng lối loại suy, khi diễn tả điều gì tâm linh đạt được:

“Khi các bạn nghiệm được một cái gì mới, chẳng hạn như vị của đường, thì Bapak sẽ cho các bạn hay đó là vị ngọt”.

Khi nói về những chứng nghiệm mà chúng tôi có thể trải qua, ông thường dùng những từ ngữ Á Rập để giải thích những trạng thái tinh lọc của sự sống bên trong đời sống nội tâm. Đó không những là gì ông đã được dạy dỗ trong nền văn hoá theo Hồi giáo của Nam Dương, mà cũng là vì những từ ngữ đó không có trong ngôn ngữ hằng ngày của Nam Dương. Có điều lí thú này mà tôi nhận thấy là những ngôn ngữ dựa trên tiếng La Tinh thông thường cũng không có những từ ngữ trừu tượng để diễn tả những trạng thái đặc biệt của nhận thức. Khi thông dịch, ông Bennett phải dùng những từ Á Rập của Bapak, vì không tìm được từ thay thế trong những tiếng Âu Châu. Dần dần, một thứ ngôn ngữ của Subud được khai triển. Chúng tôi chỉ có thể hiểu được những từ ngữ Á Rập, một khi đã nghiệm thấy nội dung nó. Chẳng hạn, Bapak dùng từ jiwa lâu đời để diễn đạt từ ‘linh hồn’, nhưng trong nhiều năm nó thường được dịch là ‘nội cảm’, đôi khi là ‘những cảm xúc tinh vi’.

Lần đầu nghe thấy từ jiwa, ông Bennett chắc đã phải hỏi nó nghĩa gì, và Bapak đã giải thích bằng cách dùng nhiều từ khác, những từ ông Bennett cũng đã dùng. Tôi cũng thấy dùng từ jiwa là dễ, cho tới nhiều năm sau, khi phạm vi những kinh nghiệm tâm linh của mình được nới rộng, tôi có thể dùng từ ‘linh hồn’ một cách tự do hơn. Trong cuốn sách này, tôi dùng những từ thông thường của ngôn ngữ mình, chứ không là những từ Nam Dương hay Á Rập thường dùng của Bapak, ngoại trừ, xin tha thứ cho tôi điều này, từ Nam Dương ‘latihan’ mà tôi thấy là hữu dụng nhất. Những gì tôi nghiệm được thật mới mẻ và độc đáo đến nỗi tôi không biết những từ ngữ nào trong ngôn ngữ mình có thể đích xác thay thế được. Tất nhiên, khi nói chuyện với một người Nam Dương, tôi không dùng từ đó, nghĩa rõ ràng của nó là tập luyện, mà sẽ thêm vào từ ‘kedjiwaan’ có nghĩa là tâm linh.

Một buổi tối nọ, khi không thể đến Coombe Spring, tôi quyết định tập một mình ở nhà. Điều khiến tôi rất hài lòng là qua sự ‘buông thả’ thông thường của mình, tôi thấy latihan bộc phát từ nơi bên trong mình. Điều này thật kì diệu, khi tôi nhận thức được mình không cần bất cứ ai khác trong phòng để nối kết với chân ngã

mình. Chỉ việc chân thành buông thả tâm trí, latihan sẽ khởi phát.

Tới lúc này tôi có thể làm cho sự phát triển tâm linh của mình tiếp tục, ngay cả khi không đến tập chung được với một nhóm gồm nhiều người tại Coombe Springs hay một nơi khác. Đương nhiên cái khả năng hoàn toàn buông thả của tôi sẽ dễ dàng hơn, khi có nhiều người khác chung quanh mình, thay vì chỉ có mình. Khi tôi một mình, những ý nghĩ của tôi bằng cách này hay cách khác không ngớt tái phát để xen vào sự an bình của nội tâm. Để tìm thấy nó trở lại, có thể nói vậy, tôi phải khiến cho những ý nghĩ của mình được hoàn toàn buông thả một lần nữa trong một không gian không có gì hết ngoài sự tĩnh lặng an bình, khi latihan bắt đầu tự nhiên tuôn chảy trở lại.

## 9. Nhận biết nguồn gốc

Đôi khi tôi đến nhà Hoa Bia của vợ chồng Gibb để ở đó chơi với họ lúc cuối tuần, và đó cũng là nơi tôi gặp Jean đến từ Kingston upon Thames bằng xe hơi với Peter. Trong một dịp đó, một sáng chủ nhật chói chang nọ đầu xuân năm 1958, tôi đi nhờ xe và người ta cho tôi xuống nơi đường giao thông chính gần chỗ nối tiếp với Chillies Lane, không xa làng Crowborough tại Tây Sussex. Tôi cảm thấy vui sướng khi đang đi tới nhà bạn mình, thì chợt nhiên sự nhận thức của tôi có sự sống qua nội tâm mình.

Lúc đó trí óc tôi hoàn toàn tĩnh lặng, khi ngực tôi bất ngờ chứa đầy một tình thương mênh mông, rộng lớn đến nỗi tôi cảm thấy sự hiện diện của nó vượt ngoài cái bản ngã của thể chất mình. Chú tâm tới cái không gian của nội tâm mình, tôi trông thấy nơi bên trong mình một sự bùng nổ lớn lao, lặng lẽ. Không có màu sắc nào trong lúc đó, và từ cảnh tối tăm thâm sâu, những đám mây như tinh vân, nguồn sáng của nó do năng lượng sự bùng nổ, càng lúc càng bành trướng ra ngoài. Chân ngã tôi trở nên tĩnh lặng, những âm thanh duy nhất mà tôi nghe được là do chân mình đang bước trên đường và tiếng hót trong rõ của một con chim hét trong rừng cây hạt dẻ gần đó. Khi sự bùng nổ của tình thương đó bành trướng, một nhận thức tinh vi, tế nhị, bộc phát từ sự hiện diện của một thể giới mới với những màu sắc rất tinh tế hiện ra của chính nó.

Trong sự nhận thức tâm linh đó, tôi cảm thấy sự tạo thành của cái thể chất mình. Những màu sắc trông thật đẹp, từ màu xanh đậm của đại dương cho tới màu hồng nhạt đất son. Bên trong trung tâm của nó, trong sự bành trướng liên tiếp, tôi nhận thấy một đốm sáng ngời chẳng mấy chốc trở thành như cái gì còn phôi thai. Trong sự lớn lên của ngân hà, tôi nhận biết được mình là bào thai trong nước nhau thai của vũ trụ. Cái cảm giác đó thật siêu phàm, nhưng khó diễn đạt bằng ngôn từ, vì nó thô thiển so với sự tinh tế của chúng nghiệm.

Sự tăng lên dần dần đang thay đổi đó xảy ra một cách điều hòa - cái Thế Giới Mới. Đưa bé dần dà khớp với những yếu tố cần có để đối diện với những gì linh hồn nó đã chuẩn bị cho trái đất này. Vui vẻ vì cái chứng nghiệm đó, tôi chợt hiểu thấu được đó là điều tương tự với sự việc các nhà khoa học gọi là Vụ Nổ Lớn (Big Bang) khi họ mô tả sự khởi lập của vũ trụ. Tôi nhận biết được cái chứng nghiệm đó liên quan tới sự tạo thành của bản chất mình.

Khi tôi đi trên con đường làng nhỏ bé dẫn tới nhà cặp Chillies, toàn thân tôi tích cực thưởng thức những gì vừa trải qua nơi chính mình. Tôi suy nghĩ trong sự sáng suốt khi đến gần nhà bạn mình: "Thực vậy, mỗi người chúng ta là một thế giới của riêng mình, với những định luật về nhân quả xoay quanh cái không gian trống không của Vụ Nổ Lớn của chính nó".

Hồi đó tôi không chia sẻ cái chứng nghiệm đó với Jean, Jennifer hay Peter; nó quá mỏng manh, quá trẻ trung, để lấy ra khỏi cái vỏ bọc yếu ớt của sự nhận thức mới mẻ của mình.

## 10. Ngẫu nhiên và thực tế

Bapak càng thường xuyên hơn có những buổi nói chuyện; điều này thật mới mẻ với chúng tôi, và chẳng mấy chốc chúng tôi nhận thấy đó là lúc làm cho sự hiểu biết tâm linh của mình trở nên phong phú, nên chúng tôi cố không bỏ lỡ bất cứ buổi nói chuyện nào, nếu có thể. Một chiều thứ bảy nọ, khi đến Coombe Spring để tập latihan, chúng tôi (Peter Gibbs là người lái xe, ngoài ra còn có hai anh bạn khác) hay được là Bapak đã đi Manchester để có một buổi nói chuyện với các hội viên tại đó. Dù đã muộn để có thể đến một nơi xa, chúng tôi không ngần ngại lên xe trở lại, và phóng xe

thật nhanh trên xa lộ M1.

Khi vào thành phố, chúng tôi hỏi nhau có ai biết buổi nói chuyện của Bapak ở đâu không. Người này ngậy người ra nhìn kẻ kia, chúng tôi nhận thấy chẳng ai biết nơi đó ở đâu. Ngừng xe lại bên lề một con đường, chúng tôi phá lên cười, vì tình trạng này thật khôi hài: chúng tôi lái xe đi lòng vòng mà chẳng biết mình đi đâu. Tôi ngồi phía trước, phải chảy nước mắt vì trợn cười, thì chợt trông thấy một phụ nữ trung niên đang đi về phía mình. Tôi hạ kính xe xuống, chào hỏi bà: "Thưa cô, cô có biết hay không có một người nào tên là Bapak sẽ có một buổi nói chuyện trong một vài phút sắp tới?"

Tò vè khá chần chừ, bà đáp: "Ừa, ngộ thật, các cậu là hội viên Subud đấy à?"

Mỉm cười rộng miệng, chúng tôi gật đầu.

"Đây này, tôi cũng đến trễ; các cậu có thể cho tôi đi chung? Tôi sẽ chỉ đường cho. Không xa đâu".

Chúng tôi bước vào phòng ngay lúc Bapak đang bắt đầu nói chuyện. Hồi đó tôi không hề biết Manchester có một triệu dân cư hay không, nhưng đêm hôm đó thì đó là cơ may một trên một triệu đối với chúng tôi.

## 11. Chứng tỏ cái tính độc lập của mình

Trong thập niên 50 và đầu thập niên 60 phục vụ trong quân đội là chuyện bắt buộc ở Pháp. Đầu xuân 1954 tôi phải vào trại lính để người ta sơ bộ ước định về khả năng đi lính của mình. Trại đó gần vùng Tarascon ở Provence. Nhiều chàng trai từ miền Tây Nam bị tổng chung vào những trại lính rộng lớn. Trong 3 ngày chúng tôi phải trải qua tất cả những cuộc sát hạch này nọ về tâm lí, kiến thức và thể xác. Từ đám người đó, họ chọn khoảng 10 mạng phải qua một cuộc sát hạch khác trong hai ngày về trí thông minh. Dựa vào kết quả những cuộc thử nghiệm đó, các viên chức của trại lính quyết định cho tôi trở thành một sĩ quan; tôi sẽ phục vụ trong một đơn vị ra-đa lưu động của quân đội.

Nhờ đang học về nghệ thuật ở Paris và sau đó ở London, tôi được phép trì hoãn nhập ngũ để tiếp tục học hành. Cuối cùng ngày 18 tháng 3 năm 1958, quân đội Pháp kêu tôi đến trình diện tại trại Carpiagne nằm trên những ngọn đồi đàng sau Marseilles. Tôi đã mong rằng ngày đó không bao giờ đến, nhưng nó đã đến nên tôi cho Jean hay mình phải ra đi. Tôi cũng cho cô hay mình sẽ không có ý định nằm trong đó dài lâu, mà sẽ làm tất cả những gì có thể được để ra khỏi đó thật sớm, vì tôi không có ý định chiến đấu trong cuộc chiến tại Bắc Phi đang trở nên ác liệt hồi đó.

Trong lúc tôi sắp rời khỏi Coombe Springs, đầu óc thăm thẳm những ý nghĩ về kiếp lính, tôi đi ngang qua văn phòng của chị Olga de Notbeck và nghe thấy chị gọi mình: "Ua, Francois, này, ông Bennett muốn gặp cậu; cậu bây giờ lên ngay văn phòng ông được không?"

Tôi ngạc nhiên nhưng cũng leo lên văn phòng ông bằng cách mỗi lần bước hai bước thang. Thò đầu khỏi cửa văn phòng nhìn chung quanh, tôi ngập ngừng nói: "Chào bác, bác Bennett, bác muốn gặp cháu?"

Căn phòng nhỏ bé có vẻ như phòng ra nhờ sự hiện diện oai nghiêm của ông.

"Phải đó, cậu vào đây, ngồi xuống đây".

Ông lơ đãng chỉ một chiếc ghế bành bằng da nhàu nát đối diện bàn làm việc của mình.

Tôi ngồi xuống, và trong khi chờ đợi, nhìn chung quanh căn phòng nhỏ bé trợ trụ để tìm coi có gì đáng xem không. Cuối cùng cặp mắt tôi đặt trên vóc người cao lớn của ông. Cụm tóc hoa râm dày của ông cầu thả dội về phía sau; cái trán rộng và thẳng của ông biểu lộ một sự thông minh và ý chí mạnh. Cặp mũi đẹp và thẳng của ông đậu trên một bộ râu mép ngắn. Ông chột ngưng viết và chăm chăm nhìn lên phía tôi một cách lơ đãng với cặp mắt màu xanh đầy điện khí. Tôi đợi chờ...

"Cậu có biết là Bapak khuyên chúng ta nên tuân theo luật lệ quốc gia mình?"

Ông nói với một giọng êm ái, từ từ mở mi mắt chăm chú nhìn tôi.  
“Ờ, có, cháu có biết”.

Tôi đáp, tự hỏi không biết điều này sẽ mang tới chuyện gì

“Cho tôi có lời khuyên là cậu nên thi hành quân dịch của Pháp, và khi mọi chuyện xong xuôi thì cưới hỏi Jean”.

Tiếng nói của ông có một giọng hống hách làm tôi kích động.

Không biết nhờ phép thần thông gì mà ông biết được tôi sẽ tìm cách trốn quân dịch; tôi không có ý định đi đánh nhau ở Algeria để sát hại những người Ả Rập; trước hết tôi là một kẻ theo chủ nghĩa hòa bình, và kể đến tôi không muốn xa cách Jean trong hai năm tới. Làm sao ông có thể mặt dày mày dạn khuyên răn tôi, khi tôi không yêu cầu ông?

Tôi bực tức vì sự xâm nhập của ông Bennett vào đời tư mình; và lại, tôi không là đệ tử ông, và không cần phải để cho người ta nói cho mình những gì phải làm.

“Bác Bennett, cảm ơn bác đã khuyên cháu”.

Tôi cương quyết nói: “Nhưng cháu đã quyết định trốn tránh quân dịch để trở về với Jean sớm chừng nào hay chừng nấy”  
Tôi đứng lên khỏi chỗ mình ngồi, và xác xược nói thêm khi đi tới cửa phòng.

“Bác đã có lòng tốt quan tâm tới tương lai của tụi cháu, nhưng thực sự cháu chỉ có thể làm theo những gì cháu cảm thấy là đúng cho tụi cháu. Cảm ơn bác”.

Khi xuống dưới, tôi đi ngang qua văn phòng cửa để mở cửa chị Olga.

“Chuyện đó ra sao?”

Chị hỏi, hiển nhiên rất ham muốn biết kết quả cuộc gặp gỡ ngắn ngủi của tôi với ông xếp chị. Tôi đứng lại đáp, dựa vai trên khung cửa bóng loáng màu trắng.



“Luật lệ đất nước tôi ra sao đi nữa, tôi cũng không muốn tham gia chém giết những kẻ đang chiến đấu để giải phóng quê hương họ”.

Sau khi nói như vậy, tôi đi xuống hành lang để ra ngoài”.

Sự thiết tha muốn biết tương lai chúng tôi của chị Olga khiến tôi nhận thấy chắc chị là người trước tiên đã đề cập chuyện đó với ông Bennett. Lo lắng về chuyện tôi bị gọi nhập ngũ, Jean tất nhiên đã chia sẻ cảm nghĩ của mình với chị Olga là người rất mến cô, và chị luôn là người thông cảm lắng nghe bất cứ ai gặp khó khăn.

Tôi sắp xếp để có thể đến Vallauris trong ngày 1 tháng 3 năm 1958: đó là cách cho mình thời gian chuẩn bị trước khi vào trại Carpiagne. Jean đến nhà ga Victoria để tiễn đưa tôi. Jean khóc khi tôi ôm chặt lấy cô, đứng trên sân ga của chiếc xe lửa sắp khởi hành.

“Anh sẽ thoát được, đừng lo lắng, và sẽ điện thoại cho em ngay sau khi thoát”.

Tôi rất tin những gì mình nói, nhưng nhìn đôi mắt bần thần của cô, tôi lại nghĩ điều này có vẻ như là mình sẽ không bao giờ trở về.

Người này khó có thể để cho người kia ra đi, nhưng tiếng còi xe lửa đã vang lên. Tôi nhẹ nhàng làm cho chúng tôi không ôm lấy nhau nữa, để có thể lên toa hành khách.

“Làm sao nàng có thể tin mình được?”

Tôi tự hỏi, khi nhìn qua cửa xe khuôn mặt dài đẹp của cô, lên khung trong một bộ tóc ngay ngắn đen nhánh. Đôi môi xinh xắn của cô xệ xuống nơi góc môi, phản ánh sự buồn bã sâu xa. Jean hết sức cố gắng tặng tôi một nụ cười tích cực cuối cùng, nhưng cách vẫy tay tạm biệt của cô cho cái cảm tưởng là cô sẽ không bao giờ được gặp tôi nữa. Thực vậy, một người anh ruột mà cô rất ngưỡng mộ và mến thương cũng đã ra đi một cách tương tự, trên chuyến xe lửa đem ông đến gia nhập những lực lượng của Anh chiến đấu chống tướng Rommel và quân đội Đức tại vùng sa mạc của Lybie. Chiến xa mình nổ tung, ông không bao giờ trở về.

## 12. Tiếp xúc lần đầu với quân đội

Khi xe lửa đi khỏi nhà ga, tôi dự tính một kế hoạch khiến tránh được quân dịch. Trước hết, tuyệt đối không ai biết được, tất nhiên trừ mẹ tôi ra, vì tôi ở chung với bà trong hai tuần đầu.

Tôi quyết định dùng những ưu điểm của cái thể chất mà thiên nhiên đã cho mình để có cơ được giải ngũ. Pierre Muend, một người bạn ở Paris từng làm y tá trong quân đội, đã cho tôi hay khi anh được miễn dịch, có một con số thần diệu để coi xem mình có thích hợp với quân ngũ hay không. Anh cho hay là bằng cách cân nặng, đo chiều cao và chu vi vòng ngực mình khi thở ra và hít vào, người ta sẽ chắc chắn thấy mình không xứng đáng mặc quân phục, nếu kết quả là con số thần diệu 45.

Tôi cao 1.87m, cân nặng khoảng 65kg, ngực thì lép, và để đạt được một kết quả nhỏ hơn con số thần diệu tôi phải mất đi 10 hay 11 kí. Khi thở ra và hít vào, tôi phải tìm cách làm cho chu vi vòng ngực mình nhỏ hơn 1cm. Ngoài ra, mọi chuyện sẽ dễ dãi hơn nếu tôi biết được cách làm cho chiều cao mình thành 1.92m hay 1.93m.

Tôi quyết định hoàn toàn nhịn ăn uống trong hai tuần trước khi vào trại Carpiagne. Khi hay chuyện đó, mẹ tôi rất lo ngại, nhưng sau khi không thuyết phục được tôi thay đổi ý định, bà chấp nhận mà chỉ kín đáo che giấu nỗi lo của mình. Những thứ tôi cho vào miệng chỉ là nước lã, cà phê đen hay trà mà không có đường hay sữa, và tất nhiên là tôi vẫn còn hút thuốc lá Gauloises.

Tôi chưa từng nhịn ăn một cách quyết liệt như vậy trước đó. Ba hay bốn ngày đầu rất cực, nhưng dần dần tôi nhận thấy mình có thể thân nhiên với thức ăn. Tôi cũng nhận thấy mình nhập được vào những cảm xúc tinh vi của nội tâm một cách dễ dàng hơn, trong đó tôi được yên lặng và an bình. Những latihan của mình, tôi tiếp tục tập hai lần mỗi tuần, trở nên siêu trần hơn, bớt trần tục. Hết ngày này tới ngày khác, tôi nhận thấy sự suy nghĩ về những chuyện hằng ngày trở nên thật khó khăn; trí óc tôi thường trở nên chập chờn, và tôi phải cố gắng lắm mới sắp xếp được những chuyện cần phải làm, như tổ chức chuyển đi tới trại lính của mình.

Tôi đi dạo một lúc lâu chung quanh phía đằng sau khu Quartier du Devens; những ngày đầu xuân tại vùng Côte d'Azur đã vang đầy tiếng vo ve của côn trùng, mặt trời thật nóng, nhưng không khí thì mát mẻ do đồng tuyết trên những ngọn núi Alps nguy nga. Tôi khiến cho phổi mình đầy ắp không khí trong như pha lê. Tôi muốn mang vào lòng mình tất cả những vẻ đẹp chung quanh mình, trước khi vào cái trại lính nghỉ đến mà sợ. Ngày trọng đại đã đến; tôi lấy một chuyến xe lửa đi thật sớm từ Cannes để đến Marseilles lúc 11 giờ sáng. Sáu chàng trai trẻ khác cùng tôi gặp nhau tại nơi đậu một chiếc xe vận tải 2CV của quân đội, và người ta chở chúng tôi đến trại Carpiagne.

Cao nguyên Carpiagne nằm khoảng 600m trên mặt biển; đó là nơi gió mistral thổi rất mạnh, một nơi không có cây cối làm chỗ ẩn núp, và tới tận chân trời ta chỉ có thể trông thấy những tảng đá nhọn, tẩy trắng vì mặt trời, rải rác trên một khu đất gồ ghề của cỏ gà và một vài cành hoa ngấn cuống.

Chúng tôi bị đưa tới bên ngoài một kho hàng mênh mông, nơi 100 thanh niên hay khoảng đó đang đứng xếp hàng, dọc theo một quầy hàng dài bằng gỗ. Người ta cho chúng tôi những thiết bị của quân đội, kể cả một ba lô màu kaki, và yêu cầu chúng tôi cởi bỏ những bộ đồ của thường dân để mặc quân phục. Mọi thứ có vẻ rất nặng: mũ sắt, súng đạn, giày ống, và tất cả những thứ khác bao gồm cách ăn mặc tề chỉnh của một người lính. Tôi thấy mình rất khó tìm lại được cái bản ngã thông thường của mình. Tôi kịch liệt cảm thấy hiệu quả của hai tuần nhịn ăn. Rút cuộc tôi có thể mặc bộ quân phục màu kaki có lông len, đem tất cả những đồ đạc của mình vào ba lô, và làm như mình không thể nâng nó lên. Một kẻ trông lùn nhưng dẻo dai với khuôn mặt hiền lành thấy tôi đang phải khổ sở, nên đề nghị giúp tôi.

"Tên tớ là Alain. Đây này, để tớ giúp cậu, đặt túi của cậu lên vai trái tớ, tớ sẽ mang nó cho".

Hắn mang hai cái túi trên đôi chân gầy nhom khuy xuống, nên phải đi những bước thật ngắn và nhanh dưới một sức nặng chông chắt. Khi bước đi, hắn làm tôi nghĩ tới một nông dân Á Châu đang đi ra đồng ruộng.

Con đường sỏi đá dài một cây số cuối cùng đem chúng tôi tới nơi chánh yếu gồm nhiều doanh trại, và chúng tôi được dẫn đến một lán bằng gỗ là phòng ngủ tập thể của mình. Mồ hôi nhễ nhại và thở hồng hộc, Alain đặt các bao túi xuống nói: "Đây, chúng ta đã đến nơi rồi!"

Tôi hết sức cảm ơn hẳn khi chúng tôi bước vào doanh trại. Mỗi người lính liệng ba lô trên chiếc giường mà mình đã chọn. Vì những động tác của mình khá chậm chạp, nên chỉ còn lại cho tôi một cái giường gần những buồng vệ sinh hôi hám và trông bẩn thỉu.

Tôi không tới phòng ăn cho bữa ăn tối, mà chỉ đi dạo quanh trại, thân lạnh run. Mặt trời đã lặn, nhiệt độ tụt xuống dưới không. Tôi quyết định trở về phòng ngủ, nằm co mình trên giường, để cổ tạo nên một chút hơi ấm.

Những gì xảy ra khiến cảm thấy hình như là vào lúc giữa đêm: tôi nghe thấy tiếng kèn, cửa doanh trại chợt mạnh bạo mở tung ra và tất cả các đèn đều bật lên. Từ giường mình tôi nhòm ngó coi tiếng ồn ào đó là chuyện gì. Một gã trung sĩ tướng hung dữ đang đứng, đôi chân dang rộng, tay đặt sau lưng, quát tháo hết sức ầm ĩ: "Tôi muốn mọi người thức dậy đi ra ngoài doanh trại trong vòng 5 phút!"

Gã dữ dằn nhìn quanh, và khi trông thấy một vài người chúng tôi không động dậy gì, gã lắc ngón tay chỉ họ la hét: "Mau lên, lũ cà chớn này!"

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay: lúc đó là 4 giờ 30 sáng. Phải sẵn sàng trong 5 phút không là chuyện dễ làm, vì những vòi nước lạnh thì ít, những chàng trai trong phòng thì nhiều, và cũng chỉ có một nơi vệ sinh duy nhất. Tôi quyết định mình là kẻ cuối cùng. Khi đi ra ngoài doanh trại, tôi không thể thở vì gió lạnh mistral. Tôi chậm chạp đi về phía 'những người lính tương lai' đang đứng xếp hàng trước gã trung sĩ vô cảm. Chúng tôi hiểu được, qua những tiếng hét lúc có lúc không của gã, là mình sẽ phải đi bộ 5 tiếng đồng hồ xuyên qua những đôi núi. Tôi đến trước mặt gã để nói mình không thể đi vì bệnh tật nên muốn gặp một y sĩ. Gã bực tức quát tháo, chỉ một toà nhà nhỏ bé gần doanh trại: "Đại tá bác sĩ Aubri đến

lúc 9 giờ; đợi chờ đó cho tới khi ông đến. Đừng đi dạo chơi xung quanh, tôi cảnh cáo anh!”

Run rẩy như một chiếc lá, bị gió lạnh không ngớt thổi dâm vào như một ngọn gió, tôi đợi chờ cho đến 9 giờ, khi cuối cùng đại tá bác sĩ Aubri đến. Phòng mạch ông là một nhà gỗ tạm thời nhỏ bé, được đầy đủ cách ly. Căn phòng duy nhất chỉ có vài đồ đạc: một bàn viết đã mòn bằng gỗ, một chiếc ghế có khớp quay với một nệm đã mòn, một tủ rộng lớn đầy hồ sơ và một lò sưởi quá nóng. Cơ nóng ngọt ngọt lập tức làm khuấy khỏa cái cơ thể run vì lạnh của tôi. Tôi hoàn toàn cảm thấy sáng suốt và an bình trong lòng. Ông bác sĩ quân đội không mời tôi ngồi trên chiếc ghế duy nhất đối diện bàn giấy; thay vì vậy ông bắt tôi đợi chờ trong lúc lơ đãng đọc qua chồng hồ sơ.

Tôi nghĩ: “Đây chắc là lễ nghi hằng ngày của chả: xem xét các báo cáo sức khỏe của mọi người lính”.

“Anh quân nhân này, tên anh là gì? Cho tôi biết tại sao anh có mặt nơi đây”.

Ông khô khan cúi kính nói, nhìn lên phía tôi với cặp mắt xa xôi màu xanh nhạt.

Tôi đáp, một cách nhút nhát: “Lassalle, François, nhưng chắc có một vài sự sai lầm trong hồ sơ ông; chắc chắn tôi không đủ sức khoẻ vào quân ngũ”.

Ông lập tức phản ứng, hiển nhiên bực bội vì những điều tôi vừa nói. Ông cứng rắn quát tháo: “Anh bạn trẻ, trước hết, khi nói chuyện với một sĩ quan, anh phải nói <Thưa đại tá>. Kể đến, anh phải hiểu rằng trong quân đội chúng tôi không thể sai lầm!”

Ông quay về nơi tủ chứa hồ sơ, và sau một lúc tìm kiếm không lâu, lấy ra một hồ sơ. Sau khi nhìn nó trong một lúc, ông ngược mi mắt lên nói: “Theo những gì được ghi chép, tôi thấy anh rất khá, là một kẻ mạnh khỏe và thông minh. Thực ra, do bản báo cáo tốt đẹp này, chúng tôi muốn cho anh làm sĩ quan”.

Tức cười vì tình cảnh mình lâm vào, tôi quyết định làm một chuyện khá thường tình.

“Tôi muốn trở về với má tôi, đại tá hiểu cho”.

Tôi than van với một giọng thương tâm. Có vẻ cáu tiết, ông lấy một tấm giấy viết nguệch ngoạc những gì đó trên đó.

“Anh muốn trở về với má mình, có phải thế không? ... Đây! cầm cái này tới bệnh xá; họ sẽ khám nghiệm anh đầy đủ”.

Ông nói điều đó một cách hầu như dịu dàng, nhưng giọng ông chợt trở nên cứng rắn trở lại: “Ra nơi đây đi qua bên phải, đi tiếp bốn doanh trại, anh sẽ trông thấy bệnh viện; đó là một toà nhà bằng gạch”.

Không nhìn tôi, ông đưa cho tôi tấm giấy mang chữ kí nhỏ xíu, khít khao của ông. Tôi bước ra ngoài văn phòng ông mà cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi nghĩ có lẽ ông cũng đã tham gia chiến đấu tại Algerie, đã chứng kiến và trải qua những chuyện thật khủng khiếp. Tôi đi đến kết luận ông phải là một con người có tấm lòng khá tốt.

Tại bệnh xá tôi được dẫn đến một phòng nhỏ xíu cửa sổ hướng Bắc. Những đồ đạc duy nhất là một chiếc giường bằng kim loại trên đó có một cái chăn bằng kaki xếp gọn và một chiếc gối có vải thiếu bao gối trên một chiếc nệm dơ bẩn cũng có vải. Tôi liệng ba lô mình lên đó.

Lúc xế chiều, một kẻ rất lùn mặc một áo khoác màu trắng đến yêu cầu tôi đi theo. Hẳn ra lệnh cho tôi cởi hết đồ mặc, trừ chiếc quần rạ, rồi đứng trên một cái cân. Hẳn biên sức nặng của tôi trên một mẫu đơn y khoa đang cầm. Hẳn bảo tôi tuyệt đối đứng thẳng, dựa vào một cái cột chia độ để đo chiều cao tôi. Vì quá lùn để đọc được con số đo trên đầu tôi, hẳn phải trèo lên một ghế đầu nhỏ bé. Khi hẳn làm vậy, tôi lợi dụng cơ hội để nhanh chóng nâng chiều cao mình trên đầu ngón chân.

“Trời, anh cao thật!” Hẳn kêu lên, khi đọc được con số 1.92m. Đến lúc đo vòng ngực: “Hít thật sâu vô, tốt... Bây giờ thở ra hết... Anh có thể làm khá hơn không?”

Khi đọc dài băng đo, hẳn ngạc nhiên nói: “Chỉ có một cm! Quả thực khác biệt chẳng là bao”.

Tôi rất hài lòng và nghĩ rằng kể từ nay đến mỗi lần khám nghiệm, mình chỉ việc đứng cao hơn 5cm để lặp lại cái chiến công kì cục này. Không bao lâu sau, tôi phải để cho bác sĩ của bệnh viện quân đội khám nghiệm mình. Trong khi chờ đợi ông, tôi quyết định hít thở thật nhanh, để gia tăng nhịp tim mình. Khi tôi đứng lên vì tên mình được gọi, tôi cảm thấy rất choáng váng và lao đảo bước vào phòng mạch ông. Nó sặc mùi thuốc tẩy uế, tất cả các thiết bị có vẻ như làm bằng thứ kim loại sơn trắng khắc cạo rõ rệt. Sau khi nhanh chóng khám nghiệm, ông hỏi: “Anh đã có vấn đề với tim?”

Tôi vội vã trả lời: “Theo ông thầy y học đối chứng, hình thù tim tôi dài một cách kì dị. Sức chịu đựng của tôi không được là bao, bác sĩ thấy đấy”.

Bác sĩ ấn định tình trạng của tôi, và cho tôi về nơi phòng ngủ lạnh lẽo, không tốt đẹp gì của mình. Tương lai trong trại lính này của mình sẽ ra sao? Tôi không biết được.

Tôi cởi giày ra, nhưng vẫn còn mặc quần áo đấp chẵn, trên chiếc giường cột kẹt bằng kim loại rỉ sét. Cực kì mệt mỏi, tôi liền chìm vào một giấc ngủ thần tiên đem mình đi xa khỏi những thực tại của trần gian.

Tôi thức dậy vì những tiếng la hét và cười nói, và khi mở mắt ra nhìn về phía cửa sổ, tôi trông thấy nhiều khuôn mặt méo mó, nhẵn nhụi ép vào cửa kính để tìm cách khiến tôi chú ý. Khi trông thấy tôi đã nhận thấy họ, họ bắt đầu chế giễu lấy ngón tay chỉ về phía tôi để lôi kéo thêm nhiều kẻ khác tham gia trò vui đùa của họ. Tôi nhận thấy họ đang đứng xếp hàng để sức khoẻ được kiểm tra, và điều chẳng may là hàng người đứng xếp đuôi đông đảo đó lại xảy ra dọc theo nơi cửa sổ phòng tôi.

Tôi cảm thấy mình như một con thú trong vườn thú mà sự hiện diện là để tiêu khiển cho đám đông đến xem. Điều đó không vui thú với mình, nhưng tình trạng nội tâm tôi được yên lặng và an hòa khiến mình không bị xáo trộn. Thực ra, tôi cảm thấy thương hại cho họ, vì họ được chuẩn bị để trở thành bia đỡ đạn cho cuộc chiến tại Algerie. Tuy chuyện họ chế nhạo tôi là vợ vẫn, nhưng tôi cảm thấy mến thương họ, như họ là những đứa trẻ hoàn toàn không nhận thức được những sự tàn bạo đang đợi chờ mình.

Tôi nghe thấy tiếng chuông gọi đến ăn uống nơi căng tin, nhưng tôi chỉ co mình lại nhiều hơn dưới tấm chăn mỏng bằng kaki và đợi chờ... Một thời gian sau, cánh cửa mở tung ra, gã thanh niên đo chiều cao và sức nặng cho tôi đến mời mọc nói: "Mau đi ăn uống, không thì mất phần ăn đấy!"

"Không, tôi chỉ có thể ăn những đồ mẹ mình nấu. Gan tôi rất yếu, anh có thể cho tôi một ly nước?"

Một vài phút sau hẳn trở lại với một ly nước và sữa chua thường: "Đây này, uống thứ sữa chua này sẽ không làm hại anh".

Tôi từ chối, và hẳn đi ra ngoài phòng tỏ vẻ lo lắng.

Tôi suốt ngày nằm trên chiếc giường không thoải mái đó, trừ phi phải đi cầu. Cuốn sách duy nhất tôi có là cuốn Thánh Kinh bỏ túi bọc bằng đồ da, cuốn sách mẹ tôi đã nhận được của bà mẹ đỡ đầu mình lúc sinh ra trong năm 1903. Tôi chưa từng đọc cuốn thánh thư trứ danh đó, và nghĩ đây là cơ hội tốt để rút cuộc tìm hiểu những nội dung kì bí của nó.

Hiệu quả của sự nhịn ăn trở nên rất mãnh liệt. Thiếu thốn thức ăn khiến tôi cảm thấy rất yếu ớt, và tôi nhận thấy trên thực tế mình không còn trí óc, cảm xúc và cái Tôi của mình nữa. Sự độc nhất của cái Tôi mình không còn quyền hành gì. Điều này như là tôi có một nhận thức rộng lớn hơn, trong khi cái bản ngã thông thường của mình đang ngủ lơ mơ: hình như tôi đang trong tình trạng của một ý thức an vui. Đọc Thánh Kinh trong trạng thái đó của ý thức khiến tôi biết được như thế nào cái Tôi của mình thường chủ quan gạt bỏ những thông tin mà nó nhận.

Tôi đã không tập latihan kể từ khi đến bệnh xá Carpiagne, nên cảm thấy cấp bách cần phải giải thoát mình khỏi những căng thẳng chống chọi. Tôi nghĩ nếu tập latihan nơi hành lang chánh của cái bệnh viện quân đội nhỏ bé này, tôi sẽ được giải thoát khỏi những đè nén trong bản chất mình, và cũng có thể là các nhân viên và y sĩ của bệnh viện sẽ nghĩ rằng tôi đã hoàn toàn điên khùng. Trong cặp mắt họ, tôi không những yếu ớt, mảnh dẻ, mà còn là một kẻ tinh thần không ổn định. Điều đó chắc chắn sẽ làm cho bản báo cáo về tình trạng nhập ngũ của tôi trở nên tiêu cực hơn.



Tôi ngồi dậy khỏi giường, đứng yên lặng để cho latihan đến. Tôi bắt đầu nhẹ nhàng lắc lư, và cảm thấy cực kì vui sướng. Âm thanh phát ra từ nơi sâu thẳm của ngực mình, tôi để cho nó thoát vào không gian xung quanh. Tôi chậm chạp đi về phía cửa phòng, mở nó ra, và trong lúc vẫn còn ca hát, tôi quay qua bên phải, đối diện một hành lang dài mà khúc cuối là một cửa sổ theo kiến trúc của Pháp nhìn ra một phong cảnh sáng chói và khô cằn, nhiều ánh nắng và sỏi đá. Tôi cảm thấy sung sướng vô cùng trong đáy lòng, và để cho cơ thể mình quay tròn như một thầy tu đạo Hồi. Vẫn còn ca hát, tôi phóng mình vòng quanh, di chuyển xuống phía cuối hành lang. Sau một vài phút, tôi nghe thấy tiếng một cánh cửa mở ra và trông thấy một cách rời rạc, trong lúc đang xoay tròn, một nam y tá đang kêu gọi những người khác tới giúp. Ngay sau đó, một người khác đến trợ lực thông qua một cánh cửa khác. Họ nhảy bổ vào tôi như đang bắt được một kẻ cướp, đè tôi xuống dưới đất và giữ chặt lấy tôi.

Tôi vừa ca hát vừa thấy tức cười vì cái quang cảnh bất thường này. Tôi hoàn toàn nhận thức được những gì đang xảy ra, và quyết định tiếp tục làm như vậy. Đột nhiên một khăn mặt thấm nước đập mạnh vào mặt tôi, nước bắn toé ta từ mặt bên này rồi bên kia. Điều đó khiến đau một cách khó chịu nên tôi yêu cầu họ ngưng tay lại. Ông bác sĩ chạy tới cúi xuống phía tôi để nghe tim tôi đang đập nhanh. Khi ông cưỡng ép nhét một vài viên thuốc vào miệng mình, tôi ngửi thấy mùi khó ngửi của những ngón tay to lớn, xù xì, sặc mùi nicotine của ông. Tôi không tức khặc nhổ những viên thuốc ra, mà giữ nó dưới lợi và má. Họ nắm cứng và tay tôi để khiêng tôi đi, như mang tôi ra từ chiến trường, rồi liệng tôi lên chiếc giường oằn cong của mình.

Khi họ đi khỏi phòng, tôi nghe thấy bác sĩ nó: "Cho nó 2 viên thứ thuốc này mỗi sang".

Một khi phòng ngủ tôi im lặng trở lại, tôi nhổ 2 viên thuốc đó vào khăn tay mình. Cái latihan đó quả thực đã rất 'đặc biệt'. Phần thứ nhất thì khiến bớt căng thẳng rất nhiều và làm tăng cường phạm vi của nhận thức với linh hồn. Tất nhiên, phần thứ nhì thì không mấy thoải mái nhưng có điều gì đó vui vui khiến tôi cười thầm khi nằm trên giường nghĩ về chuyện đó.

Tôi nằm hai tuần trong trại Carpiagne, rồi được yêu cầu sáng thứ hai đến trình diện Hội đồng Tuyển mộ Nhập ngũ gồm các y sĩ và tướng tá của tổng hành dinh quân đội tại Marseilles. Đến lúc này là đã hơn một tháng kể từ lúc tôi hoàn toàn nhịn ăn, và khi nhìn mình trong gương, tôi nhận thấy đôi má mình đã chảy xuống quai hàm, để lộ xương má một cách thật rõ rệt, khiến có cái cảm tưởng mắt mình đã đâm sâu vào đầu. Khi đứng dậy, tôi cảm thấy rất yếu mệt, nhưng cái nơi chốn tôi cư ngụ trong lòng thì trong sáng. Tôi cảm thấy thật thoải mái.

Ngay sau khi đến tòa nhà rộng lớn của quân đội gần trung tâm thành phố, tôi được yêu cầu nhập với một nhóm tân binh đang đợi chờ nơi một sân trong bị che kín. Chúng tôi được dẫn tới một phòng nhỏ bé không cửa sổ. Chẳng bao lâu, một hạ sĩ quan vào phòng lệnh cho chúng cởi bỏ đồ mặc, trừ quần đùi ra, rồi đứng xếp hàng dựa vào bức tường một phòng bên cạnh.

Một lần nữa, người ta cân đo chúng tôi, lần này thì trước mặt những viên chức rất nghiêm khắc của quân đội ngồi bên một chiếc bàn dài, tay cầm bút bi sẵn sàng viết nguệch ngoạc trên những tập giấy dùng để ghi chép của họ. Một người trong họ hơi nói đùa một câu khi trông thấy tôi bước vào phòng; đó là về lúc ông chứng kiến những người Do Thái được cứu thoát khỏi trại giam Buchenwald; tiếp theo đó là một tràng cười như pháo nổ của những viên chức khác.

Khi người ta đo lường mình, tôi đứng hơi cao thêm một chút, và mong rằng mình sẽ chọn được chiều cao thích đáng. Tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm là không ai nhận thấy trò gian lận của mình, và người ta yêu cầu tôi mặc quần áo trở lại, rồi đến văn phòng lấy sổ quân vụ của mình.

Ngay sau khi cuốn sổ nhỏ bé màu nâu được trao lại cho mình nơi ghi sê bằng gỗ đã mòn, tôi nhìn vào đó và lấy làm thất vọng vô cùng là trên trang đầu in hai chữ to lớn màu đỏ là R/T. Nó có nghĩa là "Tạm thời Miễn dịch". Thật là uổng công khi biết mình được miễn dịch nhưng năm tới lại phải làm trở lại những chuyện không đâu vào đâu.

Tuy nhiên, một khi ra được nơi đây, tôi cảm thấy mình được tự do.

Tôi muốn chạy nhảy tới mọi nơi, tuy cơ thể mình chưa cho phép mình làm một chuyện như vậy. Tôi bắt đầu đi kiếm một quán cà phê, trong khi những chữ R/T màu đỏ vẫn còn loé lên trong đầu óc mình như một đèn báo động.

### 13. Nỗi kết trở lại với các sinh lực

Tôi kiếm được một quán cà phê yên tĩnh, và đến ngồi bên một chiếc bàn tròn, bằng nhựa bakelit màu đỏ của rượu vang. Tôi thiếu trong một năm, thời gian lại thuộc về tôi; tôi có thể đi đứng, suy nghĩ trong không gian và thời gian của chính mình, làm theo những quyết định của chính mình. Tôi ngồi đó, lơ đãng nhìn đám đông đi ngang qua, và cảm thấy được tự do một cách kì lạ. Tôi cảm thấy như mình đang ngồi trên một tảng đá, nhìn ra biển, một biển của cảm xúc, và mình sắp lao mình xuống đó.

Đó là một giây phút trọng đại, vì sau khi trải qua hơn 30 ngày không bắt cứ thức ăn gì trong dạ dày, tôi sắp trở lại với những thú vui của thể chất, kể cả chuyện ăn uống. Tôi biết là tất cả những dự vọng của mình sẽ thiết tha tràn về cái không gian mê mông mình đã ngụ trong đó trong tháng vừa qua.

Tôi chợt bị lôi ra khỏi cơn mơ màng của mình.

“Ông thích dùng gì?”

Một người hầu bàn trẻ đứng cạnh tôi. Tôi không thể không nhìn vào cặp mắt hấn để coi xem hấn đã trong quân ngũ hay chưa. Chắc là vậy, hấn đã phải đau khổ, vì đôi mắt hấn có cái vẻ khắc nghiệt và không có mặt trong hiện tại, như đang nhìn một nơi nào khác.

Tôi đã quên là người ta ngồi trong một quán cà phê để ăn uống, chứ không để đợi chờ cho một điều gì tức khắc được giải đáp. Đầu óc tôi phải mất một thời gian mới kết hợp được với thức ăn, chứ chưa là chuyện mình thích loại thức ăn nào. Tôi đáp một cách khó nhọc, kêu một bánh sandwich pho mát Gruyere và một rượu bia nhẹ.

Một ổ bánh mì que cắt giữa và cứng giòn được mang đến, với pho

mát màu vàng và lá rau diếp lòi ra đôi bên. Tôi ngửi thấy mùi vị mãnh liệt, khoái khẩu của bánh mì tươi Pháp. Tôi cầm nó với đôi tay như để khỏi làm mất đi bất cứ dung lượng nào của nó, mở miệng thật lớn trong khi đang nhắm mắt. Ngay lúc đó, sự hiện diện của Jean lấp đầy cái không gian nội tâm của tôi. Tôi trông thấy cô đang nhìn mình ngại ngùng mỉm cười; một cảm giác say mê của tình yêu xâm chiếm trái tim tôi. Nhưng có chuyện gì không ổn? Tại sao nụ cười cô trông không tự nhiên? Hay cô đã gắn bó trái tim với một kẻ khác? Tôi quyết định không chơi cái trò đoán mò khiến đau đớn đó nữa, mà chỉ say mê nhai gặm miếng bánh sandwich đã chịu phục tùng, khiến vô số những mẫu bánh mì vụn màu của vàng rải rác trên chiếc bàn tròn.

Toàn bộ ý thức của tôi nằm trong miệng mình. Tôi cảm thấy điều này là kì quái, khi miệng mình đầy thức ăn, nhai lên nhai xuống, pha trộn, phục hồi lại sự hoạt động của những tuyến nước miếng. Lần đầu nuốt thức ăn quá thực là một hành động của ý chí; điều này như là tôi đã quên mất cách đem thức ăn xuống cuống họng mình. Những bắp thịt quai hàm và hàm răng trên của mình khiến đau đớn, và tôi tự hỏi không biết mình ăn hết được miếng bánh sandwich hay không. Tuy nhiên, tôi nhận thấy điều này thật nhanh chóng, khi toàn bộ quá trình của những tác động và phản tác động khiến mình nhận thức được trở lại trong bản chất mình cái trần gian này. Nó tràn ngập trở lại vào bên trong, khi miếng bánh sandwich dần dà bị tiêu thụ, như một đập ngăn nước bị vỡ, khiến cho cánh đồng phía dưới bị ngập lụt. Tôi phải mất nửa tiếng đồng hồ để ăn miếng sandwich và uống hết bia. Tôi cảm thấy mệt mỏi vì sự tập luyện cách ăn uống.

“Dù sao, mình đã lâu không dùng tới những bắp thịt của quai hàm; chuyện này là thường tình, khi nó khiến mình đau đớn như vậy”.

Tôi nghĩ như vậy, khi đi ra ngoài tiệm cà phê để đến nhà ga chánh của Marseilles. Tôi hân hoan mong gặp lại mẹ mình, được ngửi thấy mùi thơm ngọt ngào, nghe thấy giọng nói dịu dàng, và ăn những thứ ngon miệng của bà. Một nụ cười rộng rạo rỡ trên khuôn mặt mình, khi tôi đoán trước chuyện đó.

Chắc là vào khoảng 4 giờ chiều, khi xe lửa đến Cannes, và chuyện

đầu tiên tôi làm là đi kiểm một buồng điện thoại. Cho Jean hay tin vui sự miễn dịch của mình, tôi không thể đợi chờ lâu hơn nữa.

"A Lô? Em đó phải không? Jean? Francois đây, anh vừa mới thoát khỏi quân ngũ! Em có thể đến ngay bây giờ!" Tôi nói với một giọng say mê, vui mừng được tiếp xúc trở lại với cô.

"Cái gì? Anh đã làm sao được vậy?" Tất cả những gì cô đáp chỉ là vậy.

"Thế này...anh nhịn ăn...anh không ăn uống gì, trở nên yếu ớt đến nỗi không nhập ngũ được. Em đến đây mau đi!"

Tôi kiên quyết nhắc cô nhớ lại những gì mình đã nói, khi chúng tôi chia tay nhau tại sân ga Victoria Station.

"Nhưng không thể được, ngày mai em phải đi Oslo!" Cô nói, giọng nói tỏ sự bứt rứt.

"Oslo? Em đến cái nơi quái quỷ đó để làm gì và với một thằng quái quỷ nào?" Tôi la hét trong điện thoại, kinh khiếp vì những gì mình nghe thấy.

Giọng nói cô trở nên yếu đuối, hầu như muốn khóc: "Với Canute".

Canute là một sinh viên tâm lí học người Na Uy học tại London. Hẳn đã giúp cô qua được tình trạng chán đời vô cùng, ngay trước khi cô theo lối tu Gurdjieff. Điều đó xảy ra một lúc nào đó trước khi tôi đi vào đời cô. Tôi đã có lần trong một lúc không lâu gặp hẳn tại Coombe Springs, và đã không mấy phục cái anh chàng người Scandinavia tóc đỏ đó, có tàn nhang trên da.

"Canute? Thật điên khùng! Ai mà tin được?" Tôi la lên.

"Em xin lỗi, nhưng đó là sự thật, em đã mua vé rồi". Cô xác định với một giọng buồn bã.

Bất chấp những tình cảm của cô với Canute là thế nào, tôi nghe thấy mình nói một cách hống hách đầy tin tưởng: "Ngày mai em đến đây, không thì anh sẽ đến nơi em để mang em đi!"

Có lẽ đã cảm động vì sự chân thành và thiết tha được bên cạnh cô của tôi, nên cô tổ chức lại tình cảm mình và nói: "Được rồi, em sẽ tìm cách giải quyết chuyện đã mua vé xe, và sẽ đến Cannes tối mai".

Ngạc nhiên vì cái khả năng thay đổi ý kiến nhanh chóng về một chuyện trọng đại như vậy của cô, tôi âm thầm vui mừng vô cùng về sự quyết định đó và nói: "Hay quá! Anh sẽ đón em tại nhà ga ở Cannes sáng thứ ba. Em đủ tiền mua vé?"

"Đủ, đừng lo, em nghĩ mình còn vừa đủ tiền trong ví. Em xin lỗi về chuyện lộn xộn đó; không biết làm sao em đã không nghĩ tới chuyện gặp lại anh sớm như vậy. Em phải đi đây. Hẹn gặp anh sáng thứ ba".

Tôi nghe thấy trong giọng nói cô những dấu hiệu của sự vui mừng, và cảm thấy an tâm là cô đã quyết định đến nơi tới. Dù sao, có lẽ cô đã nghĩ sẽ không bao giờ gặp lại tôi nữa, vì cuộc chiến tại Bắc Phi đang trở nên ác liệt, và nước Pháp càng lúc càng gửi thêm nhiều quân tới để chống lại phong trào đòi độc lập của Algérie. Cả mẹ tôi cũng rất ngạc nhiên khi trông thấy tôi, trong lúc bà đang bước xuống những nấc thang dẫn tới sân hiên, nơi bà ngồi để làm một chao đèn bằng cây cọ sợi, giữa những con mèo của bà.

"Trời ơi! Mẹ không tin được! Con đã về, thật kì diệu!" Bà la lên, mắt nhắm lệ khi bà đứng lên để ôm lấy tôi. Bà nói thêm sau khi ôm hôn tôi một lúc lâu: "Con cứng của mẹ, trông con gầy ốm quá đi; mau vào đây, mẹ làm vài thứ cho con ăn".

Tôi kể cho bà nghe tất cả những chi tiết trong hai tuần tại trại Carpiagne, không bỏ sót bất cứ chi tiết khô hài và phi lí nào. Bà vui mừng khi nghe tin Jean sẽ đến nơi chúng tôi sáng thứ ba. Bà mẫn chuộng Jean và nóng lòng muốn gặp cô trở lại.

Buổi sáng tuyệt vời và đáng ghi nhớ đó, Jean xuống xe lửa tại nhà ga Cannes, mang theo một cái rổ bằng cây bắc và một chiếc va li nhỏ bé; đó là tất cả hành lí của cô. Khi chúng tôi ôm chặt lấy nhau, tôi có thể cảm thấy hơi ấm từ sức nóng rực của niềm vui chân thành của cô vì sự sum họp của chúng tôi. Tôi nhìn vào cặp mắt cô và thấy được những ngày tháng xa cách nhau rất khó

khăn đối với cô.

## 14. Cuộc sống mới ở Pháp

Cuộc sống chung của chúng tôi đã bắt đầu như thế, từ ngày thứ ba đó trong tháng 4 năm 1958. Chúng tôi không bao giờ chia cách nhau nữa...

Chúng tôi không biết cuộc sống sẽ dành cho mình những gì, nhưng chúng tôi vui sướng được bên cạnh nhau, nên chỉ có cái hiện tại ngay trước mắt mình là đáng kể. Tuy nhỏ bé nhưng căn nhà của mẹ tôi đủ rộng cho 3 người chúng tôi; mẹ tôi vui mừng được bên cạnh chúng tôi, cũng như chúng tôi cảm kích được bên cạnh bà.

Đối với Jean và tôi latihan đã nhập vào cuộc đời mình, và chúng tôi cần phải sắp đặt nó như thế nào để có thể đều đặn tu tập. Căn nhà nhỏ tí đó không có phòng khiến có thể thoải mái cử động, nên chúng tôi quyết định tập latihan nơi một khu đất phá hoang của một khu rừng thông rộng lớn trên những ngọn đồi đằng sau làng Vallauris. Chúng tôi kiếm được một nơi tươi đẹp đầy cỏ là nơi trong khi một người trong chúng tôi đang tập latihan, người kia sẽ phải trông chừng coi có ai đi ngang qua không. Một tiếng huýt sáo quen thuộc được dùng để báo cho biết đã trông thấy một kẻ không mời mà đến.

Tôi phải cho những độc giả chưa nghiệm được latihan hay là tuy trong lúc tập nửa tiếng đồng hồ mỗi tuần hai lần chúng tôi hoàn toàn buông thả, nhưng chúng tôi vẫn nhận thức được sự hiện diện của nó trong lòng mình, một sự hiện diện liên tục, tinh vi, yên lặng, như ngọn lửa một cây nến. Tuy hồi đó tôi chưa nhận thức được như vậy, nhưng sự thức tỉnh của linh hồn chúng tôi đã đem đến những viễn cảnh hoàn toàn mới mẻ về việc cuộc đời chúng tôi sẽ cùng nhau phát triển ra sao. Paris Match, một tạp chí hằng tuần của Pháp, viết một bài báo dài về Pak Subud, một người đã kì diệu chữa lành bệnh cho cô đào Eva Bartok và đưa con sắp sinh của cô. Bài báo đó khiến cho nhiều người đến hỏi văn phòng Subud tại Coombe Springs. Pierre Eliot, một người hồi đó tích cực hoạt động cho cái tổ chức đang chớm nở của Subud, gửi một danh sách gồm 30 người tại vùng của chúng tôi ở Pháp là những người muốn tìm hiểu về latihan. Cái tên Charles Parsons được gạch màu đỏ ở dưới

với ghi chú đó là một nhân vật có thể giúp chúng tôi tụ tập những người đó tại nhà ông để giải đáp những câu hỏi của họ.

Chúng tôi liên lạc với ông Parsons và vợ ông là bà Psyche, và họ sắp xếp là chúng tôi sẽ đến thăm họ. Căn nhà rộng lớn của họ nằm đầu một ngôi làng đẹp như tranh kiểu Trung cổ tên là Saint-Paul-de-Vance, nơi một ngọn đồi bao quát cảnh màu xanh bên kia biển của vịnh Baie des Anges. Quang cảnh 180 độ từ Nice tới Cap d'Antibes thật ngoạn mục. Vợ chồng Parsons ở trong cái biệt thự nguy nga đó mà ông Charles thừa hưởng của cha mình.

Dùng cái vòng gỗ cửa thanh tú, nặng nề bằng thép rèn nơi cánh cửa khổng lồ bằng gỗ cây óc chó, chúng tôi báo hiệu sự có mặt của mình... Ông Parsons ra mở cửa.

"Vào đây!" Ông nói với một giọng khàn khàn, nhìn chúng tôi qua cặp kính đang đeo của ông.

Bên trong cái hành lang nơi ra vào thì hơi lạnh. Tường nhà treo đầy những bức tranh hấp dẫn của phái ấn tượng, và trước khi tôi có thể nói bất cứ gì, chủ nhà đã nói: "Ồ, nhân tiện, đó là những bức tranh ông cụ tôi đã vẽ".

Ông nói điều đó một cách hờ hững, với giọng chắc nịch, lè nhè của vùng California.

"Đi theo tôi, chúng ta vào phòng làm việc của tôi để đánh máy thư tín cho người Pháp".

Phải mất nhiều tiếng đồng hồ mới đánh máy được 32 chữ, làm những bản sao bằng giấy than, đề địa chỉ trên bao thư và vân vân. Nghề nghiệp của ông Parsons là nhà văn, chuyên môn về những hiện tượng siêu linh, và ông có vẻ như quen thuộc với cái máy chữ cổ xưa, có phản ứng thất thường là phần màu đỏ của băng mực khăng khăng bật lên thay vì phần màu đen. Thư tín mời những người muốn tìm hiểu đến địa phận Saint-Paul-de-Vance ngày chủ nhật trong tuần đầu của tháng 5 năm 1958, lúc 3 giờ trưa.

Ngày chủ nhật đó đến khá nhanh chóng. Tôi cảm thấy mình chưa chuẩn bị đầy đủ, và lo lắng tự hỏi không biết mình sẽ nói những gì với những người đến từ nhiều nơi khác nhau của vùng Côte



d'Azur. Khi hồi tưởng lại chuyện đó, tôi nhận thấy mình chỉ biết rất ít về Pak Subuh hay latihan, cách tu tập mình đã theo chỉ hơn 7 tháng. Đã từng ở Coombe Springs, Jean làm việc với ông Bennett và bắt đầu tập latihan 3 tháng trước tôi. Cô không nói được một câu tiếng Pháp nào, và không thể giúp gì được cho tôi, ngoài việc đem đến cái bộ mã đẹp và sự trợ lực của nội tâm cô.

Chúng tôi mặc những bộ đồ đẹp nhất của mình, và lên chiếc xe Lambretta để đến nhà vợ chồng Parsons trong một chuyến đi một tiếng đồng hồ rưỡi.

"Mau lên! Mọi người đã đến rồi; họ đang chờ cậu. Đi theo tôi". Ông Charles Parsons nói thật khế, khi đóng cánh cửa nặng nề đằng sau chúng tôi. Ông dẫn đường đi qua một hầm chứa rượu, qua một cánh cửa nhỏ bé hình vòm dẫn tới một khu vườn xây tường, ngập nắng chói chang. Cái khu vực xinh xắn đó trồng những cây chanh và cam, một vài cây vẫn còn đang ra trái.

Tất cả 32 người đã đáp ứng thư tín của chúng tôi và đều có mặt. Chúng tôi đứng nơi cửa rụt rè nhìn họ mỉm cười. Hiển nhiên họ đang trò chuyện, và khi chúng tôi xuất hiện, một sự im lặng dò hỏi phảng phất trong không khí có mùi thơm kì dị. Tôi có thể trông thấy sự thất vọng trên khuôn mặt họ, khi ông Charles Parsons giới thiệu chúng tôi. Hiển nhiên họ đã trông đợi gặp một ông lão trông như một nhà hiền triết, có lẽ với tóc dài và một bộ râu trắng rậm rạp. Thay vì vậy, một thanh niên 19 tuổi đứng trước mặt họ với cô bạn gái, cả hai tóc đều bù xù vì gió thổi trong lúc đi xe gắn máy tới. Cảm thấy hơi lúng túng về tình trạng đó, ông Charles Parsons vội vã nói bằng thứ tiếng Pháp nghèo nàn của mình: "Nào, chúng ta hãy vào phòng nơi ông Lasalle sẽ nói chuyện".

Phòng được bố trí theo truyền thống những phòng hội nghị, với những hàng ghế đối diện một chiếc bàn đằng sau có hai ghế. Tôi cảm thấy khó chịu nhất về lối sắp đặt đó, nên yêu cầu những người khách giúp mình đặt lại các chiếc ghế thành một vòng tròn. Trong lúc chúng tôi đang làm chuyện đó, đầu óc tôi luôn làm phiền mình với những câu hỏi này: "Mình sẽ nói với họ những gì? Sẽ bắt đầu ra sao? Họ tất cả đều lớn tuổi hơn mình, và chắc đã đọc nhiều về những vấn đề tâm linh. Mình sẽ xử lí ra sao đây?"

Jean ngồi bên trái của tôi, ông Charles Parsons và bà Psyche bên phải, những người khác thì theo vòng tròn. Tôi biết thật rõ là nếu dùng trí óc để nói về Subud, mình sẽ phải lúng túng. Vậy nên, như bắt đầu tập latihan, tôi nhắm mắt lại. Tôi thấy lòng mình yên tĩnh và tự hỏi: "Kế tiếp sẽ làm gì?"

Một câu trả lời phát ra từ đáy lòng mình. "Chỉ nói về những chứng nghiệm của latihan kedjiwaan Subud".

Tôi nhận thấy một vài người đang có mặt tỏ vẻ lúng túng. Sự im lặng của tôi đã hơi lâu? Tôi từ từ mở mắt ra và rộng miệng mỉm cười, nhìn mọi người mà không đặc biệt tập trung nơi bất cứ ai. Như một vòi nước được mở, những lời nói của tôi tự nhiên chảy ra khỏi miệng. Tôi cảm thấy như mình đang nghe nói những chuyện mình kể. Thực vậy, nhiều điều đã thay đổi và xảy ra nơi tôi, kể từ khi mình bắt đầu tập latihan, và đó là những gì tôi nói về.

Chúng tôi ngồi chung với nhau gần được hai tiếng đồng hồ, thì những lời nói như nước đang chảy nhanh của tôi chợt hết, như vòi nước đã bị khoá lại. Chẳng còn gì để nói nữa; tôi cảm thấy mình chẳng còn gì để chia sẻ.

Sau một lúc im lặng không lâu, tôi mỉm cười nói: "Quý vị có muốn hỏi gì không?"

Một bà tuổi gần 60 hỏi: "Cái Subud đó, cái latihan cậu vừa cho chúng tôi hay, có để cập gì tới hồn vía và tình trạng xuất hồn?"

Tuy muốn trả lời một câu hỏi về hồn vía từ một vài điều mình đã đọc được trong sách, nhưng tôi trở về cái nơi chốn yên tĩnh trong lòng mình để tuân theo những gì sẽ đến.

"Cho tới nay, theo những gì không có là bao của latihan mình, tôi chưa nghiệm được bất cứ gì về hồn vía hay tình trạng xuất hồn. Nếu nói về những điều đó, tôi sẽ chỉ lấy từ những sách mình đã đọc. Tôi không cảm thấy mình đến đây để làm chuyện đó, mà chỉ để chia sẻ với quý vị những gì có thật trong những chứng nghiệm của mình, kể từ khi tôi bắt đầu theo lối tu tập này".

Không có câu hỏi nào thêm, nên chúng tôi yêu cầu họ giơ tay lên nếu thích theo tập latihan. Mọi người đều giơ tay, trừ người đàn

bà trung niên đã hỏi và ông chồng bà. Chúng tôi nói với những người khác là mình sẽ cho họ biết, bằng thư tín hay điện thoại, khi nào họ có thể gặp anh Pierre Elliot là người sẽ truyền cho họ sự giao tiếp với latihan.

Ông Charles và bà Psyche Parsons lấy làm vui mừng về buổi họp và đề nghị mời anh Pierre và vợ anh là chị Vivian đến Saint-Paul-de-Vance. Vợ chồng Parsons rất thiết tha được bắt đầu tập latihan càng sớm càng tốt, và ông Charles vui vẻ đề nghị mời anh Pierre và chị Vivian đến nhà mình ở.

Anh Pierre và chị Vivian đến trong mùa hè năm 1958, và phần đông những người có mặt trong buổi họp bắt đầu theo tập latihan. Chúng tôi thuê một phòng lớn tại Nice là nơi gặp gỡ hai lần mỗi tuần; nhóm Subud đầu tiên ở Pháp được thành lập! Anh Pierre và chị Vivian đi Paris lập nhóm khác, để cho tôi và Jean trông coi những hội viên mới.

Điều lí thú là kể từ khi nhóm Nice ra đời, một không gian mới hiện ra nơi bên trong cảm xúc của chúng tôi: Jean và tôi nhận thức được sự hiện diện của nhóm trong lòng mình. Chúng tôi chứng kiến cái latihan đầu tiên của họ, và điều đó chắc chắn đã tạo nên một mối liên hệ chặt chẽ giữa mỗi người trong chúng tôi; chúng tôi nhận thấy mình đang chăm lo cho sự phát triển đều đặn và êm xuôi của latihan, nên chịu phí thì giờ để phục vụ những người mới mà muốn tìm hiểu. Hai lần mỗi tuần chúng tôi lên chiếc Lambretta của mình mất 90 phút đi từ Vallauris tới Nice.

Một lúc nào đó trong mùa thu, Pierre gửi cho chúng tôi một điện tín báo Bapak đã chỉ định chúng tôi làm 'phụ tá'; điều này có nghĩa là chúng tôi có thể truyền sự giao tiếp tâm linh cho bất cứ ai muốn nhận được. Từ phụ tá được dùng để mang nghĩa là chúng tôi phụ giúp Bapak truyền bá latihan, vì cái nhiệm vụ thực hiện điều ông gọi là sứ mệnh trên thế giới của mình là điều quá nặng nhọc khiến chỉ một người thôi thì không thể làm được. Ta cũng có thể hiểu cái vai trò mới đó là trợ giúp thiên hạ trong những bước đầu tiên của họ, làm chúng cho lòng thành của họ trong sự nối kết với điều chúng tôi cảm thấy là Nguồn Đại Sinh Lực.

Cuộc sống chúng tôi trở nên khá bận rộn khi có những điều hỏi

về Subud đến từ mọi nơi, từ Menton tới Marseilles và ngay cả từ bờ biển Carcassonne xa xôi, gần dãy núi Pyrenees. Phần nhiều thời gian chúng tôi được dành cho những hội viên mới muốn nhận được sự giao tiếp. Chúng tôi không có gì phải cố gắng, mà chỉ việc tự nhiên làm theo những gì người ta yêu cầu mình. Chúng tôi cảm thấy những gì mình đang làm là đúng, khi làm cho latihan trở nên dễ dãi tới mức tối đa cho những ai muốn tìm hiểu.

Tất nhiên chúng tôi phải kiếm chút tiền để sinh sống, nên chúng tôi làm ăn bằng cách vẽ kiểu và làm những áo sơ mi và khăn quàng cổ bằng chỉ tơ đem bán cho những cửa tiệm thời trang đặc biệt dọc theo vùng Côte d'Azur. Tuy theo tập đều đặn hai hay ba lần mỗi tuần với nhóm ở Nice, chúng tôi luôn nhận thức được sự hiện diện của latihan trong lòng mình. Những trạng thái bất thường của ý thức xảy ra một cách tự nhiên; chẳng hạn, có lần lúc sáng sớm chúng tôi hòa hợp những bản thể nam và nữ của mình thành một sự rung động thanh cao duy nhất: tôi nhận thấy mình trong một tình trạng hợp nhất thâm sâu của sự an hoà. Mở rộng mắt ra, Jean la lên: "Chung quanh anh có ánh sáng rực rỡ!"

Điều bất ngờ vừa nói đó đem tôi ra khỏi cái trạng thái trên thiên đàng của mình để trở về với cái thực tế của thể chất, ngay sau đó cô nói: "Hết rồi, em không thấy gì nữa".

Một lần khác trong lúc chúng tôi đang giao hợp, tôi cảm thấy rất bức bối, như đang có những đàn ông thiếu thiện cảm đứng nhìn chúng tôi. Cái cảm giác đó thực sự và mãnh liệt đến nỗi tôi phải mở mắt ra nhìn chung quanh và trông thấy 6 hay 7 người đàn ông đang đứng chung quanh nàng Jean yêu quý của mình nhìn chúng tôi một cách kì dị. Tôi biết ngay được họ là những tình nhân trước kia của cô, mỗi người đều có đây những tưởng tượng say đắm với cô; họ đang nhìn chúng tôi, biểu lộ sự khó chịu, ghen tuông. Đó là cái chứng nghiệm mà tôi ghét nhất; tôi không biết phải làm thế nào với sự linh thị đó; tác động của nó làm cho những say mê nồng nhiệt của mình nguội lạnh đi.

"Chuyện gì vậy? Làm gì vậy?"

Jean hỏi, lo lắng vì tình trạng thay đổi đột ngột của thể chất và cảm xúc tôi. Tôi không biết trả lời ra sao, vì cảm thấy nếu mình kể

cho cô hay những gì mình trông thấy, cô sẽ lo ngại. Tôi đợi một lúc, rồi dịu dàng giải thích: "Anh cảm thấy có những kẻ khác hiện diện trong phòng, như chúng ta đang bị dòm ngó. Anh mở mắt ra và trông thấy những tình nhân xưa kia của em đang đứng chung quanh giường chúng ta. Họ nhìn mặt một cách khó ưa".

"Em không ngạc nhiên, thực ra... Trời ơi, em xin lỗi".

Cô buồn bã kêu ca, như đó là lỗi mình. Cái chứng nghiệm rõ rệt đó có tác động làm mất hẳn đi tình dục của tôi đối với Jean. Tôi vẫn còn yêu cô vô cùng, luôn vui thú vì sự hiện diện của cô, nhưng sự hấp dẫn của tình dục thì không còn nữa. Tình trạng đó là điều bất thường với mình, vì tôi có khuynh hướng thích chuyện nhục dục. Tôi chợt nhận thấy mình được giải thoát khỏi việc mất nhiều thì giờ nghĩ tới những chuyện xác thịt, và thấy tức cười vì cái ý nghĩ này: "Là một nhà tu hành mà cảm thấy như vậy thì thật dễ chịu. Không bị đàn bà lôi cuốn về tình dục cũng là một điều hay!"

Tôi xin Jean đừng lo lắng về chuyện mình không hứng thú về tình dục nữa, cho hay chuyện đó không liên quan gì tới cô, mà là điều gì xảy ra nơi bản thân mình. Tôi cam đoan với cô là mình sẽ cảm thấy hứng thú trở lại về tình dục, một khi giải quyết được tình trạng đó. Tôi cảm thấy mình đang trải qua một quá trình cần có của sự tẩy lọc, do sự tu tập của mình. Tôi cảm thấy chúng tôi không nên quá bận tâm về chuyện đó, mà chỉ việc tin đó là điều gì tạm thời để tạo cho nó cái không gian trong đó có thể tiến hoá.

Tôi hiểu được cái chứng nghiệm đó một vài năm sau: 3 tháng thiếu chuyện nhục dục khiến cả hai chúng tôi cảm thấy được mỗi tình thâm sâu của mình vẫn còn nguyên. Tôi nhận thấy cái quá trình đó đã biến đổi sự oán hờn của tôi đối với những sự việc trước kia trong cuộc đời của Jean. Tôi thấy mình hiểu được và chấp nhận cô là một người như thế nào, với tất cả những trải nghiệm trước đây của cô khiến cô hiện nay là như vậy, một người tôi rất yêu.

## 15. Nghiệm thấy tình trạng bay bổng

Khoảng lúc Giáng Sinh năm 1958, tôi tập latihan trong một ngôi nhà thuê tên là Salle Marie-Christine ở Nice với 5 hay 6 người khác. Phòng tập rất rộng, sàn nhà bằng gỗ thì đầy bụi và đã

mòn. Tại một nơi cuối phòng là một cái bệ cao khoảng một mét, trên đó có một cây Giáng Sinh cao lớn, trang trí đầy đủ. Gần đó, nhưng trên sàn nhà, là một cái Piano tủ. Tôi đứng lưng dựa vào đàn piano, thân nhẹ nhàng lắc lư, mắt nhắm và đang ca hát, trong trạng thái hoàn toàn quy thuận.

Tôi nhận thấy mình mất trọng lượng, không còn ca hát nữa, cánh tay dang ra hai bên cơ thể. Tôi cảm thấy cơ thể mình đưa lên cao, đôi chân rời khỏi sàn nhà bằng gỗ. Cái cảm giác đó thật kì quái. Kể đến, tôi thấy mình đi ngược về phía sau, vượt qua đàn piano và còn nhớ là mình đã nghĩ: "Trời, mình đang đi thẳng về phía cây Giáng Sinh!"

Ngay lúc đó, tôi trở nên cứng đờ, latihan ngưng lại, và tôi cảm thấy tác động của trọng lực làm mình đung vào những cành cây lấp lánh, và cuối cùng khiến mình hạ xuống trên bệ.

Tôi nằm dưới cây trong một lúc, choáng váng vì những gì vừa xảy ra, cơ thể tôi trở nên rất nặng nề, như đang chìm xuống cái nền bằng gỗ. Tôi tự nói với mình: "Đây là tình trạng bay bổng, mất trọng lượng, nhưng bây giờ mình lại trở nên nặng như chì!"

Trước khi có cái chứng nghiệm đó, tôi đã hoàn toàn không tin, thậm chí còn chê bai, những kẻ viết và nói về tình trạng bay bổng. Bây giờ thì cái chứng nghiệm đó giúp tôi hiểu được trọng lực chỉ có tùy theo nơi của nhận thức; những phạm vi khác của hiện hữu có những định luật khác thích ứng với phạm vi đó. Đó có là điều một vài người gọi là cơ thể tâm linh, cái cơ thể đem mình tới được những nơi chốn không âm thanh và trọng lực?

Sau lúc latihan, trong lúc chúng tôi đang mang giày, một trong những người tập chung với tôi ngừng đầu lên nói đùa: "Này! Bạn đã làm gì trên cái bệ dưới cây Giáng Sinh?"

Những người khác cười khi họ nghĩ tới cảnh anh chàng Francois nằm trên lưng, hai cẳng gơ lên, dưới thân cây. Nhưng bởi cái chứng nghiệm đó vẫn còn chưa phai mờ hẳn trong cảm xúc để mình muốn chia sẻ những gì đã thực sự xảy ra, nên tôi chỉ rộng miệng mỉm cười đáp lại.

## 16. Để cho sự sợ hãi trôi qua

Một phụ nữ trẻ người Việt ở Cannes tên là Marie đã tập latihan với Jean được một vài tháng, thì cô hỏi là André, bạn trai mình, cũng có thể tập hay không. Thường thường chúng tôi gặp những người muốn tìm hiểu một vài lần để cho họ biết về Subud và latihan.

Trong lúc trò chuyện, André kể cho tôi hay anh là một lính biệt kích của quân đội Pháp trong cuộc chiến ở Đông Dương; anh đã đọc nhiều sách và theo thử nhiều phong trào tâm linh khác nhau. Anh cũng đã từng liên hệ với một nhóm người theo lối tu Gurdjieff tại một nơi nào đó ở bờ biển. André là hạng người cái gì cũng biết; khi tôi chia sẻ một vài điều mình hiểu về lối tu theo Subud, anh tức khắc tìm thấy những điều tương đồng trong một cuốn sách anh vừa đọc. Vì một lí do nào đó, tôi không lấy làm vui về chuyện anh bắt đầu tập latihan; tôi cảm thấy anh là một kẻ tâm thần không cân bằng, hay lo lắng và bồn chồn. Tôi không chắc là mình có thể trông nom anh, khi anh bị khủng hoảng. Tôi trì hoãn, nhưng hồi đó không biết rõ sẽ phải ăn nói ra sao nếu tuân theo cái bản năng đó.

Cuối cùng, vì anh tiếp tục nài nỉ, nên tôi đồng ý và anh bắt đầu tập latihan. Một hôm nọ, chúng tôi nhận được một điện tín yêu cầu cấp tốc kêu điện thoại cho Marie.

"Anh chị mau đến phòng em; Andre đánh đập em và trở nên hung dữ. Anh chị phải giúp em. Mau lên!" Marie kêu trong điện thoại. Đó không là lần đầu tiên Marie nói đến những cơn bạo hành của anh.

Khoảng 8 giờ tối chúng tôi phóng xe Lambretta tới Cannes, đậu xe ngoài đường, bước lên những nấc thang bằng gạch dẫn tới căn phòng tại lầu một. Chúng tôi bước vào một nhà bếp nhỏ bé, và lập tức cảm thấy một không khí cực kì căng thẳng. Marie đang run khắp mình, má cô có những vết tím bầm và hiển nhiên cô đã khóc rất nhiều. Cô ân cần mời chúng tôi uống một tách trà hoa nhài. Tôi ngồi nơi cuối bàn, lưng hướng về phía bếp lò, Jean bên trái mình, Marie thì đối diện. André tóc rối bời, chiếc cà vạt màu xanh thắt nửa chừng, trông có vẻ thất kinh khi anh nhanh chóng đi quanh phòng, hai tay nắm chặt. Anh nói năng lảm nhảm, lớn tiếng chửi

bởi, đổ lỗi cho Marie đã khiến mình khốn khổ và thiếu hạnh phúc; tất cả là do cô khiến anh không thể sắp xếp cuộc đời mình.

Anh nói năng liên tục và đi vòng quanh. Sau một lúc lâu nghe những gì anh nói, tôi tìm cách bình tĩnh nói chuyện với anh. Dùng những gì tôi nghĩ là lẽ thường và tâm lí học thường tình, tôi cố gắng đem anh trở lại một tâm trạng biết lẽ phải. Ban đầu điều đó hình như có kết quả; anh có vẻ như hiểu được những gì tôi đang nói: việc anh có nơi mình tất cả những tiềm năng cần có để đương đầu cuộc đời mình. Đó cũng là việc anh có thể lựa chọn nơi mình con đường nào nên đi theo; nhưng để được như vậy, lòng anh phải yên tĩnh để nghe theo sự hướng dẫn của cái chân ngã nơi thâm sâu của mình.

Cơ thịnh nộ của André có vẻ như được nén lại trong một lúc, nhưng cặp mắt anh vẫn còn rồ dại, khiến phải nghĩ rằng một cơn khác sắp bùng nổ. Anh đi vòng quanh trở lại, căng thẳng và im lặng. Tôi cảm thấy anh đang đứng đằng sau mình, và có một sự im lặng khiến ớn lạnh, khi tôi nhận thấy, trong khóe mắt mình, một lưỡi dao lóng lánh dài dùng trong bếp. Tôi cảm thấy mũi dao sắc nhọn đặt trên làn da mềm mỏng của cổ mình.

Anh la lên: "Té ra là vậy, cuối cùng tao hiểu được mày chỉ là một tên gián điệp của thằng JG Bennett; mày hoạt động cho nó, có phải thế không?"

Anh quát tháo trong lỗ tai tôi, đâm đầu nhọn mũi dao sâu hơn một chút vào da thịt tôi.

Những giây phút tiếp theo đó trong bếp hoàn toàn trở thành cực hình và địa ngục; sự căng thẳng đạt tới cực điểm. Tôi bị lắng nhục, phải nghe những luận điệu không thể tưởng tượng về sự liên lụy của mình với cơ quan tình báo Anh, ngoài ra còn bị buộc tội là hợp tác với ông Bennett là một kẻ có quyền hành thống trị thế giới huyền bí...vân vân...Tôi cảm thấy sức ép của lưỡi dao tăng hay giảm bất cứ lúc nào André khoa chân múa tay.

Có ai mà không đoán được những gì xảy trong đầu óc và cảm xúc tôi, trong những giây phút khó khăn đó. Tôi nhận thức được mình đã hành động như một người cha, khi cố gắng trấn an và khuyên



bảo anh. Điều đó chắc đã khiến anh trở nên hung bạo không ngăn nén được. Tôi còn nhớ là mình đã nghĩ rằng chắc anh đã phải thù ghét người cha mình, một kẻ chắc đã rất hung bạo với anh, khi anh còn bé. Đương nhiên là những lời lẽ ra vẻ kẻ cả của tôi đã phải tạo nên những gì trái ngược với sự mong muốn của mình.

André không muốn nghe tôi nói thêm gì nữa. Anh cho tôi hay mình vui mừng ra sao khi phát giác được tôi là một điệp viên của kẻ thù ác ôn nhất của anh là ông Bennett, và anh không còn sự lựa chọn nào khác là phải giết tôi. Jean đặt các ngón tay chéo vào nhau trên bàn, đầu nghiêng qua một bên. Cô chăm chăm nhìn ngón tay cái này vuốt ve ngón tay cái kia. Marie nhìn xuống dưới, không nói được lời nào; khuôn mặt cô trắng bạch y như chiếc bàn bằng chất Formica.

Cái tình cảnh này thật quái dị, tôi nghĩ; chúng tôi đến đây để giúp họ, nhưng lại thấy mình bị kẹt vào một tình trạng nguy khốn của một tuồng kịch, dưới sự uy hiếp kinh khiếp của một con dao bấp. Tôi biết là tình cảnh đó đã tới cái mức không thể dùng những lời lẽ minh triết để khuyên giải. André trở thành kẻ được quyền leo lái: anh đã bắt được tên gián điệp và cảm thấy mình có quyền hành làm chủ được tình hình.

Tôi nhận thấy điều duy nhất mình có thể làm là vứt bỏ những cảm xúc và cái Tôi của mình, để hoàn toàn cho linh hồn mình chỉ cho mình đường đi. Khi tôi làm như vậy thì có những lời nói như nước sôi sùng sục trong lòng xác nhận những ý nghĩ của mình: "Hãy gạt bỏ tâm trí để gần cận Ta". Tôi tịnh tâm hoàn toàn, để cho trôi qua cái ước muốn cứu vãn tình hình cũng như sự sợ hãi của mình.

Tôi có cảm giác là đang bay lượn trong bản thân mình, như một lông chim đang từ từ rơi xuống đáy một cái giếng, cho tới khi tôi nhận thấy một sự yên lặng hoàn toàn, nơi không có sự hơn cũng như sự kém, mà chỉ là sự hiện diện.

Tình cảnh thay đổi hoàn toàn một cách kì diệu. Tôi cảm thấy chung quanh mình là tình thương và ánh sáng, mình đang nằm trong một nhận thức siêu độ.

Giọng nói của André trở nên xa xăm; nó bớt vẻ hăm dọa, và sức

ép mũi nhọn của con dao nơi cổ tôi dần dần giảm, rồi mất hẳn. Mắt tôi nhắm lại, khi tôi nghe thấy tiếng khóc oà, André nặng nề gục xuống trên chiếc ghế bên phải tôi, hai cánh tay chống trên chiếc bàn Formica để đỡ lấy trán mình. Con dao bấp năm bất động bên cạnh anh.

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay. Lúc đó là 4 giờ rưỡi sáng. Tôi từ từ đứng lên trên đôi chân mình, Jean và Marie cũng làm vậy; tất cả chúng tôi đều kiệt quệ. Khi đi ngang qua André vẫn còn đang khóc thút thít như một đứa bé, tôi trùi mền xoa đôi vai anh với bàn tay trái mình. Tôi hôn Marie chào tạm biệt; mắt nhắm lại, cô dịu dàng nói: "Cảm ơn anh chị đã đến".

Jean âu yếm ôm cô một lúc lâu, rồi chúng tôi đi ra ngoài căn phòng nhỏ bé.

Không khí mát dịu buổi sáng sớm cùng với bình minh đang lên làm lui dần bầu trời đen tối, giúp nhiều cho việc làm dịu đi những xúc động và thân thể mệt mỏi của chúng tôi. Ngồi trên chiếc Lambretta đầu quay dựa trên lưng tôi, Jean ôm chặt lấy tôi, khi chúng tôi trở về Vallauris trên một con đường ngoằn ngoèo lộng gió.

Cái biến cố quái dị đó khiến tôi bối rối trong một thời gian; tại sao chúng tôi đã phải trải qua tất cả những điều đó khi mình chỉ có ý định giúp đỡ Marie? Hiện nay khi hồi tưởng lại chuyện đó, tôi thấy cái chứng nghiệm đó đã đem mình tới ranh giới của sự sợ hãi, nơi tôi học được việc này: giải pháp duy nhất là thay đổi trạng thái nội tâm mình để đem nó lên một mức độ cao hơn là nơi trú ngụ của tình thương và sự tin cậy. Tuy nhiên, tôi vẫn còn thắc mắc về một vài điều. Mình có nên tiếp tục trông nom André để khuyến khích anh tiếp tục tập latihan? Tôi không biết phải giải quyết ra sao, nên quyết định viết thư cho Pak Subuh để hỏi ý kiến ông.

Bapak hồi đáp: "Nhân vật André đó là một kẻ nghiện rượu. Cả latihan lẫn bạn cũng chẳng làm gì được cho anh ấy, nếu chính anh không quyết định thôi không uống nữa". Cái thông điệp đó quá rõ rệt.

Sau biến cố đó, điều lí thú là André không bao giờ tập latihan trở

lại và cũng không bao giờ làm phiền Marie nữa. Sau này, cô cho chúng tôi hay anh đã vào một nơi săn sóc cho những kẻ bị bệnh tâm thần tại Nice. Hai năm sau, tôi tình cờ gặp anh ngoài đường phố, và trong lúc cùng ngồi uống cà phê, anh nói với tôi là mình vẫn còn cảm thấy latihan, nhưng anh chưa từng tập chung trở lại với nhóm.

## 17. Hôn lễ và hội nghị Subud thế giới lần đầu

Jean và tôi sống hạnh phúc cùng nhau tại khu Quartier du Devens nơi căn nhà bé tí của mẹ tôi. Chúng tôi buôn bán được rất chạy những khăn quàng cổ bằng chỉ tơ; tôi có được đủ thì giờ cho sơn vẽ và những sinh hoạt Subud khiến chúng tôi luôn bận rộn. Cái ý nghĩ về hôn nhân chưa có trong đầu óc chúng tôi; chúng tôi cảm thấy là không cần thiết, vì theo quan niệm mình chúng tôi đã thành thân trước mặt Thượng Đế do lòng chân thành của mình. Chúng tôi muốn một gia đình đông con cái, nhưng vì một vài lí do nào đó điều đó đã chưa xảy ra.

Mẹ của Jean, bà Winifred Orton, thường viết thư cho con gái bà, hầu như chỉ để nói về những thứ cây mới nhất bà đem trồng trong khu vườn được săn sóc kĩ lưỡng của mình, hay về cây nào mới ra hoa. Nhưng trong bức thư mới đây, bà đề nghị, một cách hơi nhấn đi nhấn lại, Jean và tôi nên làm đám cưới chính thức theo truyền thống của một giáo hội ở Anh.

Bố mẹ Jean đề nghị đám cưới sẽ được tổ chức nơi khu đất của tư gia họ một lúc nào đó trong tháng 8 năm 1959; họ sẽ chi tiền và sắp đặt mọi chuyện. Tất nhiên là Jean muốn làm vừa lòng bố mẹ mình, nên chúng tôi chấp nhận đề nghị của họ.

Mẹ tôi là bà Honor rất vui mừng về sự quyết định của chúng tôi, và chúng tôi định ngày cưới là ngày một tháng 8, và những ai được mời đi ăn cưới sẽ được chiêu đãi tại tư gia của vợ chồng Orton, gần ngôi làng Kentish kì thú của vùng Corden. Ngày cưới xảy ra 10 ngày trước lúc có Hội Nghị Subud Thế Giới tại Coombe Springs; chúng tôi quyết định sẽ đến đó sau tuần trăng mật ngắn ngủi của mình.

Đám cưới được làm trong một nhà thờ bằng đá thuộc thế kỉ 17,

nhỏ bé và phong nhã, của giáo hội Anh, trong đó chen chúc 120 người đi dự. Khách được chiêu đãi trong một lều rộng lớn màu trắng trên khu đất của tư gia. Ngoài gia đình của Jean còn có gia đình của tôi, phần đông những người khách khác là những bạn bè từ Coombe Springs của chúng tôi, kể cả ông Bennett và bà vợ Elizabeth.

Vì sự chú trọng tới chi tiết, ông bà Orton đã thuê một chiếc Rolls-Royce để đưa chúng tôi đi trong tuần trăng mật.

Tôi lịch sự từ chối, nói đó không là phong cách mình, điều chúng tôi thích là được ngồi trên một chiếc xe gắn máy mượn của một người bạn là anh Robin Mitchell. Tuy thế, chiếc Rolls-Royce cùng với tất cả những thứ này nọ khác, đang đợi chúng tôi. Nhưng mặc đồ cưới ngồi trên chiếc Lambretta của anh Robin, chúng tôi thấy thích hơn và phóng xe đi giữa những tiếng cười và sự vui đùa của mọi người.

Tuần trăng mật của chúng tôi êm đẹp trôi qua, dù trời lạnh và đang mưa. Chính thức cưới hỏi nhau khiến cả hai chúng tôi cảm thấy là một việc làm tích cực. Đó không phải là vì chúng tôi được gần gũi nhau hơn, hay tình dục mình được tăng cường, không phải vậy. Nhưng có sự khác biệt này là khi được sự chứng kiến và nhận biết của tất cả những người mình thương yêu và cảm thấy gần gũi, chúng tôi coi đó như một con dấu của những người ngoài đời nhìn nhận tình yêu đối với nhau của mình.

Xin đọc giả cho tôi được nói về cái khung cảnh chính trị hồi đó: cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60 mọi người đều cảm thấy tình trạng bất an của thế giới thật đáng ngại, phần nhiều do Chiến Tranh Lạnh. Nguy cơ của vũ khí nguyên tử treo trên đầu chúng ta, cùng với chiến tranh tàn phá ở Việt Nam và cuộc chiến Pháp/Algerie ở Bắc Phi. Những xã hội tôn trọng tư tưởng độc lập của Tây phương ao ước nhận rõ được một thực tại tâm linh mới. Cho tới lúc đó, hầu hết các phong trào tâm linh đều dựa trên những tôn giáo xưa kia. Bây giờ, với sự xuất hiện của latihan, chúng tôi có thể bỏ qua một bên những truyền thống và quan niệm tâm linh của mình để bắt đầu theo một cái gì hoàn toàn mới mẻ nơi bên trong mình.

Điều này thật hứng thú, khi nghĩ tới cái khả năng kết nối được với linh hồn mình mà không qua trung gian của các tôn giáo, thầy tu và tôn sư. Thật là một điều khoan khoái, khi dẹp bỏ được tất cả những chính sách và con đường tâm linh xưa cũ, để hoàn toàn hướng tới nơi mình một cái gì hoàn toàn khác biệt, bắt đầu phát hiện được một con đường đã tiềm tàng nơi mình, trong đó cái cương lĩnh nguyên thủy, cá biệt của mình đang chờ đợi được khiến cho thực hiện.

Jean và tôi đến Coombe Springs là nơi Hội nghị Subud Thế giới đầu tiên bắt đầu vào ngày mai, thứ hai mùng 10 tháng 8, trong một toà nhà 9 cạnh gọi là Djamichunatra, được xây cất cuối năm 1957. Thời tiết biến thành một bầu trời màu xanh của một mùa hè tuyệt vời. Tôi đem theo một vài bức tranh của mình để triển lãm; mọi người có vẻ như vui vẻ chạy tới chạy lui, làm những chuyện cuối cùng phải làm trước lúc Hội Nghị khai mạc.

Trong không đầy 2 năm, latihan đã bành trướng nhanh chóng từ Nam Dương tới Tây phương. Lúc đó nhiều người tiếp nhận được điều gọi là sự 'giao tiếp', đôi khi một cách khá lộn xộn. Chẳng hạn, ở Sydney hơn 200 người đã bắt đầu tập cái latihan đầu tiên của mình trong một phòng hòa nhạc rộng lớn. Có mặt với máy ảnh của mình, các kí giả và thợ nhiếp ảnh ngày hôm sau đã đưa lên mặt báo những hình ảnh và bài báo khiến có ấn tượng sai lầm về Subud.

Tại Hội Nghị Thế Giới đầu tiên, Bapak đặt một vài nguyên tắc giúp chúng tôi làm cho Subud phát triển một cách hài hoà hơn. Một tổ chức thế giới của Subud được thành lập, với một cơ cấu đơn sơ có thể áp dụng tại bất cứ nơi nào của thế giới tự do.

Hội Nghị Thế Giới đầu tiên là một sự kiện đáng ghi nhớ. Tôi chưa từng được dự một buổi họp nào với nhiều người tươi cười từ khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi thuộc những nhóm dân tộc, ngôn ngữ, văn hoá và tôn giáo khác nhau. Sự có mặt thường xuyên của Pak Subuh giữa chúng tôi, cùng với việc tập chung latihan với nhiều người khác, khiến chúng tôi cảm thấy rõ rệt mình đang sống trong sự đồng nhất, sự duy nhất của nhân loại.

Cùng nhau tập latihan, trong đó tất cả các tấm chắn của cái Tôi

được kéo xuống, và những âm thanh, động tác và cảm xúc của mỗi cá nhân được sự hướng dẫn của một nhạc trưởng là Thượng Đế, là điều làm cho tất cả được hòa hợp và có một tác động nâng cao tinh thần.

Cái Djamichunatra, với hình dạng 9 cạnh đưa lên cao để gặp nhau nơi chóp đỉnh, tạo nên một không gian tuyệt diệu để tập latihan. Chính trong toà nhà đó, tôi lần đầu nghiệm thấy trong một lúc ngắn ngủi linh hồn mình bành trướng tới vũ trụ. Tuy tôi nhận thức được cơ thể mình đang cử động và ca hát, nhưng cái nhận thức đó trở nên lớn mạnh, đem tôi ra ngoài Coombe Springs, ngoài Kingston, ngoài nước Anh, ngoài Âu Châu. Nhìn về phía dạ dày mình, tôi trông thấy trái đất; điều này như là tôi đã trở nên cao lớn đến nỗi trái đất trở thành một thành phần của mình. Tôi bắt đầu chú ý tới vũ trụ và lập tức cảm thấy mình bị thu hút vào đó. Nhưng tiếp theo đó tôi cảm thấy mình không thể đi xa trong cuộc hành trình này, tôi không đủ lòng tin.

“Mình có thể sẽ không trở về”. Tôi nghĩ...tôi thấy lo sợ, và ngay khi sự sợ hãi đó chiếm lấy mình, tôi trở về nơi đôi chân mình, đứng vững chắc trên sàn nhà của phòng tập latihan. Cái chứng nghiệm ngắn ngủi đó xác nhận cho tôi hay là có một cửa sổ nơi bản thân mình xuyên qua đó mình có thể tự buông thả. Nhưng để được như vậy, tôi hiểu được là trong cuộc hành trình đó mình không thể đem theo sự sợ hãi của mình.

Theo tôi, dùng từ ‘tập luyện’ để giải thích latihan là điều rất hay: mỗi lần theo sự tập luyện tâm linh đó, tôi buông thả cái bản ngã thông thường của mình, trong đó có cái Tôi với tất cả những sợ hãi, ham muốn, thị dục, những yêu và ghét của nó. Tất nhiên, tôi không thể luôn được hoàn toàn như vậy. Thế nên, bằng cách đều đặn tập latihan, tôi được tập luyện, một cách dần dần, để có thể thường xuyên và chân thành quy thuận.

Suốt lúc Hội Nghị, Jean và tôi đã dự tất cả các buổi họp, buổi nói chuyện và hầu hết các buổi tập latihan. Ngồi trên sàn nhà nghe Bapak giảng giải về latihan là điều làm cho tinh thần trở nên phong phú vô cùng. Chúng tôi không màng tới chuyện phải chen chúc và thấy không thoải mái trong cái Djamichunatra, vì sự hiện diện của Bapak có tác động tới nỗi chúng tôi cảm thấy thương

yêu nhau và là một khối người duy nhất. Khi ông nói chuyện với chúng tôi, tình thương tuôn trào ra từ nơi ông, khiến mỗi người cảm thấy mình được thương yêu, và chúng tôi cũng thương yêu ông. Tôi chưa từng nghiệm thấy trước đây một tình thương và sự kính trọng như vậy đối với một người nào đó.

Nhiều lúc ông nói chuyện, tôi cảm thấy ông đang nói với riêng mình; ông thường nhìn tôi mỉm cười, trong khi đang thân ái giảng giải những điều này nọ, bằng cách dùng một ngôn từ mà tôi hiểu được, và giải đáp những câu hỏi nổi lên trong đầu óc tôi. Những người khác cũng cảm nhận được một điều tương tự là Bapak đang giải đáp những câu hỏi của họ.

Âm vang của giọng nói êm dịu nhưng có tác động của ông rung động qua bản chất tôi. Tuy ông nói bằng tiếng Java bác học pha trộn tiếng Nam Dương, nhưng tôi cũng thường hiểu được rõ những gì ông đang nói trước khi ông Bennett thông ngôn. Cách ông dùng từ ngữ để mô tả các sinh lực cư trú nơi chúng ta và cái thế giới chung quanh mình là điều tôi thấy rất dễ hiểu. Sinh lực vật chất, sinh lực thực vật, sinh lực thú vật, sinh lực con người và những cái khác cao hơn, những cái hồi đó tôi chưa có trong phạm vi chứng nghiệm của mình, là cách rất hay giải thích được sự tương tác của các sinh lực trên trái đất này cũng như nơi bản thân mình.

Luôn có những kẻ nhiệt tình ngưỡng mộ chung quanh Bapak và đoàn người đi theo ông. Tôi cảm thấy mình không muốn đến quá gần ông mà nên kín đáo tôn trọng cái không gian của ông. Như vậy, tôi đè nén được những cảm xúc nổi lên trong lòng mình muốn được gần cận ông để có thể nói chuyện với ông một cách thông thường. Một vài lần, tôi được cơ hội nói điều gì đó, nhưng luôn cảm thấy ý thức của ông bao bọc lấy mình đến nỗi ông đích xác biết được những gì đang xảy ra bên trong tôi, và tôi không còn muốn nói gì nữa, mà chỉ thấy có sự hiện diện của ông là đủ.

## B. Tiếp xúc với một nhân vật phi thường

### 1. Cuộc thăm viếng nước Pháp lần đầu của Bapak

Trong chương này, tôi sẽ kể cho bạn một vài điều tôi nghiệm thấy khi Bapak hiện diện gần mình, hay khi sự hiện diện của Bapak trở thành chứng nghiệm trong Subud của mình. Suốt cuốn sách này, độc giả sẽ nhận thấy Bapak thường được nhắc đến. Đó không phải là vì đối với chúng tôi ông là một tôn sư hay sư phụ; không, hoàn toàn không là vậy: ông không bắt chúng tôi theo những cách tập đã định khuôn hay những thần chú. Đúng hơn, ông như một người cha già luôn vui lòng giảng giải và chia sẻ với chúng tôi cái kinh nghiệm tâm linh bao la về latihan của mình. Ông luôn thương mến và chăm sóc chúng tôi, khiến chúng tôi cũng phải thương mến ông để đáp lại.

Khi xong Hội Nghị Thế Giới năm 1959, người ta sắp xếp cho Bapak và đoàn người đi theo ông đến St-Paul-de-Vence để được yên tĩnh nghỉ mệt một chút tại tư gia của vợ chồng Parsons. Đến với một chuyến bay từ Geneva ngày 21 tháng 12 năm 1959, họ được chở thẳng tới đó.

Jean và tôi ở chung với họ trong hai tuần để phục vụ cho những nhu cầu của họ. Nhiệm vụ của chúng tôi là làm những việc cần thiết như mua sắm, tổ chức những buổi họp và latihan, sắp đặt



một thời biểu cho số người đông đảo muốn đến gặp Bapak. Jean dùng phần nhiều thì giờ của mình để giúp các phụ nữ Nam Dương nấu ăn. Sáng sớm, tôi đi mua sắm, và khi về nhà thì phải chú trọng tới những người đến thăm để chắc chắn là họ không xâm nhập không gian của Bapak.

Một hội viên Subud, Dr. Ropars, một người vừa mới nhận được sự giao tiếp, có một chiếc xe Citroen màu đen rất xinh xắn. Anh có lòng tốt đề nghị chở Bapak đi đây đó, và trở thành tài xế của Bapak trong hai tuần. Anh chở Bapak và đoàn người đi theo đến Nice để có những buổi nói chuyện và latihan, rồi đi thăm Marseilles là nơi vừa có một nhóm nhỏ được lập nên.

Tuy thời tiết đầy ánh nắng với bầu trời màu xanh, nhưng những người Nam Dương lại cảm thấy lạnh, và một trong những nhiệm vụ của tôi là bảo đảm cho các phòng được sưởi ấm đầy đủ. Vậy nên, nhiều lần mỗi ngày, tôi phải đi xuống một cầu thang lạnh lẽo bằng đá dẫn tới một hầm chứa của căn nhà cũ xưa, để lấy than cần cho cái lò sưởi thật lớn. Những bức tường dày một mét có những lỗ đục hình vuông cách nhau đều đặn, để đem một chút ánh sáng vào những phòng vòm cong khác.

Tôi đang ca hát vui vẻ, cầm một cái thùng sát mặt đất rồi kéo nó lên để lấy than vào đó, thì chợt ngạc nhiên cảm thấy tóc mình dựng đứng; điều đó như là tôi đã đụng vào một màng nhện. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, tôi đưa bàn tay lên và cảm thấy những sợi lông trên cẳng tay cũng dựng đứng, khi tôi từ từ cử động tay mình xuyên qua không khí. Tôi kiểm chứng: không có màng nhện. Tôi cảm thấy một sự hiện diện, nhưng hiển nhiên là chỉ có mình tôi, vì tôi không trông thấy ai xung quanh.

Khi trở về căn phòng lớn với cái thùng đầy than, tôi gặp Dr. Zakir, hồi đó ông là thư kí và thông ngôn của Bapak. Biết Nam Dương có những người rất thông hiểu cái thế giới vô hình, tôi yêu cầu ông đi xuống hầm với mình, kể cho ông hay mình vừa trải qua một điều không thể hiểu nổi, và mong ông giải thông cho mình. Tôi nói rằng mình hi vọng ông là người Java nên có thể xem xét sự cố quái dị đó một cách đúng đắn. Ông đồng ý và cả hai chúng tôi đi xuống nơi chứa than.

“Nó quanh quẩn nơi đây!” Tôi nói và mơ hồ chỉ cho ông thấy với mu bàn tay cái nơi chốn khiến mình có một cảm giác quái lạ.

Ông cười và nói: <>Không, tôi không cảm thấy có bất cứ ai nơi đây; nhưng biết đâu chừng, đó là những hồn ma đang loanh quanh nơi đây>>.

Cả hai chúng tôi đi lang thang một cách ngập ngừng, mỗi người theo hướng của mình, rồi đi xuống nơi những phòng đen tối của hầm chứa hình vòm, để tìm kiếm một sự hiện diện vô hình.

“Dr Zakir? Nó đây này, tôi đã tìm thấy, mau đến đây!” Tôi trầm tĩnh kêu la, khi cảm thấy sự hiện diện kì quái đó trên da thịt mình, khiến mình lập tức sờn gai ốc.

Ông phá lên cười nói tiếp: <>Có, tôi cũng cảm thấy; nó muốn người ta nhận thấy nó; chắc nó đến để gặp Bapak>>.

Khi còn rất bé, trong nhiều dịp tôi đã nối kết với một thế giới vô hình, nhưng đây là lần đầu tiên lúc thành người lớn, tôi chứng kiến được điều gì có thật, điều gì trí óc mình không biết là ất hay giáp. Vì là một kẻ chỉ dựa vào lí trí, cái chứng nghiệm đó không hợp với khuôn mẫu của tri thức mình. Tôi quyết định không suy nghĩ về chuyện đó: không phải là nó không đáng quan tâm, mà coi nó là như vậy, một điều khác trái với lí trí nhưng có thật.

Buổi tối thiên hạ thường đến thăm Bapak và ông Bennett. Một trong những vai trò khác của tôi tại tư gia của vợ chồng Parsons là mời khách vào, báo sự có mặt của họ, với điều kiện là trước đó họ xin hẹn gặp.

Một buổi sáng nọ, tôi nghe thấy một tiếng gõ dè dặt nơi cánh cửa to lớn bằng gỗ cây óc chó. Khi tôi ra mở cửa, một ông cụ lưng gù, râu tóc bạc, nhìn thẳng vào tôi với cặp mắt màu xanh mờ nhạt của ông. Khi bước vào, ông nói: “Tôi đến để gặp Pak Subuh và ông Bennett”.

Trước khi tôi có thể hỏi ông là ai và đã xin hẹn gặp chưa, ông đã vào phòng lớn ngồi trên chiếc ghế dài, hai tay chống trên cây gậy dựng đứng giữa đôi chân ông. Tôi ngồi cạnh ông và bắt đầu cho biết, với sự nhiệt thành và ngu dốt của tuổi trẻ, như thế nào

Subud đã đến Tây phương. Tôi cảm thấy mình cần phải cho ông biết những gì mình hay được về Gurdjieff, ông Bennett và sự xuất hiện của Bapak. Trong khi tôi đang nói, cặp mắt chúng tôi gặp nhau, và tôi trông thấy trong một giây phút ông đang buồn cười.

Tôi chợt cảm thấy rất lúng túng, khi nhận thấy ông cụ đó, dù chưa nói một lời nào, chắc ông hiểu biết nhiều hơn mình về Gurdjieff, ông Bennett và Bapak.

“Cụ thứ lỗi cho. Tôi chợt nhận thấy đáng lí ra mình phải nghe cụ nói, thay vì cụ nghe tôi nói! Vậy, cụ đã quen biết Yann Ivanovitch Gurdjieff?”

“Thằng nhãi đó? Thằng đó đúng là một kẻ ăn trộm!” Ông đáp và bắt đầu kể cho tôi nghe câu chuyện li kì này:

Tên ông là Zoun; ông không biết mình sinh ngày nào, khi một nhóm thầy tu phái Sufi đã tìm thấy ông bị bất tỉnh, hoàn toàn trần truồng, trong một khu rừng miền Tây Turkmenistan. Họ đem ông đến tu viện của họ để săn sóc và giáo dục ông. Năm 1924 ở Ý, ông đóng vai trò Leonardo da Vinci trong một phim về nghệ sĩ vĩ đại đó. Thực vậy, nếu phải mô tả dung mạo ông, tôi chỉ việc nhìn bức chân dung tự vẽ của Leonardo, rồi cho thêm vào cặp mắt màu xanh, thì đúng là ông.

Ông kể cho tôi hay một hôm nọ Gurdjieff đến tu viện, được đón tiếp và cho ăn ở tại đó hơn 6 tháng để nghiên cứu những tư liệu bí truyền của tu viện. Một đêm nọ, Gurdjieff chợt đi mất như một kẻ trộm. Ông cũng nói rằng mình không có hộ chiếu hay chứng minh thư, nên hầu như chỉ có thể đi bộ khi du hành. Khi đến một biên giới, ông thường đi về phía sau, làm như là đó là nơi từ đó mình đến. Khi trông thấy ông, các nhân viên quan thuế nghĩ rằng ông vừa mới bước vào đất nước họ, nên họ vội vã đem kẻ không giấy tờ và không ai muốn có đó đuổi về bên kia biên giới.

Ông cho tôi hay mình muốn gặp Pak Subuh. Đến lúc sắp tập latihan chung, tôi vẫn tắt giải thích cho ông như thế nào chúng tôi tiếp cận latihan: cởi giày, đồng hồ, bỏ những đồng tiền trong túi ra,..vân vân.., rồi chỉ việc đứng hoàn toàn quy thuận và tuân theo bất cứ những gì đến từ bên trong. Do tuổi tác cao và sự uyên

thâm hiển nhiên của ông, tôi cảm thấy cho ông vào phòng tập latihan là đúng.

Trong lúc latihan, tôi vội nhìn ông để coi ông đang làm gì: ông đứng trông thư thái và vui sướng, đầu đội nón, cây gậy mắc trên cánh tay cong lại, túi đựng đồ buộc quanh vai, chân còn mang dép. Bapak có mặt trong phòng, và tôi còn nhớ là mình đã nghĩ: "Gặp Bapak thì còn gì bằng được gặp latihan". Khi xong latihan tôi giới thiệu ông Zoun cho ông Bennett, và họ cùng đi biển lên lầu trên của căn nhà rộng lớn.

Tôi bắt gặp cụ Zoun một lần nữa ở Paris hai năm sau tại phòng của một người bạn là nơi ở của Jean và tôi. Cụ đến Paris để nghiên cứu tại Thư Viện Quốc Gia một cổ thư hiếm có về thần bí học, và đang đợi chờ gom đủ tiền để đi Reykjavik tại Băng Đảo. Richard, anh bạn cho chúng tôi ở trọ, nói với tôi: "Bác Zoun có mặt tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới. Bác dùng phần nhiều thời gian mình nghiên cứu những sách hiếm có. Bác không là một tôn sư, không có môn đồ, nhưng nhiều người coi bác là một hiền nhân chắc có mặt trên trần gian này vì một nhiệm vụ tâm linh đặc biệt nào đó".

Một buổi tối nọ tôi vào phòng khách của Richard thì thấy cụ Zoun đang ngồi gần lò sưởi trên một chiếc ghế bành, túi đựng đồ đã mòn y như trước kia của cụ đặt dựa vào ghế. Tôi ngồi trên chiếc ghế đối diện lơ đãng nhìn ngọn lửa. Tôi hỏi: "Bác Zoun, cháu muốn biết sự thật về các đĩa bay; những cái đó từ đâu đến?"

Cụ nhìn tôi, một cách rất vui vẻ, cầm lấy túi đựng đồ của mình, rồi vừa lục lọi vừa lẩm bẩm nói: "Đĩa bay... Xem nào... Đây rồi! Tìm thấy rồi, tất cả những cái cậu muốn đã có sẵn".

Cụ nghiêng mình về phía tôi để đưa cho tôi một tờ giấy gấp lại đẹp đẽ. Vì hiếu kì tôi mở nó ra coi: nó được cắt ra từ một trang màu trắng đen là truyện tranh vui trên báo cho thấy những sinh vật nhỏ bé của Hoả tinh bước ra từ một đĩa bay! Tôi nghe thấy mình lớn tiếng nuốt nước miếng trong sự lúng túng, và thầm biết ơn cụ về bài học này là phải tìm giải đáp nơi lòng mình, chứ không là nơi những gì xảy ra hằng ngày trên thế giới. Cụ nhìn tôi rất vui vẻ, đôi mắt nhỏ bé màu xanh lóng lánh. Tôi nghiêng mình về phía cụ để

đưa trả lại cho cụ với một nụ cười bẽn lễn tờ giấy của trang báo truyện tranh vui. "Cảm ơn bác Zoun".

Tôi tự hỏi không biết cụ nghĩ gì về Bapak, và trước khi tôi muốn hỏi, cụ đã trả lời: "Cậu nghĩ đúng, Muhammad Pak Subuh đã tìm thấy trung tâm".

Sau buổi gặp gỡ đó, cụ Zoun mua được một vé đi Reykjavik không khứ hồi. Kể từ đó không ai còn trông thấy ông lão hiền nhân đó nữa.

Một hôm nọ sau khi về St-Paul-de-Vence, tôi đến châm lửa lên nơi góc lò sưởi bằng đá trong phòng khách của Bapak. Khi bước vào phòng tôi nói: "Chào Bapak".

Nhưng tôi không thể nói gì hơn; tim tôi đập rất mạnh, cổ tôi bị nghẹn. Tôi còn nhớ là mình đã nghĩ: "Tại sao mình phải như vậy? Tại sao mình không thể được bên cạnh Bapak chỉ vì sự hiện diện của Bapak?"

Một vài phút sau có 3 phụ nữ bước vào: một bà người Ấn Độ bị đau ốm đi theo đoàn người cùng đi với Bapak trên khắp thế giới, một người bạn của bà đó và bà Rochanawati, con gái bà Ibu là vợ Bapak. Họ đang cười nói khi tụ họp chung quanh Bapak để hỏi ông về thuật coi chỉ tay. Bà người Ấn Độ hỏi với giọng duyên dáng, sang sảng: "Bapak, coi chỉ tay có gì là đúng không? Cũng đúng khi coi bàn chân?"

Bapak đáp: "Đúng chứ! Đây này, hãy coi lòng bàn tay của Bapak..."

Ông mở rộng bàn tay trái ra, dùng ngón tay trỏ của bàn tay phải chỉ vào những chỗ lồi và đường chỉ của bàn tay trái. Tôi không thể không nhìn trộm; tôi đứng đằng sau bà Rochanawati nhìn qua bờ vai bà, một bờ vai có mùi thơm nhẹ nhàng của gỗ đàn hương. Lòng bàn tay của Bapak rộng lớn, vuông vắn và thắm tươi, đường chỉ tay tuy rất ít nhưng thật rạch ròi; những ngón tay thì dài, đều đặn cách nhau, hơi cong về phía sau, khiến trở nên dễ uốn mềm.

"Đây là trí đạo và đây là tâm đạo...chính giữa nơi đây là mặt trời! Nó cho thấy Bapak đến từ bên ngoài nhưng xuyên mặt trời."

Bapak nói với một giọng êm dịu trong đó có sự vui đùa. Tôi ngạc nhiên khi trông thấy hình tròn nhỏ bé hoàn hảo với những tia chung quanh nó. Kế đến, Bapak mở bàn tay phải ra, chìa nó rộng ra và nói:

“Có thấy gì không? Cái này có nghĩa là khi đi, Bapak sẽ đi trở về xuyên qua mặt trời như khi đến”.

Giọng nói của ông thật trong rõ, không ngập ngừng. Tôi không nghi ngờ chút nào là ông đang nói do kinh nghiệm trực tiếp của mình. Thực vậy, trung tâm bàn tay phải của ông cũng có dấu ấn của một mặt trời khác cũng tỏa chiếu.

Bapak đã không quên sự yêu cầu của bà người Ấn Độ: ông tháo chiếc giày da ra, rồi cởi bít tất. Một cách nhẹ nhàng và mềm dẻo, ông đưa cho coi đế bàn chân trái, rồi đặt nó lên đùi bên phải ông giải thích:

“Cũng như những đường trên lòng bàn tay, những đường trên bàn chân mình sẽ cho biết những gì tương tự...Đây này! Đây là sinh đạo và bên kia là tâm đạo...Đây là trí đạo; tất cả những gì về tính nết mình đều ở đó”.

Đến lúc này, tôi cảm thấy mình hơi có tội, vì đáng lí ra mình phải đi sưởi ấm phòng khách. Tôi kín đáo đi ra ngoài để trở lại nơi lò sưởi đã có sẵn củi đốt.

Trong lúc Bapak lưu lại vùng Côte d’Azur, latihan đã truyền bá và chúng tôi có khoảng 120 hội viên. Ông đã có hai buổi nói chuyện tại Nice, và trong một buổi đó đã tiên đoán là nhóm thuộc thành phố đó sẽ không tồn tại bao lâu, vì các hội viên biện luận quá nhiều. Ông cho hay là tại một vài đô thị Subud khó có thể bành trướng. Trong đó có Paris, Manila và một vài đô thị khác. Tôi còn nhớ là mình đã lấy làm lạ về những gì ông nói, vì hồi đó nhóm Nice là một thực tại; tôi không thể tin là nó dần dần không còn nữa.

Hồi đó Jean và tôi đã kết hôn được hơn 4 tháng, và chúng tôi tự hỏi tại sao cô chưa mang bầu. Cả hai chúng tôi đều muốn có một gia đình đông đảo; tuy Jean nghĩ rằng mình không thể trở thành một người mẹ tốt, nhưng tôi biết điều đó phần nhiều là do sự

thiếu tự tin của cô. Như thế nào đó trong lòng mình tôi chắc chắn là tôi sẽ cảm thấy vững tin ngay sau khi có một đứa bé trong vòng tay mình.

Một buổi cuối chiều nọ trong tháng giêng năm 1960, khi tình cờ được bên cạnh Bapak tại một nơi nào đó trong các phòng, cô hỏi ông tại sao mình chưa mang bầu. Ông đáp với một nụ cười rộng lớn:

"Đừng lo, sẽ mang bầu ngay sau khi Bapak và đoàn người của mình đi khỏi St-Paul-de-Vence ..."

## 2. Tên mới của tôi

Chẳng bao lâu Bapak và đám người của mình phải ra đi, và nhiều người trong chúng tôi đã tiễn đưa họ tới phi trường Nice. Đối với Jean và tôi sự thăm viếng của họ là một điều có tác động rất mạnh, và chúng tôi cảm thấy buồn bã khi nghĩ tới việc họ sẽ ra đi, nhưng cả hai chúng tôi đều hân hoan mong đợi cái tương lai trước mặt mình. Khi đến phi trường, chúng tôi được cho hay là chuyến bay bị hoãn lại hai tiếng đồng hồ. Bapak và đoàn người cùng đi được ân cần mời ngồi đợi trong một buồng dành cho các VIP; những cửa kính rộng lớn của nó nhìn thẳng ra sân bay.

Từ lúc còn nhỏ, tôi đã không cảm thấy thật thoải mái với cái tên Francois, và khi trông Bapak đang đứng một mình nhìn mưa nhẹ nhàng rơi xuống mặt biển đã trở thành màu xám đen, tôi không thể không đến bên ông để hỏi:

"Bapak, tôi không cảm thấy thoải mái với cái tên hiện nay của mình là Francois. Nếu được, Bapak có thể cho tôi một cái tên thích ứng hơn với chân tính mình?"

Hiển nhiên, điều tôi hỏi đã lôi kéo ông ra khỏi một nơi xa xăm nào đó, vì ông phải mất một chút thời gian quay đầu lại nhìn tôi từ đằng sau cặp kính dày cộm của mình.

"L". Ông nói chữ cái đó ra một cách rõ rệt, khi quay đầu trở lại phía cơn mưa đập càng lúc càng dữ dội vào cửa kính. Tôi đứng cách ông độ hai mét; thân thể nhẹ nhàng lay động, tim đập mạnh. Lúc

đó tôi nghĩ: "Tại sao mình đã xin ông một cái tên mới? Chắc ông sẽ chọn Louis! Hay Lucifer (quỷ vương), biết đâu chừng? Trời ơi, mình giải quyết vụ này ra sao đây?"

Tôi cảm thấy lúng túng, bị mắc kẹt trong cái mạng lưới những cảm xúc và ý nghĩ của mình. Bapak lại từ từ quay đầu về phía tôi, rồi bất ngờ nói với lời phát âm không sai của tiếng Pháp: <<Léonard>>.

Ngay lúc đó, tôi hoàn toàn mất bối rối; tôi cảm thấy như những quần áo cũ của mình đã được cởi bỏ xuống dưới chân mình, những cái dây phiền phức và trở nên cứng đờ bởi sự đau khổ chịu đựng trong 21 năm của cuộc sống. Một bộ đồ mới mẻ đầy màu sắc được khoác lên vai tôi; nó khiến cảm thấy mát mẻ và dễ chịu. Lòng tôi an vui vô cùng.

"Leonard, bạn có thể chỉ cho tôi phòng vệ sinh ở đâu?" Bapak hỏi. Ông là người đầu tiên dùng cái tên mới đó, và khi nghe thấy nó, tôi thấy mình được đồng nhất với chính mình.

"Được, Bapak, Bapak đi theo tôi, vì tôi cũng muốn đi vệ sinh". Tôi đáp, vui mừng vô cùng vì những xúc động của mình bây giờ hoàn toàn được yên lặng. Khi chúng tôi bước xuống những nấc thang rộng, tôi hỏi một lần nữa.

"Tên họ viết tắt của tôi là FX, X cho Xavier, tôi nên dùng FXL hay chỉ LL cho tên họ viết tắt?"

Bapak đáp: "Chỉ LL".

"Có những thay đổi gì, cái tên mới của tôi sẽ đem đến cho mình, so với cái tên Francois trước đây?"

Khi chúng tôi đi ra ngoài nơi vệ sinh cho đàn ông, Bapak giải thích bằng thứ tiếng Anh nói sai của mình.

"Francois, rất nặng nề, yah! Vì bạn phải gánh chịu cái quá khứ nặng nề của nước Pháp (France). Leonard sẽ đem bạn đến..."

Ông tìm kiếm từ nào dùng thích hợp...



“Đầy rồi! Đem đến tinh thần chiến đấu, yah! Như con sư tử (lion)”.

Tôi thận trọng giới thiệu cái tên mới của mình với gia đình và bạn bè mình. Nhưng mỗi lần gặp ai mới quen biết, tôi cho họ lựa chọn: hoặc Francois hoặc Leonard; họ lúc nào cũng lựa Leonard.

“Tại sao mẹ đặt tên còn là Francois Xavier?” Tôi hỏi mẹ tôi ngay sau khi nhận được cái tên mới của mình. Bà đáp với một giọng nói trong đó có sự xin lỗi.

“Đó là vì khi con sinh ra, con làm mẹ rất nhớ đến một người anh em ruột thịt mà mẹ rất yêu quý nhưng đã chết lúc 10 tuổi vì bệnh viêm màng não. Francois là tên mà ông Marcel Lasalle đã chọn cho con”.

Điều lí thú là khoảng một thời gian sau, mẹ tôi viết thư cho Bapak để xin một cái tên mới là Olivia, cái tên thích hợp với mình hơn cái tên trước kia là Honor.

Do cái chứng nghiệm đó, tôi tin cậy sự hiểu biết của Bapak về ý nghĩa thâm sâu của tên họ; mỗi tên làm dội lại một sự rung động cá biệt dưới hình thức của âm thanh, và khi ta nhận được cái tên đúng hợp với mình, nó sẽ rung động đúng cách theo toàn bộ bản chất mình. Phần đông các cha mẹ, hình như vậy, đặt tên cho con cái mình bằng cách liên hệ nó với ai đó trong gia đình hay với một nhân vật mình yêu quý hay ngưỡng mộ; nói cách khác, như vậy là chủ quan. Với Bapak thì khác hẳn, ông nhận thức được chân tính của một người nào đó, và nghe thấy sự rung động của những âm thanh tương ứng, những gì hoà hợp với cái bản ngã bên trong và bên ngoài của người đó; rồi ông diễn tả nó trong hình thức của một chữ cái tạo thành một cái tên.

Một tháng sau khi Bapak ra đi, Jean và tôi không còn ở nơi căn nhà của mẹ tôi nữa; chúng tôi lấy làm vui mừng có thể đến ở một căn nhà tranh xây bằng gạch, giữa một lùm cây cam, thuê của một bà tên là Mille Blanc. Chúng tôi sung sướng vô cùng, khi sự tiên đoán của Bapak thành sự thật: Jean mang bầu.

### 3. Ý thức được các thiên thần

Subud đã trở thành một tổ chức có mặt trên khắp thế giới, và Bapak, cùng với những người trong gia đình mình, thường xuyên đến thăm những quốc gia có Subud, để giảng giải về cái latihan mà chúng tôi theo tập. Bapak đặc biệt thích nước Anh, vì đó là nơi Subud đã mọc rễ ở Tây phương, để từ đó có thể đâm cành tới khắp nơi trên thế giới. Tới lúc này, chúng tôi đã có một tổ chức chặt chẽ, và có thể dễ dàng phục vụ những nhu cầu của người Nam Dương, khi họ đến thăm chúng tôi tại những quốc gia khác nhau. Chúng tôi cũng có thể kiếm một nơi chốn cho họ ăn ở, thường thường là tại tư gia một hội viên, và thuê những phòng hội nghị rộng lớn để Bapak có những buổi nói chuyện, hay những nơi là trung tâm cho các hội nghị quốc tế, mỗi kì là 4 năm.

Tại Hội Nghị quốc gia của Anh xảy ra nơi Trung Tâm Hội Nghị Swanwick, tôi được giao cho trách nhiệm làm tài xế của Bapak. Gia đình Bapak cư ngụ trong nhà một hội viên tại Leicester, và tôi được yêu cầu chở Bapak trên đại lộ M1 đến trung tâm hội nghị, trong khi gia đình Bapak và những người cùng đi thì ngồi trên một chiếc xe khác. Tôi đã thuê một chiếc Rover rất sang màu đen, với những chỗ ngồi bằng da và gỗ cây óc chó. Bapak ngồi đằng sau tôi, và lúc 9 giờ sáng chúng tôi lên đường trong một chuyến đi về hướng Bắc mất khoảng một tiếng đồng hồ. Tôi rất phấn khích khi nghĩ tới việc tôi hoàn toàn được một mình với Bapak trong một tiếng đồng hồ hay khoảng đó. Tôi nghĩ trong lúc đang lái xe: "Mấy khi mình được cơ hội có một thánh nhân ngồi trong xe. Mình có thể hỏi ổng nhiều điều..."

Tôi xin được giải thích là chương này nói về những chuyện xảy ra trong khoảng thời gian từ 1959 tới 1988, và điều này xảy ra trong thập niên 60 và đầu thập niên 70, Jean lúc đó có tên là Melinda và chúng tôi ở chung với 5 đứa con mình tại đường Frant Road, Tunbridge Wells. Tôi đã làm chủ tiệm buôn đồ cổ.

Ngày hôm đó thật đẹp, bầu trời trong cao và xanh đẹp, đường xá không đông xe cộ, nên chẳng bao lâu tôi phóng xe thật nhanh trên xa lộ.

"Điều gì là quan trọng mình nên hỏi ổng? Tiếp tục bán những đồ

cổ có đúng không, hay mình nên hoàn toàn làm chuyện về những kiểu mẫu nội thất?” Những câu hỏi đó chất đống trong đầu óc mình. Tôi không thể hỏi tất cả, như vậy nên lựa câu hỏi nào trước?

Tôi nhìn kính chiếu hậu, và trông thấy Bapak đang ở nơi nào đó: mắt ông nửa nhắm nửa mở đằng sau cặp kính dày, nhưng ông đang đầu đó thật xa, có lẽ trong cái thế giới bao la của mình. Trông ông có vẻ thanh thản, bất diệt. Tôi tự trách mình: “Leonard, trời đất thánh thần ơi, làm sao mình có thể vô cảm và ích kỉ như vậy khiến chỉ nghĩ tới việc hỏi những chuyện cá nhân?”

Tôi quyết định xua đuổi tất cả những câu hỏi của mình, để chỉ được gần gũi với linh hồn mình. Tôi thầm lặng ca hát trong lòng, và cảm thấy vô cùng thanh thản và an bình, trong lúc chỉ lái xe.

Sau một khoảng thời gian, tôi có một cảm giác kì quái là có một sự hiện diện siêu phàm nào đó đang đi theo chúng tôi. Ngạc nhiên vì cái cảm giác đó, tôi nhìn lên bầu trời màu xanh, và giật mình trông thấy có đây hàng ngàn thiên thần nhiều màu sắc, vị này sát cạnh vị kia. Họ có vẻ như đang bay lượn phía trên xe hơi, như cùng đang du hành với chúng tôi. Không tin những gì mình đang nghiệm thấy, và để thử nghiệm coi đó không là một giấc mơ, tôi quyết định lái xe vào giữa đường lớn dành cho xe hơi; họ lập tức đi theo. Tôi lái xe về bên trái con đường, họ di chuyển trở về nơi bên trái, như họ với chúng tôi chỉ là một. Sự hiện diện của họ khiến tôi có đây những cảm giác thanh tú và tinh lọc. Tôi hiểu được rằng mình vừa mới ý thức được một kích thích khác của Bapak, và cảm thấy mình phải biết ơn vì đã có thể nghiệm thấy giây phút phong phú đó. Sau này tôi nghĩ: “Xin tạ ơn Chúa là mình đã không hỏi ông về những chuyện cá nhân. Nếu vậy thì đã không có chỗ cho cái chứng nghiệm khiến sáng mắt đó xảy ra!”

Tôi xin được cho hay nơi đây là những gì chứng kiến hoàn toàn không là một giấc mơ: cái thực tại phi vật chất của thiên thần hoàn toàn là sự thật cũng như cái thực tại vật chất của hành động lái chiếc Rover. Tôi hiểu được rằng sự gần cận với linh hồn mình là cái bí quyết khiến đi vào được những mức độ khác nhau của ý thức; trong trường hợp này là mức độ siêu phàm. Điều này không như việc trông thấy một hình ảnh của thiên thần trên bầu trời: không phải vậy, đó như là toàn thân tôi được nâng lên mức

độ siêu phàm. Trông thấy tất cả những sinh linh trong lành đó với cánh là điều tượng trưng cho việc mình là thành phần của cái kích thước đó. Thực vậy, trong lúc có cái chứng nghiệm đó, nội cảm tôi được an vui và sáng suốt bén nhạy vô cùng.

#### 4. Lần đầu gặp các vị thiên sứ

Trong một năm nọ, Bapak có một buổi nói chuyện tại phòng hội nghị của Đại Học Leicester. Lúc đó tôi lái xe chở Bapak tới cổng ra vào là nơi những vị tổ chức hội nghị đợi gặp Bapak để dẫn ông vào bên trong. Bapak luôn đến rất đúng giờ, và điều đó khiến cho một kẻ là tài xế như tôi không có nhiều thì giờ kiếm một chỗ đậu xe và một chỗ ngồi cho mình, trước khi có buổi nói chuyện. Tôi không thể kiếm được một nơi đậu xe, vì tất cả các chỗ đã bị chiếm mất. Vì nhận thấy mình trong tình trạng lo lắng, tôi quyết định hoàn toàn buông thả để nối kết với linh hồn mình.

Tôi chợt nhìn được với những con mắt khác. Tôi cầm tay lái một cách nhẹ nhàng hơn, và nhận thấy mình được dẫn dắt đến nơi đằng sau đại học là một chỗ rộng đang đợi chờ mình. Thậm chí tôi còn nhận thấy một cánh cửa nhỏ bé màu xám bằng kim loại, tôi mở nó ra và bước vào một hành lang chật hẹp dẫn mình tới phía đằng sau một sân khấu. Tôi đi xuống vài bước, và nhận thấy còn dư một chỗ ngồi tại hàng đầu. Trong phòng có đầy người, và như đang đợi chờ tôi ngồi xuống, Bapak bắt đầu nói chuyện. Tôi nghĩ: "Thật kì lạ, được ngồi hàng đầu đối diện ngay Bapak".

Thông thường, tôi đã ngồi một nơi nào đó đằng sau, dành hàng đầu cho những người khác, vì sự nhút nhát không muốn đưa mình ra phía trước.

Tôi đang nghe trong một vài phút giọng nói du dương của Bapak, thì chợt chứng kiến được điều mà một trí óc thông thường thấy khó chấp nhận được. Chính tại đó, nơi Bapak đang ngồi, có một nhân vật khác! Đó là một thanh niên, tuổi chắc khoảng 20, trông rất lôi cuốn và mạnh khỏe. Tóc anh hơi dài, màu đen, với những chỗ quăn rộng, phong phú. Thân thể anh, tuy thon mảnh và thanh nhã, có những bắp thịt rắn chắc. Tuy nhận ra đó là giọng nói của Bapak, nhưng tôi nghe thấy nó có vẻ trẻ trung và đều đều hơn; miêng và những cử động của thân thể anh hoà điệu cùng với

những lời nói của anh.

Thú thật, tôi không là hạng người thường mộng ảo hay linh thi được những điều này nọ. Tôi không quên là trước đó đã đề cập tới việc mình là một kẻ chỉ dựa vào lí trí; tôi chỉ tin ở những gì mình có thể cảm nhận được, đụng vào và trông thấy. Nên tôi tự hỏi: "Chuyện này mình xử lí ra sao đây?"

Tôi véo da thịt căng tay mình với móng tay, cho tới khi khiến mình đau đớn. Không, tôi không đang mơ. Trong lúc đó, người thanh niên đó đang cười, để lộ hai hàm răng trắng tinh. Tôi chợt nhớ lại là trong túi áo vét tông mình có một cặp kính viễn thị. Tôi lấy nó ra, đặt nó lên mũi mình, và tò mò nhìn kĩ: tôi có thể trông thấy thanh niên đó một cách rõ rệt hơn. Tôi nghĩ và tự hỏi mình: "Thật kì lạ, anh bạn trẻ này là ai?"

Câu trả lời hiện lên từ nơi thâm sâu của ý thức: "Adam".

"Adam, tại sao không? Có lẽ lần tới mình sẽ trông thấy Eva!"

Tôi mĩa mai tự nói với mình. Tôi khó có thể chấp nhận cái thực tại đó, nhưng tất cả những gì mình có thể làm được chỉ là ngồi đó để coi xem chuyện này sẽ diễn biến ra sao.

Những gì tiếp theo đó càng khiến tôi ngạc nhiên hơn. Adam trở nên già hơn; thực ra, đó không còn cùng là một nhân vật đang ngồi nói chuyện trên chiếc ghế bành. Nhân vật đang nói trông cao hơn, tóc dài màu xám hồ tiêu bù xù thả xuống đôi vai rộng; lông mi rậm rạp phần nào che đậy đôi mắt hiền hòa màu nâu đậm nhưng sắc sảo của ông; đôi xương má lồi ra làm khung cho một khuôn mặt đậm nét; cặp mũi trông như cái móc có những lỗ hình dạng rõ rệt. Một bộ râu dài quăn, màu xám đậm, che giấu miệng ông. Những cử động của ông trông đột ngột, rồi trở nên rộng lớn và phong phú. Điều tôi để ý thấy là cái cấu trúc dày đặc của xương ông, đặc biệt của bàn tay và cẳng tay. Toàn bộ cơ thể ông biểu lộ uy quyền, tôi thấy ông thật oai vệ.

"Đây chắc là Abraham?"

Tôi nói với mình một cách vui vẻ mĩa mai. Tôi liền nghe thấy một giọng nói xuất phát từ đáy lòng mình.

“Đúng vậy, đó là Abraham”.

Điều trông thấy trở nên mờ nhạt. Tôi nhận thức được mình không thể chế ngự sự xúc động của mình vì tình cảnh kì quái đó, nên khóc lóc. Không thể bỏ qua bất cứ phần nào của cái biển cổ lạ thường đó, tôi bỏ kính ra, chùi mắt với khăn mùi soa, và tiếp tục coi cuộc trình diễn đó sẽ diễn biến ra sao.

Sau một thời gian nghe nói chuyện và nhìn Abraham, tôi nhận thấy Bapak đã biến thành một nhân vật khác. Lần này thì trông hoàn toàn già hơn, lùn hơn, tròn trĩnh, có phần khôn ra và tế nhị; ông có một mớ tóc bạc mọc đằng sau đầu, một bộ râu chài chuốt làm khung cho khuôn mặt tròn trịa, hiền lành. Mắt ông có vẻ như có một màu xanh giữa màu xanh lục và màu xám, và thường xuyên nhìn lướt qua các khán thính giả, khi ông chậm chạp nói với một giọng trầm ấm, rõ ràng. Ông đang đi đứng đây đó trên sân khấu; ông nhấn mạnh một điểm nào đó với những cử động của thân thể và làm cho khán thính giả cười. Tôi nghĩ: “Đây chắc đích thị là thiên sứ Moses”.

“Đúng là ông ấy”. Tiếng nói nội tâm tôi xác nhận.

Cái thực tại bất ngờ đó thật lôi cuốn. Buổi nói chuyện của Bapak không những hấp dẫn và có tính chất một bài học, mà còn khiến tôi sống động nhìn thấu được Bapak là ai, theo viễn cảnh các vị thiên sứ trong lịch sử tôn giáo của chúng ta. Sự sững sốt và kinh ngạc khiến nước mắt tôi trào ra một lần nữa, khi tôi trông thấy, ngay trên sân khấu, một nhân vật mình lập tức nhận ra.

Nhân vật đó khác với những người trước đó, vì nữ tính và sự an hòa của con người ông. Ba nhân vật vừa rồi rõ ràng đây nam tính trong những cử chỉ, cử động của thân thể, và trong cái sức mạnh nam giới của con người họ. Tôi biết đó là thiên sứ Jesus. Tôi theo dõi cái cơ thể rất cao, lưng thẳng của ông, đi đứng trên sân khấu; nơi ông có một sự thanh nhã trầm tĩnh làm nổi bật cái nữ tính dịu dàng của mình. Tôi cảm thấy ông đã hài hòa cân bằng được nam tính cùng với nữ tính.

Tuy trông ông thật bất thường với cái mũi chim ưng, cặp mắt lớn và những lông mày đều đặn, nhưng tôi để ý thấy nơi ông không

có cái Tôi; một không khí của tình thương lan tràn trong phòng và nội cảm tôi. Tôi cảm thấy ông quý mến mình và tức khắc mình cũng quý mến ông để đáp lại. Một lần nữa nước mắt chảy đầy trong mắt mình và tôi nghĩ: "Tại sao mình lại xúc động đến vậy; tại sao mình không thể chỉ bình tĩnh?"

Tôi chùi mắt với khăn mù soa đã ẩm ướt, và kín đáo hỉ mũi.

Sau cuộc biểu diễn đó, thiên sứ Jesus trở về ghế bành ngồi một cách oai nghiêm, xương sống ông không đụng vào chỗ dựa của ghế. Cẳng tay ông đặt trên nơi chống của ghế, bàn tay dài mịn màng thả xuống, một cách hoàn toàn thư thái. Mọi sự về ông có vẻ như được nối kết; mỗi lần thường thường một trong những bàn tay ông rời khỏi nơi khuỷu tay đang dựa vào để cử động một cách tự do, truyền cảm. Điều này như là mọi người đang dự buổi họp trong phòng được tình thương và sự hiền hòa của ông nuông chiều.

Tôi đổi lại một thế ngồi ngay ngắn hơn, hai chân dang ra, tay đặt trên chân. Khi tôi ngẩng đầu lên để chăm chú nhìn trở lại, sân khấu một lần nữa đã hoàn toàn thay đổi; nhân vật trẻ tôi đang trông thấy bây giờ là một người chiều cao trung bình, đầu đội một taqiyah (loại mũ của người Hồi giáo) trên bộ tóc ngắn màu đen, cắt xén gọn ghẽ. Khuôn mặt tròn trịa của ông có râu mép thưa nằm ngay giữa; cặp mắt rất lớn màu đen với những lông mày rõ nét khiến ông có dáng điệu của một người luôn ngạc nhiên. Ông nhanh nhẹn cử động cánh tay và bàn tay, để xác nhận những gì mình đang truyền đạt. Ông nói năng thật nhanh nhưng rất rõ rệt, và nhiều khi bày tỏ óc khôi hài.

Tôi suy diễn và cuối cùng kết luận "Vị này phải là thiên sứ Muhammed. Bapak phải có nơi bên trong mình 5 vị thiên sứ; do đó mà ông biết được nhiều về mỗi vị. Trên thực tế ông phải là 5 vị đó trong một Con Người duy nhất... điều đó cho thấy tại sao ông có thể hành động như chính mình là một trong 5 vị đó".

Bapak thường giảng giải cho chúng tôi là mỗi lời lẽ thâm thúy về chân lí mà mình nói, hay những lời khuyên về lối cư xử tốt đẹp của mình, là những điều đã được nói và chép trong các thánh thư của các vị thiên sứ. Những gì hiện nay thiên hạ cần là sự giao tiếp trực

tiếp với quyền năng của Thượng Đế (nếu độc giả thấy từ 'Thượng Đế' khó chấp nhận, thì nên hiểu là Nguồn Gốc gay Cội Nguồn) khiến mỗi cá nhân được trực tiếp hưởng dẫn từ nơi bên trong mình, để bắt đầu tự mình nghiệm được những gì các vị thiên sứ đã nói xưa kia. Tới lúc đó, thiên sứ Muhammed giảng giải điều này là tuy Jesus đã chỉ cho thấy cách sống hoà thuận qua tình thương, nhưng nhân loại một lần nữa đã tụt hậu và không thể đem ra thực hành những lời lẽ thâm thúy đó.

Trong khi Muhammed đang nói năng, Bapak hút từng hơi ngắn một điếu thuốc lá Nam Dương, và chợt nhiên có một tiếng nổ nhỏ. Cười một cách hào phóng, Bapak nhìn về phía tôi, hiển nhiên lấy làm vui vì sự lúng túng của tôi. Bapak đang hút một điếu thuốc Nam Dương gọi là kretek, làm thành bởi một hợp chất của cây thuốc lá và cây đinh hương, dùng tay cuốn thành một điếu dạng hình nón. Giấy gói thuốc chứa rất nhiều chất diêm tiêu, và điều thường xảy ra là khi quá cô đặc, chất đó bùng cháy, tạo nên một tiếng nổ nho nhỏ.

Đến lúc xong buổi nói chuyện và trước khi đứng dậy khỏi chiếc ghế bành, Bapak nhìn tôi dài lâu với một nụ cười dịu hiền, như muốn nói: "Bây giờ bạn biết thêm được một chút về sự Bapak là ai".

Tôi thấy khó có thể đem mình xuống đất để trở về với cái thực tại ngay bên cạnh, nhưng đôi chân tôi khiến tôi đứng lên đem mình trở về cái hành lang chật hẹp đen tối để bước ra ngoài cánh cửa nhỏ bé màu nâu bằng kim loại. Khi ngồi trên chiếc Rover để lái xe, tôi hít thở thâm sâu để hoàn toàn lấy lại sự sáng suốt mà mình cần để là một tài xế. Một khi cảm thấy trở lại cái bản ngã thông thường của mình, tôi lái xe đến nơi phía trước của phòng hội nghị là nơi Bapak với đoàn người của mình đang đi ra. Hồi đó, người duy nhất tôi cảm thấy có thể chia sẻ cái chứng nghiệm của mình là Melinda, vợ tôi. Như thế nào đó, nó thật khó tin, thật lớn lao, khiến có thể nói tới được; tôi sẽ phải lúng túng, nếu tôi tự đặt mình vào tư thế nói rằng mình đã trông thấy các vị thiên sứ và nghe thấy tiếng nói của họ. Ngay cả trong năm 1983, khi Bapak yêu cầu tôi chia sẻ những chứng nghiệm trong Subud của mình với các anh chị em khác, tôi vẫn còn thấy khó làm như vậy được, và chỉ 4 năm



sau, trong năm 1987, tại buổi lễ tưởng niệm 100 ngày qua đời của Bapak, tôi mới đủ tự tin để kể cái chứng nghiệm đó cho một cử tọa đông đảo của Subud.

## 5. Bapak, Jesus và Muhammed

Cuối tháng 8 năm 1969 chúng tôi đi thăm lâu đài Alexandra Palace phía Bắc London. Hôm đó là một ngày chủ nhật có ánh nắng đẹp, và chúng tôi đem theo 6 đứa con mình để thăm Bapak. Dahlan, đứa con út chúng tôi, tuổi chỉ được 2 tuần; tôi nhớ lại được là vì Bapak đã mời các gia đình đem con cái mình theo để ông có thể gặp chúng.

Năm đứa con mình chúng tôi giới thiệu từng đứa một, và khi đến phiên Melinda đưa cho Bapak coi đứa thứ 6, Bapak cười và tỏ vẻ ngạc nhiên nói: "Một đứa khác? À, thì ra là Dahlan!"

Ông đã nhớ lại, vì vừa mới chọn cái tên đó từ một danh sách chúng tôi gửi cho ông.

Alexandra Palace trông như một nhà kính lớn sơn quét màu trắng của phần, với một mái vòm lắp khung thép, quét vôi trắng để giảm thiểu tác động cơn nắng mặt trời. Cái lâu đài đầy bụi đó có vẻ quá to tát đối với một đám người lớn không hơn 100 mạng; nhiều hàng ghế ngồi lên không khiến thoải mái đã được sắp xếp đối diện cái sân khấu màu xám bằng gỗ là nơi Bapak ngồi để nói chuyện.

Một cách bất ngờ, như thường xảy ra với Bapak, sau một vài câu chào hỏi, Bapak yêu cầu dọn bớt nhiều hàng ghế phía trước sân khấu, để tạo nơi chốn cho phái nữ đứng tập latihan. Phần đông những người nam hiện diện đều ngạc nhiên, vì thông thường nam và nữ tập latihan trong những phòng cách biệt. Một cách ngại ngùng, các người nữ đứng lên tiến đến phía trước Bapak. Bapak yêu cầu các người nam chỉ việc yên lặng ngồi. Ông nói với các người nữ: "Tĩnh tâm, nhắm mắt lại... Bắt đầu!"

Các người nữ bắt đầu làm latihan. Tôi rất cảm động, khi trông thấy những người nữ đủ lứa tuổi duyên dáng di chuyển đây đó, và nghe thấy những giọng nói đầy nữ tính của họ xen lẫn nhau.

Tất cả các người nam đều say mê nhìn như tôi. Tôi coi Melinda đứng đầu... Thấy rồi, phía bên trái của sân khấu, giọng nói êm đẹp của bà tới được tai tôi, và một đợt sóng của tình yêu tuôn trào về phía bà.

Tôi để ý thấy trong lúc latihan một vài người nữ mà cơ thể cứng đơ và vụng về, trở nên mềm dẻo và tự nhiên trong giọng nói và cử động của họ khi latihan họ phát triển. Thật khó có thể mô tả được cái không khí mà những người nữ đã tạo ra, khi họ hoàn toàn buông thả cái Tôi và bản ngã mình, khiến họ được làm cho cử động bởi cái sinh lực của cội nguồn mình. Tuy những vũ điệu, động tác, âm thanh và ca hát của mỗi cá nhân khác nhau, nhưng tất cả đều tạo thành một toàn thể hài hòa làm cho tôi được nâng lên một trạng thái tinh tế của ý thức.

Sau 20 phút, Bapak nghiêng mình tới cái mi-crô đặt phía trước nói: "Xong rồi bây giờ, xong rồi".

Một cách từ từ, các người nữ làm cho latihan mình ngưng lại, và đứng trước mặt Bapak để nghe ông giải nghĩa về latihan và nói tới điều ông gọi là 'trắc nghiệm'. Trong lúc trắc nghiệm, một câu hỏi được đặt ra, và mỗi người chúng tôi sẽ tiếp nhận được, qua latihan, một sự giải đáp nào đó được biểu lộ bởi âm thanh và động tác. Trước kia, những buổi trắc nghiệm đó chỉ được riêng tư làm với rất ít người. Hiện nay khi hồi tưởng lại chuyện đó, tôi hiểu được rằng những buổi trắc nghiệm với Bapak thực ra là để giúp chúng tôi kiểm chứng coi latihan mình đã phát triển như thế nào. Vậy, Bapak có thể tự thấy được sự phát triển của nội tâm chúng tôi đã tới đâu. Nên dùng từ trắc nghiệm là rất thích đáng, vì chúng tôi có thể đo chiều sâu (trắc) và thử xem (nghiệm) sự chân thành buông thả của mình, để coi xem mình tiếp nhận được hay không sự giải đáp cho những câu hỏi mà Bapak đã đặt ra.

Bapak giải thích cho chúng tôi là chỉ nên nghe những câu hỏi, chứ đừng ghi nhận vào đầu óc mình, và đặc biệt là đừng suy nghĩ gì. Những cảm xúc tinh tế của chúng tôi sẽ có thể tự nhiên trả lời cho điều được hỏi. Với những độc giả chưa có kinh nghiệm về latihan hay những buổi trắc nghiệm, thì khó tưởng tượng được những gì đang xảy ra. Những gì được hỏi, đối với tâm cảm và trí suy nghĩ, có vẻ như khá tầm thường, chẳng hạn như: "Một người Mễ Tây

Cơ, hay Anh, Pháp, Mỹ đi đứng như thế nào?”

Nếu chẳng hạn nghĩ tới cách một người Mẹ Tây Cơ đi đứng như thế nào, rồi chiều theo cái ý nghĩ đó, bạn sẽ bắt chước sự đi đứng của một người Mẹ Tây Cơ. Nhưng trong trường hợp này, Bapak không yêu cầu chúng tôi chiều theo cái ý nghĩ đó, mà là tiếp nhận giải đáp từ trong lòng mình. Khi đó là từ đáy lòng mình, toàn thể bản chất mình sẽ trở thành của một người Mẹ Tây Cơ, với tất cả những gì bao hàm.

Sau phiên các người nữ là tới lúc các người nam làm latihan và trắc nghiệm; các người nữ trở thành chứng nhân cho sự tiếp nhận của chúng tôi.

Lúc cuối chiều, khi mọi người bắt đầu ra về, Bapak yêu cầu một vài phụ tá nam ở lại cùng mình.

Khi phòng đã vắng tanh, còn 12 người trong chúng tôi có mặt cùng Bapak. Ông mời chúng đến phía trước sân khấu, rồi sắp xếp cho chúng tôi đứng thành vòng tròn. Tiếp theo, ông nói tới hai vị thiên sứ cuối cùng: Jesus và Muhammad. Khi ông đang nói, tôi nhận thức được ông muốn chúng tôi chứng kiến sự khác biệt giữa hai vị thiên sứ đó. Tôi sẽ không cố gắng nhớ lại từng lời những gì Bapak đã nói, mà chỉ muốn chia sẻ với các bạn sự tác động rất mạnh của buổi đó đối với toàn thể bản chất mình.

Tôi nhắm mắt lại, khi nhận thấy giọng nói trong rõ êm đẹp của Bapak càng lúc càng nhập sâu vào bản chất mình. Ông đang nói tới Jesus và Muhammad, thì chợt lại nói tới một chuyện khác: “Bây giờ hãy nhìn Bapak. Bapak sẽ cho các bạn thấy Jesus đã làm như thế nào để cho các môn đồ của mình cảm nhận được quyền năng của Thượng Đế”.

Tôi từ từ mở mắt ra và trông thấy những chuyện lạ lùng nhất.

Trên kia tôi đã nói tới việc mình không thích tin những gì không thể trực tiếp chứng kiến được, nhưng dưới đây tôi sẽ thuật lại những gì đã thực sự trông thấy với mắt mình, nghe thấy và cảm nhận được trong bản chất mình, lúc cuối chiều trong tháng 8 cái năm 1969 đó.

Những gì tôi trông và nghe thấy không là ông Bapak mà mình đã

quen biết rõ. Không, đó là một nhân vật có một thể chất khác. Hơi cao hơn, thon hơn, thực tế thì giống với ông Jesus mà tôi đã thấy tại đại học Leicester. Những cử động chậm chạp của ông thật thanh nhã; âm thanh giọng nói ông trong rõ và cao hơn. Ông đi đây đó và đứng lại bên cạnh mỗi người chúng tôi, tay để rất gần ngực chúng tôi nhưng đụng vào da thịt.

Tôi đứng hàng thứ 5 hay 6 trong vòng tròn, và khi Jesus đến gần tôi, tim tôi bắt đầu đập càng lúc càng mạnh. Tôi cảm thấy như nó sắp bùng nổ, và lấy làm bức tức là mình không thể bình tĩnh. Jesus đi tới phía anh bạn Laurent của tôi đứng bên trái mình, và trong khóe mắt mình tôi có thể trông thấy là anh rất xúc động và có phần nào bồn chồn.

Toàn thân tôi lay động; khi tới phiên mình, tôi vội nhắm mắt lại để cố gắng cho lòng mình phần nào được yên tĩnh. Jesus đang đứng trước mặt tôi. Ông từ từ đưa tay phải lên tới khu vực của tim tôi, và nói một cách an ủi và dịu dàng: "Yeah, Yeah... Ngực này có nhiều lửa, nó đang cháy, có đúng không?"

Tôi rụt rè gật đầu đồng ý, không thể nuốt nước miếng mình.

"Dục vọng thì nóng, cảm giác an vui thì mát, bạn có thể bây giờ cảm thấy sự mát mẻ?"

Tôi bắt đầu cảm thấy một sinh lực khuây khỏa, đầy tình thương, thoát ra từ bàn tay ông. Trạng thái nội tâm tôi tức khắc thay đổi khiến tôi xúc động. Đột nhiên, như đã xảy ra một phép màu, tôi cảm thấy đầy đủ, thư thái, an bình và thỏa mãn, đầy tình thương đối với nhân vật có khả năng, một cách có vẻ giản dị, làm thay đổi trạng thái nội tâm mình. Tôi mở mắt và trông thấy ông đang nhìn mình, với một nụ cười hiền hoà, và tôi cũng mỉm cười đáp lại, một cách rụt rè và cảm kích. Tôi cảm thấy cái sinh lực đầy tình thương toát ra từ nơi ông, khi ông chậm chạp đi ngang qua tôi để đến phía anh bạn Lambert Gibbs đứng phía bên phải mình.

Tôi cảm thấy kính trọng vô cùng trong bản chất mình nhân vật phi thường này. Tới lúc này, tôi có thể yên bình theo dõi sự chú ý của ông đối với mỗi người trong số 6 người anh em kia đang đợi chờ tới phiên mình. Sau khi đã đứng chung với mỗi người trong chúng tôi, ông nói một vài lời để diễn tả cách hoạt động của Jesus.

“Yah, yah, bây giờ các bạn đã nghiệm được như thế nào Jesus với bàn tay mình đã truyền sự ‘giao tiếp’ cho các môn đồ của ông”.

“Bây giờ là Muhammad”.

Bapak vừa nói vừa cười, khi ông biến thành vị thiên sứ mà hành vi đã đem Hồi giáo tới cho một phần rộng lớn của thế giới.

Tôi lại nhận ra nhân vật mà mình đã trông thấy tại Leicester. Ông đi đứng lanh lẹ, nói năng thật nhanh, có những cử chỉ này nọ với bàn tay mình, những điều làm chúng tôi cười. Hiển nhiên những lời nói của Bapak biểu lộ một sự tiếp nhận trực tiếp, chứ không xuất phát từ tư tưởng mình. Những lời nói tuôn ra từ miệng ông nghe thật êm dịu và tươi tỉnh. Đó là những gì mang hình thức của thi ca, và có một tác động thanh tẩy đối với bản chất tôi. Khi được thốt ra, những chân ngôn đó giống với những gì chứa đựng những lương thực diệu kì, và có mùi thơm của bông hoa. Nghe những lời nói đó, tôi thấy nhận thức của mình được đem tới một mức độ khác, nơi mình cảm thấy đồng nhất với linh hồn và Tạo Hóa.

Tôi vừa chứng kiến được hai phong cách khác nhau của hai vị thiên sứ cuối cùng. Với Jesus, ngoài những lời nói êm dịu của ông, thì được gần cận sự hiện diện thánh thiện của ông là điều khiến thiên hạ được lành bệnh và chuyển hóa, để họ có thể thức tỉnh theo một lối sống mới. Với Muhammad thì sự tiếp nhận được cách ăn nói của ông là điều khiến những người nghe ông nói ý thức được quyền năng của Thượng Đế.

Tất nhiên, đó chỉ là chứng nghiệm cá nhân; tôi không hề muốn coi là đúng những gì được mô tả trên kia về Jesus và Muhammad. Tôi hoàn toàn nhận thức được đó chỉ là sự thật và chân lí tương đối của mình.

Trong những giây phút được đặc ân đó, tôi hoàn toàn không chú ý tới những nét đặc biệt của diện mạo thể chất họ, mà chỉ tới cái thực tại tâm linh của sự hiện diện của họ, và tới sự tác động của nó tới toàn bộ bản chất mình. Họ tỏa ra tình thương và lòng trắc ẩn đối với đồng bào mình; điều đó bao bọc và xâm nhập vào tất cả các thành phần của ý thức tôi, khiến đáy lòng mình được xoa dịu và an ủi.

Khi biểu diễn và giảng giải xong, Bapak yêu cầu chỉ nên chia sẻ những giây phút trải qua với ông sau khi ông chết. Khi ngồi trên xe đi xa khỏi Alexandra Palace, anh Lambert và tôi không nói chuyện với nhau như thường lệ, lúc chúng tôi cùng đi chung với nhau. Thay vì vậy, cả hai chúng tôi đều cần phải trầm lặng nếm hương vị của cái chứng nghiệm khó tin được đó.

## 6. Quả đào

Một lần nọ tại Leicester, lúc khoảng 8 giờ rưỡi tối, những phụ nữ nấu ăn cho Bapak và đoàn người của ông, yêu cầu tôi đi mua một quả đào trắng mà Bapak muốn.

Trong thập niên 60 tại Leicester, lúc tối đó, ai cũng nghĩ là không thể mua được thứ trái cây đó, đặc biệt là lúc chưa đến mùa! Tất cả các tiệm buôn đã đóng cửa, và tôi tự hỏi không biết mình sẽ phải đi đâu, vì không quen thuộc thành phố. Tôi quyết định lái xe chạy vòng quanh, để coi xem mình có thể kiếm được một tiệm buôn nào còn mở cửa hay không. Không còn cách có thể làm theo trí óc mình, tôi quyết định dựa vào cảm xúc để tìm đường, và trong lúc lái xe qua các đường phố, tôi nghĩ: "Lạ thật, Bapak muốn một quả đào trong lúc này là ban đêm".

Phía bên phải tôi bên kia đường, tôi chợt trông thấy một tiệm buôn tạp phẩm nhỏ nhoi mà chủ nhân đang đóng những cánh cửa chớp vì đã là đêm. Tôi nhanh chóng đậu xe lại, và chạy qua bên kia đường.

"Xin lỗi bác, đây là một dịp khó có, may ra bác còn một quả đào trắng nào không?" Tôi thăm dò hỏi.

Lão chủ tiệm tóc ngăm ngăm đen mỉm cười, để lộ những chiếc răng lớn. Tôi nhận thấy một cái răng bằng vàng và nghĩ: "Hắn là dân Hi Lạp".

"Có, tôi nghĩ mình có thể giúp cậu. Vào đây". Lão vừa nói vừa đóng cánh cửa chớp cuối cùng.

Chúng tôi bước vào tiệm buôn nhỏ nhoi, và điều không ngờ được là có duy nhất một quả đào trắng thơm tho trong một hòm mây

bằng gỗ có rơm. Nó được gói kĩ lưỡng và cẩn thận để vào một túi giấy.

Một vài phút sau, quả đào mau lẹ được đưa cho các phụ nữ trong bếp, và họ tỏ vẻ rất vui mừng khi trông thấy thứ trái cây đẹp đó.

Đây là điều thường xảy ra, khi ta nghe nói tới những chuyện đi ra ngoài cái thông thường, những chuyện làm đời mình thêm màu sắc và hương vị khi làm việc cho Bapak. Tuy không có ý định viết nhiều trang giấy về những giai thoại liên quan tới những phong cách độc đáo của Bapak, nhưng tôi cũng sẽ kể cho bạn một hay hai chuyện nữa mà mình đã trực tiếp trải qua, những điều giúp tôi nhận thức được cách Bapak sống và được khiến cho hành động do một nơi chốn khác với phần đông chúng ta, những kẻ thông thường chỉ do tâm trí, bao tử hay tình dục.

## 7. Tiệm bán giày

“Leonard, có phiền gì không nếu anh dẫn Bapak đi mua giày?” Lời yêu cầu đó là của một trong những vị chăm sóc cho Bapak và đoàn người của ông tại tư gia một hội viên cũng gần Leicester. Chủ nhân tư gia đề nghị tôi đi trên xa lộ tới Coventry là nơi có một trung tâm buôn bán đồ sộ. Kiểm chỗ đậu xe không mấy khó khăn, và chúng tôi sẽ tìm thấy nhiều, rất nhiều tiệm bán giày. Mas Usman, thông ngôn Nam Dương của đoàn, sẽ đi cùng chúng tôi.

Trung tâm buôn bán mênh mông đó dựng trên 3 mặt bằng, và đường đi nối với xa lộ dẫn chúng tôi tới tầng trên cùng là nơi chúng tôi lập tức kiếm được một chỗ đậu xe. Tôi muốn đi trước để tìm thấy những tiệm bán giày, rồi dẫn mọi người tới đó khiến họ sẽ không phải đi nhiều. Tôi đề nghị cái kế hoạch của mình với Mas Usman.

Ông dứt khoát trả lời: <>Không được! Không thể đi trước Bapak. Chỉ việc đi theo ổng>>.

Sửng sốt vì cái phản ứng thẳng thừng đó, tôi kết luận đó phải là một tập tục của Nam Dương, một cách tỏ lòng kính trọng với một vị tôn trưởng.

Chúng tôi đến lúc ăn trưa, khi nhiều nhân viên văn phòng đang đi tìm những nơi ăn uống, và mặt bằng thứ ba có đầy đặc những người vội vã đi nhanh tới mọi nơi. Tôi chỉ việc buông thả những ý nghĩ của mình, vừa đi theo vừa chăm chú nhìn những bàn tay đặt sau lưng của Bapak, tay này nắm tay kia. Đó là những bàn tay tề chỉnh, mạnh mẽ nhưng thanh tú; chắc tôi nên gọi là bàn tay của một nghệ sĩ. Bàn tay trái cầm cườm bàn tay phải, và tôi nhớ tới dịp ở St-Paul-de-Vance khi ông đưa cho chúng tôi coi một mặt trời tỏa chiếu từ trung tâm lòng bàn tay. Không cần phải che chở Bapak khỏi đám đông, vì họ tự động tránh né đường đi của ông, luôn để một khoảng cách thoáng rộng độ một vài mét phía trước ông; điều này thật kì thú, khi trông thấy như thế nào đám đông không bao giờ đến gần ông, và như thế nào ông đi qua họ mà chẳng ai hoàn toàn nhận thấy gì.

Bapak đi về phía trung tâm bên trái hình như là nơi bớt sinh hoạt. Chúng tôi đi vào một hành lang kín đáo dẫn tới một bao lơn dài, nơi một cầu thang đem chúng tôi xuống mặt bằng thứ hai vắng người. Chúng tôi đi theo Bapak cho tới khi đến cửa kính một tiệm buôn. Bapak chợt đứng lại, mỉm cười lấy ngón tay chỉ một đôi giày rất xinh đẹp, màu xanh Nile, làm bằng da đánh mịn, được trưng bày tại một góc của tiệm bán giày.

Có vẻ vui thích, ông chỉ nói: "Đây là giày của Bapak".

Không có khách hàng nào khác trong tiệm buôn lớn đó, và Bapak đến ngồi ngay trên một chiếc ghế bành. Tôi dẫn cô bán hàng ra tới bao lơn, để chỉ cho cô thấy đôi giày màu xanh mà mình muốn. Tôi cho cô hay khổ giày mà chúng tôi muốn, và cô đi biến vào phía sau một cửa màn là nơi chứa giày. Sau một khoảng thời gian, cô trở ra buồn bã xin lỗi: "Xin ông thông cảm cho, nhưng đôi giày cuối cùng trong cửa kính lại không đúng khổ".

Mas Usma thông ngôn cái tin đó cho Bapak, nhưng Bapak lại tỏ vẻ ngạc nhiên nói: "Đôi giày đã có đó. Hỏi cô ấy một lần nữa xem sao".

Lúng túng, cô bán hàng đến hỏi cô quản đốc của tiệm đang đứng trên một chiếc ghế đầu đằng sau ngăn kéo để tiền. Cả hai đều tỏ vẻ hơi bức bối, họ đi kiếm trên những kệ đặt lộn xộn những hộp



chứa giày. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng ầm ầm của những hộp các tông, âm thanh khô cứng của những bao giấy, giữa những tiếng kêu van và cắn nhẩn. Cuối cùng, cô bán hàng lại trở ra nói: "Tôi đã nói với ông rồi mà, ông thấy đấy, không còn đôi nào trong kho. Xin cảm phiền!"

Bapak tỏ vẻ hoàn toàn không xúc động bởi tình cảnh đó, và tiếp tục điềm tĩnh đợi chờ.

Đột nhiên, chúng tôi nghe thấy một tiếng báo tin chiến thắng, nhưng không rõ, từ nơi thâm sâu của chỗ chứa giày: <»Đây rồi! Tìm thấy rồi!>>

Tỏ vẻ rất lúng túng, cô quản đốc trở ra nơi bán hàng, và đi thẳng tới phía Bapak mang theo một hộp đựng đôi giày màu xanh đúng khổ. Cô vội vã quỳ xuống nơi bên chân Bapak; Bapak nhìn một nơi xa xôi qua đầu cô mà không tập trung vào đâu. Trong nháy mắt, với đôi tay lành nghề, cô lấy đôi giày cũ ra để thay vào đó đôi mới, và nó tuyệt vời hợp.

Bapak đứng lên, rộng miệng mỉm cười nhìn các nhân viên của tiệm, và bắt đầu đi ra nơi cửa ra vào. Chúng tôi nhanh chóng thanh toán tiền mua giày và đi theo ông tới chỗ đậu xe.

## 8. Mù quảng lái xe dưới cơn mưa

Những vị làm việc tổ chức của Subud Anh yêu cầu tôi đi tìm một chiếc xe lớn, không quá mắc tiền, để chở đoàn người của Bapak tới phi trường. Mấy cô cháu gái của Bapak là Ismana và Asikin cùng tôi ngồi trong chiếc Austin Maxi lớn chạy theo sau chiếc dẫn đầu chở Bapak và Ibu trên xa lộ. Thời tiết bất thường, và nhìn về hướng nam thì có thể trông thấy những đám mây đen tối đáng ngại. Chiếc xe chúng tôi theo sau là một chiếc Rolls-Royce cũ mà những đèn chiếu hậu hình tròn và đèn chỉ thị rộng không hơn 5cm. Bapak thích cho xe mình chạy nhanh, và anh bạn Lambert Coles lái xe cho chạy khoảng 145km/h.

10 phút sau, chúng tôi bị một cơn mưa nặng, và tôi rất khó có thể theo sau chiếc Rolls-Royce chạy nhanh hơn. Các hành khách Nam Dương đang cười nói những chuyện vui đùa, và trong xe có một

không khí khá vui vẻ, trong khi tôi hoàn toàn tập trung vào những gì xảy ra trên đường.

Chợt nhiên, tôi kinh khiếp thấy cần gạt nước bên phải không chạy nữa.

"Tôi thiếu mình còn cái bên trái". Tôi tự tin nói với mình. Nhưng cũng không báo trước, một vài phút sau cái đó cũng không chạy!

"Oh là là! Chúng tôi sẽ phải làm sao đây? Mình phải dừng xe lại>>. Tôi lớn tiếng nói bằng tiếng Pháp.

Những người bạn Nam Dương của tôi không còn vui cười nữa. Họ hoàn toàn chú ý tới những gì đang xảy ra.

"Leonard, anh luôn phải theo sau Bapak". Ismana bình tĩnh nói. Cô ngồi bên trái tôi, và nhìn tôi với cặp mắt rộng và đẹp màu nâu.

Tôi trở nên căng thẳng vô cùng, tay nắm chặt tay lái, mũi hầu như đụng vào chiếc kính chắn gió trở nên mờ mịt. Tôi liếc nhìn theo sau hai cái chấm nhấp nháy nhỏ xíu màu đỏ của chiếc xe của anh Lambert. Đường xá ngập nước, và cơn mưa rào đã tăng lên, tạo ra trên chiếc Austin những âm thanh của tiếng trống cho những kẻ đi theo một đám tang.

"Không được, làm vậy thì ẩu quá, tôi phải dừng xe lại, chuyện này rất nguy hiểm!"

Bình tĩnh một cách cương quyết và nhìn tôi thật yên bình, Ismana đáp: "Tĩnh tâm, đừng lo lắng Leonard, chỉ việc theo sau Bapak và ca hát cùng chúng tôi".

Cô liền bắt đầu ca hát với một giọng trong rõ đường bệ, hoàn toàn không lo lắng. Ba cô cháu gái và Asikin cùng ca hát theo.

Tôi không ca hát được cùng với những người bạn mình, nhưng có thể bớt giữ chặt tay lái và ngồi yên, làm cho mình không còn nổi kết với sự sợ hãi của mình. Tôi nổi kết mình với cái nơi chốn trước kia khi mình lái xe cho Bapak, để cho một sự rung động siêu phàm trấn áp nỗi lo sợ của mình. Chuyện kì quái nhất xảy ra, khi anh bạn Lambert, anh không nhận thức được trận chiến đang xảy ra giữa

thiên thần và ác quỷ trong cảm xúc tôi, chợt vượt qua một chiếc xe vận tải, khiến tạo nên một bụi nước mỏng làm tiêu mất những chấm nhỏ xíu nhấp nháy màu đỏ của đèn chiếu hậu.

Cái tình cảnh phi thường lái xe mà không trông thấy gì đó tiếp diễn được 45 phút, thì bất ngờ tôi hầu như không còn trông thấy đèn chỉ thị nhỏ xíu màu da cam của chiếc Rolls-Royce lấp lánh về phía trái, khi nó chợt chạy chậm lại.

"Tại sao anh chạy chậm lại?" Ismana thắc mắc hỏi.

"Ismana, bởi vì anh Lambert Cole vừa mới đi ra ngoài xa lộ". Tôi nói một cách hơi bực mình, và dùng ý chí mình để tập trung vào việc giữ cho xe chạy trên bất cứ đoạn đường nào hiện đang trên đó. Đồng thời trong lòng mình, tôi dâng một lời cầu nguyện lên cái vũ trụ vô hình: "Lạy Chúa, xin Chúa làm cho chiếc xe đáng ghét này không còn chạy được nữa".

Chiếc Rolls-Royce đã hoàn toàn biến mất khỏi tầm nhìn; đoạn cuối con đường dẫn tới một đường vòng nhỏ bé qua một chiếc cầu, thì ngay lúc đó máy xe không chạy nữa. Tất cả chợt trở nên hoàn toàn yên lặng. Với động lượng còn lại của xe, tôi có thể lái xe qua đường vòng, và khiến cho nó chạy như nhảy lò cò tới một bãi cỏ bên cạnh một con đường.

"Leonard, tại sao anh dừng xe lại?" Một trong những người bạn Nam Dương hỏi.

"Tôi không cho xe dừng xe lại! Thượng Đế làm cho nó dừng lại!" Tôi vui vẻ trả lời với một nụ cười rộng miệng, vì cảm thấy nhẹ nhõm tránh được tình cảnh căng thẳng.

Cơn mưa thần diệu tạnh lại, và những ánh nắng của mặt trời mọc chào đón chúng tôi. Tôi quay mặt về phía mặt trời nhe răng cười, hai cẳng tay dựa trên tay lái. Năm vị hành khách của tôi bước ra ngoài xe đứng bên đường, trong khi tôi ghi chép trên bao thuốc lá mình số và hướng con đường chúng tôi trên đó.

Không đầy một phút sau, một chiếc Volkswagen cắm trại cũ kĩ và ọp ẹp không biết từ đâu chạy tới, và người lái xe lại là một hội viên Subud. Mím cười anh hội viên đó hỏi: "Các bạn đang có vấn đề?"

Asikin đáp: "Anh có thể chở chúng tôi tới phi trường Heathrow? Giúp chúng tôi đi, chuyện này cấp bách".

Anh hội viên đó vui lòng chở họ tới phi trường, và họ ra đi trong một làn khói đen. Mọi người vui vẻ vẫy tay chào và cười nói qua cửa kính khi xe chạy. Như do phép thần, có một trạm điện thoại bên cạnh xe tôi. Tôi gọi điện thoại công ty cho mượn xe, cho họ hay những gì đã xảy ra và vị trí của chiếc Austin Maxi. Tôi trở lại nơi lề đường, chỗ chiếc Volkswagen đã chạy tới và bắt đầu ca hát trong lòng, vì cảm thấy thoải mái, được ban ơn và nhẹ nhõm là không có gì quyết liệt đã xảy ra.

Một chiếc Volvo lớn chở hàng chạy chậm lại, và tôi nhận ra người đàn bà lái xe, vì chị đã có mặt trong một buổi nói chuyện nọ của Bapak tại London.

"Leonard, trời đất quỷ thần ơi, anh đang làm gì ở đây? Tôi có thể giúp được gì cho anh?" Chị ân cần hỏi.

Tôi kể cho chị về chuyến phiêu lưu bất thường của mình, và chị chở tôi thẳng tới phi trường Heathrow. Nơi chốn rộng lớn có vẻ vắng người, và khi nhìn chung quanh để tìm kiếm một đám người Subud, tôi nhận ra Bapak đang ngồi một mình trên một chiếc ghế dài. Khi tôi đi về phía ông, ông nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên và hỏi: "Ismana, Asikin và những cháu gái của Bapak không đi cùng xe với bạn hay sao?"

"Bapak, chuyện đó tôi không biết, họ đi một chiếc xe khác vì xe tôi không chạy được". Tôi cố gắng giải thích, vì cảm thấy mình có trách nhiệm là không đem họ theo cùng mình. Tôi cho ông hay là chiếc xe tải Volkswagen của một hội viên Subud đã chở họ đi. Bapak không rành tiếng Anh, và tôi thấy ông hoàn toàn không hiểu những giải thích của mình.

"Làm sao bạn lại ở đây? Đến trước những người kia?"

"Bapak, tôi không biết tại sao. Khi xe tôi hư, họ đi trên một chiếc khác, và không còn chỗ cho tôi nữa. Có lẽ người lái xe đã đi lạc?" Tôi trả lời, hai tay dang ra, vai hơi nhún.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi 20 phút sau, 5 vị hành khách của mình

đến. Với những tiếng cười và điệu bộ họ giải thích cho Bapak hay bằng tiếng Nam Dương là anh bạn lái xe tốt bụng của chiếc xe tải Volkswagen đã không biết đường tới phi trường!

## 9. Bapak bất ngờ thay đổi chương trình

Nói tới chuyện tại phi trường làm tôi nhớ tới một biến cố khác xảy ra cuối thập niên 50. Bapak và một đoàn người đông đảo gồm 15 người của mình đã lấy vé cho chuyến bay tới Tây Ban Nha. Họ đang ngồi trong phòng đợi của phi trường, để nghe gọi tới cổng lên máy bay, thì không hiểu tại sao Bapak lại nói với vị có trách nhiệm về hộ chiếu và vé máy bay: "Bapak và đoàn người đi theo sẽ không lên chuyến bay này. Xin bạn vui lòng xoay sở đổi vé cho chuyến bay kế tiếp tới Tây Ban Nha?"

Một cách khá nhọc nhằn và phải mất thêm tiền, vé máy bay được đổi lại. Ngày hôm sau các trang đầu trên báo chí cho chúng tôi hay chiếc máy bay đáng lí ra đoàn người phải lên đó, đã đâm xuống rặng núi Pyrenee. Không ai đã sống sót.

## 10. Ý thức được phương diện tâm linh của thế giới vật chất

Đến đây tôi sẽ kể cho bạn chuyện như thế nào tôi đã trong trạng thái sáng suốt đụng chạm nơi bản thân mình với ảnh hưởng mãnh liệt của thế giới vật chất trong cái bản tính tế nhị, yếu ớt và dễ bị ảnh hưởng của chúng ta. Từ 'vật chất' là cái gì rất cụ thể; nói cách khác, khi ta nghĩ tới vật chất, thì nó liên quan tới sự sáng tạo của trí óc cùng với vật chất. Tôi nghiệm được một tình cảnh trong đó mình hiểu được rằng thế giới vật chất có cái thực thể tâm linh của chính nó, vị trí của nó trong cái mức độ tương ứng của thế giới tâm linh.

Lần đầu tiên tôi rõ rệt nhận thấy nó là trong một buồng đợi cho các VIP tại phi trường Heathrow, lúc nào đó trong thập niên 60. Bapak và đoàn người của ông đã viếng thăm nước Anh, và tới lúc phải lên đường cho chuyến đi thế giới. Chuyến bay tới nước Mỹ đã bị hoãn lại 2 tiếng, và buồng đợi VIP người ta dành cho chúng tôi tương đối nhỏ bé cho nhóm người đông đảo của chúng tôi. Các hội viên Subud thường đến để chào tạm biệt Bapak, hay để chào

mừng ông đã đến. Lần này thì hiển nhiên có tất cả là 35 người chúng tôi, không kể những người sẽ lên máy bay.

Bản tính của tôi là kín đáo và không muốn nổi bật, nên tôi để cho những vị khác được gần cận Bapak. Bapak và gia đình ngồi trên một vài chiếc ghế bành rộng bằng da đối diện những cửa kính nhìn ra sân bay, trong khi các hội viên Subud thì ngồi chung quanh ông trên sàn nhà trải thảm. Những vị không có chỗ ngồi thì phải đứng, lưng dựa vào tường. Tôi đứng cạnh cánh cửa duy nhất của phòng, vì cảm thấy mình nên tại đó để coi chừng là những ai không là hội viên Subud thì không được vào.

Bapak đang nói chuyện với chúng tôi, và muốn chứng minh là những gì nói thì cũng có thể tiếp nhận được qua giai điệu, nên ông bắt đầu ca hát. Ông có một giọng nói êm dịu, quyến rũ, và những gì ông nói thì đẹp như một bài thơ. Điều rất thường xảy ra là ông hay ngưng nói, để điều mình hát được dịch ra tiếng Anh. Mọi người tại đó có vẻ như được đem lên một cảnh giới tâm linh hài hòa siêu phàm.

Tôi ngạc nhiên khi đột nhiên trông thấy với cặp mắt nội tâm mình một số những gì có thể gọi là những sinh vật nhỏ bé quái đản, mình đầy lông và gai, răng dài, tai lớn và nhọn, có vuốt thay vì móng tay. Chúng chạy nhảy đây đó, muốn vào trong phòng để xen vào cái tình trạng đồng nhất tuyệt vời mà chúng tôi đang nghiệm được.

Đụng vào hông tôi, quả nầm của cửa từ từ chuyển động, và cửa hơi hé mở. Không có nhiều chỗ để di chuyển, nhưng tôi cũng có thể di chuyển tới nơi hé mở và lắng tai nghe.

“Đây không là buồng VIP của mấy người, mọi người phải đi ra ngoài! Chuyện này cấp bách”.

Tôi nghe thấy một giọng nói như bị bóp nghẹt của đàn bà: “Xin lỗi, bây giờ thì không được”.

Tôi thì thầm nói đáp lại, và đẩy cửa cho tới khi nó đóng lại.

Bapak vẫn còn đang ca hát; hiển nhiên không ai đã nhận thấy cái biến cố đó. Tôi nhắm mắt lại, và trở lại cái trạng thái yên tĩnh của

nội tâm, để vui thú với sự tiếp nhận của Bapak.

Một lần nữa, tôi tri giác được lũ sinh vật quái quỷ nhỏ bé tỏ sự bức tức, nhưng lần này thì tôi cản quả nằm của cửa với đôi tay mình. Tôi nhận thấy mình ra lệnh cho chúng đi chỗ khác, do một uy quyền thiêng liêng. Việc làm đó có hiệu quả. Tôi nghe thấy âm thanh của những bước chân dần dần tan biến trong hành lang.

Cảm thấy nhẹ nhõm, tôi để cho giọng nói du dương của Bapak khiến mình thư thái. Một khoảng thời gian sau, lũ quỷ quái nhỏ bé của thế giới vật chất lại trở về trong tầm nhìn của nội tâm tôi, và lần này chúng đến để phá phách. Một lát sau nữa, có ai đó đang gõ cửa. Trong sự yên tĩnh của nội tâm, tôi trông thấy lũ sinh vật nhỏ bé đó tỏ sự bức tức và hăm dọa, khi chúng chạy nhảy tứ tung để phá phách. Như trước đó, tôi đạt được trong lòng mình một mức độ khiến mình có một uy quyền an hòa và hùng mạnh. Từ đó, tôi ra lệnh cho mỗi đứa đi chỗ khác và không được quấy phá chúng tôi. Phải mất khá nhiều thời gian vì có nhiều đứa, nhưng cuối cùng không ai còn gõ cửa nữa. Chuyện này, chắc chắn là vậy, độc giả phải thấy thật kì quái. Tôi chỉ có thể minh giải là hồi đó đó là cách tôi tri giác được trong lòng sự biểu hiện náo loạn của thế giới vật chất tạo nên bởi những nhân viên cấu kính của phi trường.

Rút cuộc Bapak đến chỗ cuối sự tiếp nhận của mình; hình như tất cả những ai có mặt đều đang bay bổng trên một cảnh giới siêu phàm và muốn kéo dài điều đó tới mức tối đa. Bapak nhìn đồng hồ mình, đứng lên nói:

“Đến lúc phải lên máy bay, xin cảm ơn và chào mọi người”.

Tất cả đều ngồi dậy trên đôi chân mình, và tạo lối đi cho Bapak rời khỏi buồng VIP. Tôi lanh lẹ mở rộng cửa, và khi đi ngang qua, Bapak dè dặt nhìn vào đôi mắt tôi mỉm cười, khiến tôi cảm thấy ông đã nhận thức được sự tranh đấu của tôi với lũ sinh vật nhỏ bé quỷ quái của thế giới vật chất.

Khi đi cùng với đoàn người trong những hành lang dài của phi trường, tôi suy nghĩ về những gì đã xảy ra. Cái chứng nghiệm bất thường đó là kết quả trí tưởng tượng của mình? Không hẳn là vậy, vì nó rất có thật và bất ngờ. Vậy, lũ quỷ quái phá phách và hung

tợn hình như đã mỗi lần hiện ra trên màn ảnh của nội tâm tôi, trước khi chúng thành sự thật bởi tiếng nói và âm thanh nơi cửa. Tôi không muốn kết luận bất cứ gì, mà chỉ coi cái chứng nghiệm đó là như vậy. Sau khi đoàn người đã ra đi, tôi đến nơi thông tin để hỏi tại sao chúng tôi không được yên ổn trong buồng VIP. Một nhân viên đến cho biết là đã có một sự lầm lẫn: buồng VIP của chúng tôi, buồng sang trọng nhất của phi trường, đã được dành cho quốc Vương của Ả Rập Xê Út và đoàn người của ông. Viên chức của phi trường đã bắt buộc phải cho nhà vua ngồi đợi trong một buồng tầm thường khác.

## 11. Thăng hễ của Thượng Đế

Đầu tháng 8 năm 1983 trong một chuyến thăm viếng nước Anh, Bapak có một buổi nói chuyện cho phụ tá và hội đồng quản trị tại khách sạn Tara Hotel ở London. Nhiệt tình đi dự buổi họp, Melinda và tôi dàn xếp cho một người giữ trẻ trông coi con cái mình lúc ban ngày.

Hồi đó, tôi là thành phần ban phụ tá quốc gia của Anh, và chúng tôi đã chuẩn bị một vài thắc mắc mình mong sẽ hỏi Bapak. Điều xảy ra là nhân vật làm phát ngôn viên cho chúng tôi không đi dự được hôm đó, nên tôi được yêu cầu thay thế anh. Tôi rành tất cả những thắc mắc, vì chúng tôi đã cùng nhau bàn luận trước đó. Nhưng tôi vẫn còn cảm thấy chưa được chuẩn bị và thấy hơi khó chịu, khi nghĩ mình sẽ lên đứng trước mặt Bapak và một cử tọa đông đảo.

Có 3 thắc mắc chánh yếu mà tôi được yêu cầu sẽ hỏi Bapak; đó là những điều đại loại như sau:

- 1) Bapak có thể cho biết thêm về việc làm trắc nghiệm về những hội viên không có mặt trong buổi họp?
- 2) Làm cách nào chúng tôi có thể cải thiện bản thân và sự tiếp nhận của mình?
- 3) Bapak có thể cho biết thêm về chuyện làm trắc nghiệm không giới hạn?



Theo thói quen, Bapak khai mạc buổi họp bằng cách chào mừng tất cả chúng tôi, rồi tuyên bố mình chỉ muốn sáng nay nói chuyện với phụ tá và hội đồng quản trị. Ngoài ra, Bapak còn nói là sẽ chú tâm tới hội viên trong một buổi họp khác, khi đúng lúc. Tôi được yêu cầu lên đứng trước mọi người, để bày tỏ những thắc mắc của phụ tá quốc gia. Tôi đã tập latihan hơn 25 năm, và không còn bị căng thẳng nữa, khi Bapak hiện diện ngay bên cạnh mình. Thực ra, tôi vui mừng vô cùng, vì được cơ hội thay thế cho anh bạn mình.

Bapak trả lời câu hỏi về trắc nghiệm. Ông luôn trông thấy được toàn bộ khung cảnh, khi giải thích trắc nghiệm có thể khiến ta nhận thức được một người khác cảm thấy như thế nào. Nhưng nó cũng có thể có một tác động làm mất sự hài hòa, vì người ta có thể cảm thấy bị chỉ trích hay bị chia rẽ mũi dùi vào, và như vậy thì sẽ không có kết quả tốt. Ông giải thích tiếp là nếu hỏi Bapak những điều này nọ, chúng ta không thực sự nghiêm được giải đáp, mà là chỉ nghe những gì ông nói, và do đó không thực hành những gì là sự thật chứa trong câu hỏi. Tiếp theo, Bapak mô tả các sức mạnh - vật chất, thực vật, thú vật và con người - đặc biệt nói về sức mạnh vật chất là cái ảnh hưởng mạnh nhất tới đời sống con người. Bapak lấy Adam làm thí dụ, một người chỉ việc mong muốn là có ngay những gì mình cần. Nhưng khi Thượng Đế ra lệnh cho Adam xuống sống trên trần gia, ông nghi ngờ: "Làm sao con có thể sinh sống nơi đó?"

"Con phải dùng trí óc mình để chế biến những khoáng vật và thảo mộc Ta đã đặt ở đó, và sinh sống bằng công việc và nỗ lực của mình."

Bapak vạch chỉ ra như thế nào con người, bằng cách dùng trí óc, đã có thể chế một chiếc xe hơi từ một mớ sắt, rồi tinh luyện nó thành một chiếc Rolls-Royce.

Nói về tâm linh mà thiếu chứng nghiệm chỉ là nói những chuyện tầm phào, chẳng có nghĩa lí gì.

Để có thể giải thích thêm về sức mạnh vật chất, Bapak quyết định cho chúng tôi làm một vài trắc nghiệm. Ông yêu cầu hai người nam lên đứng tịnh tâm trước mặt mình. Tôi lên cùng với một anh

bạn tên là Mansur. Chúng tôi yên tĩnh đứng chờ đợi.

Trước hết, Bapak nói với anh Mansur: "Hãy tiếp nhận tính tình của Leonard là như thế nào."

Mắt nhắm lại, anh Mansur biểu lộ qua sự tiếp nhận của mình những động tác và âm thanh liên quan tới tính tình tôi.

Kể đến, Bapak hỏi sự tiếp nhận đó có nghĩa gì. Anh Mansur cho hay mình cảm thấy một nghệ sĩ đang làm những việc này nọ, một người có nghĩa khí với những người khác, và thích làm cho thiên hạ thân thiện nhau. Bapak hỏi anh: "Theo tâm trí bạn, như vậy là đúng?"

Ông liền nói tiếp: <>Đúng, công việc của Leonard đã cho thấy những tính chất mà bạn đã tiếp nhận>>.

Bapak yêu cầu chúng tôi tịnh tâm một lần nữa.

"Sức mạnh vật chất, nó cư trú nơi đâu trong bản chất các bạn?"

Trong một lúc, Bapak để cho chúng tôi tuân theo sự tiếp nhận cá biệt của mình. Đôi tay tôi từ từ đưa lên bao lấy đầu mình, và tôi cảm thấy sự sáng sủa trong đầu óc mình. Trong lúc tiếp nhận, tôi nhớ tới một chứng nghiệm ở Nam Dương, khoảng 10 năm trước (điều này sẽ thuật lại trong chương 5) nơi những ngọn lửa màu xanh rửa sạch bên trong sự sợ hãi.

Bapak hỏi tôi đã tiếp nhận như thế nào, và tôi đáp là mình cảm thấy mãnh liệt sức mạnh vật chất trong đầu.

"Đúng vậy! Nhưng đó không là một điều xấu. Nó có nghĩa là bạn có đầy những ý nghĩ về cái thế gian này. Leonard có những ý nghĩ sáng suốt và tốt đẹp về kinh doanh, có đúng không?"

"Thưa đúng, Bapak"

Ông quay sang phía anh Mansur nói: <>Nhưng bạn Mansur thì khác. Sức mạnh vật chất cư trú trong tim bạn, nên các ý nghĩ vẫn còn trong cảm xúc bạn mà không ra ngoài, không hoàn tất được. Có đúng thế không?>>

“Thưa đúng!” Anh Mansur đáp.

Bapak nhấn mạnh sự quan trọng của việc làm những trải nghiệm như vậy, và quay qua về phía tôi nói tiếp: “Leonard, bây giờ hãy tiếp nhận bản tính mình”.

Khi buông thả và tịnh tâm, tôi trở thành bản tính của chính mình. Cảm thấy một tình trạng cân bằng tối đa và thoải mái trong bản chất, gần như tình trạng thanh thản và muốn cười, tôi chắc đang mỉm cười. Tôi nhẹ nhàng di chuyển đây đó, khi cảm thấy mình đang cầm trong tay những cọ vẽ và nói chuyện với khách hàng. Đã quan sát những động tác và biểu lộ của tôi trong lúc trải nghiệm, Bapak mô tả bản tính tôi: “Khi làm như vậy, bạn sẽ thành công. Nhưng nếu bạn nghiêm trọng, thì sẽ chẳng được chuyện gì hết”.

Bapak quay sang phía cử tọa nói: “Những điều như vậy sẽ khiến các bạn nhận biết được bản thân mình, cách thực hiện như thế nào những chức năng của mình, tìm ra những bí mật được cất giấu của mình”.

Rồi ông lại quay qua phía tôi: “Leonard, hãy tiếp nhận qua những động tác của mình. Công việc của bạn có hợp với ý Thượng Đế không”.

Tôi tiếp nhận được việc cảm thấy gần gũi với nguồn gốc mình, và sống trọn vẹn theo cá tính mình.

“Tốt! Do đó mà vợ bạn đã khỏe mạnh trở lại khỏi một căn bệnh rất hiểm nghèo gọi là bệnh ung thư máu. Bạn là thuốc men của bà”.

Ông nói tiếp: <>Bạn là một thẳng hề của Thượng Đế. Bapak cầu nguyện cho vợ bạn hoàn toàn được lành bệnh. Bạn là thầy mo của bà>>.

Mọi người trong cử tọa đều cười.

“Vậy, dù cảm thấy mình chỉ là người thường, bạn vẫn còn rất có khả năng làm lành bệnh... Bạn là một anh hề khôn khéo”.

Bapak kết luận nói: “Như vậy là đủ rồi. Vừa rồi là biểu diễn cho bạn thấy được thực tại. Tại sao bạn đã đưa ra tất cả những câu

hỏi đó? Ai chọn bạn làm chuyện đó?”

Tôi cho hay: “Các phụ tá quốc gia đã yêu cầu tôi, vì anh Muchtar, đại diện của chúng tôi, không thể có mặt sáng nay”.

Bapak nhớ lại: “Bapak đã gặp anh Leonard tại Coombe Springs cách đây hơn 20 năm, và lúc đó nghĩ anh ấy là một người thích vui đùa và luôn đứng trên bàn chân mình”.

Cái chứng nghiệm đó có tác động rất mạnh. Qua cái trắc nghiệm không che giấu đó, Bapak khiến tôi nghiệm được như thế nào phần bên trong tương ứng với lối cư xử bên ngoài của mình, và do đó khiến cảm thấy tự tin hơn. Cũng sáng hôm đó, tôi nhìn nhận với Bapak là khi con cái mình bị bệnh hay bị cơn đau này hay cơn đau kia, tôi thường yên tĩnh ngồi cạnh chúng, đôi khi đặt tay mình lên nơi có cơn đau, cho tới khi nó hoàn toàn mất đi.

## C. Về sự lấy tên mới, thụ thai, tính dục, sống và chết

### 1. Trở thành cha mẹ

Đứa con đầu lòng của chúng tôi loan báo sự hiện diện của nó, bằng cách gây nên cho Jean (sau này đổi tên là Melinda) những đợt co thắt êm dịu. Cô cảm thấy những đợt đầu tiên lúc buổi sáng; lúc cuối chiều, khi những điều đó trở nên thường xuyên hơn, chúng tôi cảm thấy đến lúc phải đến bệnh viện Montsouris, gần Đại Học Paris, nơi Jean đã đi khám phụ khoa.

Một bà xơ ghi vào một cuốn sổ bìa bọc da lúc chúng tôi đến, và dẫn chúng tôi tới thang máy. Nơi lầu ba, người ta chỉ chúng tôi tới một phòng nhỏ bé. Chúng tôi đã chuẩn bị cho lúc sinh đẻ, và Jean âu yếm sắp xếp gọn ghẽ tất cả các thứ quần áo của bé thơ trong một cái giỏ bằng rơm. Sau khi sắp đặt lại một vài đồ dùng của Jean trong buồng ngủ tạm thời, tôi quyết định chuồn ra ngoài, trước khi các cửa hàng đóng cửa, để mua cho cô một vài trái cây và nước uống. Vậy nên, tôi quyết định thuê một buồng trong một khách sạn rẻ tiền gần đó, trong trường hợp mãi tới đêm mới sinh đẻ.

Khi tôi trở lại bệnh viện thì chắc đã khoảng 9 giờ khuya. Tôi bấm chuông và phải đợi chờ có vẻ rất lâu. Cuối cùng cửa mở ra khoảng

5 cm, và một cái mũi dài hiện ra cùng với một cặp mắt màu xanh nhạt nghi ngờ nhìn tôi:

“Nghỉ làm việc rồi, mai hãy đến!”

“Nhưng vợ tôi sắp đẻ mà, có thể là ngay lúc này!” Tôi rưng rờ đáp lại. Tôi nhẹ nhàng dùng sức đẩy cửa, chèn chân mình giữa khung cửa và cửa kính dày, để không cho nó đóng lại.

“Ông đi mau, nếu không tôi kêu cảnh sát”. Bà sơ hăm dọa nói.

Dùng bạo lực mà mình nghĩ là chính đáng, tôi chen lấn vào nơi hành lang ra vào. Bà sơ trưởng giận đỏ mặt, toàn thân run rúc, cảm lạnh đứng nhìn khi tôi đi thẳng tới thang máy. Trước khi bà có thể nắm lấy mình, tôi đã bấm nút, và cửa tự động đóng lại trước mặt bà sơ cáu tiết. Tôi đi dọc trên hành lang dài, và tìm thấy phòng mổ. Tôi rụt rè gõ cửa 3 lần, mở nó ra và nhìn vào phía trong.

“Hello, anh là người cha? Vào đây. Co rút trở nên thường xuyên hơn” bác sĩ phụ khoa đã nói với tôi. Chẳng bao lâu nữa ông ấy sẽ xong”, một cô y tá vui vẻ và trẻ trung nói với tôi để tôi yên lòng.

Jean đang nằm trên một bàn để còn trải khăn trắng. Đầu gối cô co lên; trông cô có vẻ hơi lo lắng và cô nói bằng tiếng Anh: “Em cảm thấy thanh thản là cuối cùng có mặt anh, anh đã đi biển đâu mất? Họ trói buộc mắt cá chân em, em cảm thấy như một tù nhân, em không thích chút nào!”

Tôi đứng bên cạnh cầm tay cô, điềm tĩnh mỉm cười hỏi: “Em đã tập cách hô hấp đặc biệt chưa?”

“Rồi, em đang thử, nhưng khó kinh khủng khi bị co rút, rất đau!” Cô nhăn nhó đáp, muốn chia sẻ với tôi cơn đau của mình.

Chắc khoảng 11 giờ đêm khi cửa phòng mổ mở tung. Bác sĩ phụ khoa bước vào phòng mổ với vẻ tự phụ; ông làm tôi nhớ tới tài tử Errol Flynn với bộ râu mỏng nhỏ và cặp mắt lớn màu xanh, trống trọi và tỏ vẻ lo lắng. Tôi rất ngạc nhiên thấy ông ăn mặc một cách kì cục nhất: đôi giày bóng dài bó sát bằng vải dẫu của ông lên cao tới đầu gối để trần. Ông mặc quần soóc cũng bằng vải dẫu,

không mang áo sơ mi, nhưng là một tạp dề bóng loáng che phía trước ngực và chạy xuống chóp đầu gối. Cánh tay và lưng ông hoàn toàn để trần.

Khi nhận thấy lỗi ăn mặc kì dị đó, Jean hơi mỉm cười vì sự thiếu lâm đó, trước khi cô bị một cơn đau co rút khác làm cho mất cười.

Bác sĩ nhìn tôi nói với một giọng hơi trêu chọc nhưng có ý cảnh cáo: "Ông Lassalle, chắc ông biết điều này là những người cha còn trẻ như ông thường không tránh khỏi bị ngắt xiu trong lúc sinh đẻ của đứa con đầu lòng. Tôi khuyên ông đi khỏi nơi đây, vì chẳng bao lâu nữa đứa bé sẽ sinh ra. Chúng tôi không muốn ông bất tỉnh trên sàn nhà, khi điều đó xảy ra, ông hiểu chứ?"

Tôi cảm thấy uể oải, điều này là sự thật, và chắc trông khá nhợt nhạt, nhưng đó là do tôi cùng hô hấp với vợ mình một cách liên tục và nhanh chóng hơn. Chắc chắn tôi sẽ không muốn đi khỏi nơi này trong một giây phút trọng đại của cuộc sống chúng tôi.

"Cảm ơn bác sĩ đã nhắc cho tôi; tôi cảm thấy mình không là một vấn đề trong lúc sinh đẻ". Tôi rộng miệng cười trả lời ông. Jean dùng hết sức đẩy ra ngoài một lần cuối; cô y tá và bác sĩ bày tỏ sự thông cảm của họ bằng cách lớn tiếng tán thành: "Nào! Nào!"

Một cái đầu nhỏ bé, nhăn nheo, ẩm ướt, vẻ nghiêm trang và tóc đen quăn hiện ra. Tôi chợt cảm thấy một cơn đau sắc nhọn nơi bàn tay phải: những móng tay của Jean đâm ngay vào da thịt tôi, khi cô đẩy đứa bé ra ngoài một lần cuối.

Cầm đầu đứa bé với một bàn tay, bác sĩ thận trọng dẫn dắt cơ thể nó ra ngoài với bàn tay kia. Cái cơ thể nhỏ xíu, lầy nhầy đó theo ra không chút chống cự, và ngay sau đó bác sĩ cầm chân nó cho đầu nó lộn ngược xuống đất, trong khi dây rốn còn nối với nhau thai vẫn trong tử cung.

"Một đứa con gái!" Họ cùng la lên. Jean ngẩng đầu lên, vì phần trên thân thể cô dựa trên khuỷu tay cô. Cô kinh ngạc nhìn, và hoàn toàn say mê vui sướng vì đứa con mới chào đời. Cô vui mừng nhìn tôi, nụ cười hớn hở, khắp nơi trên khuôn mặt có những hạt long lanh của mồ hôi. Lòng đầy tình thương của người mẹ, cô

quay đầu trở lại phía đứa bé mà bác sĩ vẫn còn cầm chắc trong tay cho đầu nó lộn ngược xuống đất.

Sau hai hay ba lần lay động mạnh mẽ, đứa bé chợt giật dữ kêu thét. Âm thanh the thé đó khiến tôi lạnh xương sống, lập tức khiến cái bản năng người cha của tôi thấy rất cần phải bồng bế nó, làm cho nó yên lòng là mọi chuyện đều tốt đẹp. Nhưng tôi cự lại sự thôi thúc đó. Tôi nhận thấy khuôn mặt Jean tỏ sự lo ngại: ngay lúc đó cả hai chúng tôi đều độc lập nhận thức được một thực tại mới: việc trở thành cha mẹ.

Bác sĩ cười và nói lớn tiếng để lấn át sự phản đối của đứa bé: "Đây này, đây này, đây là một cô gái trông mạnh khỏe biểu lộ một cá tính cương quyết và năng nổ!"

Cẳng tay và những nắm tay nhỏ bé xiết chặt lại trên ngực của nó chứng tỏ sự tức giận, như nó hết sức phản đối cách đối xử thiếu trang trọng đối với nó trong một lúc trọng đại là sự xuất hiện của nó trên cái thế gian này.

Khi nó được đỡ dành và nằm trên bụng mẹ, dây rốn nó được uốn gấp lại thật khít và cắt đứt khỏi cái nguồn gốc nguyên thủy đã nuôi dưỡng và tạo an ninh cho nó. Cơ thể nhỏ xíu của nó nghỉ ngơi và hít thở, cặp môi đỏ tía tươi đẹp sùi bọt mép.

Bác sĩ dịu dàng kéo phần còn lại của dây rốn uốn cong màu đỏ đậm, trong khi vững chắc ấn lên bụng Jean để lôi ra cái túi thần diệu được 9 tháng đã là nơi trú ẩn của đứa con chúng tôi...

Bây giờ thì có 3 mạng, tôi nhận thức được tình cảnh mới của chúng tôi là có một gia đình. Nhẹ nhàng ẵm con gái mình, Jean vui thích ngắm nhìn nó một cách dịu hiền. Cô nhìn tôi hỏi: "Phải đặt tên nó là gì?"

Tôi không biết phải đặt tên ra sao đứa con mới này của mình. Chúng tôi quyết định sẽ nhìn nó kĩ hơn sau lúc sinh đẻ, thì mới để kiểm được một cái tên, nhưng lúc này thì chẳng biết phải làm gì... Chúng tôi nghĩ tới một vài cái tên, nhưng những cái đó đều có vẻ giả tạo.

Đứa bé có những dấu hiệu cho thấy nó đói. Miệng nó mở và đóng,



đầu quay sang phía này tới phía kia, như nó đang tìm kiếm cái gì đó. Tôi thấy mình là khán giả cái quá trình đang xảy ra của việc trở thành một người mẹ.

Trong khi đang bồng đứa con gái quắn quại trong cánh tay trái mình, Jean để hở phần ngực bên trái đầy sữa, rồi yêu kiều kẹp giữa ngón tay trở và ngón tay giữa núm vú nhô ra màu sôcôla mà cô nhẹ nhàng đưa vào cái miệng đang đòi hỏi. Sự tiếp xúc lần đầu thật nồng nàn; cặp môi nhỏ bé ngậm cái vòi hậu hĩ và bú một cách ồn ào và ngẫu nhiên một thức uống mà tôi nghĩ là ngọt ngào.

Tôi cung kính nhìn cảnh đẹp của việc trở thành một người mẹ, điều này như là đứa bé đã nối kết trở lại với mẹ nó, cả hai đều vô cùng vui mừng nghiệm thấy mình chỉ là một. Tôi chợt cảm thấy mình không hợp cảnh phải lỗi chút nào. Tôi đang nhìn xem, quan sát, nhưng biết rằng mình hoàn toàn không thể dự phần vào sự trải nghiệm khiến kinh ngạc của việc như thế nào là một người đàn bà.

Tôi nghĩ: "Đó là cách cái thế gian này đã được tạo ra, đàn ông khác hẳn với đàn bà, mỗi bên đều có vai trò đặc biệt của mình, sống trong những cảnh giới khác nhau của nhận thức".

Phải nói rằng tôi cảm thấy khá đơn độc trong lúc đó; tôi đứng nhìn cái cảnh đẹp đó nhưng như thế nào đó lại là kẻ ngoài cuộc. Đứa bé đang ngủ, không còn nắm vú mẹ nó nữa. Jean chợt có vẻ mệt mỏi, và đến lúc tôi phải để cho họ nghỉ ngơi. Tôi bế đứa bé lên trong cánh tay mình, đặt mũi mình gần khuôn mặt an bình của nó, và ngửi thấy mùi vị yếu điệu của trẻ thơ khi tôi dịu dàng cọ xát mũi mình vào mũi nó. Kế đến, tôi hết sức thận trọng đặt nó nằm trong chiếc giường cũ bên cạnh.

Tôi hôn Jean trên trán, nhìn vào mắt cô nói: "Tuyệt vời, em yêu, em đã sinh ra một đứa bé đẹp như vậy".

Cô mỉm cười rồi nói khi tôi đi ra phía cửa: "Nhân tiện, anh có trông thấy cái túi giấy màu nâu đậm trên sàn nhà? Đó là cái nhau. Hình như bố phải thanh toán nó bằng cách này hay cách khác".

Tôi cầm cái túi nặng nề và quý báu đó lên, vẫy tay chào rồi đi ra

ngoài. Khi ra tới ngoài đường, tôi hít thật sâu khí mát ban đêm, nhìn đồng hồ mình và ngạc nhiên thấy đã hơn một giờ khuya. Đi nhanh về khách sạn, tôi để ý đến một sự khác biệt trong chính mình; tôi không thể vạch đúng đó là gì trong lúc đó. Nhưng hiện nay khi viết về chuyện đó, tôi hiểu được rằng sau lúc sinh đẻ buổi tối, ý thức tôi đã khuếch trương để bao gồm vào bản chất mình điều chúng ta gọi là 'gia đình'.

Bây giờ đứa bé sơ sinh ấm cúng nẫu mình trong nội cảm tôi, khiến tôi mạnh mẽ hơn: thực ra phần nào sức mạnh của nó đã giao ước với tôi để đổi lấy việc tôi thương yêu và chăm sóc nó.

Đến gần khách sạn, tôi nhận thấy một hàng thùng rác. Tôi đứng lại, mở nắp của một trong những thùng và do dự suy nghĩ: <>Làm sao mình có thể liệng bỏ cái túi thiên nhiên đáng kính này đã góp sức cho vợ chồng mình có một đứa con gái đẹp? Mình có nên chôn giữ nó dưới một góc cây nào đó? Phải, như vậy là lí tưởng. Nhưng khi nào, nơi đâu và như thế nào? Như thế thì không được, và mình cũng không thể cất vào tủ lạnh!>>

Tôi nghe thấy tiếng bước chân và cười nói từ một nơi nào đó; một cặp trai gái đang đi về phía tôi. Tôi nhanh tay vút túi đựng cái nhau ảm ướt vào thùng rác, và trầm tĩnh đóng nắp lại. Tôi đi nơi khác mà cảm thấy mang tội vì sự thiếu tôn kính với cái túi thần diệu vô lường đó. Phòng ngủ trong khách sạn rẻ tiền thật ảm đạm, giường ngủ thì cứng và chật, trần nhà thì như một sân thượng để lọt một màu vàng mờ nhạt từ những ánh đèn ban đêm của Paris. Tôi không thể ngủ, đầu óc mình đầy những tên họ và hình ảnh. Tôi không thể tách biệt những tên họ này nọ khỏi những khuôn mặt của những kẻ mình đã trông thấy, nghe nói tới hay quen biết. Sau một lúc lâu suy đi tính lại, tôi quyết định thức dậy để coi xem latihan có thể giúp mình được gì không. Tôi đứng trên tấm thảm nhỏ bé bên cạnh giường, và để cho latihan tuôn vào bản chất mình. Sau một lúc, độ 15 hay 20 phút, khi cảm thất nội tâm mình yên tĩnh, tôi hỏi: "Cái tên đúng thật đứa bé mới sinh của chúng tôi là gì?"

Tôi trông thấy Thái Bình Dương, một hòn đảo với những cây dừa, và một miếng vải bông in màu đỏ và trắng mà tôi nhận ra là được mang đến từ Taihiti. Những bạn thân của mẹ tôi đã tặng nó cho

chúng tôi tại Ile du Levant vài năm trước đó. Miếng vải đó phất phới trong cơn gió nhẹ của biển, và tôi thấy nó cũng được gói quần chung quanh một cô bé xinh đẹp tóc đen nhánh rộng miệng nhìn tôi cười.

Một tiếng nói vang dội trong tâm trí tôi: "Johanna!"

Tôi nghĩ: "Đúng là cái tên đó! Phải đặt cho nó cái tên Johanna. Nghe rất hay".

Hồi đó, tôi chưa nhận thức được mình vẫn còn trong cái thế giới chủ quan say sưa của phản ứng. Chỉ mãi sau này tôi mới hiểu được rằng cái tên đó đã không xuất phát từ một nguồn khách quan trong chân ngã mình, mà từ sự phản ứng đối với một hình ảnh hay có thể với điều gì khiến liên tưởng tới một Johanna mà mình yêu thích và trông thấy trong một phim nào đó. Sáng hôm sau, tôi trở về bệnh viện cảm thấy nhẹ nhõm và vui mừng, trong đầu mình chứa cái tên Johanna.

"Vây, anh đã chọn cho đứa bé gái chúng ta cái tên gì?" Jean hỏi khi tôi bước vào phòng. Chính mình cũng thấy chặc ă, tôi để cho cô nói trước tiên cái tên mà cô đã tìm thấy...

Tôi van xin: "Có rồi, nhưng em nói cho anh trước...Cái tên em có là gì?"

"Melia?" Cô chậm chạp nói.

Tôi thấy không chặc ă về cái tên 'Melia'; nó hơi ngắn và cũng không thường nghe thấy. Tôi tự hỏi không biết Jean đã kiểm được ở đâu.

Tôi rõ ràng phát âm cái tên mình đã chọn: "Johanna".

Mong biết được phản ứng của cô, tôi hỏi: "Em nghĩ sao?"

Cả hai chúng tôi đều cúi xuống phía chiếc giường cũ sơn trắng bằng kim loại để chăm chú nhìn đứa con gái đang yên lành ngủ của mình.

"Melia?" Tôi thì thầm nói. Đứa bé vẫn yên bình ngủ.

“Johanna?” Jean êm dịu nói. Đứa bé cũng không phản ứng. Cả hai chúng tôi đều cười.

Nên chúng tôi quyết định đặt tên con gái mình là Johanna Melia. Tôi vội vã ra khỏi bệnh viện để đến tòa thị chính đăng kí tên họ và ngày sinh tháng đẻ của đứa bé. Tôi không biết hiện nay còn làm như vậy không, nhưng hồi đó ở Pháp nếu không đăng kí tên con mình trong vòng 3 ngày, nhân viên tòa thị chính được quyền đăng kí đứa bé dưới bất cứ cái tên nào mà họ chọn.

Vì đã nghiệm được sự biến hóa cực kì tốt đẹp nơi mình khi Bapak cho tôi cái tên Leonard, và cảm thấy mình là chính mình, mỗi lần có ai gọi mình với cái tên đó, nên tôi nhận thấy ngay cái tên Johanna không phản ánh đúng bản tính đứa con đầu lòng của chúng tôi. Jean cũng đồng ý như thế và chúng tôi quyết định xin Bapak cho con mình một cái tên mới. Laura là cái tên mà Bapak cho, và nó thật thích hợp. Cả hai chúng tôi đều hài lòng, và nhận thấy điều này thật quan trọng, nếu có một cái tên tương ứng với chân tính mình. Chúng tôi cũng nhận thấy là hồi đó mình chưa có khả năng khách quan lựa chọn một cái tên cho con mình.

Thông thường, Bapak gửi cho các cha mẹ hai chữ cái đầu, một cho đứa con trai và một cho đứa con gái, và yêu cầu họ cho mình 5 cái tên cho mỗi đứa, những tên mà họ thích. Một khi nhận được 10 đề nghị, ông chọn cho mỗi bên cái tên nghe thích hợp nhất với sự rung động mà mình tri giác được. Có chuyện lí thú này là trước khi mỗi đứa trong 6 đứa con khác của chúng tôi sinh ra, một điều bất ngờ và tình cờ xảy ra khiến chúng tôi cảm thấy thoải mái vì một cái tên nào đó trong danh sách, so với 4 cái khác. Điều này như là chân tính của các đứa con tôi đã tìm cách chỉ cho chúng tôi biết được cái tên của chúng.

Phải mất nhiều trang giấy nếu thuật lại cho bạn hay về những gì liên quan tới sự sinh đẻ của mỗi đứa, mỗi lần là một chúng nghiệm độc đáo, nhưng sau này tôi cũng sẽ nói tới một hay hai trường hợp, để cho bạn thấy những thí dụ khác về những sự cố bất ngờ xảy ra liên quan tới việc đặt tên cho con cái chúng tôi.

## 2. Đi tìm người cha ruột thịt

Bà Myrette Dewevre, người đàn bà có lòng tốt cho chúng tôi mượn căn hộ của mình, quyết định đầu năm 1961 sửa sang nó lại, vì cần dùng nó cho chính mình. Điều này thật đột ngột và bất ngờ, chúng tôi không biết sẽ đi đâu ở. Mẹ tôi từ Cannes đến Paris để gặp chúng tôi sau khi cháu Johanna sinh ra, và dặn bảo Jean cùng tôi những điều hữu ích về cách trông nom một đứa bé sơ sinh. Sự có mặt của bà đã giúp chúng tôi rất nhiều, và bà xúc động vì đã trở thành bà nội.

Đối với Jean cho mẹ mình thấy Johanna là điều quan trọng, nên chúng tôi quyết định qua Anh dự Giáng Sinh, nhưng hoàn toàn không biết mình sẽ ăn ở tại đâu khi trở về Paris. Chúng tôi dọn dẹp sạch sẽ lại căn hộ, xếp gọn những đồ đạc của mình vào một nơi và lên đường qua Anh.

Bố mẹ Jean, vợ chồng Ortons, lấy làm vui mừng vì sự có mặt của chúng tôi và đứa cháu gái mới sinh của mình nơi tư gia họ tại Kent. Chúng tôi cũng đi thăm những bạn thân của mình là Jennifer và Peter Gibbs tại nhà sầy hoa bia của họ gần Crowborough.

Lỗi tu tập theo latihan đã trở thành một bộ phận của đời sống chúng tôi, và đương nhiên khi gặp những bạn bè cũng theo tập latihan, chúng tôi thường tập cùng họ.

Trong một lúc như vậy, khi Peter và tôi vừa tập xong một latihan trong căn phòng rộng trên lầu được trải thảm, tôi nói với anh: "Có một chuyện đã từng khiến tôi buồn bực. Anh đã nghe nói tới người cha đích thực của tôi tên là Henry Valesi, tôi cũng chỉ gặp ông ấy hai lần. Tôi vẫn còn nghĩ tới ông và tự hỏi tại sao mình đã không thể gặp ông khi mình đến Paris ở. Tôi đã nhiều lần kêu điện thoại cho xưởng của ông nhưng không có kết quả gì. Tôi không hiểu tại sao lại khó khăn như vậy. Anh có thể giúp tôi, qua latihan, tìm hiểu từ khía cạnh nội tâm chuyện này là ra sao?"

Peter đồng ý, và chúng tôi tịnh tâm đứng mỗi người trước mặt nhau, mắt nhắm lại, yên tĩnh đặt mình trong trạng thái tiếp nhận. Sau một lúc yên lặng, tôi nghe thấy giọng nói thấp và từ từ của Peter: "Leonard, hãy tiếp nhận qua sự quy thuận của mình, hiện

nay người cha ruột của mình ở đâu?”

Khi dùng từ ‘quy thuận’ cả hai chúng tôi đều hiểu rằng đó là một trạng thái không chống cự và hoàn toàn chấp nhận. Lập tức ý thức của tôi thấm sâu xuống đáy lòng mình, và tôi cảm thấy mình bị đẩy tới một vũ trụ khác, một nơi tôi nhận ra không là của mình. Điều này như là đôi chân mình không muốn tham dự vào những gì tôi nghiệm thấy, nên tôi cảm thấy cần phải nằm dựa vào lưng và làm y như vậy. Ý thức của tôi du hành qua những không gian u ám, nơi không màu mè, mà chỉ có những sắc thái khác nhau của màu xám. Tôi chợt cảm thấy sự hiện diện của bố mình chung quanh mình; ông có vẻ như cảm thấy rất bị xáo trộn vì sự xuất hiện của tôi; tôi là con ông, nhưng hình như là một kẻ nào khác đã xâm phạm vào không gian của ông mà không báo trước. Lúng túng nhưng không muốn bỏ đi nơi khác, tôi lưu lại cái nơi chốn không vui thú đó. Đột nhiên điều đó không còn như giấc mơ nữa. Nó là cái gì có thật và ý thức của tôi trở nên sắc bén và tập trung.

Bất ngờ, một con mèo đực lớn, giận dữ, rít kêu, hiện ra trong phạm vi nhận thức của tôi, móng vuốt xoè ra, đòi tôi đi ra khỏi sự hiện diện của nó, không thì...Tôi trở thành một con mèo con nép mình lại với đôi tai về phía sau, bướng bỉnh không chịu bỏ đi tuy có thể bị hại. Sức thổi rít kêu của sức mạnh thú vật thật mãnh liệt. Tôi nhận ra tim mình đập nhanh hơn; cổ họng tôi trở nên chật hẹp, và tôi cảm thấy mình bị chối từ, thừa thãi, bởi con người mà mình muốn mến thương.

“Leonard? Leonard, anh có sao không?” Tôi hầu như không nghe thấy giọng nói từ một nơi xa xôi của Peter đang kêu gọi mình.

“Không sao, như vậy đối với mình là quá đủ rồi.” Tôi nghĩ như vậy, nhưng làm sao mình sẽ trở lại được cái không gian của mình? Phải mất một thời gian tôi mới kết nối lại được với cái bản ngã trần thế của mình. Tôi thấy được cách đối phó chuyện đó: một lần nữa tôi hoàn toàn buông thả sự nhận thức về vũ trụ của bố mình, để đi tìm sự yên lặng và an bình nơi bên trong chân ngã mình. Cuối cùng tôi mở mắt ra...

Anh bạn Peter vẫn còn đứng gần tôi, nhìn xuống phía tôi với cặp mắt ân cần màu xanh và một nụ cười ấm áp rộng lượng. Anh

nói: "Vui mừng gặp lại bạn".

Tôi đứng bật dậy và bắt đầu kể cho anh hay cái chứng nghiệm của mình: "Hình như bố tôi không muốn gặp tôi, như phần đông những con mèo đực chối bỏ mèo con...Điều đó có tác động rất mạnh. Tôi cảm thấy sự hoạt động của một sức mạnh thú vật rất mạnh, và cũng nghiệm thấy một sức mạnh tương tự nơi mình, khi tôi không chịu bỏ đi, không muốn chấp nhận lối cư xử cộc cằn của ông. Có chuyện kì lạ này là tôi cảm thấy sự hiện diện của ông không thuộc cái thế gian này".

Một vài ngày sau, tất cả chúng tôi cùng ngồi ăn bữa điểm tâm tại tư gia của gia đình Jean. Mặt trời rộng lượng đổ ánh nắng qua tấm kính cửa sổ hình thoi xuống chiếc bàn ăn, và tuy là mùa đông nhưng điều đó khiến cảm thấy là một buổi sáng xuân. Người đưa thư đến, và bà Winifred, mẹ vợ tôi, đưa cho tôi một bức thư của mẹ tôi từ miền Nam nước Pháp. Tôi hỏi họ như vậy có bất lịch sự không, nếu tôi đọc thư trong lúc đang ăn uống.

"Tất nhiên là không, cứ tự nhiên". Bố Jean lập tức đáp.

Tôi đọc: "Francois, con cưng của mẹ, mẹ phải cho con hay một vài tin buồn: bố con, Henry Valensi, đã chết vì bệnh tim, khi đang ngồi trong khu vườn trồng hoa hồng của một người bạn ở Paris. Ông 75 tuổi..."

Tôi không muốn ngăn lại những nước mắt ngay khi đó chảy xuống đôi má. Tuy một vài ngày trước đó có thể nói là tôi đã được chuẩn bị bởi cái chứng nghiệm với anh Peter, khi cảm thấy bố mình có lẽ đã rời bỏ cái thế gian này rồi, nhưng cái thực tại phũ phàng đó khiến đau đớn vô cùng. Đầu cúi xuống, những giọt nước mắt mặn rơi xuống khăn trải bàn màu trắng, tôi cùng một lúc cảm thấy lúng túng, buồn bã và tức giận. Tôi giận bố tôi vì ông đã không bao giờ đáp lại những kêu gọi của tôi, trong lúc chúng tôi sống ở Paris. Bây giờ ông đã ra đi mà không một lời từ biệt nào. Sao ông đã có thể làm vậy được?

Tôi nghe thấy bà mẹ vợ hỏi: "Francois có chuyện gì vậy? Tại sao lại khóc?" Bà không chịu kêu tôi bằng cái tên mới của tôi, và có lẽ đã chưa từng thấy trước kia một người đàn ông khóc.

“Bố anh ấy đã chết”. Vừa đọc xong bức thư ngắn ngủi, Jean vội vã trả lời.

“Nhưng bố anh ấy không phải là chết lúc chiến tranh, trong năm 1942 hay sao?”

Tôi nhận thấy chưa ai đã cho bố mẹ của Jean hay về thời thơ ấu phức tạp của mình. Tôi không có đầu óc đâu để làm cho hiểu trong lúc này về những chi tiết gan góc thời thơ ấu của mình. Xin lỗi mọi người, tôi đứng lên để ra ngoài đi dạo dưới không khí mát mẻ, đầy mùi hoa vàng của cây phi.

Tới đây, tôi nhảy tới phía trước là 25 năm, chỉ để cho bạn một thí dụ về việc như thế nào tôi đến chỗ hiểu được rằng trong thế giới tâm linh, điều tôi gọi là ‘thời gian’ chỉ là một đơn vị đo lường của trí óc, sự thật thì không có thời gian trong nhận thức tâm linh - chỉ có sự tồn tại.

Chúng tôi đang sống cùng với 7 đứa con mình tại nơi mình gọi là Nhà Hoa Bia, gần Wadhurst in Kent. Tôi làm ăn khá thành đạt bằng cách buôn bán những đồ cổ thuộc thế kỉ 17 và làm nghề trang trí nội thất tại nơi xưa kia của Tunbridge Wells tên là The Pantiles. Latihan của Subud đã thấm sâu vào cuộc sống chúng tôi, và tôi cũng thường xuyên theo tập; điều này rất có ý nghĩa với tôi, vì nó đem lại cho đời sống hằng ngày của mình một khuôn khổ rộng lớn và kích động hơn.

Tuy nhiên, có một tình cảnh trong chân ngã mình khiến tôi buồn bực nhiều. Tôi không thể buông thả cái cảm xúc trong đáy lòng mình là Henry Valensi đã bỏ rơi tôi bằng cách tỏ vẻ lạnh nhạt và thiếu tình thương đối với tôi. Tuy tôi biết điều này là không lành mạnh, việc có ác cảm với người cha ruột thịt của mình, nhưng tôi không thể không như vậy được, và không biết đối phó chuyện đó ra sao. Như thường xảy ra với những chuyện bực bội mà mình thấy khó xử lí, tôi đẩy nó xuống nơi thâm sâu của bản thân mình, một nơi nào đó khiến mình không thể cảm thấy nỗi đau không giải quyết được.

Một buổi tối nọ, trong lúc đang tập latihan, tôi cảm thấy mãnh liệt sự hiện diện của bố mình. Mở mắt ra để xem xét, tôi trông thấy



một cách hoàn toàn rõ rệt, nhưng hơi kinh ngạc, Henry Valery đang đi về phía mình. Ông dang cánh tay ra, nhìn thẳng vào tôi, và tôi nhận thấy ông đang khóc. Khi ông đến gần hơn, tôi nghe thấy giọng nói của ông, như phát ra từ bên trong ngực mình: “Thực ra, bố luôn thương yêu con. Bố sợ những điều thiên hạ dị nghị. Bố đến để xin con tha thứ. Bố không nhận thấy sự tai hại đối với con, khi bố chối bỏ thực tại sự hiện diện của con”.

Đến đây, tôi cũng khóc, và nước mắt chúng tôi hòa lẫn nhau, khi chúng tôi thân ái ôm nhau, cánh tay người này ghì chặt lấy người kia. Tôi đặt bàn tay phải nơi gáy ông, và nhận thấy như mình đang cảm được đó là gáy mình, hình thù đường cong của gáy y hệt nhau.

Chúng tôi đứng đó trong một lúc, và khi ôm ép ông vào ngực mình, tôi nhận thấy ông từ từ sáp nhập vào bản chất mình. Khi điều đó xảy ra, tôi nghe thấy một âm thanh nhẹ nhàng cao đốc rung động lên phía trên, xuyên qua toàn thể bản chất mình, tới sự rời ra ngoài qua đỉnh đầu mình.

Ngay lúc đó, tôi hiểu rằng linh hồn ông đã được giải thoát, và bây giờ được tự do tiếp tục cuộc hành trình tâm linh của nó. Tôi yên lặng chờ đợi cho tới khi những người anh em của mình tập xong latihan, rồi đi ra ngoài phòng. Tôi không cảm thấy như mình làm mất đi sự yên tĩnh cực kì mình nằm trong đó, cái cảm giác thâm sâu và mãn nguyện của sự hòa giải mà mình vừa nghiệm được.

Lái xe về nhà mình tại Wadhurst, tôi nhận thấy sự cảm nhận của mình khác biệt như thế nào. Sự thay đổi xảy ra một cách tinh tế và lạ thường. Tâm hồn tôi đầy tình thương đối với bố mình. Tôi biết rằng tất cả những ác cảm của mình đã hoàn toàn tan biến, và chúng tôi thân cận nhau đến nỗi bây giờ ông là một thành phần của tôi, và cả ông cũng được giải thoát khỏi sự chống cự căng thẳng.

Melinda đã ngủ khi tôi lên giường để ngủ, và như thường lệ đã không tắt đèn giường. Theo thói quen, tôi cởi hết quần áo và chui vào giường. Trước khi tắt đèn, tôi xoay qua phía vợ mình hôn bả chực ngủ ngon. Khi xoay mình tôi cảm thấy có cái gì đang lăn xuống giữa ngực và phần trên cánh tay phải mình. Tôi lập tức cử

động cánh tay phải và trông thấy một vật màu nâu trên khăn trải giường màu trắng, một hình cầu rất nhỏ cỡ một quả ôliu.

Trước hết, tôi phải cho hay điều này là trong 3 hay 4 năm qua, một nốt ruồi lớn mềm màu nâu đậm đã mọc gần núm vú bên phải của tôi. Bực mình vì sự xấu xí đó, cái tính tự cao tự đại của tôi đã tìm cách làm cho nó rụng xuống, bằng cách cột chung quanh chỗ thắt lại đó một miếng vải bông dày. Điều đó đã có hiệu quả, nhưng cái quá trình đó khiến đau đớn tới nỗi tôi không màng tới chuyện làm như vậy một lần nữa, nên nó càng lúc càng mọc thành một cục thịt.

Tôi lượm vật kì quái đó lên, từ từ lăn nó qua lại giữa ngón tay trở và ngón tay cái, xoay qua phía Melinda nói: "Em coi này! Ngộ thật! Ác cảm của anh đối với bố đã rụng xuống, anh vừa mới hòa giải với ông trong lúc latihan".

Tôi liệng cục thịt đen ngòm đó vào thùng rác, và kể cho bà hay mọi chuyện về cái chứng nghiệm khiến được giải thoát đó.

Sáng hôm sau trong phòng tắm, tôi bôi bột cạo râu lên râu ria đầy lông cứng của mình, rồi vừa thanh thản ca hát vừa kéo dao cạo xuống má. Như thường xảy ra, Marianna, đứa con gái út của chúng tôi, tạt vào phòng tắm ngồi trên cầu tiêu. Từ nơi đó, nó vui thú chăm chú nhìn bố cạo râu.

"Bố? Ủa, bố đã làm gì với trái ôliu nâu trên ngực? Bố đã kéo nó ra? Bây giờ nó đâu?" Nó tò mò hỏi.

"Bố đã liệng vô thùng rác. Đêm qua nó rụng xuống trên giường, khi bố hôn má chúc ngủ ngon". Tôi vui vẻ cho nó hay về cái chứng nghiệm bất thường đêm qua trong latihan với người cha ruột thịt của mình.

### 3. Thêm một chuyện về đặt tên

Trở về năm 1964, Jean, vừa được Bapak đặt tên cho là Melinda, mang bầu một đứa con thứ ba. Chúng tôi gửi thư tới Nam Dương nhiều tuần trước lúc sinh đẻ, và nhận được chữ cái R cho con trai và D cho con gái. Chúng tôi chọn 5 tên cho mỗi chữ, và chuẩn bị

mang thư đi gửi. Chúng tôi quyết định Melinda sẽ là người đem thư bỏ vào thùng thư. Mỗi lần đi làm về, tôi thường nói: "Này cưng, cưng đã không quên đem thư gửi qua Nam Dương chứ?"

Tôi thường thấy trả lời: "Trời ơi! Xin lỗi, em đã quên mất".

Khoảng hai tuần sau, khi đang ăn tối, Melinda nói: "Thật tình xin lỗi, em không thể đem thư đi gửi cho Bapak như dự tính. Em cảm thấy chúng ta nên thay đổi danh sách những tên bằng chữ R, bằng cách thêm vào tên Richard. Chúng tôi làm theo cảm xúc của Melinda, và rất lấy làm hài lòng, khi nhận được thư của Bapak cho hay tên Richard đã được chọn mà ý nghĩa là 'vua chúa hay chỉ huy'.

#### 4. Một chứng nghiệm khác về đặt tên

Tôi mong sẽ không làm phiền bạn, nếu chia sẻ với bạn một lần nữa một chuyện về đặt tên. Có lần trong năm 1968, trong một đêm lạnh đầu mùa đông khoảng 4 giờ sáng, tôi thức dậy mà cảm thấy mẫn liệt bị Melinda lôi cuốn về nhục dục. Chúng tôi giao hợp và thân thể mình nhập vào một nhịp điệu hài hòa đem ý thức của mình đến một cảnh giới thật xa trong đó tâm trí không hiện diện. Năng lực sự giao hợp rất mạnh nhưng đồng thời cũng tuyệt thú thanh thản; khi đến cao điểm đem sự sống vào nơi chứa đựng nó, tôi nhận thấy từ nơi thâm sâu của ngực mình cái tên 'Dahlan', khiến mình rõ rệt uốn lượn và đồng thời cảm thấy đầy đủ.

Không hoàn toàn chắc chắn về việc cho con trai mình một cái tên Hồi giáo, chúng tôi viết thư cho Bapak. Thư hồi đáp của ông là chữ cái D cho con trai, nên chúng tôi để cái tên Dahlan lên đầu danh sách. Một vài tuần sau khi có một bức thư từ Nam Dương, chúng tôi nhận thấy Bapak đã chọn cái tên Dahlan. Nhận được sự xác nhận của Bapak là chuyện tốt lành, vì cái chứng nghiệm trong lúc mang thai thật độc đáo: chúng tôi cảm thấy sự lựa chọn của Bapak làm mình hiểu rõ được chuyện đó.

#### 5. Cắt bao đầu quy

Khi nói tới những chuyện về đặt tên, tính dục và mang bầu, tôi mong sẽ không làm phiền bạn, nếu kể thêm một vài chuyện liên

quan.

Cuối năm 1966 và đầu năm 1967 chúng tôi chuyển tới London từ Bridport, Dorset. Đó là lúc trong đời mình chúng tôi khó kiếm được một nhà cho thuê. Những kẻ môi giới bất động sản thường nói với chúng tôi: "Cảm phiền! Không nhận con nít, súc vật và những kẻ da màu".

Các bạn bè thân thuộc có lòng tốt cho chúng tôi mượn một phòng trong căn nhà rộng lớn của họ tại Hampstead.

Trong thời gian đó, tôi nhận thấy lúc ban ngày khi mơ tưởng tới đàn bà, mình thường có cảm giác nóng cháy, đau nhói nơi dương vật. Đó đặc biệt là một chuyện mà không ai thích để lộ, nên tôi giữ kín nó. Nhưng điều đó thật khó chịu vì nó khiến tôi khá đau đớn. Hơn nữa, chuyện chăn gối của tôi với vợ mình trở nên đau đớn thay vì lạc thú. Melinda và tôi quyết định là tôi đi khám bác sĩ. Bác sĩ kê cho tôi một thứ kem đặc biệt, nhưng sau 10 ngày kể lưỡng dùng nó, tình trạng của tôi không khá hơn.

Hồi đó, anh bạn thân Varindra Vittachi vừa trở về từ Jakarta là nơi anh phải đến để gặp Pak Subuh. Varindra là chủ tịch của Hiệp Hội Subud Thế Giới, và thường du hành tới Nam Dương. Sau một latihan tại Highgate, chúng tôi đi vào một quán nước để cùng nhau uống cà phê, và tôi nói đến vấn đề của mình. Anh chăm chú nghe rồi nói: "Leonard, chuyện anh nói đến thật ngộ. Tôi vừa mới về từ Jakarta, nơi tôi bị mổ một chút xíu".

Tôi còn nhớ là mình đã nghĩ: "Anh ấy mới thành người Hồi giáo, và tất cả những người Hồi giáo đều cho cắt bao đầu quy; việc làm này có ý nghĩa với các tín đồ của một tôn giáo. Nhưng mình không đặc biệt cảm thấy cần phải theo đạo Hồi, và cũng không hứng thú xen vào những gì mà thiên nhiên đã đầy đủ cho mình".

Varindra chắc chắn đã đọc được tư tưởng của tôi, vì anh tiếp tục cho hay: "Leonard, để tôi kể cho anh chuyện này. Bapak đã cho hay trước khi tôi cho cắt bao đầu quy rằng nguyên nhân của việc cho mổ một chút xíu đó là để cho bay hơi một chất lỏng mạnh gay gắt và khiến trầy da tiết ra chung quanh đầu dương vật, khi những ý nghĩ say sưa về tình dục đan kết lại qua cảm giác. Thực ra, đó

là cách để cơ thể cho thoát ra chất lỏng đó, và bằng cách cắt bao đầu quy, ta khiến cho nó bốc hơi nhanh chóng hơn, thay vì để cho nó kết tụ lại, một điều có thể khiến có vấn đề”.

Thật kì ngộ, anh bạn tôi đã mô tả đúng y hệt những gì tôi nghiệm thấy. Tôi phải mất nhiều ngày tranh luận với chính mình và trao đổi ý kiến với Melinda, để quyết định cho cắt bao đầu quy hay không. Trong lòng tôi có sự chống cự mạnh không cho mình xen vào những gì mà thiên nhiên ban cho mình. Ngày hôm sau khi chúng tôi quyết định tiến hành việc cho mổ, một anh bạn tên là Hanafi kêu điện thoại cho tôi hay là mình đã quyết định cho cắt bao đầu quy, và hỏi là tôi có biết nơi nào để anh làm chuyện đó không. Trong khi đó thì tôi đã kiếm được một bệnh viện thực hành dưới quyền một bác sĩ Do Thái giáo chuyên về việc cắt bao đầu quy. Chúng tôi cùng quyết định đồng thời cho mổ, và đặt một buồng cho hai người cho tuần tới.

Chúng tôi được yêu cầu chỉ đến với một bàn chải đánh răng, hai bộ pijama và một sổ séc. Việc mổ sẽ được thực hiện buổi sáng, và chúng tôi sẽ chỉ bị giữ lại một đêm trong bệnh viện.

Sáng thứ hai chúng tôi đến, và tức cười nhận thấy trong bệnh viện chỉ có các nữ tu sĩ làm việc. Bà xơ trưởng dẫn chúng tôi tới một buồng trên lầu một, yêu cầu chúng tôi mặc pijama, rồi nằm trên giường mình đợi chờ bác sĩ phẫu thuật tới lúc 10 giờ.

Một bà xơ Phi Châu bước vào phòng với một khay đầy ống tiêm. “Tôi đến để tiêm thuốc tê cho các anh... Nhưng tôi muốn hỏi mấy anh chuyện này. Sao những gã đẹp trai như mấy anh đây lại muốn làm chuyện này? Tại sao mấy anh không mãn nguyện với những gì Thượng Đế ban cho mình?”

Anh Hanafi và tôi bị những cơn cười khúc khích đến nỗi chúng tôi không thể trả lời. Bà xơ trước tiên đến nơi tôi. Tôi đưa cẳng tay mình ra, và một cách chuyên nghiệp, bà tiêm cho tôi một mũi thuốc vào mạch máu nhô ra. Điều cuối cùng tôi còn nhớ lại được là trông thấy một nhân vật cao lớn, tóc hoe, khuôn mặt đầy tàn nhang với râu mép, một kẻ mà tôi mơ hồ hiểu được là bác sĩ phẫu thuật.

Anh Hanafi cùng tôi xuất viện ngày hôm sau lúc bữa ăn trưa. Của quý của chúng tôi được băng bó kỹ lưỡng, với sự khẩn khoản khuyến cáo của bà sơ trưởng là chúng tôi không được dùng nó tối thiểu là 10 tới 12 tuần, để nó có thời gian lành mạnh trở lại! Chuyện đó tôi đã không kể cho nhiều người, nhưng nó dẫn tới một chứng nghiệm bất thường khác mà tôi muốn chia sẻ với bạn. Melinda cùng tôi phải trải qua một tình trạng tài chánh khó khăn. Sáu người chúng tôi sống trong một buồng, dùng chung một nhà bếp, một phòng vệ sinh và phòng tắm của một văn phòng, nơi hồi đó là văn phòng của Subud Anh. Dù làm việc hết sức đi nữa, tôi chưa từng có đủ tiền cho những nhu cầu hằng ngày của chúng tôi. Anh Peter Gibbs (sau này tên là Lambert) đề nghị cho chúng tôi dùng trang trại nhỏ của anh tại miền Bắc Wales.

"Nơi chốn đó rất đẹp, anh sẽ thấy, không xa một bờ biển tên là Whistling Sands, hiện nay chưa có ai ở đó. Tôi biết là hơi xa, nhưng tối thiểu cũng là một căn nhà".

Chúng tôi vui mừng làm theo đề nghị của anh, và trong những tháng đầu của mùa đông 1967 chúng tôi lên đường tới Wales trên chiếc xe Citroen 2CV của mình. Sáu tuần sau khi chúng tôi đến trang trại, tôi có một cảm giác bất thường như thấy có ai đó đang bay lượn rất gần chung quanh mình. Hiện nay tôi sẽ gọi đó là một linh hồn, nhưng hồi đó tôi coi đó là một sự hiện diện.

Buồng chánh của trang trại nằm dưới gác mái, và chỉ có thể lên đó qua một cầu thang xoắn ốc bằng gỗ, rất chật hẹp và cọt kẹt. Một đêm đen tối, lạnh lẽo và lộng gió nọ, chúng tôi đem con cái đi ngủ, và sau khi chúng tôi đã làm xong những công việc cần thiết trong nhà, đến phiên mình chuẩn bị lên giường.

Tôi đã không nói cho Melinda hay về sự hiện diện mà mình đã cảm thấy, nhưng khi chúng tôi bước lên cái cầu thang chật hẹp, tôi cảm thấy điều đó rõ rệt và mãnh liệt hơn, nên dụi dàng nói với Melinda: "Em biết không..."

Vì chính mình cũng đang chờ đợi được 'thánh thần đến báo sắp có chuyện xảy ra' nên bà lập tức đáp: "Không, chuyện gì vậy?"

Đang nửa chừng lên cầu thang xoắn ốc, cả hai chúng tôi đều dừng

bước: <>Này, kì thật, nhưng anh cảm thấy sự hiện diện của một đứa bé muốn đầu thai. Anh đã cảm thấy điều này lâu rồi, nhưng vừa rồi cái cảm giác đó trở nên thường xuyên hơn>>.

Tôi nói cho hay điều đó với một giọng thì thầm. Melinda cũng nhìn nhận như vậy: "Ngộ thật, em cũng thấy vậy. Em nhận thức được một đứa bé trai, nhưng em đã không nhắc đến bất cứ chuyện gì, vì đồ nghề của anh vẫn chưa lành hẳn".

Cuối cùng chúng tôi leo lên tới gác mái trong sự yên lặng, không khí trở nên sôi nổi vì tiếng cọt kẹt của những tấm sàn bằng gỗ sồi cũ: cả hai chúng tôi đều nhận thức được đứa bé trai đang đợi chờ được thụ thai.

Sự giao hợp của chúng tôi thật thâm sâu và nồng nhiệt; thực vậy, mỗi lần thụ thai chúng tôi đều ý thức được đó là một chứng nghiệm khác biệt. Với đứa bé này, cả hai chúng tôi đều được đưa vào một đức tính hiền lành, và việc này như là linh hồn đầu thai của đứa bé đã bao phủ chúng tôi với những tình cảm âu yếm.

Một vài tháng sau, chúng tôi nhận được thư của Bapak những chữ cái L cho con gái và H cho con trai, nhưng chúng tôi khó tìm thấy 5 tên mà mình thích bắt đầu bằng chữ H. Bà nội tôi mà tôi rất yêu quý, trước đó vài năm đã tặng cho tôi một quyển Thánh Kinh rất đẹp bằng tiếng Pháp do trường nghiên cứu Thánh Kinh của Jerusalem xuất bản. Tìm một cái tên bắt đầu bằng chữ H cho con trai mình, tôi bừa bãi mở sách ra, và lập tức mắt tôi để ý đến cái tên 'Hermas'.

"Đây rồi! Anh đã tìm thấy rồi!"

Tôi lớn tiếng kêu gọi Melinda trong bếp đang chuẩn bị bữa ăn trưa với các con. Tôi vội vã chạy về phía bà với cuốn Thánh Kinh mở ra nơi trang có cái tên đó. Chúng tôi cùng nhìn và phát giác thấy Thánh Hermas đã sống tại miền Nam nước Pháp thời Trung Cổ. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy cái tên đó là tốt đẹp cho đứa bé sắp ra đời, và nó được mang vào danh sách với những tên khác.

Một vài tuần sau, chúng tôi nhận được một bức thư từ Văn phòng của Bapak trong đó viết: "Nếu là con trai, tên sẽ là Hermas".

Mùng 4 tháng chạp năm 1967, một đứa bé mạnh khỏe, thanh tú và dễ thương nhất sinh ra nơi căn nhà chúng tôi vừa đến ở tại Tunbridge Wells. Nó được đặt tên là Hermas.

## 6. Sự đối phó của Melinda với bệnh tật

Giữa thập niên 70 sức khỏe của Melinda bắt đầu nhanh chóng kém đi. Ban đầu chúng tôi nhận thấy bà tỏ vẻ rất mệt mỏi và thường xuyên yếu mệt. Hình như sức khỏe của bà đã tăng tốc thoái hóa, và bà trở nên cực kì xanh xao. Khi cho bà khám nghiệm máu tại bệnh viện thực hành của bác sĩ Sharma ở London, chúng tôi phát hiện thấy đó là tình trạng ung thư máu cấp cao. Các bạch huyết cầu có nhiều hơn hồng huyết cầu.

Một bà bác sĩ Phần Lan chuyên môn về ung thư máu, đã khám nghiệm các tế bào máu của Melinda. Dựa trên kinh nghiệm khám máu lâu đời của mình, bà bác sĩ đó nói: "Người này chắc chắn đã bị bức xạ của nguyên tử".

Hồi đó nước Anh chưa thật khắt khe về chuyện đem máu từ đâu tới. Có một vài chuyện rắc rối trong lúc sinh ra đứa con thứ 7 của chúng tôi trong mùa xuân năm 1971, khi Melinda phải hoàn toàn được tiếp máu. Chúng tôi đoán chừng nguồn gốc của vấn đề là máu bị nhiễm xạ.

Hồi đó bệnh ung thư máu không thể chữa trị. Cách chữa dùng tia coban chỉ vừa được triển khai, nhưng không mấy hiệu nghiệm. Đủ tài chánh, có lẽ chúng tôi đã gửi Melinda qua New York, nơi có những cách chữa trị mới nhất về ung thư. Một người bạn thân của chúng tôi, bác sĩ Mitchell, cho hay triển vọng sống sót của Melinda rất mong manh.

Vừa mới mở một bệnh viện thực hành của tư nhân tại Liphook in Sussex, bác sĩ Sharma nói rằng mình vui lòng tìm cách cứu Melinda, nhưng cần phải cho bà vào bệnh viện trong tối thiểu là 8 tuần. Bà trở nên cực kì xanh xao, giọng nói yếu ớt, và có vẻ như lạnh nhạt, như có điều gì trong đầu mình đã biến đi đâu mất. Bà có vẻ như không nối kết được bản thân mình với đời sống hằng ngày, với con cái và tôi. Bà hình như đã mất hồn và nhìn chúng tôi một cách thật thờ ơ.



Chúng tôi quyết định làm theo đề nghị của bác sĩ Sharma, và sau khi chuẩn bị cho bà một cái va li nhỏ, tôi cùng các con đem bà tới Liphook. Từ đáy lòng mình tôi biết trong những lúc khó khăn này điều quan trọng là đừng bi thảm hóa và đừng khiến cho sợ hãi, mà là hoàn toàn chấp nhận những gì đang xảy ra, và điều có thể xảy ra là sự mất đi một người vợ yêu dấu và một người mẹ tuyệt vời.

Khi chúng tôi để bà nằm lại trong bệnh viện mới toanh, tôi nhận thấy khi bà hôn chào tạm biệt các con cái, sự hiện diện âu yếm thông thường của bà đã vắng bóng, tuy bà hoàn toàn theo cái lễ nghi ôm nhau hôn của gia đình. Tôi dịu dàng, âu yếm nâng niu bà trong cánh tay mình, nhanh chóng hôn trên đôi môi khô và cái trán lạnh của bà. Khi chúng tôi đi ra ngoài để bà lại trong phòng lớn của bệnh viện, mấy đứa con tôi, đầy nhựa sống, như không muốn bị vướng vào cơn buồn, đã chạy ra nơi đậu xe. Tôi quay mặt lại để tặng bà một nụ cười cuối cùng, và bà rụt rè vẫy ta đáp lại.

Thành thật mà nói, những cảm nghĩ tiêu cực buồn phiền khiến tôi bị dội ngược, và thường xuyên phải đem mình trở lại gần nơi linh hồn mình là nơi có thể tìm thấy năng lực tích cực. Chẳng bao lâu tôi bị sự vui vẻ của mấy đứa con mình lôi kéo mình, những kẻ sống được trong hiện tại khá hơn tôi. Trên đường trở về nhà, hầu như lúc nào chúng tôi cũng ca hát, nhưng cũng có những lúc im lặng dài lâu là lúc mỗi người chúng tôi đi vào cái thế giới của mình, nơi những ý nghĩ và mộng mơ đem chúng tôi ra khỏi những thực tại của trần gian.

Trong bữa ăn tối, tôi trao đổi ý kiến với các con mình về chuyện mình cảm thấy như thế nào về tình cảnh này, và nói cho chúng biết về những gì mình hiểu được về tình trạng sức khỏe của mẹ chúng. Tôi điềm tính giải thích về bệnh ung thư máu, về sự tranh đấu giữa bạch và hồng huyết cầu mà y khoa hiện đại vẫn chưa tìm được cách chữa trị. Vậy nên, cách tốt nhất giúp được mẹ chúng là đừng lo lắng mà hãy tin cậy thiên nhiên sẽ đi theo con đường nào tốt đẹp nhất.

Tất cả các con tôi đều chăm chú nghe, và khi tôi nói xong, chúng cùng nhau hồn nhiên nói: "Bố đừng lo! Không có chuyện gì hết với tụi con, và tụi con sẽ chăm sóc bố nếu má phải ra đi".

Sự xác nhận tích cực của các con mình khiến tôi thêm được nhiều sức mạnh, và cảm thấy trong lòng mình tình thương và sự biết ơn. Đúng vậy, tất cả chúng tôi sẽ không có chuyện gì hết, và Melinda cũng vậy, dù đời người có đưa đẩy chúng tôi tới đâu đi nữa.

Bà Olivia, mẹ tôi, giúp chúng tôi trong những công việc hằng ngày trong nhà cho được êm xuôi; chúng tôi nhanh chóng lấy lại được cái nhịp độ khá dễ điều khiển được. Tôi không còn đem con cái tới gặp mẹ chúng nữa, vì bà đã trở nên thờ ơ với những chuyện của thế gian, đến nỗi không thể thương yêu chú ý tới chúng như khi mình còn hoàn toàn mạnh khỏe.

Tôi có thể mỗi tuần hai lần tới thăm bà, nhưng cuối tuần thì thường ở nhà với các con. Melinda phải theo một chế độ ăn uống rất khắt khe, điều hình như chỉ gồm nước ép của trái chanh và rau cải tươi, kể cả củ cải đường. Bà được chữa theo phép vi lượng đồng cân, được xoa bóp, phải tắm nước lạnh và nước nóng, và đi bộ không lâu trong những khu vườn đẹp của bệnh viện. Mỗi lần tôi đi chung, bà đi xa thêm một chút vào cái thế giới vô hình của mình. Bà nói năng rất ít, hầu như chỉ về những sinh hoạt trong bệnh viện.

Tám tuần trôi qua nhanh chóng đối với tôi, giữa gia đình, tiệm buôn của mình với những khách hàng khó tính và lúc đến gặp vợ mình. Vậy nên, một buổi sáng thứ hai đây ánh nắng nọ lúc đầu xuân, sau một cuộc đi xe thú vị qua đồng quê miền Nam nước Anh, tôi cảm thấy nhẹ nhõm và vui vẻ là mình một lần nữa sắp đến thăm người vợ yêu quý của mình là Melinda.

Tôi bước vào buồng của bà, và trông thấy bà đang ngồi trên giường chải bộ tóc đen dài hấp dẫn của mình. Ngay khi trông thấy nụ cười của bà, tôi nhận biết được có điều kì diệu đã xảy ra. Trông bà có vẻ hớn hở, tôi vội chạy tới ôm lấy bà. Khi giữ chặt bà trong cánh tay mình, tôi cảm thấy những rung động của sự sống đã trở về cơ thể bà. Bà đã mất kí rất nhiều và trông rất ốm, nhưng cặp mắt màu xanh nhạt của bà sôi nổi lấp lánh vì sự lấy lại được năng lực của trần thế. Bà bắt đầu kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra.

Hai ngày trước đó, sau buổi xoa bóp hằng ngày, bà nằm nghỉ trên bàn xoa bóp theo thói quen mình. Yên tĩnh nằm đó, mắt nhắm

lại, bà nghe thấy những tiếng răng rắc. Từ từ mở mắt ra, bà thấy chung quanh cơ thể mình những ngọn lửa màu vàng biến thành màu da cam rồi đỏ. Những ngọn lửa đó nhảy múa chung quanh bà. Bà nhìn lên trên, và trông thấy một bầu trời màu xanh đậm nơi cao thăm thẳm. Một tiếng nói cổ xưa vang lên trong buồng: "Chúc cho căn bệnh trong máu của Melinda được tẩy sạch".

Bà nghĩ mình đang chết nên hoàn toàn phó thác cho tình cảnh, rồi bắt đầu lớn tiếng ca hát và cuối cùng ngủ thiếp.

Một lúc nào sau đó, bà thức dậy, không biết mình đang tại nơi nào của kiếp người, kiếp này hay kiếp sau. Mặc áo choàng, bà bước về buồng ngủ và chui lên giường nghĩ: "Nếu sắp chết, mình sẽ chết trên giường mình là hay hơn hết".

Sáng hôm sau khi mở mắt ra, bà nhận thấy mọi thứ đều có màu sắc trở lại, vì trong 8 tuần nằm bệnh viện mọi thứ đối với mình có vẻ như màu xám đơn điệu. Bà vội chạy tới phía cửa sổ, mở rộng nó ra và hít thở không khí buổi sáng của mùa xuân. Bà giật mình vì những màu sắc đẹp mà mình có thể trông thấy mọi nơi ở cây cỏ, và cũng vì tiếng hót nên thơ của một con chim hét đang báo hiệu sự tái sinh mỗi năm của thiên nhiên.

Melinda nhanh chóng mặc quần áo, và chạy xuống lầu dưới là nơi hôm qua gặp người đàn ông làm nghề xoa bóp. Người đó kêu lên: "Coi kia, coi kia, ai đang đến đây?"

Bà đáp lại với một nụ cười vui vẻ.

Lúc đó là 9 giờ sáng, và bà dè dặt gõ cửa nơi văn phòng của bác sĩ. Bà không đợi coi có ai trả lời không, mà chỉ việc đi thẳng vào. Bác sĩ Sharma đang ngồi nơi bàn làm việc. Ông ngừng đầu lên nhìn, rồi quả quyết nói: "Tuyệt! Nếu đã được quyết định bà sẽ sống, tôi có thể chữa lành cơ thể bà".

Ngày hôm sau, tôi sung sướng đem bà về nhà trong sự vui mừng của các con và mẹ tôi. Bà đã lành bệnh, không còn bị ung thư máu nữa, và máu bà bình thường trở lại. Trong hai năm tiếp theo, bác sĩ Sharma bắt bà theo một chế độ ăn uống khắt khe với cá trắng mỗi tuần một lần và hầu như chỉ có rau cải tươi.

Melinda đã thay đổi rất nhiều, và sẽ không còn gánh vác nữa tất cả những bi kịch của thế giới. Trước kia, bà đã gánh vác những vấn đề của thiên hạ, và lấy làm lo lắng vì coi đó là những chuyện của chính mình. Sau cái chứng nghiệm đó, bà trở nên tập trung và gần gũi hơn với nội cảm mình. Cái chứng nghiệm đó thật quý giá đối với tất cả chúng tôi. Nó cho chúng tôi thấy điều quan trọng là đừng nuôi dưỡng những cảm xúc tiêu cực, mà chỉ nên giữ cho ý thức mình hoàn toàn có mặt trong hiện tại.

## 7. Âm thanh của trái đất

Có lần, như thường xảy ra, chúng tôi giao hợp với nhau lúc sáng sớm, và trong sự làm tình, ý thức của chúng tôi được đem lên thật xa tới một cảnh giới trong đó không còn trí óc và tâm cảm, mà chỉ có sự hiện hữu, với tất cả các giác quan trở nên bén nhạy, trong trạng thái hoàn toàn tiếp thu.

Tôi còn rõ ràng nhớ lại được là mình nghe thấy những âm thanh náo nhiệt, nhanh nhẹn và tron vẹn của một bầy ong. Điều đó có thật đến nỗi tôi phải mở mắt ra nghĩ rằng có lẽ một vài con ong đã bay qua cửa sổ được mở của phòng ngủ. Điều tôi nghiệm được thật ngoạn mục: ý thức của tôi hiện diện trong không gian; tuy trong đen tối, nhưng ánh sáng phát ra từ trái đất muôn màu khiến trông nó như đang trôi nổi trong vũ trụ. Nó đang quay theo vòng tròn, và những âm thanh phối âm của một bầy ong xuất phát từ đó. Tôi còn nhớ là mình đã suy nghĩ về việc có nhiều sự rung động của âm thanh trong không gian.

Chẳng bao lâu sau cái chứng nghiệm đó, tôi có mặt ở London nghe một buổi nói chuyện của Bapak. Ông nói về vũ trụ và việc không có gì là không phản hồi lại một âm thanh, và âm thanh của trái đất thì như của một bầy ong. Khi tôi nghe nói như vậy, mắt mình đăm lẹ.

Bapak thường nói với chúng tôi: "Bapak không bảo các bạn nếm đường, nhưng khi trông thấy các bạn đã nghiệm được vị của nó, Bapak nói 'đó là vị ngọt.'"

## 8. Lão Edgar và mùi hôi bí hiểm

Theo những quan sát của mình qua cuộc sống với người bạn đời yêu dấu của mình, tôi có thể nói rằng sự giao hợp giữa vợ chồng và sự sinh con đẻ cái tương tự với một cống ra vào thiêng liêng, chổ vào từ một thế giới này sang thế giới khác. Ta có thể thấy được điều đó, khi nghiệm thấy sự thụ thai hạt giống là một đứa bé ròi như thế nào, 9 tháng sau, đứa bé ra đời. Nhưng trong chúng nghiệm của tôi, đó cũng là cống ra vào một nơi vượt xa cái thế giới này, cái thế giới chúng ta hiểu được theo nghĩa thông thường của nó. Đó là cống ra vào một thế giới vô hình, nơi ý thức có thể du hành trở về nguồn gốc của hiện hữu.

Chuyện tôi sẽ kể cho bạn là một chuyện kì quái, vì nó vượt qua cái thế giới hữu hình này để tới điều phần đông thiên hạ gọi là một thế giới của tưởng tượng. Tôi gọi đó là cái thế giới bên kia, cái chúng ta chỉ có thể trông thấy với đôi mắt tâm linh.

Anh Lambert Gibbs, một bạn thân, một hôm nọ đến gặp tôi tại tiệm buôn của tôi, để chia sẻ với tôi một điều khiến anh rất bức bối. Anh Lambert và gia đình vừa mới bán một căn nhà anh cho xây giữa khu rừng gần Forest Row, không cách xa Crowborough in East Sussex. Anh mua một bất động sản nguy nga xây cất bởi kiến trúc sư người Anh Decimus Burton Thời Nhiếp Chính tại khu đất Calverley Park Crescent, ngay giữa Tunbridge Wells.

Một lúc nào đó trong thập niên 50, khu bất động sản bằng gạch đó được biến thành 3 dãy phòng. Mục tiêu của anh Lambert là làm cho nó lấy lại cái vẻ huy hoàng ban đầu của nó, và tối tân hóa những phòng vệ sinh, phòng tắm và nhà bếp với những công nghệ mới nhất. Anh cùng gia đình quyết định tới ở dãy phòng thuộc tầng đất cái, trong khi nhà đang được sửa sang. Mặt nghiêng dốc trên đó căn nhà được xây cất khiến dãy phòng phía dưới nhận được nhiều ánh sáng ban ngày hơn, và như vậy biến thành một nơi ở thú vị nhất.

Anh Lambert là một người có tài kể chuyện, khi mô tả một tình cảnh kì quái của vợ chồng mình. Kể từ khi đến đó ở, họ không thể không để ý tới một mùi hôi vô cùng, khi bước xuống cầu thang bằng gỗ cạnh bức tường bên ngoài của phòng ngủ. Anh cũng

còn cho hay là kể từ khi họ vào phòng ngủ và tuy họ đã kéo màn che xuống nơi cửa sổ duy nhất, nhưng vợ anh không muốn cởi quần áo ngay cả khi bật đèn, điều bà thường làm trước kia. Anh Lambert hỏi bà về chuyện đó, và bà đáp là thật không hiểu tại sao lại cảm thấy rất khó chịu. Họ nói thêm là vì những lí do đó họ đã không cùng nhau ái ân kể từ khi họ vào phòng ngủ.

Anh hỏi tôi có muốn cùng mình tập một latihan 'tẩy sạch' trong phòng ngủ hay không; tôi đồng ý. Chúng tôi quyết định là ngay hôm đó tôi sẽ đến tập lúc 6 giờ chiều, sau khi tiệm buôn của mình đóng cửa.

Tôi đi vào dãy phòng của họ, lớn tiếng kêu 'hello' và bắt đầu từ từ bước xuống cái cầu thang cọt kẹt bằng gỗ. Tới khoảng giữa cầu thang, tôi để ý tới một mùi hôi thối khó chịu vô cùng. Đó là một con chuột chết hay một con mèo? Một mùi hôi như vậy chắc chắn phải do một thứ gì rất lớn và hôi hám kinh khủng, tôi nghĩ.

"Leonard, anh ngửi thấy gì không?" Lambert hỏi, và tôi gật đầu xác nhận. Tôi hỏi về một con chuột bị chết, nhưng Lambert nói rằng đã tìm tòi khắp nơi dưới cầu thang mà chẳng thấy một con vật chết nào. Chúng tôi đi vào phòng ngủ, và tôi lại nhận ra mùi hôi y như vậy.

Tôi vào trước tiên. Ngay bên trái tôi là một cái giường rộng cho hai người, rồi tới một nơi với một cái bàn và ghế. Nơi giữa tường phía bên trái là một cửa sổ với một màn che dày bằng nhung. Tường đối diện bị che khuất bởi một tủ quần áo gắn liền vào đó, với những cửa khá đẹp thuộc một thời đại khác. Bên phải là một cánh cửa nhỏ dẫn tới phòng tắm. Cả hai chúng tôi đều cởi giày theo thói quen trước lúc tập latihan và đứng yên lặng, để chuẩn bị lòng mình cho latihan. Tôi đứng nơi chân giường, trong khi Lambert thì tại một góc gần phòng tắm.

Chúng tôi bắt đầu làm latihan, và cả hai đều tức khắc tiếp nhận được mãnh liệt. Lambert lớn tiếng ca hát, hầu như là om sòm, còn tôi thì phát ra những âm thanh kì quặc, và ca hát những giai điệu khá âm u tự nhiên tuôn ra. Tôi di chuyển tới phần bên trái của phòng gần nơi có một đôi cánh tủ, và sau một khoảng thời gian tôi ý thức được có một sự hiện diện trong tủ quần áo. Tôi mở con

mắt nội tâm mình ra, và kinh ngạc trông thấy một ông lão tàn tật đang ngồi trên một xe lăn thời nữ hoàng Victoria.

Bộ tóc bạc mỏng lếch thếch của lão chắc đã có thời trông khá đẹp. Da thịt trên khuôn mặt không cạo của lão căng ra trên những khúc xương lồi; cặp mắt xanh trũng xuống và cái miệng thiếu hàm răng của lão e thẹn mỉm cười. Quần áo của lão trông rất bản thủ và rộng thùng thình trên thân thể gầy ốm. Đôi tay u bướu của lão giữ chặt lấy tay ghế xe lăn; lão nhìn tôi và đôi mắt chúng tôi gặp nhau. Trong lòng mình tôi nghe thấy một giọng nói run yếu:

“Tôi đã đợi cậu đến. Tôi cần phải theo lối tu tập của cậu”.

“Tên đạo của bác là gì?” Tôi hỏi lão.

“Edgar!” Lão nhe răng ra cười đáp lại.

Trong lúc chúng tôi im lặng trò chuyện không lâu, ý thức của anh bạn tôi hoàn toàn bị cái latihan ồn ào của anh thu hút. Tôi đến gần anh điềm tĩnh nói:

“Lambert, xin lỗi đã quấy rầy anh, nhưng anh thấy có được không nếu chúng ta bây giờ làm chuyện khai mở?”

“Cái gì? Khai mở? Nhưng cho ai?” Anh Lambert ngạc nhiên trả lời, khi mở đôi mắt dịu dàng màu xanh ra nhìn tôi.

“Lão Edgar. Lão đang trong tủ quần áo nơi dưới cùng giường ngủ của anh.”

Tôi nói một cách có thể tối đa nghiêm trang, che giấu sự vui cười của mình về tình cảnh hết sức bất thường đó. Tôi mỉm cười cho anh hay những gì mình vừa chứng kiến được, và anh Lambert đồng ý chúng tôi nên làm theo yêu cầu của lão Edgar.

Chúng tôi đứng bên cạnh tủ quần áo, tôi nhắm mắt lại và nói những lời thường nói trước một người bắt đầu tập cái latihan đầu tiên. Chúng tôi cùng nhau làm latihan với lão Edgar. Tôi nhận thấy con mắt nội tâm của mình đã vui lòng nối kết trở lại với ông lão thời nữ hoàng Victoria trong tủ quần áo đang tiếp nhận cái latihan của mình. Có điều gì đó cực kì khôi hài về tình cảnh đó nên tôi

bắt đầu cười. Cái cười đó không là chế nhạo, mà xuất phát từ một trạng thái cực kì vui vẻ, và hình như nó đã lây qua anh Lambert, vì tôi nghe thấy giọng nói lớn tiếng của anh cũng bùng nổ thành tiếng cười.

Vậy, latihan đã trở thành một sự hỗn hợp của tiếng cười và sự ca hát một cách vô cùng vui thú và thanh thản. Tôi nhìn lão Edgar và nhận thấy lão cũng cười. Những làn sóng cười của lão đến rồi đi, lão bốc lên cao hơn một chút, và hình như chiếc ghế cũng bốc theo lão, điều càng khiến cho mọi việc trở nên khôi hài hơn.

Sau một khoảng thời gian, cả latihan của anh Lambert lẫn của tôi đều ngưng lại. Lão Edgar đã bốc lên và biến mất trong sự thanh thản và vui vẻ. Chúng tôi cùng nhìn nhau và để ý thấy cái mùi khó chịu đã hoàn toàn mất. Chúng tôi trao đổi ý kiến về những gì vừa xảy ra, và đi đến kết luận cái mùi đó là cách lão Edgar làm chúng tôi chú ý tới sự hiện diện của lão. Mùi hôi chung quanh cầu thang cũng mất hẳn, và sau đó anh Lambert nói với tôi rằng chị Maria đã có thể cởi quần áo trở lại trong phòng ngủ với đèn bật, rằng họ bây giờ có thể chung chạ chung gối như đã từng làm trước kia.

## 9. Sự ra đi của bà ngoại GG

Bà cố GG mấy đưa con chúng tôi đến thăm chúng tôi, và ở lại một nơi an dưỡng của tư nhân tại Tunbridge Wells. Bà muốn được gần cận mấy đứa cháu mình, và hỏi Melinda là mình có thể cùng tập latihan hay không. Mẹ tôi đặc biệt đến từ miền Nam nước Pháp để ở chung với chúng tôi và nhân dịp gặp mẹ mình. Tôi cảm thấy mang ơn sâu sắc là mẹ, bà ngoại và vợ mình có thể cùng nhau tập latihan, vì điều này đan kết giữa chúng tôi một sự nhận thức là linh hồn mình gần cận nhau. Tôi cũng cảm thấy mang ơn là ông anh và bà chị mình, hai ông chú và một người anh em họ, cũng đã nghiệm được latihan. Sau hai tuần đoàn tụ vui vẻ của gia đình tại tư gia của chúng tôi, mẹ tôi trở về Cannes để trông coi công việc buôn bán nhỏ nhoi những chao đèn của mình.

Một đêm thứ bảy cuối tháng 6 nọ là lúc chúng tôi đang có một buổi liên hoan với một vài người bạn nơi tư gia mình tại Frant Road. Khoảng giữa đêm, tôi cảm thấy mãnh liệt sự hiện diện của bà ngoại mình. Nó rõ rệt đến nỗi tôi phải nói với Melinda: "Chuyện



này nghe có vẻ thật là khủng, ngay lúc này trong ban đêm, anh cảm thấy mình phải tức khắc đến gặp bà ngoại GG."

Tôi tạm biệt cuộc liên hoan, khói thuốc lá và âm nhạc ồn ào, để đi vào bóng tối yên lặng của một đêm thiếu trăng đầu mùa hè. Bị thúc đẩy bởi một cảm giác của sự cấp bách, tôi nhanh chóng bước tới con đường London Road là vị trí của tòa nhà an dưỡng.

Nhìn tòa cao ốc sơn trắng Thời Nhiếp Chính thì thấy không có ánh đèn, ngoại trừ một ánh sáng mờ yếu từ đằng sau những tấm màn của nhà bếp thuộc tầng hầm. Năm bậc thang bằng gạch dẫn tới một cổng vòm xây cột của cửa ra vào chính yếu. Tôi nhận thấy nó đã đóng, và quyết định không bấm chuông, mà tìm cách leo trèo vào phòng bà ngoại mình xuyên qua khung cửa sổ, vì lúc đó đã muộn rồi. Tôi trông thấy phần trên cùng của cửa sổ phòng bà mình hơi hé mở, và leo trèo ngang qua khoảng cách ngắn từ cổng vòm. Tiếp theo, tôi từ từ đẩy cửa sổ xuống, để có đủ chỗ cho mình trèo qua đó và lặng lẽ đáp xuống phòng ngủ của bà ngoại.

Có đủ ánh sáng từ những ánh đèn màu da cam ngoài đường phố, để tôi có thể nhìn chung quanh phòng ngủ. Giường ngủ của bà ngoại GG dựa vào bức tường bên phải, bà nằm quay lưng về phía cửa sổ. Tôi đến gần bà dịu dàng khẽ nói: "Ngoại ơi, cháu đây, Leonard đây. Cháu cảm thấy bà không được mạnh khỏe, nên đến đây để thăm bà".

Tôi quỳ gối trên sàn nhà gần đầu giường, tìm thấy bàn tay bà, bàn tay tôi âu yếm nắm giữa đôi tay mình.

"Cháu tới đây thật đúng lúc. Làm sao cháu đã đoán biết được? Cứ việc ở đây gần bà."

Tôi xích lại gần hơn.

Bà thì thầm nói luôn một hơi: "Được rồi, cứ như vậy... Bà không màng tới chuyện mình sắp chết. Thú thật, bà đã đợi chờ giờ phút này, kể từ khi ông ngoại cháu đã bỏ bà ra đi, cách đây hơn 15 năm... Nhưng bà không muốn trở thành một phế nhân tùy thuộc sự chăm sóc của những người khác."

"Bà có muốn cháu đi gọi một bác sĩ? Hay một ông cha?" Tôi đề

ngợi không đúng theo ước nguyện của bà, vì nghĩ rằng đó là điều bà cần có.

“Đừng! Đừng gọi bất cứ ai, cháu chỉ việc ở đây bên cạnh bà”. Bà thì thầm ra lệnh.

Tôi nhận thức được lòng bà đang bối rối. Tuy thân thể bà bất động, nhưng trí óc bà vẫn hoạt động và cảm xúc bà thì xáo trộn. Trước đây, tôi đã hai lần được dịp bên cạnh những người sắp chết, và nhận thấy cách ứng xử là hoàn toàn buông thả để gần cận latihan. Trong khi vẫn còn nắm giữ bàn tay bà, tôi đặt mình vào một trạng thái tiếp nhận sâu sắc an bình, để khiến cho latihan tuôn chảy.

Trong phạm vi của nhận thức mình, tôi cảm thấy chung quanh mình là vũ trụ, và nghe thấy những âm thanh du dương có vẻ như đến từ một nơi nào đó trong sự vô biên của nó. Những rung động thánh thót đó đọng tới dây thanh âm của tôi, và chúng tôi cùng nghe thấy một âm nhạc an dịu mà cổ họng tôi cống hiển. Trong khi tôi vẫn còn ca hát, hơi thở của bà ngoại trở nên yên lặng và đều đặn hơn; tới đây chúng tôi cùng trong không gian của sự an bình, nơi không có chỗ đứng cho sự sợ hãi.

Chắc đã được một tiếng đồng hồ hay hơn, khi bà chợt nói: “Bà muốn đi tiểu, cháu có thể giúp bà? Bà phải quay mình lại; cái bô đi tiểu đặt phía bên kia dưới giường, cảm ơn.”

Bà cử động một cách khó khăn và đau đớn, vì ruột của bà không hoạt động thích đáng trong nhiều ngày và dạ dày thì nát bầy, khiến cho phải gắng sức lắm tôi mới có thể nhắc bà lên tới bô đi tiểu. Chúng tôi làm được chuyện đó, và sau một lúc bà lẩm bẩm xác nhận một điều mà tôi hiểu được: “Xong rồi!”

Tôi thận trọng đem bà trở về giường, lần này thì để bà quay mặt về phía bên phải có cửa sổ. Tôi kéo chiếc ghế bành chật hẹp bằng gỗ dái ngựa gần chiếc bàn cạnh giường, và ngồi lên đó. Bà đưa thẳng bàn tay nhỏ xíu, mỏng mảnh và run yếu ra, và đặt lòng tay hơi lạnh, khô cứng trên tay tôi. Tôi nổi kết trở lại với trạng thái an bình của nội tâm mình, nơi từ đó tuôn ra những âm thanh êm tai du dương. Ngoại có vẻ như đang nghe, mắt nhắm lại, cặp môi

nhăn nheo biểu lộ một nụ cười yếu ớt. Chúng tôi bên nhau như vậy trong một lúc, cho tới khi cặp mắt bà chợt rung rinh mở ra và bà thì thầm nói: "Leonard?"

"Có cháu đây, ngoại, cháu đang bên cạnh ngoại."

"Cháu có thể để một chút son phấn trên môi và má ngoại? Chải tóc lại cho ngoại? Khiến ngoại trở nên xinh đẹp, và đừng quên để thêm vào một chút nước hoa của ngoại. Tất cả những cái đó đã có sẵn đây, trên bàn cạnh giường".

Tôi làm theo yêu cầu của bà: trên đôi môi khô héo để bong ra từng mảnh của bà, tôi công phu dùng son bôi môi màu hồng nhạt để tô vẽ, rồi chải chuốt lại bộ tóc dài, làm cho nó gọn gàng theo hết khả năng mình, thận trọng thoa phấn trên đôi má căng dãn, tròn trịa và cái cằm hình dạng rõ nét của bà.

"Voilà, Madame, tu es très, très belle à présent." (Xong rồi, thưa bà, bà bây giờ trông thật đẹp, rất đẹp).

Bà thích nghe tôi nói với mình bằng tiếng Pháp. Khuôn mặt bà biểu lộ những dấu hiệu của sự cố gắng và đau đớn, khi bà quần quai lấy lại một tư thế thoải mái. Bàn tay phải bà lại nắm lấy tay tôi, và bà nhìn tôi một cách lơ đãng. Sau một lúc, bà nhẹ nhàng siết chặt tay tôi ba lần một cách liên tiếp nhanh chóng, như muốn nói: "Bây giờ là lúc ngoại ra đi".

Tôi nhìn vào đôi mắt ướm đẫm, teo lại của bà, chợt loé lên bởi một ánh sáng hình như đến từ bên trong. Tất cả sự chú ý của tôi tập trung vào tròng mắt màu xanh hồng nhạt của bà. Nơi đó tôi chứng kiến sự chiếu ngược của chuyện phim cuộc đời bà: tất cả những gì bà đã cảm thấy trong cuộc sống trên trần gian ngược tới lúc bà sinh ra. Cường độ của những biểu hiện đó khiến tôi theo dõi thấy được một sự kế tiếp nhau nhanh chóng của những tình cảm và xúc động mà bà đã trải qua trong cuộc sống lâu dài của mình: kinh ngạc, sợ hãi, âu yếm, tức giận, chề bai, vui thích, yêu thương, mê sảng, thắc mắc, trầm tĩnh, buồn phiền, hy vọng, tán thành, đau đớn, chấp nhận. Tiếp theo là một mùi thơm tinh trong, một sự lặng thinh an vui, đó là những gì trang nhã xâm nhập vào phòng. Tôi nhận ra một cách rất tinh tế bàn tay mình hai lần được

siết chặt, như bà đang muốn nói: "Au revoir".

Tôi nghiệm thấy một sự rung động tế nhị du dương, bắt đầu từ nơi gần chân mình rồi đi lên qua thân thể... Khi nó tới ngực, cổ họng và đầu, điều khiến tôi rất ngạc nhiên là mình thốt ra điều gì bằng tiếng A Rập tương đương với: "Thượng Đế thật vĩ đại!"

Sự rung động du dương siêu trần đó gia tăng, khi nó đem theo nhận thức của tôi cùng đi với bà và bỏ lại đằng sau thể xác bà. Tôi đi vào một không gian vô hình, rộng lớn và an hòa. Ngay lúc đó tôi hiểu được rằng linh hồn bà đã rời bỏ thể xác, và hiện đang tự do đi lên con đường tới một thực tại khác.

Mắt đã nhắm trong vài phút vừa qua, tôi mở nó ra và trông thấy thể xác bà ngoại đang trở nên nguội lạnh và cứng đờ trong những co giật không đều. Bàn tay mềm mại mà tôi đang cầm, đã trở nên lạnh ngắt, và tôi nhận thấy những mảng rộng màu tím khuếch trương dưới làn da mỏng như giấy của bà. Mắt bà trở nên bất động, đờ đẫn nhìn chăm chăm.

Tôi từ từ đứng lên, đặt chéo nhau đôi tay bà lên ngực bà, và hạ xuống những mi mắt bằng giấy giả da với lòng bàn tay mình, như mình đang đóng lại những cánh cửa chớp của bà, để bà được cách biệt trong cái không gian chỉ thuộc về mình.

Lỗi mũi tôi nhận ra được một mùi siêu phàm, và tôi cảm thấy an vui thanh thản trong bản chất mình, khi sửa soạn lại diện mạo của ngoại GG, vì biết rằng việc để lại một ấn tượng tốt là điều trọng hệ với bà. Tôi nói với cô y tá trực ca đêm, cô lấy làm ngạc nhiên về sự có mặt của tôi trong nhà an dưỡng, là bà ngoại mình đã yên bình qua đời, rồi lạnh lợi bước về tư gia mình trong không khí mát lạnh của buổi sáng.

Trong nhà mọi đèn đã tắt, buổi liên hoan đã chấm dứt và gia đình tôi đang say sưa ngủ. Tôi cảm thấy đi ngủ lập tức là không thích đáng, nên vào phòng khách để làm một latihan. Đó là một phòng sắp xếp đẹp đẽ, yếu ớt chiếu sáng bởi những ánh đèn vàng vàng ngoài đường xuyên lọc qua những cửa sổ nơi phần nhà xây lồi ra ngoài là chỗ có chiếc ghế sofa trên đó trải những nệm êm ái vẽ hoa.

Đối diện những cửa sổ rộng, tôi đứng giữa phòng, buông bỏ tâm cảm và trí óc, tư tưởng và cảm xúc mình, để đặt nhận thức mình trong không gian nội tâm mình là nơi không có hơi cũng như kém, nơi chỉ có ý thức trong sự tĩnh lặng.

Sau một lúc không lâu, tôi cảm thấy mãnh liệt một sự hiện diện bệ vệ bên trái mình. Tôi quay mình về phía chiếc ghế Sofa, và điều khiến hoàn toàn ngạc nhiên là tôi trông thấy ông ngoại Edward, một người đã chết trước đây 15 năm, đang ngồi giận dữ nhìn tôi. Tuy đã sợ ông khi mình còn bé, nhưng tôi rất mến ông và vui mừng gặp ông nơi nhà cửa mình. Nhưng tôi có thể trông thấy ông đã lúng túng thấy chính mình trong phòng khách tôi! Quang cảnh đó lỗ bịch tới nỗi tôi phải bật cười, và càng cười bao nhiêu thì tôi càng thấy nó lỗ bịch bấy nhiêu, khi tôi bắt đầu đi chung quanh chiếc sofa. Ông ngoại cũng đang cười. Râu mép cực lớn và lông mày dày cộm của ông lung lay lên xuống, được khiến cho động đậy bởi những đợt cười thoải mái của mình.

Cả hai chúng tôi rất hợp nhau, điều này tuy kì quái nhưng tức cười. Vẫn còn cười, tôi đứng đối diện ông và nhận thấy trong thế ngồi ông đang từ từ bốc lên khỏi chiếc sofa, theo cái hướng đi lên bầu trời. Ông ngoại tôi cười cho tới khi đi ra ngoài cái nhìn của nội tâm tôi, để biến mất vào cái không gian của chính mình. Tôi cảm thấy ông đã đến để có sự nối kết tâm linh khiến được giải thoát để có thể tiếp tục cuộc hành trình của mình. Tôi cảm thấy vô cùng thanh thản và vui sướng, và chuẩn bị đi ngủ.

Khi tôi lặng lẽ rúc vào chiếc chăn lông vịt nhẹ như bông, Melinda, bị làm cho mất ngủ, lăm bằm nói một cách hầu như không nghe thấy: "Bà đã mất rồi, có đúng không?>>

"Mất rồi, cách đây một tiếng đồng hồ rồi."

Trước khi tôi có thể chia sẻ với vợ mình những gì mình vừa nghiệm được, một tiếng khóc nức nở rất lớn rung lay toàn thân bà. Tôi ôm lấy bà, giữ chặt lấy bà bên mình, trong khi bà để cho cơn đau buồn của mình tuôn chảy ra ngoài. Trong lòng mình tôi không thấy buồn, và dù Melinda vẫn còn khóc rất nhiều, tôi lại cảm thấy thân nhiên và nhẹ nhõm.

Sau một lúc, tôi rất hoang mang khi cảm thấy bộ phận sinh dục trở nên cương cứng một cách từ từ, cường tráng, không thể cưỡng lại. Tôi nghĩ: "Thôi đi mà Leonard! Mày thật quái gở, bây giờ không là lúc cho chuyện đó. Bà ngoại mày vừa mới chết, mà mày đã cương cứng nóng như lửa!"

Tôi không biết phải làm ra sao về chuyện này, vì nó khiến cho nhận thức của mình bị hạ thấp xuống cái nhu cầu đi tìm vui thú. Tôi tịnh tâm ngạp ngừng hỏi linh hồn mình

"Tôi có nên theo sự thôi thúc đó không?"

Lập tức có câu trả lời: "Nên, điều này là quan trọng, cứ việc làm theo".

Người này gần sát người kia, đôi má chúng tôi trở thành một trong sự ẩm ướt của những nước mắt mặn vẫn còn chảy. Tôi thì thào vào tai Melinda: "Bà xã? Em sẽ nghĩ là anh thật điên khùng, nhưng anh cảm thấy chúng ta phải giao hợp."

"Cái gì... ngay bây giờ?" Bà la lên một cách hầu như phẫn nộ, giọng nói hơi tỏ sự tuyệt vọng. Nhưng rồi bà cũng chìm đắm vào việc cho xảy ra cái quá trình tự nhiên đó: một cách không do dự, thắc mắc, chúng tôi chỉ việc tuân theo cho cuộc hành trình bất thường đó hoàn tất.

Chẳng bao lâu, chúng tôi được đem tới một nhịp sống thanh bình kết hợp mình thành một cảm xúc duy nhất. Cách biệt khỏi những tưởng tượng, đam mê và thị dục trần thế, sự nhận thức của tôi lớn lên chung quanh mình trong sự bành trướng ba chiều. Ý thức lớn lên vượt qua căn nhà, ra ngoài và lên trên; tôi cảm thấy trái đất phía dưới mình, và tập trung sự chú ý tới Giải Ngân Hà. Tới lúc cao độ sự giao cấu trong lúc phát ra một năng lực rất mạnh, tôi nhận thức được thần hồn của ông bà ngoại mình được đẩy lên trên, xuyên qua Giải Ngân Hà, hình dạng những tinh tú rọi sáng tại đó giống với âm đạo. Melinda đang sung sướng ngủ, nên tôi xoay mình qua phía khác để cho mình trôi nổi theo dòng mơ mộng. Về sau này, khi tôi suy nghĩ về cái chứng nghiệm đó, trí óc tôi có một ý nghĩ: "Chúng ta đến cái thế giới này qua cánh cổng của âm đạo thuộc thể chất/vật chất; chúng ta cũng sẽ đi ra ngoài cái thế giới

này để trở về một thế giới khác, qua cánh cổng của âm đạo tâm linh”.

Tất nhiên, khi muốn chia sẻ những chứng nghiệm tâm linh đó, tôi bắt buộc phải dùng những ngôn từ thông thường và những điều tương đương, và đó chỉ là cách làm cho bạn có một khái niệm về cái thực tại tâm linh mà tôi tìm cách chia sẻ.

Một vài ngày sau, đám tang được tổ chức tại tư gia chúng tôi. Mọi người trong gia đình đều có mặt, và suốt ngày ai cũng cảm thấy vui vẻ và thanh thản. Theo ý nguyện, bà ngoại GG được hỏa táng tại lò thiêu của Tunbridge Wells, chỉ cách vài phút trên con đường Số 19; tro tàn của bà sau đó được rải rắc trên đồng hoang Derbyshire, như trước kia của ông ngoại Edward.

## 10. Nối kết với nguồn gốc sự sống

Tới đây, tôi đem bạn đến bờ biển Thái Bình Dương của California, 45 năm sau đó. Melinda và tôi đã tới đó để dự sự khai mạc của hai buổi triển lãm những bức tranh của tôi: một tại Đại Học của trung tâm CIIS, và một tại một tư gia rộng lớn của một người bạn chuyên sưu tầm những tác phẩm nghệ thuật.

Một hôm nọ, Melinda cùng tôi đến nhà anh Emmanuel Williams, một người bạn sống tại một thành phố nhỏ bé thú vị là Pacifica. Emmanuel và tôi quyết định cùng tập luyện thì điện thoại reo. Anh bạn tôi nhắc điện thoại lên và đưa nó cho tôi: “Cho anh, Leonard...từ bên Anh.”

Đó là Sebastian, chồng của cô con gái út chúng tôi là Pamela (trước kia là Marianna) vừa mới sinh ra một đứa bé thứ ba được đặt tên là Lucas.

“Bố, tình trạng đứa nhỏ tụi con không khá được. Pamela nghĩ sẽ dĩ vậy là vì cái tên Lucas không thích hợp cho đứa bé. Bố có thể làm trắc nghiệm để chọn một cái tên đúng hơn?”

Tôi chấp nhận và hỏi anh Emmanuel là có muốn cùng tôi làm trắc nghiệm không, nhưng cũng đề nghị trước hết là làm một chút luyện tập. Anh đồng ý, và cả hai chúng tôi đứng lên, hoàn toàn tịnh

tâm để cho latihan tuôn chảy...

Khi đạt tới nơi chốn trong lòng mình là sự trống không nhưng đầy đủ sáng suốt, tôi cảm thấy được đem tới một không gian bên ngoài, nơi sự chú ý của tôi tập trung vào những âm thanh xuất phát từ một nơi xa xăm trong một cơn gió nhẹ mỏng manh, có mùi thơm, hình như đến từ một ngân hà xa xôi. Tôi quay mặt về phía luồng gió đó, hít thở đầy đủ mùi thơm mỏng manh, trong khi nghe những nốt nhạc cao du dương của kèn và chuông, những cái tạo thành một hợp âm hài hòa. Tôi liền mở con mắt nội tâm của mình ra.

Sự chú ý của tôi tập trung vào một sự hiện diện đến từ nơi sâu thẳm của vũ trụ, nơi tôi có thể nhận ra một tinh vân đang từ từ cuốn xoáy, khi tôi tiến tới phía nó. Tôi say đắm nhìn sự nhào lộn bất thường của những màu sắc, hầu hết là từ những hình thù trông như mây từ màu vàng nhạt cho tới màu da cam dịu, tất cả đều nổi bật trên một nền màu xám và tím đen tối. Tôi cảm thấy nội dung và những đức tính của một linh hồn biểu lộ một tính khí hòa nhã đầy tình thương cùng với một sự chín chắn cổ xưa.

“Melvin!”

Tôi nghe thấy rõ rệt cái tên đó vang dội trong ngực mình, khi nó trở thành như một thứ áo mặc cho sự hiện diện của cái linh hồn hòa nhã của đứa cháu trai mình. Anh Emmanuel và tôi kết thúc latihan mình ngay lúc đó.

Tôi kể cho anh nghe những gì mình vừa chứng nghiệm được và việc tôi nghe thấy rõ ràng cái tên Melvin. Tôi đề nghị với anh là chúng tôi cùng làm trắc nghiệm coi sự tiếp nhận của tôi về cái tên đó có đúng không. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy là đúng.

Sebastian và Pamela chấp nhận cái tên mới đó. Họ gọi con mình là ‘Melvin’ và ngay sau đó đứa bé không còn khóc, ăn uống được trở lại, ngủ khá hơn và lấy lại được sức khỏe.

Để kết thúc chuyện về đứa cháu trai chúng tôi, tôi xin được kể một chuyện vật cảm động sau đây. Mỗi năm, gia đình chúng tôi có truyền thống gửi cho nhau những thiệp mừng Nô-en tự tay mình



làm. Năm đó, cô con gái Pamela gửi cho chúng tôi hai thiệp in vẽ phác bởi những đứa con trai mình là Ciaran và Melvin. Thiệp của cháu Ciaran hình dung gia đình Chúa Giê-Xu mặc đồ đen dưới một nền là bầu trời màu xanh đậm. Tôi vui thích ngắm nhìn bố cục của hình trong một lúc.

Khi nhìn tới thiệp của cháu Melvin, tôi rùng mình cảm thấy mình bị đẩy ngược trở lại 8 năm, khi mình có cái chứng nghiệm có tác động mạnh về tên của cháu Melvin.

Ngay giữa tấm thiệp, một hình trông như cái chuông trôi nổi trên một bầu trời màu xanh đậm đầy sao. Những dải màu sắc sỡ - xanh lục, xanh lam đậm, đỏ son, xanh lam nhạt và đỏ chói - dao động như ánh hào quang. Một đường mỏng kim cương lấp lánh bao quanh hình cái chuông, tách biệt nó khỏi một đám mây đang tiến hóa, gồm màu xám dịu ấm biến thành màu tím, rồi đen, rồi tới màu da cam làm thành hình dạng cuối của mây trên một bầu trời màu xanh đầy sao.

Đối với tôi, những màu sáng chói chung quanh cái chuông màu vàng biểu hiện cháu Melvin đang hành động trên trần gian. Những màu bất thường của đám mây y như của những tinh vân mà tôi đã trông thấy, khi mình làm cái latihan tại Pacifica. Tôi cũng nói đến những âm thanh...tiếng chuông cao ù tai hòa với tiếng kèn xa xôi là sự tương trưng của những hình dạng nhiều màu vang dội từ cái chuông màu vàng, như những gợn sóng lặn tẩn trên mặt hồ nước.

Tôi chợt thấy cảm kích sâu xa vô cùng Đấng Tạo Hóa, vì đã có được cái chứng nghiệm đó và được chỉ cho thấy một phần nhỏ của viễn cảnh tâm linh liên quan tới đứa cháu mình.

## D. Hiệu quả của latihan trong đời sống hằng ngày của gia đình

### 1. Một tai nạn giúp chúng tôi đến miền Bắc ở

Tới đây, tôi đem bạn trở lại mùa xuân năm 1960, khi Jean và tôi cùng nhau vui thú đời sống vợ chồng tại Vallauris. Tôi sơn vẽ và có rất nhiều cảm hứng. Tôi cũng làm công việc trang trí những bình hay chậu tại một xưởng làm đồ gốm của địa phương, để có tiền cho sự ăn uống hằng ngày, và cho căn nhà thuê nhỏ đẹp bằng gạch là nơi ở của mình. Nó được xây trên một nền đất cao có những lùm cây trái cam, và từ những cửa sổ của nó chúng tôi có thể trông thấy những đôi cây trinh nữ đặng xa trước một vùng biển màu xanh.

Jean đã mang bầu, và điều đó hoàn toàn thay đổi động lực sự quan hệ của chúng tôi. Tôi càng yêu cô nhiều hơn, và thường xuyên nhận thức được một kích thích tâm linh mới mẻ trong cái thế giới ấm cúng của chúng tôi. Sự hiện diện của cái bào thai đang hình thành, sự tồn tại của nó, khiến chúng tôi cảm thấy mình đã trở thành một đơn vị là gia đình, và cả hai chúng tôi đều rất vui mừng, khi nghĩ trước tới lúc sinh đẻ. Tôi nhận thấy một sự biến hóa ở Jean: một đứa bé trên chiếc xe đẩy trẻ con, một tiệm buôn trưng bày quần áo của trẻ thơ, hay những phụ nữ khác mang bầu, là những điều lôi kéo một cách không cưỡng lại được sự chú ý của cô. Có một nụ cười hơi mẫn nguyện trên khuôn mặt cô, khi chúng

tôi thân mật tiếp xúc với trẻ con. Cái quá trình thiên nhiên của chức năng làm mẹ đã xảy ra nơi cô, và tôi không thể không lấy làm rất cảm phục cái hiện tượng lạ thường, kì diệu đó.

Về một vài phương diện, đời sống ở Côte d'Azur hầu như quá dễ dãi. Việc Jean mang bầu, công việc sơn vẽ của tôi, những buổi latihan tại Nice, khiến tôi cảm thấy có cái gì đó nơi mình sắp đi ngủ. Ước vọng tạo một chỗ đứng cho sự thành công trên con đường nghệ thuật bị cuộc sống có vẻ thần tiên làm cho tê liệt. Tôi cảm thấy mình cần phải kích thích tâm trí nhiều hơn, và cả hai chúng tôi đồng ý là nếu tự nhiên có cơ hội, chúng tôi sẽ đến Paris ở. Hiện nay khi nghĩ lại chuyện đó, tôi hiểu được rằng cái ước muốn đến nơi khác ở, tuy hoàn toàn phi lí về mặt vật chất, vì chúng tôi chỉ đủ tiền bạc để sinh sống và chắc chắn không đủ cho một chuyến đi bằng xe lửa, nhưng là điều đến từ một chỗ thâm sâu hơn tâm trí.

Có chuyện lạ thường là ngay sau khi tôi cảm thấy mình muốn lên ở miền Bắc, một điều hoàn toàn bất ngờ xảy ra...

Jean mang bầu hơn 3 tháng, và không còn thấy thích nữa hai lần mỗi tuần ngồi trên xe gắn máy đi đến một nơi xa là Nice. Tôi cũng thấy chuyện này là hơi khó khăn, nếu phải xa cách cái tổ ấm đầy mộng mơ của mình trong bất cứ lúc nào. Nhưng một buổi tối nọ có xuất latihan, tôi buộc mình phải lên đường. Bị sự thúc đẩy của bốn phận có mặt lúc tập latihan, tôi nhảy lên xe gắn máy mình, và phóng xe trên đoạn đường dài tới Salle Marie Christine. Khoảng 5 phút sau đó, tôi nhìn đồng hồ và nhận thấy mình chưa đeo nó. Bực mình, tôi cho xe quay trở về nhà.

"Về rồi sao?" Jean ngạc nhiên nói vì sự trở về bất ngờ của tôi.

"Anh đã quên mang đồng hồ". Tôi trả lời trong một hơi, khi chạy vào nhà lấy đồng rồi chạy ra ngoài leo lên chiếc Lambretta.

Lúc đó đã tối nhá nhem; tôi phóng xe xuống đồi nhanh tới mức tối đa, trong đầu mình lo nghĩ tới chuyện đến tập latihan muộn. Bên sườn đường có những bức tường cao bằng đá là nơi không có vỉa hè. Khi tôi đến một chỗ rẽ không nhìn thấy, một chiếc xe hơi không ánh đèn và đèn chỉ thị chạy ngược chiều từ nơi khúc quanh,

hướng chạy của nó giao thẳng với hướng của tôi.

Thẳng lại không còn kịp nữa, và khi tôi tìm cách luồn qua chỗ giữa phía sau xe hơi và bức tường cao, cần điều khiển bên phải của xe gần máu đụng mạnh vào đèn chiếu hậu của xe hơi, khiến tôi bị gãy ngón tay út và bắn ra xa 30m xuống đường. Chiếc Lambretta nghiêng qua một bên lướt theo sau tôi độ vài mét. Toàn thân tôi run rẩy khi tôi đứng dậy để định mức thiệt hại.

Sau khi trao đổi cùng tôi những chi tiết về bảo hiểm, chủ nhân người Thụy Sĩ của chiếc xe có lòng tốt chạy tới một quán nước gần nhất để gọi một xe cứu thương. Tôi được chở tới bệnh viện Antibes, nơi các y sĩ cố nài tôi nên ở lại một đêm, trong trường hợp óc não tôi bị chấn thương. Từ bệnh viện tôi kêu điện thoại được cho một người ở Vallauris nhờ đến cho Jean và mẹ tôi hay mình bị tai nạn và sẽ về nhà ngày mai.

Các y sĩ đã làm những gì cần thiết: đặt ngón tay út tôi vào một thanh nẹp và giữ cố định cẳng tay tôi với một băng đeo. Tôi còn nhớ là mình đã cảm thấy đời người kì dị ra sao: trước hết là quên đồng hồ đeo tay, rồi trở về nhà để lấy nó, rồi bị tai nạn và nằm bệnh viện với những vết thâm tím và một ngón tay bị gãy. Hồi đó tôi không hiểu được điều đó có nghĩa gì cũng như việc tại sao lại như vậy... Đó chỉ là một tai nạn? Nhưng tại sao?

Tôi khập khiễng trở về nhà trưa hôm sau, và cảm thấy đau nhức khắp nơi, đặc biệt nơi bên trong ngón tay út bị băng bó chặt của mình. Công ty bảo hiểm Thụy Sĩ của chiếc xe gây ra tai nạn gửi cho tôi một bức thư vài tuần sau đó. Họ cho biết là ngón tay út là một trong những bộ phận dễ làm đau đớn nhất của cơ thể, vậy bởi tôi là một kẻ dùng tay phải, nên điều đó khiến tôi không làm việc được. Tôi được bồi thường, một điều tôi không chậm trễ chấp nhận, và với số tiền đó chúng tôi có thể chuẩn bị tới Paris ở.

## 2. Tới Paris ở

Tháng 9 năm 1960 chúng tôi lên đường tới đô thị của ánh sáng. Chuyển đi được êm xuôi, và chúng tôi đến ở trong căn phòng y như lúc tôi còn là sinh viên tại trường nghệ thuật Paul Colin vài năm trước đó. Căn phòng nhỏ bé đó nằm trên lầu 7 nơi đường

Cardinet; phải leo lên đó không là chuyện dễ dàng cho Jean vì đã mang bầu được 7 tháng.

Có nhiều chuyện để làm vì chúng tôi phải tạo nên một nguồn lợi tức để sinh sống. Paris chắc chắn đòi hỏi nhiều tiền hơn cuộc sống vui thú của chúng tôi tại Côte d'Azur. Chúng tôi nhanh chóng tổ chức sự buôn bán quần áo và khăn choàng cổ lối in hoa batic từ nhà bếp nhỏ xíu của căn phòng mi-ni của mình. Chúng tôi làm rất nhiều những khăn choàng cổ bằng lụa mà tôi đem tới các tiệm buôn sang trọng để bán. Chúng tôi nhận được một vài thông tin phản hồi tỏ thiện cảm, và bắt đầu có một kinh doanh nhỏ bé.

Điều không may là tôi phải đi trình diện nhập ngũ một lần nữa. Lần này thì tại Vincennes, gần Paris, và tôi cảm thấy rất căng thẳng về việc lại phải nhịn ăn để tránh bị đưa đi chinh chiến tại Algerie. Cái ý nghĩ bị xa cách người vợ đang mang bầu của mình khích lệ tôi cương quyết làm hết khả năng mình để trở thành một kẻ không thể cầm súng được. Tôi quyết định nhịn ăn 10 ngày trước khi chính thức nhận được lệnh gọi nhập ngũ.

Nhịn ăn tại đô thị của ánh sáng không là chuyện dễ làm như tại vùng Côte d'Azur nóng ẩm. Vì lí do này hay lí do khác, Paris có vẻ như đòi hỏi nhiều cương quyết, năng lực và tiền bạc hơn, chỉ để sống sót trong sự náo động của nó. Qua việc buôn bán những khăn choàng cổ bằng lụa, tôi làm quen với chủ nhân tên là bác Ray của một tiệm bán đồ thời trang tại Champs Elysées. Ông cho tôi quyền được thiết kế và trang trí lại cửa kính của tiệm nhìn ra đại lộ lừng danh rộng lớn. Điều này là một dự án bao la đối với một người đang nhịn ăn và chưa từng làm một công việc như vậy trước kia. Nhưng do sự thúc đẩy của bản năng sinh tồn, một ngọn gió của cảm hứng thổi vào đầu óc sáng tạo của tôi: tôi kết tinh nó lại thành một vài phác họa và đưa cho bác Ray coi. Khi nhìn đề nghị của tôi, ông bày tỏ sự nhiệt tình của mình: "Tuyệt diệu! Hãy làm càng sớm càng tốt; tôi đồng ý, cửa tiệm của tôi cần phải sửa lại hoàn toàn".

Ông thân mật đề nghị tôi biến hầm chứa của tiệm mình thành một xưởng nhỏ bé. Tôi lựa chọn dùng những tấm ván xù xì dày 4cm bằng gỗ cây sung dầu. Giữ nguyên vẹn sự không đều đặn của vỏ cây nơi bờ cạnh những tấm ván bằng gỗ cây sung dầu, tôi bào

bằng tay làm cho bề mặt trở nên bằng phẳng, rồi cuối cùng đánh giầy nhám cho nó trở nên trơn óng ánh, trước khi bôi sáp và đánh bóng. Việc làm đó vô cùng cực nhọc với những dụng cụ thô sơ mà tôi có, và tôi đã hai lần ngắt xiut trong cái hầm chứa cực nóng.

Chuyện ngược đời là mỗi ngày bác Ray bày tỏ sự tán thành việc làm của tôi, bằng cách tặng tôi một hộp kẹo sôcôla to lớn mắc tiền. Đến tối, tôi đem món quà quý báu gây thêm muốn đó về cho Jean, và chúng tôi cùng nhau cười về chuyện đó, trong khi cô ăn kẹo sôcôla.

“Này cậu Lasalle, cậu quả thực là người làm tôi tò mò”. Bác Ray có lần nói với một giọng đa nghi.

“Tôi chưa từng thấy cậu ăn bất cứ miếng kẹo sôcôla nào mà tôi đã tặng cậu. Hơn nữa, mỗi lần tôi mời đi ăn trưa, cậu đã tìm được một cố vũng chắc để không đi. Cậu thực sự là một người trẻ vô cùng lạ thường”. Bác lớn tiếng nói, lông mày đưa lên cao bày tỏ sự bối rối.

Đương nhiên, tôi không thể nói cho bác hay lí do khiến mình ứng xử một cách quái dị, vì không ai ngoài Jean và mẹ tôi ra biết được tại sao tôi nhin ăn. Bác Ray cũng tìm cách sắp xếp một cuộc họp để giới thiệu tôi với một bạn thân của ông, một tướng lãnh Pháp lừng danh rất yêu thích nghệ thuật, đặc biệt hội họa.

Bác Ray đề nghị: “Tôi sẽ sắp xếp một bữa ăn tối cho cậu với vị đó, để chúng ta có thể nói chuyện về cái đề tài tuyệt vời là nghệ thuật. Cậu sẽ thấy, vị đó là một người ham mê ủng hộ nghệ thuật và những gì khiến thích thú”.

Dù đề nghị đó hấp dẫn tới đâu đi nữa, đầu óc và cơ thể tôi không trong trạng thái ngồi gần một vị tướng trong một bữa tiệc, ngay cả khi vị đó là một người ủng hộ nghệ thuật.

Phải mất một tháng tôi mới làm xong cửa kính, và đó là một sự thành công. Trong năm 1960 cửa kính của các tiệm thời trang ở Paris có cái vẻ cổ điển, nên sự tương phản giữa gỗ bóng loáng, vỏ cây xù xì và những quần áo sang đẹp tạo được ấn tượng của nó. Việc buôn bán quần áo của bác Ray trở nên khá hơn, và bác

rất hài lòng.

### 3. Cuối cùng được giải ngũ

Trong lúc nhịn ăn, tôi phải ngưng đi tập latihan, vì đã trở nên quá bén nhay và dễ sâu sắc tiếp thu những cảm nghĩ của người khác. Do sự nhịn ăn, tôi để ý thấy nhiều trạng thái của nhận thức thật khác biệt với lúc mình ăn uống đều đặn 3 lần mỗi ngày. Khi nhịn ăn không chỉ trong nhiều ngày, mà trong nhiều tuần, tôi bắt đầu nhận thức được quyền năng ẩn kín của thế giới thực vật mà chúng ta mỗi ngày đem vào nơi mình qua sự ăn uống, hút thuốc lá.

Những điều đó cần phải có để chúng ta có được năng lượng mình cần, nhưng lại có thể có hại nếu đem vào quá mức cần đến. Những sức mạnh đó có vẻ như luôn ham muốn nhiều hơn, như là dự vọng của chúng ta đã tham gia vào để mở con đường cho nó trở thành kẻ làm chủ những định đoạt trong bản chất của chúng ta.

Tôi còn nhớ là một buổi sáng sớm nọ mình nằm trên giường mà không ngủ, cửa sổ mở một nửa của phòng ngủ chúng tôi trên lầu 7 để lọt một mùi thơm tuyệt diệu vào...của bánh mì que giòn của Pháp. Mùi thơm đó qua lỗ mũi om sòm xâm nhập vào trạng thái trầm lặng trong lúc đó của lòng tôi, như một đạo binh đang hành quân vào một đất nước thanh bình. Tôi đứng bật dậy khỏi giường ngủ đến phía cửa sổ, đặt hai tay nơi chỗ vịn bằng gỗ rồi thắm sâu hít thở. Thật tuyệt vời, cái mùi làm cho khoái khẩu đó tự biến nó thành một cánh đồng lúa mì từ từ lay động trong một cơn gió nhẹ dưới bầu trời màu xanh đậm... Đoàn binh đang hành quân đó đã nhập vào những nhu cầu và ham muốn của tôi, chén cà phê sữa, bơ và mút cũng nhập theo.

Tôi cảm thấy một sự thúc đẩy vô cùng mãnh liệt buộc mình đi xuống dưới nhà, và hình dung mình đang chạy như bay xuống cầu thang, vào tiệm bánh mì, và còn nghe thấy cả tiếng chuông cánh cửa kêu leng keng khi mình xông vào. Hơi thở tôi trở nên nhanh hơn, cơ thể thì lay động một cách rất tinh tế, khi một cảm giác nóng cháy tràn ngập qua ngực mình. Kinh khiếp, tôi nhìn Jean vẫn còn đang ngủ trên chiếc giường nhỏ bé cho hai người của chúng tôi, và chợt nhớ lại tại sao mình đã nhịn ăn: đưa bé sắp

sinh ra, cuộc chiến ở Algerie, tránh quân dịch... Không chịu vào phòng ăn của lâu đài nội tâm mình đã bị sức mạnh thực vật xâm chiếm, tôi thâm sâu hít thở để hoàn toàn buông bỏ cái Tôi đang bị bỏ đói của mình, và từ từ lén trở lại vào cái trạng thái tỉnh thức trung lập của lòng mình.

Trước ngày đến trình diện các y sĩ trong quân đội để nhập ngũ, điều định đoạt tôi có đủ sức khoẻ hay không để trở thành một người lính, tôi quyết định cho mất thêm một vài gam nữa để chắc ăn hơn, bằng cách đi tắm hơi nóng tại một nhà tắm hơi trên đường Courcelles.

Nhà tắm hơi có hai gã duyên dáng ẻo lả mặc áo choàng màu trắng bằng vải bông. Tôi cho hay mình muốn mất thêm một vài kí. Tò vè ngạc nhiên sau khi nhanh chóng cân tôi trên một cái cân cũ xưa, gã nhỏ bé trong hai kẻ đó nói với một giọng the thé: "Anh đi theo tôi nhé?"

Phòng tắm đóng ván ô bằng gỗ thông sặc mùi cây thảo và dầu thơm; trong đó thật nóng và ẩm ướt và tôi lựa chọn một chỗ ngồi cao giát thanh gỗ mỏng, để được hiệu quả tối đa. Tôi không biết mình đã ngồi đó bao lâu, có lẽ nửa tiếng đồng hồ, thì chợt nhiên bắt đầu nhận thức được tim mình đang làm những gì bất thường, nó đang đập rất chậm và không đều. Tôi nghe thấy một tiếng nói từ nơi xa xôi trong lòng: "Thời giờ không còn bao lâu nữa, đến lúc phải trở lại về cái thế giới nhị nguyên, trở về cơ thể mình và trở về căn phòng nơi Jean và đứa bé đang chờ đợi".

Khi mở mắt ra, tôi trông thấy cái cửa sổ nhỏ bé nơi cánh cửa. Một người đang vẫy tay yêu cầu tôi bước ra ngoài. Tôi phải mất vài giây phút để cư ngụ trở lại trong cơ thể mình, và quần chiếc khăn tắm thấm nước và mồ hôi quanh mình, tôi cố sức đến phía cánh cửa. Không khí mát mẻ của phòng mặc đồ đem tôi trở về với những trách nhiệm thế gian của mình.

Trước khi trả tiền cho buổi tắm, tôi đứng lên cân trở lại: mất thêm 600 gam nữa.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm, vì phải có mặt nơi quân trường Vincennes lúc 9 giờ. Một khi tới đó, chúng tôi phải trải qua cái quá



trình mà tôi đã biết. Chỉ mặc đồ lót đứng trước các y sĩ coi xét những giấy tờ về y khoa của quân đội, tôi cảm thấy mãnh liệt lần này họ sẽ quyết định cho mình vĩnh viễn giải ngũ.

Tôi nghe lỏm một bác sĩ quân y nói vào tai một tướng lãnh ngồi gần mình: "Cái thằng trong trại tù Buchenwald này sẽ không bao giờ mập được. Nó còn mất nhiều kí hơn năm ngoái. Trông nó như một thầy ma đang đi đứng!"

Một tia nắng mặt trời nhập vào ngực tôi, dù nghe thật khủng khiếp, những lời nói đó đã xoa dịu tôi, và tôi cảm thấy sự mất đi 600 g đã đem đến thắng lợi cuối cùng. Khi sau đó được trao cho sổ quân vụ, tôi vui mừng đọc trên trang đầu hai chữ màu đỏ to tướng là RD, nghĩa là 'không đủ sức khỏe cho quân dịch'.

Tuy vào mùa thu, nhưng đi trên đường phố kiếm một nơi để xả nhện, tôi cảm thấy như mùa xuân đã đến. Tôi vào một quán cà phê, ngồi nơi sân hiên, nơi mình kê một ly cà phê sữa lớn và một bánh mì Gruyère kẹp nhân. Người hầu bàn đem những thứ tôi kê đến, kính cẩn đặt trước mặt tôi rồi nói: "Đây là những thứ ông kê, chúc ông ăn ngon".

Tất nhiên, y không nhận thức được cái quyền năng của chất nổ ngầm chứa trong ly cà phê và ổ bánh mì.

Sau một lúc, tôi quyết định thăm môi trên bờ cạnh ly cà phê sữa nổi bọt... Cửa cổng tự nó mở ra và tôi trông thấy nơi mình một lũ yêu quái cười khúc khích, đứa này sôi nổi trò chuyện với đứa kia, trong khi chúng vào cư ngụ nơi tôi một lần nữa với tất cả những đồ đạc của chúng. Trông chúng thật vui vẻ vì được về nhà sau 3 tuần bị ép buộc nằm lì.

Trong lúc nhện ăn, trạng thái ý thức của tôi trở nên sâu rộng. Khi tôi nhai ổ bánh mì một cách rất khó khăn với miệng mình - nhưng cũng thấy khoái khẩu vì sự hỗn hợp của những vị giác khác nhau - điều đó có hiệu quả là đem tôi trở về cái trạng thái eo hẹp hơn của ý thức, có tính cục bộ hơn, nhiều hơn nơi cơ thể mình đang ngồi trên một chiếc ghế bên cái bàn ba cạnh. Điều này như là tôi đã bước xuống một cầu thang vô hình nối liền với một thế giới siêu trần, cao quý hơn, xuống một nơi như thế nào đó thô sơ hơn, nơi

các sinh lực rất năng động, cái này tương tác với cái kia một cách rất nhanh trong cái thực tại liên quan của nó.

Xương quai hàm, bắp thịt và răng tôi bắt đầu khiến đau đớn vì sự nhai ăn, năng lượng thú vật và thực vật mà tôi nuốt vào, bắt đầu tự hoạt động trở lại trong cơ thể tôi, và tôi cảm thấy được lại sức lực của thể chất mình. Tôi cũng để ý thấy cái nhìn của mình khác biệt như thế nào khi đã ăn uống được một chút. Khi lần đầu tiên ngồi xuống bên bàn, tôi đã nhận thấy một thiếu phụ trẻ đang mài mê đọc một cuốn sách cách độ một vài bàn. Khi tôi lấy lại sự trấn tĩnh của mình, tôi không thể không quay đầu lại về phía cô, và đôi mắt trấn tĩnh đã thu nhận những nét đặc biệt yêu kiều của sắc đẹp cô. Chắc cô đã cảm thấy khó chịu bởi sự chăm chăm sôi nổi của tôi, vì cô từ từ ngừng đầu lên nhìn tôi mà không mỉm cười, như muốn nói “Đừng nhìn tôi như vậy!”

Tôi nhận thức được mình đã xâm lấn vào không gian của cô, và vội vàng quay đầu đi chỗ khác.

“Ừa, mình đang làm gì nơi đây, vừa nhâm nhi cà phê vừa ngắm gái, mình thật điên khùng”, tôi nghĩ. Jean hiện ra trong cảm xúc tôi; tôi trông thấy cô đang nóng lòng chờ đợi mình, khát khao biết được kết quả sự đi trình diện nhập ngũ của tôi. Tôi phóng chiếc xe Lambretta của mình về nhà, như mình đang bay như một con chim trên những đường phố của Paris. Tối cảm thấy rất vui mừng là đã giải quyết xong tình trạng quân dịch của mình, và biết rằng mình sẽ không phải ra ngoài mặt trận nữa, mà sẽ thường xuyên bên cạnh vợ mình và đứa bé sắp ra đời.

#### 4. Kiểm việc làm để có thu nhập và một nơi chốn để sống

Sau khi đến thăm nước Anh trong Giáng Sinh 1960, chúng tôi trở về Paris. Chúng tôi đã mất căn phòng tại đường Cardinet, và những người bạn thân là Richard và Arifah Tonogal có lòng tốt nhường có chúng tôi một phòng nhỏ bé tối om tại một góc của căn hộ họ nơi tầng dưới cùng. Hồi đó tôi không có việc làm và thiếu tiền tới chỗ tuyệt vọng, nên tôi quyết định đến gặp anh Toby và chị Sylvette vừa đến ở một căn buồng dưới gác mái tại đường Notre Dame de Lorette.

Đến đó mất một tiếng đồng hồ rưỡi đi dọc theo đại lộ. Tôi leo năm đợt thang tới phòng họ chỉ để nhận thấy là họ không có nhà. Tôi đợi chờ một tiếng đồng hồ nhưng chẳng được gì, nên quyết định đi về và cảm thấy hơi buồn cho chính mình. Khi đi ngang qua khu Place Clichy, tôi trông thấy cách mình một khoảng nào đó một đồng tiền 5 franc trên vỉa hè. Tôi sắp nhặt nó lên thì một thanh niên với bạn gái đi tới từ phía đối diện nhanh chóng cúi xuống trước tôi, lấy đồng tiền, ném nó lên trên, và quay về phía cô bạn gái hỏi: "Xấp hay ngứa?"

"Làm sao mình bỏ mất cơ hội được này, khi đã có thể đem một vài ổ bánh mì về cho gia đình?" tôi tự nói với mình khi tiếp tục bước đi và nghe thấy tiếng cười của cặp trẻ đó đằng sau mình.

Không lâu sau đó, khi đi quanh khu dẫn tới con đường về nhà, tôi trông thấy một ông lão sống lang thang đang ngồi trên một vài tờ báo. Lão nhìn tôi với cặp mắt sâu lóng lánh màu xanh; khuôn mặt lão đầm mưa dãi gió, một bộ râu hơi bạc bao quanh vẻ mặt hiền lành của lão. Tôi đi tới phía lão, và khi tôi sắp cho lão thấy là mình không có tiền, bằng cách kéo hai túi quần trống không ra, lão đưa cánh tay ra, mở bàn tay trong đó có một đồng tiền 5 franc lấp lánh. "Đây này, lấy đi!" lão thốt ra trong một giọng nói khàn khàn.

Ngạc nhiên, tôi hỏi lão khi lấy đồng tiền: "Cảm ơn bác, nhưng trời ơi đất hỡi làm sao bác biết được là tình trạng tôi tuyệt vọng suy sụp?"

"Đâu có gì là khó", lão đáp, tươi cười để hở một miệng hầu như không có răng, "nhìn khuôn mặt mày là tao thấy liền!"

Sinh sống ở Paris không là chuyện dễ, với đứa con còn nhỏ và tiền bạc thì không có; tôi làm những công việc thấp kém khác nhau, kể cả việc đến từng nhà bán báo. Chúng tôi không thể ở với vợ chồng Togonal lâu nữa, vì đã ở đó 3 tuần rồi. Một đôi bạn là vợ chồng Jacques Fournot, những người tôi đã gặp tại một buổi latihan tối nọ, có lòng tốt đề nghị: "Leonard, nếu anh thích, chúng tôi có một ngôi nhà tại Champigny sur Marne, nơi bố mẹ tôi ở. Đó là một nhà để xe ngựa cổ xưa, phía trên có hai phòng cho những người hầu gái. Anh có thể đến đó ở mà không phải trả tiền thuê, và anh cũng sẽ có thể luôn tiện trông nom ông cụ và bà cụ tôi. Nhưng tôi cho

anh biết trước! Không có nước, không có nhà bếp, còn nhà vệ sinh thì thô sơ và dưới nhà trong vườn.”

Chúng tôi chấp nhận đề nghị đó và đến ở ngôi nhà để xe ngựa. Chúng tôi sống rất thoải mái với bố mẹ của Jacques. Ông bố đã từng là một thủy thủ, bà mẹ là một người nội trợ nấu ăn rất ngon. Một bức tường cao bằng đá silic bao quanh ngôi nhà gồm một vườn rau rộng rãi dưới sự săn sóc thành thạo của ông cụ, một người tuy đã 80 nhưng vẫn còn thích làm vườn. Jean thường đi dạo với bà cụ dọc theo con sông Marne hay đi mua sắm tại chợ Champigny rộng lớn. Tôi nhanh chóng đặt một hệ thống dẫn nước vào một phòng nhỏ xíu gần kề mà chúng tôi gọi là ‘nhà bếp’ và gắn một chậu rửa bát với một ống dẫn nước. Đặt một hệ thống dẫn khí butan khiến chúng tôi có thể nấu ăn và có nước nóng. Ngôi nhà để xe ngựa nhanh chóng trở thành tổ ấm nhỏ bé của chúng tôi. Tôi cảm thấy gia đình mình được an toàn và có thể đến Paris trên chiếc Lambretta của mình để kiếm việc làm.

## 5. Thử thách bản thân

Chẳng bao lâu, một chị bạn thân tên là Dorothy đến nơi ăn ở mới của chúng tôi thăm. Hôm đó là ngày Thứ Sáu, tôi còn nhớ là chị đã nói điều này với mình, khi chúng tôi bàn luận về chuyện kiếm miếng ăn khó khăn như thế nào: “Nhưng Leonard, anh nói lưu loát tiếng Anh và tiếng Pháp, có đúng không?”

Điều đó tôi đồng ý. <>Vậy thì, tại sao anh không làm chuyện thông dịch hai thứ tiếng cho những hội nghị quốc tế? Sẽ kiếm được nhiều tiền đấy>>.

Chị tiếp tục quả quyết: “Tình cờ đêm qua, một anh bạn thân của tôi tên là Philip, một tay thông dịch nhà nghề hai thứ tiếng, nói với tôi là anh ấy có một vấn đề lớn: vì chuyện gia đình anh bắt buộc cấp tốc phải ngày mai trở về Anh, và không thể lãnh một công việc quan trọng tuần tới. Anh cho tôi số điện thoại của hãng thông tấn, trong trường hợp tôi kiếm được ai đó có thể giúp anh qua cơn khó khăn”.

Chị nói tiếp khi cảm thấy sự ngần ngại của tôi: “Chắc anh thấy không an tâm khi nghĩ tới điều đó, nhưng tại sao không thử coi

xem sao?”

Chị nhìn qua túi xách, lấy ra một bao thuốc Benson & Hedges trên đó viết nguệch ngoạc một số điện thoại.

Cảm thấy không mấy thoải mái khi nghĩ tới việc nhận một công việc như vậy, tôi than phiền: “Nhưng tôi chưa từng làm một việc như vậy trước kia! Tôi không biết chút gì về cách phải xử lí ra sao”.

“Chẳng sao hết”, chị đáp, “anh cứ việc thử. Đây là số điện thoại của hãng thông tấn, cứ việc sáng mai tới đó xem sao”.

Ngày hôm sau lúc 10 giờ sáng tôi đến văn phòng tại Paris. Cô thư kí chào đón tôi và nhanh chóng nói cho tôi hay công việc đòi hỏi những gì: thông dịch hai thứ tiếng từ Pháp qua Anh và Anh qua Pháp trong một tuần tại Palais des Congrès; các đề tài có tính chất khoa học. Sau khi hỏi tôi trước kia đã làm như vậy chưa và lấy làm hài lòng bởi sự dối trá của tôi, cô đọc bằng tiếng Pháp một trong những bản văn được đề cập tại Hội Nghị, trong khi tôi đồng thời dịch qua tiếng Anh.

Phải nói rằng trong đời mình tôi chưa từng trước kia bán thân cho sự dối trá, và hiển nhiên đã che giấu được sự ngượng ngùng vô cùng của mình. Khi tôi ngạc nhiên thấy cô có vẻ hài lòng vì tìm được một thông dịch viên thay thế cho Thứ Hai sắp tới, cô nói: “Hay quá, anh sẽ bắt đầu lúc Thứ Hai 8 giờ rưỡi sáng. Đừng tới trễ, vì sắp muốn gặp anh trước đó”.

Tôi rời khỏi hãng thông tấn với một cuộn tài liệu khoa học với đề tài được tranh luận trong tuần và một cái ngực đầy những cảm giác vui lẫn buồn. Tôi vui mừng vì triển vọng có một việc làm lãnh 60 bảng Anh mỗi ngày, vì hồi đó như vậy là một thu nhập rất cao. Nhưng tôi không an tâm khi nghĩ tới việc phải thông dịch những đề tài mà mình không hiểu chút gì. Làm sao tôi sẽ đương đầu nổi hoàn cảnh mới này? Tôi còn nhớ là khi lái chiếc Lambretta về nhà, tôi đã nghĩ: “Leonard ơi, trời ơi đất hỡi, mày đã đem thân vào chuyện gì đây? Mày thật điên khùng, và tất cả cũng chỉ là dối trá...Thật hết sức vô lí”.

Tôi dùng chiều Thứ Bảy và tất cả ngày Chủ Nhật để nghiên cứu

những ngôn từ khoa học mới lạ, ghi chú những điều này nọ, tìm kiếm trong một từ điển những từ mình không hiểu, và cố gắng nhớ thuộc lòng. Jean cảm thấy tình trạng tôi càng lúc càng trở nên căng thẳng; cô chưa thấy tôi như vậy trước đó và rất có tài an ủi tôi là mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

Ngày Thứ Hai trọng đại đó tôi thức dậy thật sớm và đến Palais des Congres thật đúng giờ. Các thông dịch viên Anh, Đức và Ý, mỗi người đều có một buồng cho riêng mình nhìn xuống một hội trường rộng mênh mông. Mỗi người đến tham dự phía dưới đều mang những ống nghe và có thể vận dụng một đĩa số trên một máy thu nhỏ bé màu đen để tìm thấy bước sóng truyền thanh tương ứng với tiếng nói đất nước mình. Sếp hăng thông tấn là một người Pháp và ông nhanh chóng giới thiệu tôi với một anh người Mỹ tên là Andy, gầy và cao lêu nghêu, tỏ vẻ lo lắng.

"Các anh là một toán làm việc chung với nhau, mỗi người thay phiên nhau sau nửa tiếng đồng hồ. Buồng này là của các anh".

Nói xong rồi ông bỏ đi. Nhìn đồng hồ đeo tay, tôi thấy còn 5 phút nữa trước khi bắt đầu, vì tôi không biết chút gì về cách khai cuộc ra sao, nên tôi mời Andy một điếu thuốc Gauloise và do dự có ý kiến: "Andy, anh bắt đầu trước nhé?"

Tôi nghĩ, bởi anh là một tay nhà nghề, anh có thể dạy nghề cho mình được nhiều, nếu tôi có thể chăm chú coi anh hành nghề trong nửa tiếng đồng hồ đầu tiên.

"Thật tiếu lâm", Leonard, tôi sắp đề nghị một điều y như vậy với anh, "tại sao anh không bắt đầu trước tiên?"

Andy đáp với một giọng đặc California. Tôi đã không dự tính một tình trạng kỳ quái như vậy sẽ xảy ra, ngay trước khi hội nghị khai mạc!

"Thực ra thì thế này, Andy, tôi muốn đi tiểu đến chết đi được và họ thì sắp bắt đầu...Anh làm thế cho tôi nhé, tôi đi không lâu đâu".

Tôi cảm thấy tự bào chữa như vậy là đúng, vì sự căng thẳng khi nghĩ trước tới việc mình khai cuộc đầu tiên, đã khiến tôi cần phải cấp tốc đi tiểu. Khi đi ra khỏi phòng vệ sinh, tôi để ý thấy các ánh

đèn của hội trường đã lờ mờ, sân khấu được chiếu sáng và một nhà khoa học nói tiếng Pháp đang đứng nói chuyện bên một máy vi âm. Tò mò muốn thấy Andy làm ra sao, tôi lặng lẽ đi rón rén vào buồng của thông dịch viên tiếng Anh và ngồi xuống.

Có phải sự hiện diện đột nhiên của tôi đã khiến anh không yên lòng? Hay lỗi hành nghề bất thường của anh? Khi đặt ống nghe lên tai, tôi nhận thấy sự thông dịch của anh thiếu hẳn mạch lạc. Anh có vẻ như đã không tìm thấy đường đi, những lời lẽ của anh qua máy vi âm không thích đáng liên kết cùng nhau. Chợt nhiên, điều này khiến tôi ngạc nhiên, anh phát ra những tiếng ồn ào tương tự tiếng rã rã của radio, rồi đều đặn phát ra một âm thanh cao vút, rồi lại những âm thanh rã rã...

Tôi nhìn xuống phía cử tọa và trông thấy tất cả các khoa học gia nói tiếng Anh đang nhìn trên đĩa số máy thu của họ để tìm thấy một bước sóng truyền thanh khá hơn. Điều này rất khôi hài, và tôi không thể không âm thầm cười. Tôi đặt tay lên miệng để che đậy tiếng cười khúc khích, nhưng thấy thật căng thẳng tới nỗi toàn thân mình lay động, tình trạng đó khôi hài một cách lố bịch.

Andy hết sức tức giận nhìn tôi, như tôi là nguyên nhân tình trạng rã rối của anh. Không thể ngăn lại cơn cười của mình, điều này trở nên khó chịu vô cùng, tôi đứng lên rồi đi ra ngoài. Một khi đã ra ngoài và để lấy lại tình trạng ôn hòa của mình, tôi hít thở thâm sâu nhiều lần cho mình được bình tĩnh. Khi tôi cảm thấy hoàn toàn thư thái, một tiếng mà tôi nhận ra là chỉ có trong những trường hợp rất đặc biệt, rõ ràng cho hay: "Hãy đến cái nơi chốn trong chân ngã là nơi có sự yên lặng, và hãy tuân theo những gì xảy ra".

Ngay khi nghe thấy tiếng nói làm vững dạ đó, tôi cảm thấy như mình được cho mặc một bộ áo của sự an hòa, lòng tôi trở nên bình tĩnh, tất cả những sợ hãi của tôi biến mất, và tôi mong đợi tới phiên mình thông dịch qua hai thứ tiếng. Tôi bước vào buồng và ngồi gần Andy, anh lạnh lùng chăm chăm nhìn tôi dài lâu, khi đưa cho tôi máy vi âm. Anh hiển nhiên vẫn còn tức giận, vì tôi đã cười khi xảy ra chuyện khôi hài vừa qua. Nhìn tôi một cách ngạo mạn, anh đặt một điếu thuốc Camel vào miệng, và không chằm thuốc anh bước ra ngoài.

Vẫn còn mật thiết nối kết với nội cảm, tôi chăm chú đợi chờ tiếng nói của người kế tiếp lên nói chuyện phía dưới. Lần này là một nhà khoa học Anh nói tới những khám phá mới nhất về cách lưu trữ bộ nhớ trong những ống cathode lạnh: sự bắt đầu nảy nở của những gì hiện nay trở thành cái máy vi tính không thể thiếu được. Vì ông nói năng một cách say mê và tin tưởng về một đề tài mà ông nghiên cứu trong năm qua, nên chính tôi cũng thấy những gì ông nói rất lí thú, và các từ ngữ tuôn ra cửa miệng tôi bằng tiếng Pháp. Tôi không có thì giờ kiểm lại coi những điều mình nói có nghĩa lí gì không; tôi chỉ việc để cho xảy ra điều gì như một xảo thuật tự động, và tôi biết rằng nếu cái Tôi mình cùng với trí óc mình xen vào, tôi sẽ hoàn toàn bị xáo trộn và làm mất đi sự mạch lạc, như anh đồng nghiệp bất hạnh là Andy.

Lúc 11 giờ là lúc nghỉ để dùng cà phê. Tôi đi xuống tầng hầm nơi cho khách quan để cho bớt căng thẳng. Khi đứng nơi đó, đầu và cổ căng duỗi tới trần nhà, cảm thấy mình đồng nhất với Tạo Hóa, tôi để ý thấy ngay bên phải mình một người cao bụng bự, với một bộ đồ có vân màu xám và xanh đậm. Hiển nhiên là một người Anh. Tôi hỏi: "Thế nào, mọi chuyện đều tốt đẹp chứ? Ông nghĩ thế nào về sự thông dịch?"

"Quá tồi, thành thật mà nói. Nhưng chẳng sao, thực ra thì tất cả chúng tôi dù sao cũng nhận được bản in. Nhưng mà...tại sao ông lại hỏi?"

Tôi để ý tới giọng của dân Đại Học Oxford.

"Vì tôi là một trong các thông dịch viên!" Tôi vừa đáp vừa cười.

"Chết, thật xin lỗi, tôi không có ý xúc phạm tới ông hay điều gì như vậy...Thực ra thì cũng không đến nỗi tệ."

Ông tử tế đáp lại. Ông người Anh lịch sự và nhã nhặn đó khiến tôi an lòng, khi ông cho hay tất cả các nói chuyện sẽ được dịch và in ra lúc cuối Hội Nghị.

Công việc rất mệt nhọc vì cần phải thường xuyên chú ý và tập trung, để không tạo cơ hội cho sự hoài nghi và cái Tôi; mỗi lần thông dịch mà cảm thấy sự căng thẳng gia tăng, tôi tức khắc dùng



sự nhận thức đó để nhắc mình đừng quên rằng phải hoàn toàn buông bỏ những cảm xúc tiêu cực, để nối kết mình trở lại với một trạng thái tiếp nhận an hòa.

Lắng nghe những thông dịch viên chuyên nghiệp khác, tôi ngạc nhiên nhận thấy có nhiều điều họ bỏ sót, hay đúng ra có một vài từ hay cụm từ mà họ cảm thấy không quan trọng; điều đó có hiệu quả là gián đoạn sự lưu loát của diễn văn. Tôi có thể nghe thấy có một phương pháp rõ rệt, điều chắc chắn họ đã được tập luyện trong nhiều năm.

Giữa tuần ông sắp hăng thông dịch đến thăm chúng tôi. Khi gặp tôi nơi hành lang, ông dúi vào tay tôi trong khi rộng miệng mỉm cười: <>Chào ông Lassalle, phải nói là tôi rất vui mừng có ông làm việc với chúng tôi>>.

Ông nhìn quanh để chắc chắn là không ai có thể nghe những gì ông sắp nói, và hạ thấp giọng nói: <>Ông là người duy nhất trong các thông dịch viên thường xuyên nói vào máy vi âm, một cách đều đặn và đều đặn>>.

Cảm thấy hơi bối rối, tôi đáp: "Cảm ơn ông, thực vậy, tôi nhận thấy mình làm việc khác biệt; điều quan trọng với tôi là người nghe và hiểu được đến mức tối đa những gì được diễn đạt".

Những lời nói đó càng làm ông vui vẻ thêm, và ông nồng nhiệt nói tiếp: "Nếu ông đồng ý, chúng tôi quyết định giữ ông trong toán của chúng tôi. Tuần tới chúng tôi có một buổi Hội Nghị khác, lần này là về tiếp thị".

Khi chúng tôi chia tay nhau, mỗi người đi một nơi, tôi quay người lại hỏi: "Cho tôi hỏi điều này, ông có nói tiếng Anh không?"

"Không, không một chữ nào, do đó mà tôi có các anh nơi đây". Rồi ông đi biến mất, cười thầm và nghĩ rằng câu hỏi của tôi thật khôi hài.

Để bạn hiểu rõ được sự tu tập theo latihan đã trợ lực tôi như thế nào trong đời sống hằng ngày của mình, cho tôi được chia sẻ với bạn một chuyện khác về chúng tôi thông dịch. Điều này xảy ra trong phòng hội nghị của một khách sạn lừng danh gần nhà hát

vũ kịch balê. Cuộc hội họp đó kéo dài một tuần lễ, giữa các nhà khoa học và kĩ sư Pháp và Anh, đề tài là những phát minh mới nhất về lò luyện kim.

Ngày cuối, tôi đối diện một tình trạng hoàn toàn bất ngờ. Ông sếp tôi đến nói: <>Leonard, họ thích giọng nói ông và muốn ông hôm nay lên sân khấu chủ tọa và lớn tiếng đọc kết luận của tài liệu>>.

Lần đầu tiên được dạy cho đọc chữ, tôi có vấn đề là mắc bệnh khó đọc thật trầm trọng. Hồi đó các thầy giáo chưa biết gì về sự tật nguyền đó, và ông thầy tôi đã hành hạ tôi rất nhiều và công khai khiến tôi lúng túng, bằng cách véo tai tôi cho tới khi chảy máu... Với tôi lớn tiếng đọc đã trở thành một cơn ác mộng đích thực.

Phải mất một khoảng thời gian tôi mới đáp lại được, vì cổ họng mà miệng tôi chột khô cằn tới nỗi không thể vận động môi và lưỡi mình.

Tôi vội đáp: "Nhưng ông Lemaire, đó không là công việc của tôi, chắc chắn là trong tất cả những người có mặt nơi đây, thế nào cũng có một vị đọc văn khá hơn tôi".

"Ông Lassalle, ông đừng quá khiêm tốn. Tất cả chúng tôi đều biết ông có khả năng hoàn hảo làm được chuyên tâm thường đó".

Tôi không thể chối từ, và bởi là ngày cuối của Hội Nghị, nên tôi miễn cưỡng chấp thuận và vui vẻ tự nói với mình: "Thôi thì đó có thể là trận đấu cuối cùng của mình!"

Tôi cảm thấy như một diễn viên sợ hãi lên sân khấu đứng trước các khán thính giả. Một người Anh nhỏ thó tròn trịa với mắt kính dày đưa cho tôi bản tài liệu cuối cùng để đọc, khi tôi đi ngang qua ông để tới một bục diễn thuyết thấp được trải thảm. Ánh sáng duy nhất trong phòng họp tối mù là từ một chiếc đèn sân khấu chiếu sáng bục diễn thuyết. Cử tọa yên lặng chờ đợi...

Tôi càng cảm thấy căng thẳng hơn, khi trông thấy trên bản tài liệu những phương trình và con số, những điều luôn là vấn đề cho tôi để đúng đắn giải đoán vì căn bệnh khó đọc của mình. Bản tài liệu đó nằm trên bục trước mặt tôi, hai tay tôi đặt trên mỗi bên của nó. Tim tôi đập rất mạnh, và trong một lúc tôi cảm thấy như mình đi

học lại lúc 7 tuổi, bàn tay cứng cáp của thầy giáo Nelly hăm dọa nắm lấy cái tai màu đỏ chói chang của tôi.

“Đây không là cách nên làm”. Tôi tự nói với mình như vậy, và tuyệt vọng tìm kiếm cái nơi chốn mình phải ở đó, để không còn phải lo sợ nữa. Tôi khó có thể ước định được thời gian trong những lúc rối loạn đó, nhưng chắc đã là một vài phút, vì một vài vị trong cử tọa đã đứng hăng và thay đổi vị trí trên chỗ ngồi của họ, điều chứng tỏ họ đang nóng lòng.

Tôi quyết định nhắm mắt lại, vì biết rằng điều này sẽ khiến đủ sức được cô lập khỏi bản ngã mình để có thể nối kết với nội cảm tinh tế. Tôi hít thở thâm sâu và có thể hoàn toàn buông bỏ cái tình trạng của một cậu bé hoảng sợ vừa rồi của mình. Cuối cùng nhận thức của tôi hiện diện trong một không gian trung lập, và một cảm giác an hòa âu yếm bao lấy tôi.

Khi bắt đầu đọc, tôi nhận thức được sự rung động chậm chạp đều đặn của giọng nói mình. Thực vậy, tôi thấy rất thoải mái nghe chính mình nói, và để ý thấy như thế nào các ngôn từ phát âm rõ rệt đầy đủ đang tuôn ra khỏi cửa miệng mình. Phải mất 45 phút mới đọc được hết bản văn. Khi xong xuôi, tôi nghe thấy tiếng vỗ tay của cử tọa, và để ý thấy cái cảm giác thanh thản mình nghiệm được trong lúc đọc vẫn còn đó. Các ánh sáng phòng hội nghị chiếu về phía ông sếp tôi cùng với nhân vật tổ chức hội nghị; họ đến chỗ tôi để tạ ơn về điều họ nói là đọc văn rất hay.

Một cảm giác biết ơn xâm nhập vào đáy lòng tôi. Lối tu tập mà tôi theo đã chỉ cho tôi cách bao gồm nó trong đời sống hằng ngày của mình.

Tuy có thể thích nghi với tình cảnh làm việc mới, nhưng tôi phải nói rằng những ban đêm của mình rất căng thẳng. Những cơn ác mộng khiến tôi thức dậy thẫm ướt mồ hôi, và buổi sáng tôi cảm thấy như mình đã thoát khỏi một trận chiến. Công việc thông dịch đã chiếm mất 95% những ngày và đêm của tôi; tôi mua một cuốn từ điển kỹ thuật, và bất cứ lúc nào rảnh tôi cũng tra cứu để chuẩn bị cho buổi thông dịch qua hai thứ tiếng kế tiếp.

Jean lấy làm lo lắng, cô chưa từng thấy người chồng yêu dấu

của mình bị cực kì căng thẳng, và tuy có tiền một cách đều đặn hơn như chưa từng có, nhưng gia đình phải chịu đau khổ. Nhiều tháng sau, ông sắp tôi đề nghị: <>Ông Lassalle, chúng tôi cần ông ở Brussels vì ở đó có nhiều việc làm cho ông. Nếu tuyệt đối cần, ông có thể đem theo gia đình...>>

Khi về nhà, tôi nói cho Jean hay điều ông Lemaire đề nghị. Nhưng hiển nhiên là không ai trong chúng tôi muốn đến Bỉ, và cả hai đều biết rằng công việc thông dịch quá căng thẳng cho gia đình. Và lại, tôi cũng không cảm thấy là mình đáp ứng được những năng khiếu nghệ thuật của mình. Ngay sau khi từ nhiệm, tôi cảm thấy toàn thể con người mình tức khắc được nhẹ nhõm và trong sáng, những ban đêm của tôi được yên tĩnh trở lại, và ánh nắng mặt trời trở lại trong tâm hồn của gia đình.

## 6. Tìm một nghề nghiệp là nguồn thu nhập trong nhiều năm sắp tới

Đến đây tôi kể cho bạn hay những hoàn cảnh khiến mình trở thành một người buôn đồ cổ và sau đó là một người làm nghề trang trí nội thất và sơn vẽ tường. Anh Toby Jellinek, anh rể tôi, giới thiệu tôi với một thợ cả của nghề in tên là Maurice Darantiere. Ông cư ngụ trên đường Le Secles des Tournelles đằng sau khu Place des Vosges, trong một tòa nhà lộng lẫy tên là khách sạn Mansart, một tòa nhà đã từng là của nhà kiến trúc lừng danh của vua Louis XIV. Anh Toby, một người có nhiều sáng kiến và làm việc khéo léo với tay chân, sửa lại tất cả các loại đồ cổ, các pho tượng và ngay cả các đồ đạc này nọ cho ông cụ Maurice. Ông Darantiere đã suốt đời mình sưu tầm đồ cổ, và chất chứa trong những căn phòng của khách sạn mình những tác phẩm nghệ thuật từ thời thượng cổ cho tới đầu thế kỉ 19. Ông là một thợ in cổ truyền hảo hạng chuyên môn in những sách thi ca và nghệ thuật sang trọng. Ông cũng in cho những nhà thiết kế thời trang hạng nhất, cho những tiệm ăn, diễn viên nổi tiếng và vân vân. Ông cần một người đại diện cho mình và làm môi giới với cái thế giới xa hoa của Paris. Ông cụ thợ in đó giao cho tôi nhiệm vụ là người đại diện bán hàng, và tôi liền chấp thuận, vì hồi đó mình không có một nguồn thu nhập nào khác.

Một hôm nọ, ông kêu tôi đến văn phòng ông và vợ tôi nói với tôi với một giọng run run, điều chứng tỏ ông bị áp lực nặng nề: "Leonard, tôi cần cậu giúp tôi, chuyện này cấp bách. Theo chuyện bán hoặc trả lại, tôi đưa cho cậu một vài món đồ cổ, và nói với cậu những gì tôi muốn làm với những cái đó, cậu có thể đem bán cho tôi? Chẳng hạn, tại chợ trời ở Clignancourt?"

Tôi lập tức đáp "Dạ, được", vì luôn thích giúp đỡ, và không nhận thức được rằng kể từ đó mình bắt đầu một sự nghiệp mới trở thành nghệ nghiệp chánh yếu trong 30 năm tới. Tôi không ngại sự thách đố đó và chuẩn bị trở thành một kẻ buôn bán ngoài đường...

Anh Toby có lòng tốt cho tôi một tấm thảm Ba Tư đẹp nhưng cũ xưa và rách nát để đặt trên đó những đồ quý báu. Cùng với một người anh em ruột thịt của tôi, anh cho tôi mượn một vài thứ đáng chú ý theo lối bán hoặc trả lại. Tôi lấy được những giấy tờ phiền phức mà bất cứ người Pháp nào cần phải có để được phép buôn bán trên đường phố.

Một khi có điều đã không trái với luật pháp, người anh em ruột thịt của tôi có lòng tốt cho tôi mượn chiếc Fiat 500, và trong nhiều tháng tôi đi tới đi lui khách sạn Mansart và bắt đầu làm quen với những đồ cổ hào hạng đầy nhóc trong căn nhà như bảo tàng viện của ông Darantiere. Ông hãnh diện hùng biện mô tả cho tôi lịch sử của mỗi món đồ, và như thế nào ông đã có nó, và làm như vậy ông hoàn toàn quên thời gian mà đã dạy cho tôi biết rất nhiều về các món đồ trong quá trình của nó. Một cách không ý thức được, tôi được tập tành và làm quen với tính chất của những tác phẩm nghệ thuật và những đồ thủ công. Sự học hành của tôi để trở thành một nghệ sĩ chắc cũng đã tạo cho tôi một khả năng nhìn ra những thứ chân thật với những thứ giả mạo.

Thời tiết lạnh và ẩm ướt khi tôi lần đầu hành nghề lúc sáng sớm của một ngày Thứ Bảy cuối tháng 11. Tôi đặt các đồ bán của mình trên vỉa hè đường Paul Bert tại Clignancourt, nơi là một chợ trời rộng lớn bán những đồ cũ. Trên vỉa hè ẩm ướt láng bóng tôi lót một tấm plastic dưới tấm thảm Ba Tư cũ đẹp, cẩn trọng đặt một cục đá lát nặng tại mỗi góc để những cơn gió không làm cho mọi thứ bay đi mất. Một cách hết sức cẩn trọng, tôi trưng bày các món đồ quý báu, như đang sáng tác một bức họa, bảo đảm cho

con mắt có thể tự do nhìn quanh mà không một món hàng nào bị món khác che khuất. Một khi đã hài lòng về cách trưng bày, tôi ngồi trên một thùng thừa bằng gỗ mà mình dùng để đóng gói đồ đạc và chằm một điều thuốc, trong khi cảm thấy vui vẻ vì những nỗ lực của mình. Tôi vừa ngồi được 5 phút thì một nhân viên vui tính của hội đồng thành phố, một kẻ đi thu tiền thuê những chỗ bán hàng, đến hỏi tôi giấy phép. Mọi điều đều ổn thỏa và y nói với tôi là trong tương lai tôi sẽ phải chuyển xuống con đường Paul Bert, nơi vừa có một chỗ trống. Tôi đóng một số tiền phải chăng, và y đưa cho tôi một biên lai màu sắc chói chang, trông như một tờ xổ số.

6 giờ 45 sáng là lúc bắt đầu có chợ trời. Mắt dán vào những vỉa hè trở thành nơi tạm thời trưng bày hàng hóa, những tay buôn đồ cổ nhanh chóng nhìn lướt qua những quầy hàng để tìm kiếm món đồ hiếm hoi sẽ được đem về trưng bày nơi cửa kính của tiệm mình. Chợ trời của Paris gồm 5 khu chợ cổ chợ phiên, mỗi khu có những gian hàng giống nhiều hơn với những tiệm buôn nhỏ bé. Tổng cộng thì hình như có 2500 kẻ lái buôn, kể cả những kẻ nghèo nhất như cá nhân tôi, một kẻ buôn bán ngay trên vỉa hè.

Chẳng bao lâu tôi hấp thụ được những dụng ngữ của cái thế giới kì dị đó: những kẻ đến lúc sáng sớm gọi là dân lái buôn, tối thiểu những kẻ thấp hèn nhất buôn bán trên vỉa hè như chúng tôi thì gọi họ như vậy. Phải là một chuyện không thường xảy ra, nếu tìm thấy những đồ cổ hảo hạng ngay trên vỉa hè, nên chẳng bao lâu lúc sáng sớm, những kẻ lái buôn trông có vẻ khẩn trương tụ tập chung quanh thảm của tôi, lấy những món đồ của tôi và cùng nhau hỏi giá tiền là bao. Mặc cả với họ là điều rất gay go, nhưng họ chẳng biết gì nhiều về việc tôi có thể thấy được qua ánh sáng cặp mắt họ là họ thiết tha muốn có món đồ đang cầm trong tay. Chẳng bao lâu, tôi học được cách tăng giá cả của mình lên một chút để tới cái giới hạn cần có khiến mình kiếm lời được.

Khoảng 7 giờ rưỡi tối 3/4 các món đồ quý báu của tôi đã bán được. Tôi được an ủi yên lòng khi cảm giác được những giấy bạc trong túi chiếc áo bành tô bằng len raglan đen của mình. Tôi nhanh chóng thu xếp các món đồ không bán được trên tấm thảm, gói tất cả lại với một tấm plastic mỏng trong suốt được các cục

đá lát nặng không làm cho bay đi. Bắt đầu mưa lâm râm khi tôi đi trên con đường dẫn tới quán cà phê sơn màu vàng và đỏ của rượu vang.

Bước vào đó như vào một thế giới hoàn toàn mới lạ. Không khí dày đặc hơi nóng và sự ẩm ướt, trộn lẫn với mùi bánh croissant và khói thuốc lá từ đám đông ồn ào. Tiếng lộn xộn chói tai đến mức tối đa; điều này như là mọi người đều quen biết nhau, và họ cười nói với nhau bất chấp họ có thể nghe thấy bất cứ ai đang nói gì hay không. Không khí đương nhiên vui nhộn và hiển nhiên mọi người đều vui thích có mặt nơi đây. Khi chen lẫn một lối đi tới quầy bán rượu, tôi để ý thấy sàn nhà đầy mùn cưa và rải rác mẩu thuốc lá.

Trong khi tôi thú vị nhâm nhi ly cà phê đen và ăn chiếc croissant, mỗi lần cánh cửa ra vào mở ra, tôi đều nhanh chóng liếc nhìn qua nó về hướng tấm thảm của mình, để coi xem có khách hàng nào không đang đợi chờ mình. Tâm trí tôi có đầy những ấn tượng mới mẻ; tôi thấy mình thích cái không khí điên khùng, sống động này, trong đó mọi người bị chìm đắm trong cái thế giới của tư lợi mà có vẻ như không nhận thức được những người khác. Tôi nghĩ là mình cũng trong cái thế giới của chính mình.

Tôi để ý thấy có điều gì hoàn toàn mới lạ nơi mình: tôi rất vui thích cái khía cạnh buôn bán của công việc mới mẻ này. Điều này có lẽ do di truyền, cánh bên bố tôi có rất nhiều những tay buôn bán tài giỏi và những thương gia thông minh, tôi vui cười nghĩ: "Má mình không thể buôn bán bất cứ gì mà không bị lỗ! Chắc chắn là vậy, cái khía cạnh thích thú buôn bán nơi mình phải do huyết thống của gia đình bố mình!"

Tôi nhánh chóng bị lôi cuốn vào cái thế giới của những lái buôn đồ cổ và những kẻ sưu tầm đồ nghệ thuật. Có lần tôi đã trả tiền lại cho người anh em ruột thịt của mình là Rainier, cho anh Toby và ông Darantiere; tôi có thể đầu tư một số tiền lời của mình vào những món hàng khác để bán.

Chợ trời mở cửa 3 ngày mỗi tuần, từ Thứ Bảy tới Thứ Hai. Điều này cho tôi thời gian được sống chung với gia đình mới thành lập của mình, một hay hai ngày còn lại là để đi kiếm những đồ cổ mà

tôi cần cho phiên chợ cuối tuần, và thăm viếng ông Darantiere để sưu tầm thêm những đồ cổ của ông. Tôi trả tiền ông cho những món hàng vừa bán được, và lựa chọn những món mới khác để bán. Tôi thấy khó biết được nên chọn món nào. Đôi khi ông la hét từ giường ngủ mình để có thể được nghe thấy trong căn hộ mênh mông: "Cứ việc lấy những gì cậu thích, tôi tin cậu, đừng chỉ lấy những thứ nhỏ bé không đáng gì, cứ lấy những thứ quan trọng hơn, đừng lo ngại gì!"

Tôi làm tất cả những gì có thể được để lựa chọn những đồ cổ tất nhiên sẽ không gây ra một chỗ trống lớn trong những đồ sưu tầm độc đáo và tuyệt vời của ông. Tôi tập trung vào những bức vẽ tinh xảo của những nghệ sĩ bậc thầy hay những bức vẽ bằng mực nâu đen; vào những đồ gốm của thế kỉ 17 tới 18; vào những sách vở, những đồ bằng kim loại như chìa khóa, những đồ khắc chạm nhỏ bé nhiều màu bằng gỗ, những mảnh tơ lụa Damas hay của một tấm thảm cổ xưa.

Chẳng bao lâu, anh Toby và người anh em ruột thịt của tôi không còn gì để đem bán nữa, nhưng ông cụ thì vẫn còn cần tiền dữ dội. Hiển nhiên ông sống ngoài khả năng tài chánh của mình, và tuy mỗi tuần tôi đem tiền về cho ông, nhưng như vậy vẫn không đủ cho cái nhu cầu càng lúc càng cần thêm tiền của ông. Sáu tháng sau, ông đau ốm và yếu mệt và cuối cùng phải nằm liệt giường với một bệnh ung thư phát tác nhanh chóng. Một vài tháng sau, ông Darantiere qua đời, và tất cả những đồ sưu tầm của ông được âm thầm đem bán tại một nơi nào đó miền Bắc nước Pháp.

Tôi có tiếng là một tay lái buôn đồ cổ đầu tiên tại chợ trời bán những món hàng thượng hạng ngay trên vỉa hè. Mỗi sáng Thứ Bảy, 7 hay 8 tay lái buôn đã chờ đợi tôi, và ngay khi tôi đậu chiếc xe 2CV đằng sau nơi vỉa hè rộng, họ thường chăm chú hết sức tò mò nhìn những món hàng tôi chậm chạp lấy ra khỏi những gói bọc che bằng giấy báo.

Họ thường vội vã hỏi: "Cái này giá bao nhiêu?"

"Thực ra thì đây là một món đồ rất tinh xảo và còn tốt nguyên vẹn...Như vậy thì hơi mắc!" Tôi thường đáp lại như vậy, vì biết rằng đó là khởi đầu của một cuộc thương lượng dài lâu. Chỗ mạnh



của tôi trong những vụ buôn bán đó là mình biết được cái giới hạn giữa số tiền mình bỏ ra để mua và số tiền các tay lái buôn có thể đem bán. Tôi mau chóng hiểu được nghệ thuật của sự buôn bán ăn thua ở món đồ mua: một món đồ mua được không khó khăn luôn bán rất chạy.

Một vài tuần sau khi tôi hành nghề, một biến cố bất thường xảy ra, điều giúp nhiều cho sự truyền bá tại chợ trời cái danh tiếng là một chuyên viên trong lĩnh vực đồ gốm và đồ sứ của tôi. Một buổi sáng đầu xuân nọ, một tay lái buôn tên John, một chuyên gia về đồ gốm của Pháp, Tây Ban Nha và Hà Lan, đến nơi bán hàng của với một cái đĩa bằng đồ gốm kẹp trong cánh tay.

"Leonard, tôi rất vui mừng nếu anh có lòng tốt cho biết ý kiến về cái đĩa này là do nơi nào làm?" Anh nói với sự cau mày dò hỏi, khi mở cái gói bằng giấy báo trong đó có cái đĩa ăn xúp nhiều màu thuộc đầu thế kỉ 18. Tôi chỉ là một kẻ mới vào nghề, nhưng hiển nhiên tay lái buôn là chuyên gia về đồ gốm Âu Châu đó lại nghĩ rằng mình có thể giúp anh mình giải được món đồ kì bí đó.

Tôi cầm món đồ tinh xảo đó trong hai bàn tay, và nhìn lối vẽ phác rồi beng trang trí bờ mép có hình dạng sơn màu vàng đất son, màu đỏ hợp kim đen và màu xanh nhạt, với những hình dạng cuộn và họa tiết lá. Giữa đĩa là một trái tim nhỏ bé cho thấy một phong cảnh đồng quê. Trí óc tôi trống không, bất động và trong sự im lặng tôi nghe thấy một tiếng nói từ từ phát ra rõ rệt mỗi âm tiết: "Saint Jean du Desert."

Tay lái buôn đó lập tức phản ứng, và khi giựt chiếc đĩa khỏi đôi tay tôi, anh lạnh nhạt nói: "Không phải vậy, không phải vậy! Nếu không biết gì hết, tại sao anh không cầm lặng!"

Anh vội vã bỏ đi. Tôi tự trách mình: "Trời ơi đất hỡi, tại sao mình lại nói điều đó? Mình phải thận trọng hơn, và không nên trả lời nếu không biết gì hết!" Dù sao y cũng là một chuyên gia về đồ gốm Âu Châu, chứ còn gì nữa?"

Điều lạ lùng là hai ngày Thứ Bảy sau, John lại tươi cười xuất hiện nơi bán hàng của tôi, đến ngay bên cạnh tôi, đưa tay ra cho tôi bắt, đôi mắt màu xanh nhạt của anh lộ sự kính trọng và ngưỡng

mộ: <>Này Leonard, tôi phải xin lỗi anh, anh là một chuyên gia tài ba mà tôi không ngờ tới!”

Tôi la lên một cách thật ngạc nhiên: “Thật vậy sao?”

“Điều hôm nọ anh nói về cái đĩa này khiến tôi bực mình rất nhiều, nhưng khi suy nghĩ lại, tôi thấy mình nên đến bảo tàng viện để kiểm chứng. Anh không biết là mình đã đoán đúng y chang hay sao? Đúng là từ St Jean du Desert; bảo tàng viện có một chiếc giống không khác là bao với chiếc của tôi!”

Kể từ đó tin đồn truyền tới tất cả các tay lái buôn đồ cổ tại chợ tôi là một chuyên gia phải tham khảo ý kiến về đồ gốm thế kỉ 17 và 18 của Âu Châu.

Điều lí thú là như thế nào các con buôn và kẻ sưu tầm đồ cổ, không chỉ về đồ gốm, mà còn về những đồ đạc trong nhà, về thếp rèn, đồ thủy tinh, tơ lụa và thảm, qua sự thiết tha chúng tỏ sự hiểu biết của mình, đã vô tình chia sẻ với tôi những gì họ biết bằng cách vội vã cho tôi biết trước tiên điều họ phỏng đoán về một món hàng nào. Khi tôi đồng ý về sự ước định lịch sử của món đồ, họ rất hài lòng, và điều đó khiến họ càng trọng vọng tôi thêm. Dần dần, các khách hàng của tôi, qua sự hiểu biết chuyên môn của họ, đã thông tin và dạy cho tôi biết về cách trở thành một tay buôn đồ cổ tinh khôn.

Tôi thích cái nghề mới này của mình, vì phát giác được những điều của bản thân mình mà trước đó mình không biết gì. Latihan liên tục hiện diện trong lòng, để chỉ dẫn tôi trong mọi việc một cách không ngờ tới và khiến đời tôi có một kích thước rộng hơn. Chẳng hạn, lối tu tập đó tập luyện cho ý thức tôi vượt qua cái Tôi và tư lợi. Điều này khiến tôi có thể, trong công việc mình, thản nhiên nhìn đồ vật, khách hàng và kẻ lái buôn, khiến mình thấy được tình cảnh toàn bộ. Bởi là một con buôn, nên ưu tiên của tôi là tuyệt đối sòng phẳng trong sự buôn bán, khiến cho khách hàng sẽ được lợi và cảm thấy vui sướng. Tôi thấy mãn nguyện, khi khách hàng cất bước khỏi nơi buôn bán của tôi mà tin cậy món hàng mình mua không là thứ giả mạo, mà giá tiền của nó hoàn toàn hợp lí.

Kiểm được những đồ thứ thiệt không là chuyện dễ, vì những thứ

hồi đó cũng như hiện nay đó là những thứ thật hiếm, và khi biến thành một tay lái buôn đồ cổ, tôi nhận thấy dùng cái khả năng thiên bẩm của mình là cách rất tốt để tìm thấy những thứ mình đem ra bán, phần nhiều là thuộc thế kỉ 17. Trước hết tôi tự hỏi: Chỗ bán nào đến coi? Đi hướng nào? Theo con đường nào? Thành phố nào có thể tìm thấy những thảm Caucasia hay những đĩa Hà Lan không thường thấy? Nhưng chẳng bao lâu tôi không suy nghĩ như thế nữa, mà chỉ việc để cho cảm xúc mình hướng dẫn, bằng cách đi xem xét từng nơi tại vùng quê, và chiều theo cơn bốc đồng của mình khi tôi lái xe qua những nơi đó. Tất nhiên, những ai không tập latihan sẽ không nhận ra được những điều tôi mô tả trên kia. Kể đi sẵn phần nhiều dựa vào bản năng mình để tìm thấy nơi chốn ẩn núp của con thú mình muốn bắt; đi sẵn những đồ cổ thì cũng không khác gì, món đồ thay thế cho con mồi ẩn núp. Tôi tìm cách thực hành sự nghe thấy rồi tin cậy tiếng nói xuất phát từ đáy lòng mình, thay vì những tiếng nói từ cái Tôi và những ham muốn.

Đầu thập niên 60 vì thấy khó kiếm được ở Pháp những đồ đạc thuộc của thế kỉ 17, nên tôi đôi khi qua Anh với chiếc xe 2CV của mình, rồi một vài ngày sau trở về với những món hàng mình mong có. Chẳng bao lâu, tôi quen thuộc những đường xá ở Anh dẫn tới những cửa tiệm và nhà buôn là nơi tôi tìm thấy những gì mình kiếm.

Tuy nghề buôn bán tạo cho mình một sự thu nhập phải chăng, nhưng Melinda và tôi, bây giờ có 3 đứa con, quyết định qua Anh để con cái mình được giáo dục. Chúng tôi thấy chế độ học đường của Pháp quá hạn hẹp và cổ xưa, thiếu những môn thể thao và mỹ thuật.

## 7. Qua Anh ở

Mùa xuân 1965 sau khi quyết định qua Anh, chợt nhiên chúng tôi nhận được một bức thư của một chị bạn tên Judith, một người chúng tôi quen biết khi Melinda ở Coombe Springs. Chị đề nghị cho chúng tôi mượn tầng trên của căn nhà mình tại Kingston on Thames. Chúng tôi chấp nhận và trong vòng hai tuần tôi bán quần hàng mình cùng với những đồ cổ nhỏ bé tại chợ trời, và 5 người chúng tôi, với tất cả những gì mình sở hữu cộng với 300 franc,

ngồi trên chiếc 2CV trên con đường tới Calais. Richard, đứa con 14 tháng nhỏ nhất của chúng tôi, nằm trên một cái võng căng theo chiều ngang của chiếc xe, hai đứa chị nó thì ngồi đằng sau trên một tấm mền, giữa một vài đồ đạc khác.

Chúng tôi đến ở trên lầu một căn hộ tại đường Manorgate Road, Kingston on Thames. Sáng sớm ngày hôm sau, tôi đi săn một món đồ hiếm hoi trong đó mình có thể đầu tư 30 Anh bảng là tất cả vốn liếng của chúng tôi...

Tôi lái xe về hướng Nam của Kingston và nhận thấy mình vô cùng bị giao thông tắc nghẽn dọc theo con sông Thames. Hồi đó tầm nhìn của tôi rất sắc bén, và trong lúc chờ đợi cho giao thông lưu chuyển tới phía trước, tôi giết thì giờ bằng cách nhìn cửa kính của một tiệm buôn những đồ cổ giả mạo trong căn nhà bằng gỗ cây dái ngựa.

Tôi không nhìn lầm chứ? Hình như cái bàn cánh tật bị treo như lúa mạch, trưng bày trong cửa kính, là một đồ thuộc cuối thế kỉ 17. Tôi tập trung nhìn nhiều hơn và suy diễn thứ gỗ có vẻ như của cây ốc chó. Tôi phải vào điều tra, và ngay sau khi giao thông khai thông được một chút, tôi lái chiếc 2CV một vài mét và đậu xe nơi một con đường mặt bên.

Tôi đã học được điều này là khi bước vào một tiệm buôn đồ cũ hay đồ cổ: tốt hơn hết là đừng chú ý tới món đồ hấp dẫn mình và tạo nên cái ấn tượng là mình chăm chú nhìn những món đồ tầm thường khác. Khi đẩy cánh cửa lồng kính để bước vào, điều khiến reo một tiếng chuông, tôi thoáng nhìn chiếc bàn cánh tật bên trái mình, và một cảm giác ấm cúng xâm chiếm tim tôi. Đúng vậy, đó là một cái bàn cánh tật 8 chỗ ngồi thuộc cuối thế kỉ 17, bằng gỗ cây ốc chó và vẫn còn nguyên vẹn! Tôi chưa từng thấy một cái tinh xảo như vậy trước kia.

Một ông lão lùn trông dẻo dai xuất hiện từ đằng sau một màn cửa bằng nhung màu đỏ đậm của rượu vang. Lão mặc một áo khoác làm việc bao trùm lấy cả thân cũng như đôi tay, màu đất son đậm, trông như một sự pha trộn giữa nước đánh bóng của Pháp và thuốc nhuộm màu đỏ đỏ của gỗ cây dái ngựa.

Tôi nói một cách quả quyết: "Chào bác, tôi có thể coi những đồ của bác chứ?"

"Cứ việc tự nhiên". Lão đáp trong khi móc ra từ túi áo mình một hộp thiếc chứa loại thuốc lá Old Holborn, và ve cho mình một điếu thuốc gầy nhom.

Tôi đi chung quanh tiệm buôn, dừng lại nơi một hay hai món đồ, làm như những thứ đó đã khiến mình thích, rồi khi đi ra ngoài, tôi nói một cách thờ ơ, trong khi chỉ vào chiếc bàn cánh tật trong cửa kính: "À này, chiếc bàn cũ này bác đòi bao nhiêu?"

"Cậu cho 30 bảng Anh, Chiếc bàn này đã được làm lại nguyên vẹn và còn rất tốt như chính cậu đã thấy>>.

Tuy có thể mua với giá cả hết sức hợp lí đó, nhưng ngay tối hôm đó tôi cần phải trả 5 bảng Anh cho tiền thuê nhà, nên tôi liều lĩnh đề nghị: "25 bảng Anh được chứ? Tôi chỉ có bấy nhiêu, kệt thật!>>

Hài lòng vì đề nghị của tôi khiến cuối cùng mình tổng khứ được cái bàn cũ xưa đó, nên lão già tướng dẻo dai đó chấp nhận một cách không ngần ngại.

Lão không thể che giấu niềm vui của mình về số tiền đó, và hăng hái giúp tôi khiêng chiếc bàn ra ngoài để đặt vào ngăn đằng sau của chiếc 2CV.

Tôi rất cảm kích, thấy nhẹ nhõm và vui mừng trong tâm. Kiếm được một món hàng hiếm hoi đó trong lần đi săn đầu tiên kể từ lúc tới Anh, là điều khiến cảm thấy có sự xác nhận của Nguồn Đại Sinh Lực là gia đình mình được chăm sóc.

Ở Anh có một tay lái buôn tên Robin Thompson hành nghề từ tư gia tại vùng ngoại ô của Alton. Tôi nghĩ y đúng là một khách hàng cho cái bàn cánh tật bằng gỗ cây ốc chó này. Khi lái xe trên những đường làng đẹp của miền Nam nước Anh, tôi nghĩ tới giá tiền mà mình sẽ đòi hỏi cho nó.

Tôi tự nói với mình là y có thể bán món hàng này giữa 600 và 800 Anh bảng, nên mình sẽ đòi hỏi khoảng 450 bảng Anh. Tiền lời của y sẽ rất khá và của tôi thì cũng thế.

Tôi lái xe qua cánh cổng đã mở tới khu đậu xe có sỏi thuộc căn nhà của Robin, để bảo đảm cho ngăn đằng sau xe hơi mình đối diện cửa ra vào của nhà y. Tôi bước vào căn phòng trưng bày đồ trước kia là một phòng khách với một lò sưởi đồ sộ thuộc thế kỉ 16.

“Có ai trong nhà không?” Tôi kêu la và biết Robin chắc đang phía đằng sau nhà bởi y là một người làm vườn hăng say. Rốt cuộc y xuất hiện chào hỏi tôi với đôi bao tay bằng da và cái kéo tĩa cây:

“Ừa Leonard, hân hạnh được gặp anh, tôi vừa trong vườn cắt tĩa một vài bông hồng để làm một bó hoa cho cửa tiệm. Anh mạnh khoẻ chứ?”

Vì biết tôi thường đi săn những gì, y nói tiếp: “Không may là hiện nay tôi không có cho anh những ghế đẩu bằng gỗ cây sồi, nhưng tôi có một vài đồ dùng hiếm hoi bằng sắt mà anh có thể thích...”

Tôi cảm thấy như vậy là không ngay thẳng nếu khiến y nghĩ mình có ý mua đồ của y, nên tôi nhanh chóng nói cho y hay sự thật hôm nay mình đến là để bán: “Robin, thực ra thì thế này, tôi vừa mới cùng gia đình tới Anh ở. Tôi mong mình có thể tiếp tục buôn bán những gì đã từng làm. Biết đâu đấy, anh lại thấy thích mua một chiếc bàn cánh tạt bằng gỗ cây ốc chó...cho 8 tới 10 người ngồi?”

Tôi để ý thấy sự chú tâm trong tia mắt y, khi y đáp: “Tôi vừa mới bán một bàn ăn bằng gỗ cây sồi. Nói cho đúng thì tôi có dư chỗ trống. Nếu anh cho tôi coi thì không có gì phiền chứ?”

Chúng tôi đi ra bên ngoài, và khi mở ngăn để hành lí ra, tôi nhìn khuôn mặt y để coi xem sự phản ứng của y. Y không thể ngăn sự kích động của mình, và khi chúng tôi khiêng chiếc bàn ra khỏi xe hơi đặt nó trên sân nhỏ có sỏi để có thể xem xét kĩ, y mê say hỏi: “Bao nhiêu..?”

Tôi không thể không làm cho giây phút kích động đó kéo dài lâu thêm.

“Anh trước tiên cứ việc nhìn, để chắc chắn mình sẽ hài lòng với món hàng này.”

Chúng tôi thỏa thuận giá cả là 425 Anh bảng. Y biết rằng tôi nhận thức được y có thể bán là bao nhiêu nên không tìm cách mặc cả, mà chỉ việc ngay lập tức biên một tấm séc. Ngày hôm sau, tôi có thể đến Ngân Hàng Lloyds tại địa phương để mở một tài khoản, và nhân tiện tôi hỏi ông giám đốc ngân hàng là làm cách nào có giấy phép bán hàng từ xe hơi mình hay tại chợ trời.

Điều tôi hỏi khiến ông ngạc nhiên nhìn tôi đáp: <>Một giấy phép? Để làm cái quái gì? Bên Anh anh buôn bán theo sở thích mình, với điều kiện là cuối năm anh khai báo sự thu nhập của mình cho thanh tra thuế của địa phương>>.

Tôi nhận thức được chính sách của nước Anh là làm cho thương mại được thuận tiện, bằng cách tạo điều kiện cho bất cứ ai muốn kinh doanh.

Thế nên, tôi đã trở thành một kẻ 'buôn lậu' và buôn bán từ xe hơi mình. Tôi cũng thuê một ga ra đối diện căn nhà nhỏ bé ở đó tôi làm việc phục hồi những đồ dùng trong nhà thuộc thế kỉ 17 bằng gỗ cây sồi và cây quả óc chó. Việc làm đó các chủ nhân của những tiệm đồ cổ chuyên ngành giao cho tôi, những kẻ tôi quen biết ở London.

## 8. Làm cho mình thích nghi với những đòi hỏi

Một hôm nọ, tôi đi đến một tiệm đồ cổ và trang trí nội thất trên đường Welbeck Street. Nhìn quanh phòng nhưng không thấy thứ mình có thể kiếm lời, tôi hỏi ông chủ tiệm là có hay không những tranh ảnh khắc chạm hay khung gương kính muốn bỏ đi.

Ông không có, nhưng rồi ông hỏi tôi: <>Nhân nói đến những khung khắc chạm cổ xưa, anh may ra có quen biết bất cứ ai có thể làm vài công việc mạ vàng cho tôi?>>

Ông đi mất vào căn phòng phía sau, và lôi ra một cái ghế bành thanh lịch đã mất hầu hết phần mạ vàng của vua Charles X của Pháp. Chiếc ghế làm bằng gỗ cây sồi, có lẽ lúc khoảng năm 1830, với chỗ dựa lưng được bao bọc, chỗ ngồi và đặt đầu nơi chỗ dựa tay. Tôi kĩ lưỡng xem xét và nghe thấy chính mình nói: "Được, tôi có thể làm cho ông, nếu ông muốn."

Ông chủ tiệm khả ái đó lập tức chấp nhận đề nghị của tôi. Tôi đã từng quan sát anh Toby làm việc mạ vàng để hồi phục lại một những hộp tráp bằng da thuộc thế kỉ 17 của ông Darantiere, và biết đại khái công việc đó đòi hỏi những gì. Với chiếc ghế đòi hỏi nhiều công phu đó đặt sau xe hơi, tôi lái xe trên đường Charlotte Street, nơi tôi có lần để ý thấy một hay chỗ bán đồ mạ vàng.

Sáu tuần sau, chiếc ghế trở nên bóng loáng để có thể đem lại cho ông chủ tiệm buôn. Tôi tốn rất nhiều thì giờ vì chỉ có thể làm việc ban đêm; ban ngày với mấy đứa con chung quanh mình, tôi không thể cầm những lá vàng để bay hơi, vì hơi cử động hay nhích một chút là sẽ khiến cho bay mất vào không khí.

Ông chủ tiệm buôn trên đường Welbeck Street đó rất vui mừng về công việc mạ vàng của tôi, tức khắc trả tiền cho tôi và hỏi tôi có thể hay không hồi phục và mạ vàng cho ông một cái khung khắc chạm bằng gỗ. Tôi có thêm một số thu nhập.

## 9. Sở hữu đầu tiên của chúng tôi

Đây là một chứng nghiệm giúp cho sự hiểu biết mới mẻ nơi chính tôi trở nên chín chắn về hai thực tại này: thực tại hữu hình và thực tại vô hình mà thực tế là thực tại tâm linh.

Sau nhiều tháng kiếm một căn nhà cho thuê tại miền Nam nước Anh, tôi cuối cùng đến Tunbridge Wells. Hồi đó có 3 điều kiện cho những ai muốn thuê nhà: không có thú vật, không là người da màu, không có con cái. Tôi còn nhớ là mình đã đi qua trên khu phố chính có nhiều chỗ môi giới bất động sản mà không thể bước vào bất cứ đâu. Điều này là do tôi không thể đối diện cái cảm giác nhục nhã về sự nhìn nhận mình có con cái, như đó là việc gì xấu xa khi có người nổi dối?

Tôi mang trong ngực một cảm giác tuyệt vọng nặng nề, khi đi lên con đồi dốc. Chợt nhiên, khi tôi tới đỉnh đồi, cái cảm giác đó hoàn toàn mất đi, và tôi bất ngờ thấy mình bước vào văn phòng ông giám đốc của Parris & Quirk, nơi môi giới bất động sản sang trọng nhất trong thành phố. Ông giám đốc tử tế đó đề nghị cho thuê một căn nhà rộng nhưng cũ với một khu vườn khá lớn trên ngọn đồi đằng sau nơi Royal Tunbridge Well của khu The Pantiles.



The Pantiles là một khu đi bộ rộng lát sỏi, trồng cây chanh lá cam. Phần xưa cũ, phía trên được xây giữa thế kỉ 17, những tòa nhà thấp thì dưới thời Nhiếp Chính ở Anh. Đó là một nơi đẹp để của thành phố, chỗ người ta có thể vui thú dạo lướt qua những cửa tiệm bán quần áo, mũ nón và đồ cổ, cũng như dừng lại tại những tiệm trà cổ xưa để uống trà và ăn bánh. Thậm chí còn có một suối khoáng nhỏ chứa chất gi sắt hình như chữa được những căn bệnh về bao tử.

Tuy tiền thuê hàng tháng khá cao đối với chúng tôi hồi đó, nhưng do sự khó khăn kiếm được một căn nhà, tôi không ngần ngại ký hợp đồng. Chúng tôi vui mừng đến ở và cảm thấy khuây khỏa: cuối cùng chúng tôi đã củng cố được một mái nhà trên đầu mình! Mặt tiền khu vườn căn nhà kiểu kiến trúc George đưa ra con đường Frant Road, số nhà là 19. Vì đã tìm kiếm trong một năm rưỡi một nơi chốn để định cư, nên sở hữu hấp dẫn đó là của Trời cho.

Điều gì đã khiến tôi bước vào nơi môi giới bất động sản mắc tiền nhất trong thành phố? Thông thường thì tôi sẽ không bao giờ làm như vậy. Điều gì đã khiến cho căn nhà đó không còn bị những điều kiện này nọ hạn chế, khiến toàn thể gia đình có thể lập tức đến ở?

Với 4 phòng phía trên và 4 phòng phía dưới, căn nhà có vẻ mênh mông với con cái chúng tôi cho tới nay chỉ quen thuộc với những không gian nhỏ bé. Nó có một ga ra khá rộng, một khu vườn mặt tiền liền vào đó, và một khu vườn mặt hậu với một nhà kính, một cây táo Bramley cao và một bãi cỏ chung quanh có những bụi cây hoa hồng đã nở. Mấy đứa nhỏ vui vẻ chạy nhảy đây đó để dò xét mỗi góc cạnh của căn nhà. Tuy trong thâm tâm tôi tự hỏi không biết làm cách nào trả được tiền nhà, nhưng dù sao tôi cũng cảm thấy mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Gia đình nhỏ bé của tôi được hạnh phúc và an toàn nơi chốn ở đẹp để đó. Tôi có thể tập trung vào việc làm thế nào để kiếm tiền, trong khi Melinda tổ chức việc học hành.

Điều gì khiến cho ông lão môi giới những bất động sản sang trọng đó đã hào hiệp chấp nhận cho một nghệ sĩ trẻ, một kẻ không việc làm và là người cha của 4 đứa con, thuê một trong những bất động sản khá nhất? Chỉ mãi sau này tôi mới hiểu được sự liên tục

của những biến cố tích cực đều đặn xảy ra, kể từ khi chúng tôi tới Anh ở. Kể từ đó, những hoàn cảnh về việc kiếm một nơi ăn chốn ở luôn xảy ra một cách hết sức bất ngờ, nhưng dù tình trạng tài chánh của mình có ra sao đi nữa, chúng tôi luôn có một mái nhà trên đầu.

Cái chứng nghiệm đó chỉ cho tôi thấy tính lo sợ nằm trong cái Tôi bị xâm chiếm bởi việc đi tìm một nơi ăn chốn ở, ngay cả khi những ham muốn của tôi có một lí do cao quý của một người cha cần có một nơi chốn cho gia đình mình. Tôi phát giác được việc tâm trí mình bị gấn bó với một cái Tôi đầy sợ hãi và hoài nghi, tầm nhìn của tôi vô cùng hạn chế. Điều này cuối cùng khiến tôi nhận thấy phạm vi của những gì mình có thể làm trở nên rộng lớn hơn, khi mình gạt bỏ được cái Tôi và những ham muốn của mình, để tạo chỗ đứng cho những gì mình thực sự cần. Không là sự cần có những ham muốn và thị dục khiến mình cho là phải có, mà là sự cần có do sự hiểu biết của linh hồn.

Điều đó là vậy khi trên thực tế tâm linh hướng dẫn vật chất, trong đó cái ý thức vô hình làm cho con đường trở nên dễ đi hơn qua cái mạng lưới phức tạp và thường hỗn độn của cái thế giới vật chất thô thiển này.

Gia đình bây giờ định cư tại Tunbridge Wells; con cái có thể đi học, còn tiệm đồ cổ của tôi tại The Pantiles thì trở thành một công việc buôn bán đều đặn hơn. Cuối cùng cuộc sống chúng tôi có một nhịp độ điều hòa.

Hai năm sau, một chuyện bất ngờ lại tự nhiên xảy ra. Khi đang đi trên con đường lớn tại Tunbridge Wells, tôi cảm thấy có một mảnh lực lôi kéo mình bước vào văn phòng môi giới nhà cửa của Paris & Quirk là nơi đã cho mình thuê nhà. Tôi yêu cầu được gặp ông giám đốc, và trong khi chờ đợi ông, tôi chuẩn bị những gì mình sẽ yêu cầu ông. Điều này đã rõ rệt trong đầu óc tôi, chúng tôi thích căn nhà mình đang ở, nó thuận tiện vì gần tiệm buôn, và có lẽ chúng tôi sẽ cho chủ nhân của nó biết là mình có ý muốn mua.

Ông giám đốc tử tế đó hỏi: <>Được, tất nhiên là được, tôi có thể viết thư cho chủ nhân, nhưng đề nghị của ông là bao nhiêu?>>

Tuy cửa tiệm bán đồ cổ đang bắt đầu kiếm ăn được, nhưng tình hình tài chánh của tôi rất thấp, và do cũng không có chút tiền tiết kiệm nào, nên tôi nói: "Nhu ông đã biết, tôi là một người buôn bán đồ cổ. Làm sao tôi biết được mình bán được là bao? Đó là vì tôi biết được là bao mình đã bỏ tiền ra mua. Ông Johnson chắc hẳn biết được ông đã bỏ ra bao nhiêu để mua căn nhà trên đường Frant Road, và nếu bán thì là bao".

Nơi môi giới bất động sản chấp thuận viết thư cho ông Johnson, hiện đang ở Singapore, để hỏi ông nếu muốn bán nhà, ông đòi là bao nhiêu. Hai tuần sau, tôi nhận được một bức thư của nơi môi giới bất động sản báo cho hay quả thực ông Johnson đã nghĩ tới việc bán căn nhà số 19 vì ông sắp về Anh với gia đình. Giá tiền ông đòi là 5.500 bảng Anh. "Chúng tôi có thể nhanh chóng cho ông biết là muốn mua?"

Hỏi đó giá những nhà dọc theo đường Frant Road là vào khoảng 12.000 và 14.000 bảng Anh. Đề nghị đó khiến được kích động, nên tôi quyết định lập tức trở lại để đề nghị 5.250 bảng Anh. Nơi môi giới bất động sản liền viết ngay một bức thư cho chủ nhân với đề nghị của tôi.

Trong khi đó thì tôi đến gặp ông giám đốc ngân hàng để giải thích cho ông về cái cơ hội tuyệt diệu đó. Ông đồng ý cái giá đó rất hợp với chất lượng và vị trí căn nhà, và nói thêm rằng ngân hàng sẽ ứng 95%, 5% còn lại thì tôi phải tự lo lấy.

Ngày trọng đại để ký kết ông Johnson đặc biệt đến từ Singapore để ký những giấy tờ bán nhà. Chúng tôi cùng ký bản hợp đồng và trao đổi nhau một vài lời, vì ông hấp tấp phải lấy chuyến bay về Singapore ngay tối hôm đó. Ông là một người ăn nói nhỏ nhẹ, lịch thiệp và hình như có lòng tốt. Ông cho tôi hay là đã có vợ với hai đứa con, và mong sẽ trở về Anh trong một ngày gần đây.

Về nhà lúc bữa ăn trưa, tôi cảm thấy rất hoan hỉ, và khi bước vào nơi bây giờ là nhà của mình, tôi triu mến đẩy cánh cửa dày mặt tiền và la lên: "Đây là nhà chúng ta, chúng ta đã mua nó rồi!"

Melinda chạy tới phía tôi từ nhà bếp, và chúng tôi vui mừng ôm nhau nhảy nhót vòng quanh. Đây là căn nhà đầu tiên của chúng

tôi.

Hai tháng trôi qua thì một buổi tối nọ, tôi nhận được một cú điện thoại của ông Johnson. Giọng nói ông trở nên lạnh lùng và bức tức. Ông cho hay mình đã trở về Anh sống chung với gia đình nơi lân cận của Aldershot, và nhận thấy giá nhà nơi một khu của Hampshire đó khoảng gấp đôi giá căn nhà ông đã bán cho chúng tôi. Ông đặt điện thoại xuống một cái cạch cộc lốc. Tôi cảm thấy rụng rời vì cái tin đó, chúng tôi có thể làm gì được? Tội nghiệp cho ông, ông đã xa quê hương 12 năm và đã không còn biết gì về giá nhà ở Anh.

Tình cờ tối hôm đó có một xuất latihan tại hội Subud chúng tôi ở Pembury Church. Lòng nặng nề, tôi bắt đầu tập latihan và liền nằm trên sàn nhà khóc thốn thức. Tôi tự hỏi lòng mình: "Lạy Chúa, tại sao Chúa đã ban đặc ân cho gia đình con? Như vậy là không đúng khi ông Johnson và gia đình không có nơi ăn chốn ở? Xin Chúa chỉ cho con mình nên làm gì." Lời cầu xin của tôi đã được nghe thấy, tôi lập tức trở nên rất bình tĩnh, tất cả những phiền muộn đều biến mất cùng với cái Tôi và sự tự thương hại mình. Sau một lúc, tiếng nói của nội tâm vang dội rõ rệt trong đầu mình: "Hãy trai giới 10 ngày."

Nên tôi trai giới. Điều đó có hiệu quả là hoàn toàn giữ cho tôi được nối kết chân tính mình, cách biệt cái Tôi và tâm trí mình. Tất nhiên, tôi dùng đầu óc mình cho công việc và những chuyện hằng ngày của mình, nhưng không nối kết nó với bất cứ vấn đề nào khiến xúc cảm. Điều đó không có nghĩa là tôi không nhận thức được ông Johnson và gia đình ông; trái lại, tôi cảm thấy linh hồn mình bao bọc họ với sự quan tâm của tình thương, mỗi khi mình ý thức được tình trạng của họ.

Đúng 10 ngày sau, điện thoại reo và đó là ông Johnson. Giọng nói ông bây giờ lại nhiệt tình và lịch thiệp, hầu như vui vẻ. Ông cho hay mình lái xe tới nơi đồng quê trong khi cảm thấy tuyệt vọng về việc kiếm được một căn nhà, thì ông chợt thấy hiện ra trên bờ gấu đầu của một ông lão đang làm việc cắt xén. Ông đậu xe lại, hỏi lão đó tình cờ có biết hay không trong vùng có ai muốn bán nhà.

Ngay sáng hôm đó, ông lão lịch thiệp đó nói chuyện với bà vợ, và

họ quyết định bán căn nhà và khu vườn đối với họ quá lớn, để về hưu đến ở một nhà dưỡng lão mà họ thích và quen biết. Họ quyết định giá bán nhà là 5.250 Anh bảng.

Ông Johnson nói: <>Thật không ngờ được! Đúng y hệt số tiền ông mua căn nhà của tôi.>>

Ông Johnson có căn nhà của ông, chúng tôi có căn của chúng tôi. Tôi vô cùng cảm kích Cội Nguồn Sự Sống đã chỉ cho mình đường đi nước bước.

Như vậy, chúng tôi mua được căn nhà đầu tiên của mình, và thay vì trả tiền thuê nhà, tôi trả cho ngân hàng lợi tức của tiền vay cộng với phần trăm của số tiền hoàn lại. Tôi cảm thấy điều đó là trả tiền thuê cho chính mình. Đó là điều khiến gia đình cảm thấy được vô cùng an toàn. Không còn nữa những áp lực tiềm ẩn của sự có lẽ phải tới ở một nơi nào đó mà mình không quen biết. Thế nên, bây giờ chúng tôi cảm thấy mình là dân thành phố Tunbridge Wells, và tuy trường học không được như mong ước, mấy đứa con tôi cảm thấy an toàn khi đến trường từ nhà.

Tính chung thì chúng tôi ở trên con đường Frant Road số 19 được 12 năm: 12 năm trong đó tôi có thì giờ phát triển kinh doanh đồ cổ thành một kinh doanh kiến trúc, trang trí nội thất và sơn vẽ tường.

## 10. Là chủ nhân của tiệm buôn

Một vài năm trước đó, ngay sau khi chúng tôi đến ở căn nhà số 19, một bà cụ tên Spear có một tiệm đồ cổ mỹ thuật lạ hiếm tại khu dưới của The Pantiles, nói với tôi bà muốn bán hợp đồng cho thuê của cửa tiệm mình. Luôn đi sẵn lòng một món đồ hiếm hoi, một đồ gốm Delft xưa kia của Hà Lan, một tấm thảm cổ xưa, một bức tranh lạ thường, hay bất cứ gì mình thấy hấp dẫn và kiếm lời được, nên tôi ghé thăm bà. Trong khi chúng tôi trò chuyện, bà đề cập tới việc muốn đi chỗ khác ở và bán hợp đồng cho thuê cơ ngơi mình, cái cơ ngơi thực ra thuộc hội đồng thành phố.

Mặt Tây của toà nhà dài thời Nhiếp Chính dẫn tới một ngõ cụt nhỏ. Tiệm bà Spear nằm nơi góc đường, gồm 4 tầng, kể cả một hầm chứa rộng rãi, dẫn tới một khu vườn vuông vắn nhỏ bé. Bà ăn ở

trong một buồng nhỏ trên lầu ba. Tòa nhà đó đầy đủ ánh sáng: bên cạnh cửa kính trưng bày món hàng là 3 nấc thang dẫn tới phòng triển lãm tầng dưới cùng. Trên tầng nhất là hai phòng triển lãm khác, cái thứ nhất dẫn tới một bao lơn, và cái thứ nhì nhìn ra The Pantiles. Nơi chốn đó thật hấp dẫn, và tôi nghĩ mình có thể làm chuyện gì đó khả quan.

Bà nói trong thế thủ, trong khi mi mắt nhăn nheo màu xanh nhạt của bà nhấp nháy: "Đáng tiếc là tôi muốn 4000 bảng Anh cho hợp đồng thuê nhà!"

Hồi đó tôi không có đến một đồng xu nào để dành dụm, bởi khi chúng tôi đến ở trên đường Frant Road số 19, phần lớn sự thu nhập không là bao của tôi đã bị tiêu hao. Như do cơn thúc đẩy của trực giác, một vài ngày sau tôi đến văn phòng ông cố vấn pháp luật của mình, để yêu cầu ông đề nghị với bà Spear 3000 Anh bảng cho hợp đồng thuê nhà số 21 The Pantiles.

Tôi bắt đầu nghe và tuân theo những cảm xúc tự phát không do sự suy nghĩ dựa trên lí trí. Tôi bắt đầu tin cậy những cái đó, và coi xem nó sẽ xảy ra như thế nào. Nếu nguồn gốc của nó là linh hồn, những gì xảy ra sẽ tốt đẹp cho toàn thể gia đình. Tôi tin rằng latihan đã dạy cho mình cách nhận ra sự khác biệt giữa những động lực do thị dục và ham muốn và những cái do một nơi chốn thâm sâu trong lòng mình, điều trong lúc đó có vẻ như phi lí đối với đầu óc mình.

Một vài tháng sau khi tôi đến gặp ông cố vấn pháp luật, bà ngoại GG mà tôi yêu mến, đột ngột qua đời (như đã mô tả trong Chương 3). Mẹ tôi đến từ miền Nam nước Pháp để dự đám tang. Bà nói với Melinda như thế nào cuộc sống trở nên khó khăn tại Villaris và việc bà thấy thiếu thốn vì không được gần cận mấy đứa cháu mình. Tôi chỉ cho bà coi căn nhà số 21 tại The Pantiles. Tôi cũng cho bà hay việc mình đề nghị mua lại hợp đồng cho thuê, việc dù không có tiền, tôi cảm thấy đó là chuyện nên làm. Nếu ước mơ của tôi trở thành sự thật, tôi sẽ để cho bà dùng buồng trên cùng.

Khoảng 3 tháng sau, tôi nhận được một bức thư của cố vấn pháp luật cho biết bà Spear đã chấp thuận đề nghị của tôi, và mong tôi kêu điện thoại cho văn phòng bà ngày Thứ Tư kế tiếp để ký

kết hợp đồng thuê nhà. Buổi sáng trong ngày không ngờ tới đó, tôi nhận được một bức thư từ Pháp của mẹ tôi chứa một tấm séc 3000 Anh bảng. Lòng đầy tự tin và cảm kích, tôi đến văn phòng cố vấn pháp luật để ký vào tất cả những giấy tờ cần thiết khiến có hợp đồng thuê nhà. Trong lúc kêu điện thoại cho mẹ mình, tôi nhiệt tình nói: "Có rồi! Tấm séc của má đã đến đúng lúc để ký kết hợp đồng thuê nhà. Con sẽ chuẩn bị cho má căn buồng phía trên cửa tiệm, và má có thể đến bất cứ lúc nào muốn".

Thật là những giây phút hứng thú, khi trang trí lại và trang bị đồ đạc cho tòa nhà thanh lịch nhất đó! Nhưng làm cách nào tôi kiếm được tiền mua những món hàng? Trong lòng mình, tôi biết bổn phận đầu tiên của mình là chuẩn bị cho tòa nhà, và đừng vô ích lo lắng về cách mình khiến có những món hàng để bán.

Hai tháng sau, một cách thật bất ngờ, tôi nhận được qua bưu điện một tấm séc khác của mẹ tôi, lần này là 1.500 Anh bảng, số tiền tối thiểu cần để kiếm những món hàng trưng bày cho tầng dưới cùng của cửa tiệm khiến có thể bắt đầu buôn bán. Cuối xuân năm 1967, cùng với ông chồng dân miền Provence tên Marcel, bà đến ở trong căn buồng của mình.

Tiệm buôn đặt tên là Đồ Cổ Leonard Lassalle, và trở thành nền tảng sự ổn định vật chất và tăng tiến của chúng tôi. Chẳng bao lâu, tôi nhận thấy mình không thể vừa có mặt trong cửa tiệm, vừa đi mua hàng, bởi tiệm cần phải bổ sung thêm cho những đồ dùng trong nhà thuộc thế kỉ 17 của Anh và Âu Châu, những loại hàng, ngay cả hồi đó, khó kiếm thấy. Tôi thuê một thư kí thường trực lo việc thư từ và điện thoại của mình, cũng như việc trông nom cửa tiệm khi tôi vắng mặt.

## 11. Mua căn nhà Hoa Bia tại Bassett

Bạn đọc thân mến, tôi mong rằng sự nhảy vọt qua thời gian trong những chuyện của tôi không quá lộn xộn. Như bạn thấy, tôi cố gắng giữ cho có sự liên tục...

Đầu xuân năm 1979, Melinda đã hoàn toàn bình phục khỏi bệnh tật, và bày tỏ sự ao ước được đến ở trong một căn nhà tại vùng quê với một khu vườn rộng. Bà cảm thấy mình cần nhiều không

gian hơn, để tránh sự ồn ào của con đường chính. Theo sự từng trải của mình, tôi hiểu được lợi ích của trai giới là giúp mình tìm thấy đường đi qua cái thế giới vật chất, nên tôi quyết định trai giới để có một căn nhà. Thông thường thì phải đi đây đó tới những nơi môi giới nhà cửa trong thành phố, những cái đó thì có rất nhiều, để yêu cầu cho xem tất cả những nhà cửa có thể mua nơi đồng quê, trong phạm vi 10 miles phía Nam của Tunbridge Wells. Nhưng tôi không làm như vậy, và chỉ việc trai giới và lo chuyện buôn bán mà không suy nghĩ hay trù tính gì, để sự mong muốn đến đồng quê ở của vợ tôi trở thành hiện thực.

Hình như trai giới khoảng 10 ngày thì cánh cửa của điều không tiên đoán được đã mở ra. Thông thường, tôi đi dạo sau bữa ăn trưa để cho chân căng duỗi ra, và hít thở một chút không khí tươi lành. Một hôm nọ, tôi đóng cửa tiệm buôn lúc 1 giờ trưa, và không ngần ngại đi ra ngoài trời lạnh lẽo với một thần trí an vui. Chân tôi đưa mình thẳng tới một con đường nhỏ tên Chapel Place, thì nó đột ngột đổi ngay qua bên phải và đem tôi tới một nhà môi giới bất động sản tên Bracketts.

Cô thư kí trẻ làm việc đặc lực nói: "Xin ông cảm phiền, chúng đã đóng cửa rồi. Mong trở lại lúc chiều".

Tôi cố gắng giải thích cho cô điều mình đang kiếm, và cô trả lời mình biết tất cả các hồ sơ, nhưng không có trong sổ sách một căn nhà nào mà tôi mong. Tôi cố nài và bởi sự cố nài đó khiến bực bội, nên cô tức giận đứng dậy, đến một tủ đựng hồ sơ nhanh chóng lật qua những trang hồ sơ loại giá tiền của tôi.

"Xui quá! Ông thấy chưa? Không có cái nào loại giá tiền của ông". Cô la lên và mong rằng điều đó sẽ giải quyết được vấn đề. Nhưng tôi vẫn cố nài, và tự hỏi chính mình tại sao mình có thể khiếm nhã như vậy.

Cô yêu cầu tôi đi ra khỏi cơ quan, nhưng tôi trả lời bằng cách hỏi có thể gặp ông sếp hay không. Cô giận điên lên, gõ hai lần trên cánh cửa đối diện bàn giấy mình mà không đợi cho có ai trả lời hay không, mở cửa ra và nghiêng mình vào văn phòng của ông sếp mình.



“Có một người cứ cố nài về một căn nhà nào đó mà ông nghĩ chúng ta có”. Cô để mở cánh cửa văn phòng, rồi vội vã đi khỏi cơ quan.

Tôi bước tới ngưỡng cửa văn phòng ông. Ông đứng lên đi về phía tôi, đưa tay cho tôi bắt. Tôi nói với ông điều mà chúng tôi đang đích xác tìm kiếm: một căn nhà rộng cho một gia đình, và nếu có thể thì có một buồng nhỏ gắn liền với nó. Tôi đang tìm một khu đất từ 4 tới 5 mẫu, tới đó thì mất 15 phút lái xe về phía Nam của Tunbridge Wells.

Ngạc nhiên về điều tôi mô tả, ông trả lời: “Ngộ thật. Đêm qua tôi ngồi trong quán ăn với một người bạn là diễn viên. Ông bạn đó nói với tôi là muốn bán căn nhà mình gần Wadhurst, và nó đại khái thích ứng với điều ông mô tả. Nếu ông thích, tôi có thể sắp xếp ngay mai cho ông đi xem”.

Tôi rất vui mừng, và ngày hôm sau chúng tôi đi xem căn nhà đó.

Người ta gọi nó là Nhà Hoa Bia Bassett. Nó nằm nơi cuối một hươg lộ dài, và chắc đã từng là thành phần của một khu nông trại rộng lớn. Điều khiến chúng tôi rất vui mừng là căn nhà đó có 3 tòa nhà sãy mạch nha hình tròn, một tòa thì vẫn còn cái chụp thông gió đầu tiên bằng gỗ chuyển động với chiều hướng của gió. Chúng tôi gõ cánh cửa màu trắng dẫn tới tòa thứ nhất. Một người đàn ông trông tử tế với một bộ râu ngắn ra mở cửa. Qua sự biểu lộ của cặp mắt ông, tôi tức khắc thấy được là ông có vẻ mến Melinda. Tên ông là Spice, ông dẫn chúng tôi vào hành lang căn nhà hấp dẫn của mình, và điểm đặc biệt của nó là vị trí của 3 tòa nhà sãy mạch nha hình tròn nhìn ra một lâu đài nhỏ. Phía trái nơi ra vào của hành lang là một phòng khách rộng, bên phải là một phòng nhỏ, một phòng tắm và một dãy phòng. Ngay phía đối diện, nơi tòa nhà ở giữa, là một phòng ăn và nhà bếp; từ nơi căn phòng nhỏ đó là đến một phòng vệ sinh và một phòng tắm vòi hoa sen. Lên cầu thang là một đầu cầu có năm phòng và một phòng tắm. Các khu vườn thật rộng rãi, kể cả một cái sân lớn chung quanh có những cây sồi. Cả Melinda lẫn tôi đều thích căn nhà đó và đồng ý mua. Ông Spice rất vui mừng về việc bán căn nhà mình cho chúng tôi, và nói rằng mình có thể kiếm một căn khác tại đường Landsowne Park ở Tunbridge Wells. Trước khi chúng tôi ra

về, tôi nhắc cho ông Spice hay là chúng tôi vui mừng nếu ông đến thăm coi xem nhà chúng tôi ra sao, vì có thể ông sẽ thích.

Ông Spice và hai cô con gái ông thích căn nhà chúng tôi, và họ mua nó với số tiền 10.000 bảng Anh ít hơn số tiền chúng tôi trả cho căn nhà Bassett. Trực tiếp giao dịch để bán căn nhà mình khiến chúng tôi khỏi phải mất tiền thù lao cho nơi môi giới nhà cửa. Chúng tôi vui sướng ăn ở trong căn nhà Hoa Bia đó trong 12 năm tiếp theo đó. Dựa vào khả năng của căn nhà đó, chúng tôi có thể mượn đủ tiền để mua một nông trại nhỏ bé tại vùng Provence là nơi hiện nay tôi viết cuốn sách này.

Một vài năm sau, chúng tôi mời mẹ tôi với ông Marcus Hamilton, chồng bà, đến thường trực ở cùng với mình tại căn nhà nhỏ ngay bên cạnh.

## 12. Đứng vững và phát hiện được tài năng

Một hôm nọ, tôi nhận được một bức thư của Hiệp hội Thương gia Đồ cổ Anh quốc yêu cầu tôi kêu điện thoại cho văn phòng họ tại London. Tôi hẹn gặp họ, lấy làm lạ tại sao họ muốn gặp mình. Viên thư kí dẫn tôi tới văn phòng ông chủ tịch.

“Chào ông Lassalle, ông lúc này làm ăn khá không?” Không đợi cho tôi trả lời, ông nói tiếp: “Một vài thành viên của chúng tôi đã khiến chúng tôi lưu tâm tới cửa tiệm rất ăn khách của ông tại Tunbridge Wells, chất lượng những món hàng của ông đã khiến ông là người có tiếng tăm trong nghề. Ông có chịu chúng tôi mời ông trở thành một trong các thành viên của chúng tôi? Vậy thì ông sẽ là người nước ngoài đầu tiên gia nhập hiệp hội của chúng tôi”.

Tôi rất vui mừng về sự khen ngợi của ông nhưng không thấy hứng thú gia nhập hội những người buôn đồ cổ. Theo kinh nghiệm, tôi biết việc thuộc Hội Thương gia Đồ cổ Anh quốc không là sự bảo đảm cho tính lương thiện. Tôi cảm ơn ông chủ tịch và nói với ông rằng mình sẽ cho ông biết trong một vài ngày.

Cân nhắc những điều lợi và hại, tôi cuối cùng chấp nhận đề nghị trở thành một thành viên, và điều này khiến tôi được thêm một vài mối lợi trong nghề buôn của mình. Sau một lúc nào đó, tôi nhận

được cái huy hiệu trừu tượng hình tròn, cái đó tôi tức khắc được trưng bày trong cửa kính của tiệm mình.

Để lôi cuốn sự chú ý và khiến bán được nhiều hàng hơn, tôi quyết định tổ chức một cuộc triển lãm về nội thất của thời kì trước lúc vua Charles II đăng ngôi. Tôi dùng phòng trên lầu để trưng bày, nơi có một lò sưởi với hai cửa sổ theo kiến trúc Pháp dẫn tới một bậu cửa. Tôi cần kiếm được ván lát chân tường kiểu thế kỉ 17 bằng gỗ cây sồi để đóng panô cho các bức tường, một chiếc giường thời nữ hoàng Elisabeth, những tấm màn bằng sợi len thuộc thế kỉ 17 và tất cả những đồ đạc trang trí cho một phòng ngủ thời kì đó. Tôi gửi 500 catalô cho các khách hàng và con buôn, và quảng cáo trên tờ Country Life và một vài tạp chí hào nhoáng khác. Hai ngày trước lúc khai mạc, tôi đã kiếm được tất cả những gì mình cần, trừ những tấm ván lát chân tường. Trong khi ngồi uống một ly bia đắng tại quán St George phía bên kia tiệm buôn mình, tôi hỏi một tay buôn đồ cổ trẻ tuổi là có biết hay không nơi đâu tôi có thể kiếm những tấm ván như thế.

“Nhưng Leonard, anh đã không có lần nói với tôi anh là một họa sĩ hay sao? Tại sao không sơn vẽ một bức tranh thời nữ hoàng Elisabeth trên tường? Tôi có một người bạn có một nông trại thời thế kỉ 16 tại vùng Kent, trong đó có một phòng ngủ hoàn toàn trang trí những bông hoa và cây cỏ rất đẹp, tất cả đều được giữ gìn hoàn hảo”.

Những điều anh bạn đó nói đã vang dội ngay trong ngực tôi, để trêu chọc cái tinh thần sáng tạo nghệ thuật đang nằm ngủ của tôi.

Bà chủ khả ái của nông trại dẫn tôi đi coi chiếc giường thời nữ hoàng Elisabeth là thứ được bảo trì theo lệnh của nhà nước. Được các họa sĩ đi đây đó vẽ của thế kỉ 16 truyền cảm hứng cho, tôi điên cuồng bắt đầu vẽ trên tập giấy A3, ghi chép hết trang này tới trang khác những chi tiết đẹp của tranh tường thế kỉ 16 mà cảm hứng là những bông hoa của đồng quê Anh.

Trở về tiệm buôn, tôi tìm kiếm trong một cuốn sách xưa tất cả những công thức vẽ của các bậc thầy xưa kia. Tôi chọn lối vẽ tranh tường Fresco, điều chỉ cần lòng một quả trứng, dầu hạt gai trong và nước cất. Tôi đã có chất gắn (binder), điều hiện nay là

dung môi (medium). Tất cả những gì tôi cần là những chất màu thiên nhiên mà tôi kiếm được tại tiệm nghệ phẩm Cornelissen ở London.

Một ngày trước lúc khai mạc, tôi vẫn còn hồi hải vẽ cho xong những nét cuối cùng của tranh tường. Hiệu quả thật cừ khôi. Những tấm màn bằng len sợi dày giữ cho ánh sáng ban ngày không vào trong phòng, và phòng chỉ có ánh sáng bởi những cây nến trên đèn nền mang màu sắc một thời đã qua, như những bậc đỡ nền lối bậc màu thép hàn, và một cái đèn treo nhiều ngọn kiểu Flemish. Một cái thúng rộng bằng cây bắc có dây gỗ mới đốn cung cấp cho ngọn lửa rực sáng mà nôi là một cái thúng bằng thép hàn trên một đôi cột chống chịu lửa của thế kỉ 17. Một tấm thảm xếp nếp mang mùi cỏ khô trải trên sàn nhà. Tôi đã kiếm được một bao bọc giường có màu sắc của một thời đã qua bằng chỉ tơ thêu dệt, và ngay cả một tấm nệm thêu bằng những mũi kim nhỏ có hình vua Charles I đang đi dạo với hoàng hậu trong một khu rừng.

Cuộc triển lãm là một sự thành công mỹ mãn, và tôi không những bán được nhiều món hàng được trưng bày, mà còn có một nghề nghiệp mới: tôi trở thành họa sĩ tranh trên tường. Thấy những tranh trên tường thời nữ hoàng Elisabeth thật hấp dẫn, 3 hay 4 khách hàng hỏi tôi có thể hay không trang trí nội thất tư gia họ, và vẽ tranh trên tường thời nữ hoàng Elisabeth. Tất cả điều đó thật hứng thú và khiến hài lòng, vì tôi dùng được cái năng khiếu nghệ thuật của mình theo một cách hoàn toàn mới mẻ và bất ngờ.

Từ miền Đông Anglia tới Tây Nam nước Anh, người ta yêu cầu tôi vẽ trên tường và thiết kế lại nội thất những căn nhà thời xưa ở đồng quê. Trong quá trình đó, tôi cũng thiết kế đồ đạc trong nhà và vườn, vườn hoa, và cuối cùng là kiến trúc trong đó tôi thuê một kiến trúc sư xin những giấy phép làm đồ án. Mỗi lần ai đó hỏi mình có thể làm một công việc nào đó, tôi không bao giờ nói "Không được" mà "Tất nhiên là được!". Tôi nhận thấy latihan khiến mình có thể thản nhiên nhìn được phạm vi những khả năng của mình.

Thiết kế là chuyện liên quan tới sự phân phối khoảng cách, những đường kẻ điều hòa, màu sắc và hình thể, và tất nhiên là không được quên sự quan trọng của khía cạnh thiết thực và hữu dụng của bất cứ gì được thiết kế. Tôi nhận thấy các chuyên gia luôn

niệt tình chia sẻ sự chuyên môn của họ. Nếu tôi cần thiết kể một sơ đồ cho đường điện, nước và cống rãnh, các chuyên gia trong những lĩnh vực khác nhau thường vui lòng chỉ cho tôi ngôn ngữ kí hiệu cần biết để vẽ trên một họa đồ kiến trúc đọc được.

Văn phòng số 21 tại The Pantiles luôn bận rộn sinh hoạt và tinh thần sáng tạo. Tôi có một bản vẽ xưa cũ trên đó tôi tạo nên nhiều bức vẽ cần cho những công việc khác nhau. Trước khi bắt đầu vẽ, tôi sẽ cảm nhận nhu cầu của khách hàng, bản chất và tính khí họ, cái không gian phải tạo nên để điều hòa những gì chung quanh. Tay cầm bút chì, tôi trước hết hoàn toàn tĩnh tâm, và chỉ khi được như vậy tôi mới cho phép tay mình vẽ. Thông thường thì chỉ có một đề xuất, và tôi sẽ khai triển nó cho tới khi mình có thể trình bày cho khách hàng. Họ luôn chấp thuận những gì tôi đưa cho họ xem.

Bước kế tiếp là làm cho các sơ đồ được lựa chọn trở thành thực tại vật chất. Chẳng bao lâu, tôi chỉ thị làm việc cho các nhà thầu xây cất, cho những kẻ xây cất phòng, những thợ mộc, những kẻ trang bị nệm ghế cho phòng, những thợ điện và thợ hàn. Về việc vẽ tường, theo kiểu Fresco hay đơn sơ, tôi tự làm lấy hay với sự trợ lực của mấy đứa nhỏ mình. Trước đây tôi học được cách tạo nên những kĩ xảo đặc biệt, cách pha trộn chất màu thiên nhiên với chất gấn kiểu cũ, và cách tạo nên những màu sắc mong muốn.

Ngoài tất cả những chuyện đó ra, tôi còn thường xuyên đi tìm những đồ cổ và nghệ phẩm cần cung cấp cho cửa tiệm và trang bị cho nội thất.

Để bạn hiểu được như thế nào tâm linh và vật chất có thể điều hòa hoạt động, tôi xin kể nơi đây một chuyện khác về một công việc đem mình tới Na Uy. Tôi sẽ gọi khách hàng của mình là ông S, vì tôi biết ông không thích tên mình được nói đến bởi việc đời tư và sự an ninh của ông. Một sáng Thứ Bảy mùa thu nọ, ông S kêu điện thoại hỏi tôi có vui lòng không đến Na Uy để thiết kế căn hộ hai tầng gồm 13 phòng, thành phần của một cao ốc sang trọng vừa được xây cất trên những ngọn đồi phía sau Oslo, phía Tây của nơi trượt tuyết nổi tiếng Holmenkollen.

Cảm thấy chắc tôi sẽ nhận công việc đó, ông nói thêm: "Tôi đã

yêu cầu một kiến trúc sư Thụy Sĩ, người thiết kế cao ốc, gửi cho ông các sơ đồ, sớm nhất là hôm nay”.

“Nhưng thưa ông S, tôi phải nhìn thấy và cảm nhận căn hộ tại đúng chỗ của nó, trước khi thông đạt được sơ đồ. Tôi muốn điều hòa nó với những phong cảnh xung quanh”.

Tôi đã từng làm việc đủ lâu với ông S, để hiểu được tính tình ông là khi ông đã quyết định, mọi việc lập tức trở nên cấp bách và phải được thực hiện cho thật sớm. Chúng tôi tiếp tục trò chuyện: “Tôi đã có một buổi họp với các thầu khoán, với kiến trúc sư, thợ điện và thợ hàn tại Oslo lúc 10 giờ sáng ngày Thứ Tư. Tôi muốn ông trình bày đầy đủ cho họ dự án sơ đồ của ông và giải thích cho họ. À này, nhân tiện, tất nhiên tôi sẽ trả cho ông tiền xe, các chi tiêu và cho thời gian làm việc”.

May mắn là tôi có một anh bạn rất thân trong Subud, một kiến trúc sư, đã xây cất tư gia không xa nơi đó, và hồi đó tôi biết vợ anh, chị Katarina, một người Na Uy, cũng ở đó. Chị sốt sắng chịu đón tôi tại phi trường, và chăm lo cho tôi trong lúc tôi ở đó không lâu. Chiều Thứ Hai, chuyến bay của tôi tới Oslo. Khi máy bay đáp xuống, tôi để ý thấy tất cả các ánh sáng của thành phố đã nhấp nháy trong tuyết. Tuy chỉ 4 giờ sáng nhưng điều đó nhắc tôi nhớ lại là hầu như tất cả nước Na Uy đều nằm trên phía Bắc của vĩ tuyến 60.

Sáng hôm sau, tôi bắt đầu lên đường tìm kiếm khối nhà mới và sang trọng đó. Chị Katarina nhiệt tình làm trà nóng và bánh mì sandwich cho bữa ăn trưa, những thứ tôi mang theo trong cặp giấy bằng da cùng với đồ lót để vẽ, bút chì, băng đo và máy ảnh của mình.

8 giờ sáng trời vẫn còn tối, và hầu như tất cả ánh sáng đều do sự phản chiếu của băng tuyết. Nhiệt độ là trừ 15 độ C. Khi mắt mình quen thuộc với những vật xung quanh, tôi nhận thấy con đường trên đó mình đang đi dẫn tới những khúc quanh thuộc phần dốc đứng của một ngọn núi cao. Tim tôi thắt lại, khi tôi trông thấy cái gọi là một ‘cao ốc sang trọng’. Trong ánh sáng mờ nhạt, tất cả những gì tôi có thể trông thấy là những khối gạch cao gồ ghề khuôn theo, như một cầu thang khổng lồ gồm 8 bậc, một góc

cạnh nhọn hạ thấp của vùng đất. Cái cao ốc chưa xây xong đó nằm trên bờ cạnh thấp của một sơn lộ. Hai cánh cửa ga-ra rộng chưa sơn quét bằng kim loại đứng ngang ngược trước mặt tôi. Ngay bên phải là một cánh cửa màu xanh đậm với một máy con ve (buzzer) được mã hóa. Nó dẫn tới một khoảng cách mênh mông tạo chỗ đậu xe cho tối thiểu là 10 chiếc. Bức tường phía sau có 4 thang máy, mỗi cái cho mỗi dãy buồng, tuy chưa thể dùng được. Bên phải là một cầu thang bằng gạch dẫn xuống bên dưới. Ông S đã mua hai tầng dưới cùng.

Đường dây điện chỉ tạm thời để tạo ánh sáng tối thiểu, giữa trần nhà mỗi phòng một bóng đèn tối mờ gắn trong đui đèn thì lủng lẳng dưới dây điện. Cơ lạnh thật ảm thấp và thấu buốt. Khi đi vòng quanh để xem coi cách bố trí của các phòng, tôi tự an ủi giữ cho mình được ấm áp, bằng cách nhâm nhi trà nóng của chị Katarina.

Năng khiếu sáng tạo nghệ thuật của tôi chưa từng bị thách thức. Phòng này tới phòng khác đều đen tối, u ám và không khiến hứng thú: hành lang nơi ra vào cũng như căn phòng nhỏ nơi góc tường thiếu cửa sổ để ánh sáng thiên nhiên vào. Cố gắng nhìn sự việc một cách hơi khô hài để chống lại sự ảm đạm phập phồng, tôi nghĩ: "Không biết cha kiến trúc sư này nghĩ tới cái quái gì, khi chắt thiết kế một không gian như thế này".

Đối diện là một cánh cửa dẫn tới một không gian hầu như hình vuông mà nơi cuối là một cửa sổ rộng, chỗ làm cho ánh sáng mờ nhạt của xứ Na Uy lền vào phòng. Quang cảnh đẹp tuyệt trần, tôi say mê nhìn trong một lúc. Phía dưới, tôi có thể nhận ra những mặt hồ đông lạnh chung quanh là một khu rừng cây thông đen tối. Nơi thật xa, nơi ánh sáng mờ yếu còn cho tôi nhìn thấy được, là những ngọn đồi nghiêng ngả. Cao ốc đối diện hướng Tây Nam.

"Phòng này nên là văn phòng", tôi nghĩ như vậy khi đi qua cánh cửa khác tới bên trái một cửa sổ rộng. Nó nhìn ra một không gian mênh mông. Tôi đứng đó trong một lúc chăm chú nhìn mà không suy nghĩ gì. Toàn thể bức tường bên phải tôi gồm những cửa kính kéo, với một bao lơn rộng chạy qua phía Tây Nam cao ốc, và theo tôi đoán, dưới đó là phần khác của căn hộ.

Ngay bên trái tôi là một cái lỗ rộng hai mét trên sàn nhà bằng gạch gỗ ghè. Không có cầu thang nhưng một cái thang ọp ọp lôi kéo tôi xuống bên dưới. Tận cùng bên trái, dọc theo bức tường đối diện hướng Tây Bắc, là nơi tôi đoán là khu vực nhà bếp, vì góc bên phải của nó là một lò bếp hình nửa vòng tròn cao tới đầu gối. Một cách hết sức thận trọng, tôi bước xuống chiếc thang ọp ọp, cố đứng nơi góc hình tròn bằng gạch cho tới khi cuối cùng tôi phải để cho mình đi tới sàn nhà tầng dưới cùng. Tận cùng bên phải là phòng ngủ chính, bên cạnh là phòng vệ sinh và nhà tắm, hai giường ngủ hình dáng rất kì quái của trẻ em với phòng vệ sinh và nhà tắm riêng. Thông qua hành lang, một cánh cửa dẫn tới một phòng chật hẹp mà tôi đoán có thể là phòng cho trẻ em chơi. Phía bên phải, một cửa kéo bằng kính đưa tới một sân hiên được đào cuốc từ sườn đồi.

Trong đầu óc mình tôi đã có một khái niệm về toàn thể căn hộ và leo trèo trở về tầng trên, nơi tôi thu mình vì lạnh và thờ ơ nhìn cái không gian hoang vu chung quanh mình. Hơi lo lắng, tôi nhận thấy mình thiếu cảm hứng, và sau khoảng 10 phút trong tình trạng khó chịu của kẻ đứng nơi trống vắng, tôi quyết định đi thâm sâu hơn vào sự nhận thức của nội tâm, bằng cách buông thả sự lo sợ của mình về dự án. Tôi nhắm mắt lại và đi vào một không gian an bình, nơi không có cộng và trừ mà chỉ là sự chờ đợi...

Sau một lúc, những âm thanh hài hoà thú vị nhất bộc phát từ nơi thâm sâu của bản chất, tất cả được tôi để cho tự do lộ ra ngoài vào cái không gian u ám, thiếu hấp dẫn bằng gạch. Dần dần, tôi cảm thấy mình như được bao bọc bởi một trạng thái siêu phàm hoàn toàn an bình, cùng với một sự nhận thức sắc bén về lí do mình có mặt nơi đây.

Tôi từ từ mở mắt ra và nhìn chung quanh để quan sát sơ đồ nội thất được hoàn thành của cái không gian mình đang trong đó, những màu sắc, vật liệu, hình thù của tất cả các thành phần làm cho khu vực được điều hoà. Tất cả những gì bây giờ tôi cần là biến cái thực tại tâm linh đó thành một thực tại vật chất.

Một cách hết sức thận trọng, hầu như một kẻ đi săn không muốn làm náo động con mồi của mình, bàn tay tôi tìm thấy giấy vẽ và bút chì, những thứ tôi đặt trên sàn nhà trước mặt chân mình.



Tôi nhìn cái khe hở trước mặt mình, và tức khắc hiểu được toàn thể khái niệm về một cầu thang xoắn ốc phải xây cất. Bàn tay tôi bắt đầu nhanh chóng vẽ một cách chính xác, ghi chép và tô màu những chi tiết có ích lợi thực tế trong khi tôi đi đây đó, để đem vào cái thực tại hai chiều những thông tin cần cho bất cứ ai hiểu được khái niệm.

Tôi nhìn sàn nhà bằng gạch và thấy nó được lát bằng những tấm ván 60cm tới 70cm. Có lẽ bạn sẽ hình dung được những ván lát nhà dày 4cm bằng gỗ cây thông; nơi chính giữa là một chỗ có màu sắc mà khung là những tấm ván rộng 20cm màu cây thông. Mỗi nơi chính giữa phải được nhuộm một màu khác nhau: màu nâu đậm của cây quả óc chó cho phòng khách, màu vàng đất son cho phòng bếp và hành lang, màu đỏ đất son cho những phòng khác. Những mô hình tái diễn đó sẽ có hiệu quả là trông như một bàn cờ. Những tấm ván nơi chính giữa sẽ trực tiếp được dán thành nền móng tại cơ xương, rồi được cắt ra và làm cho ăn khớp tại nơi trước khi trực tiếp dán trên xi-măng.

Một năm sau, ông S nói với tôi là khi căn hộ xây xong, chủ nhân của cơ xương làm những ván lát sàn nhà đã dùng quan niệm và khái niệm của tôi, và ông đã công nghệ hóa hàng của mình trên thị trường.

Tôi tiếp tục vẽ và ghi chép tất cả các thông tin, kể cả những đo lường mà tôi cần cho công việc mình. Khoảng 4:30 giờ chiều, tôi hoàn toàn lạnh cóng, mệt mỏi nhưng hài lòng về việc mình đã đầy đủ thông tin để làm việc được trên chiếc bàn kiến trúc của anh bạn mình và biến các phác họa thành khổ giấy vẽ A2 rõ rệt. Tôi rời khỏi những khối gạch u ám để đi xuống núi, lấy làm vui mừng mình có thể ra về để đem trở lại một chút hơi nóng cho cái cơ thể tê cóng của mình. Sau khi tắm nước nóng và có một bữa ăn thịnh soạn mà chị Katarina làm cho, tôi chuẩn bị những bức họa sáng mai sẽ đưa cho ông S coi. Trong sự im lặng thâm sâu của ban đêm nước Na Uy, tôi vẽ trên hết trang giấy này tới trang giấy khác cho tới khi toàn bộ quan niệm của mình được trình bày rõ rệt trên giấy tờ. Đồng hồ điểm 4 giờ sáng, và thấy hài lòng vì mọi vấn đề đã được đề cập, tôi vui sướng được giao cái cơ thể mệt mỏi của mình cho nữ thần của giấc ngủ.

Đúng 9 giờ sáng chuông cửa reo lên. Ông S nói theo lối đột ngột và trực tiếp của ông: <>Chào ông Leonard, ông đã sẵn sàng chưa? Bây giờ chúng ta đi thành phố ăn sáng>>.

Ông nhanh chóng thoáng nhìn những bức họa của tôi và nói: <>Coi khá đấy, bây giờ chúng ta đi ăn uống rồi cho in mỗi cái là 10 bản sao...Chúng ta không có nhiều thì giờ, buổi họp là 10 giờ sáng>>.

Ông không là người thích khen ai, nhưng tôi có thể cảm thấy ông chấp thuận sơ đồ, vì ông đã không hỏi tôi bất cứ gì, mà chỉ mỉm cười trong lúc nhìn.

Chung quanh chiếc bàn bóng loáng hình trái xoan đang ngồi 8 nhà xây cất chuyên nghiệp trông có vẻ nghiêm trọng. Họ nhìn những họa đồ rồi bày tỏ ý kiến và đề nghị. Thật ấn tượng. Ông S ngồi đầu một chiếc bàn dài, tôi ngồi đầu kia, trong khi các chuyên gia hau háu nhìn đề xuất của tôi. Căn phòng trở nên im lặng vô cùng, trong khi kiến trúc sư, các nhà thầu khoán, các thợ điện, thợ mộc và thợ hàn, một vài vị thì cùng với những kẻ giúp việc cho họ, nghiên cứu những bức họa của tôi. Trong lòng mình tôi cảm thấy yên bình và thanh thản, tự tin là đề xuất của mình hoàn toàn khả thi.

Sơ đồ được chấp thuận mà không bị phản đối. Điều khiến tôi hài lòng là không có gì phải thay đổi, và tôi có thể lập nên một chương trình cho sự thực hiện những gì mình đã trông thấy trong khoảnh khắc thần tiên của sự sáng tác nơi tòa nhà lạnh buốt trên Núi Holmenkollen.

Khoảng 9 tháng sau, Hannah, viên thư kí của tôi đưa cho tôi nghe điện thoại: "Gọi từ Oslo, ông S đấy".

"Hello Leonard, tôi đang ngồi trong văn phòng nhìn quanh cảnh thanh đẹp. Tôi muốn cho ông hay là khi chúng tôi vào ở trong căn hộ mới, bà vợ tôi và tôi hình như không tranh cãi nhau nữa. Các con tôi cũng thế. Điều này như là nơi được sự trông nom của các thiên thần".

Trong 24 năm làm chủ tiệm đồ cổ Leonard Lasalle, tôi nghiệm được những lúc nhờ latihan những việc mà trí óc và cảm xúc

thông thường thấy có vẻ như không thể làm được, nhưng thực ra lại là được, tuy luôn xảy ra một cách bất ngờ.

### 13. Học hỏi được qua một kinh nghiệm đau đớn

Đây là một chuyện kì quái, phi lí và khiến khá đau đớn, điều xảy ra trong lúc tôi buồn đồ cổ. Như tôi đã nói trong phần lời tựa, nó cho thấy sự tranh đấu của tôi để nhận biết và tách biệt giữa những hành vi dựa trên tư lợi, ham thích và dục vọng với sự minh triết bất vụ lợi của linh hồn.

Thật không dễ kiếm được những đồ trước thế kỉ 18 để nuôi sống tiệm buôn đồ hàng của tôi. Một buổi cuối chiều nọ, tôi lái xe về nhà cảm thấy mệt mỏi và chán ngán, vì không kiếm được bất cứ gì đáng chú ý để trưng bày trong cửa tiệm mình. Tôi đã suốt ngày đi lùng miên Nam nước Anh tìm những đồ cũ và những tiệm đồ cổ, mà chỉ kiếm được một cái bình đồ gốm Delft cuối thế kỉ 17 của Hà Lan và một đôi cột chống chịu lửa đầu thế kỉ 18 bằng thép rèn mềm.

Không còn suy nghĩ lông bông nữa, tôi chợt thấy mình về nhà theo một con đường khác với điều trí óc mình thường chọn. Tôi nghĩ: "Tại sao mình lại đi về theo con đường này? Nó dài hơn nhiều". Nhưng tôi chỉ việc chấp nhận...

Đi ngang qua một thôn xóm nhỏ bé, tôi thấy một tiệm trông tồi tàn buôn những đồ tạp nhạp. "Cứ vào đây coi ra sao!" Tôi tự nói với mình trong khi lái xe đi ngược lại và đậu xe trước mặt tòa nhà có phần đồ nát đó.

Khi tôi đẩy cánh cửa mặt tiền và bước xuống tiệm buôn nhỏ xíu đó, thì có một kêu leng keng ồn ào từ một cái chuông nhỏ bằng đồng treo dưới một lò xo ngoằn ngoèo. Nơi chốn đó có lộn xộn những thứ hiếm lạ làm ta cảm thấy buồn chán vì những đồ đã bị chủ nhân của nó thải bỏ.

Một ông lão trông khô khan bước ra từ một cửa sau lặng lẽ nhìn tôi qua cặp kính hình bán nguyệt. Sau khi nhanh chóng nhìn lướt qua căn phòng, tôi hỏi một cách máy móc: "Chắc bác còn thứ đồ cổ gì khác?"

Sắp bước ra ngoài tòa nhà đồ nát đó thì tôi nghe thấy tiếng của một giọng nói kéo kẹt: “Đúng ra thì tôi còn có nơi đây thêm một vài món đồ khác trong kho, nếu anh thích xem”.

Lão quay mình lại rồi cũng đi qua cánh cửa từ đó lão đến. Tôi đi theo lão và nhận thấy một căn phòng khác rộng hơn chông chắt những đồ đầy bụi. Tôi dừng lại tại ngưỡng cửa, và đặt mình trong một trạng thái đặc biệt chú tâm sắc bén thường có của mình, khi tôi tìm kiếm một món hàng có thể hiếm quý. Bóng đèn 15 watt của căn phòng khiến khó nhìn, nhất là ánh sáng của nó bị chặn một chiếc bàn đặt ngược che khuất, chiếc bàn thì bấp bênh nằm trên một cái tủ có ngăn kéo. Nhưng ngay bên cánh tay trái tôi có một thứ trông giống một cái tủ đựng thức ăn bằng gỗ cây sồi, rất hiếm quý thuộc thể kỉ 16. Tôi không thể tin được là có thật, khi bàn tay mình đã gõ lên bề mặt trơn tru, bụi bặm, hao mòn của nó, để lấy ra thông tin đầu tiên.

Khi tôi hơi xoay ngược chiếc bàn lại, để đem bóng tối cái chân của nó tới một nơi khác, chiếc tủ bắt đầu lộ diện. Chiều cao của nó hơn 5 ft, chiều sâu hơn 2 ft và chiều rộng hơn 4 ft, và có khuôn panô hai tầng. Những panô mặt bên và hai cánh cửa mặt giữa được đục khoét những họa tiết hai vòm Gothic. Sự đục khoét trang trí những panô làm cho không khí lưu chuyển trên các thức ăn. Tôi để ý nhịp tim mình đập nhanh hơn vì sự kích động của thứ mình tìm thấy. Những bản lề hình bướm bướm bằng thép rèn đóng mỗi bên phía trái cửa có vẻ như thuộc thời xa xưa, bởi khi tôi mở cánh cửa phía trên, nó hơi lỏng, khiến tôi tất nhiên biết được nó đã hao mòn. Để tăng vẻ thanh lịch của chân tủ, một cạnh vát hình cung kiểu Gothic được bào xoi nơi khung gầm và hai bên mặt, khiến tủ có cái vẻ rất quý phái.

“Cái tủ cũ này bác đòi bao nhiêu?” Tôi nói với một giọng tế nhị không để lộ sự kích động của mình.

Lão đáp: “Anh cho tôi 90 Anh bảng”.

Mặc cả là không thẳng thắn, nên tôi trả ngay giá tiền đó, điều khiến lão vui mừng. Trên đường về nhà, tôi cảm thấy vô cùng sung sướng vì thứ vật chất hiếm quý mà mình kiếm được. Tôi dự tính mình sẽ trưng bày nó nơi cửa kính, đặt nó trên một tấm thảm

xứ Caucase, bên cạnh một cái bình thanh mảnh xưa kia của tỉnh Venetia, trong đó cắm 3 bông hoa huệ tây màu trắng. Giá tiền? Thôi, chuyện này sẽ tính sau. Tốt hơn trước hết là thú vị tìm hiểu nó, tôi nghĩ vậy, trước khi nghĩ tới chuyện đem bán nó là bao.

Tiệm buôn tôi đã đóng cửa khi tôi về tới. Lúc đó là 6 giờ 45 chiều. Tôi đậu chiếc Citroen đi sẵn lòng dọc theo tòa nhà, và một cách hết sức thận trọng, dùng những tấm mền để che phủ, tôi đem xuống mui xe cái tủ nặng nề quý báu đó, và mang nó vào cửa tiệm là nơi tôi đặt nó ngược lại để kĩ lưỡng xem xét. Tôi vừa mới quỳ xuống để bắt đầu xem xét khiến chắc chắn đó là thứ thiệt, thì tiếng chuông cửa tèn tèn làm tôi giật mình bất bị kích động và không tập trung được.

Một tay buôn những đồ trong nhà xưa kia của Anh mà tôi quen biết, tôi sẽ gọi nhân vật đó là ông W, đã đứng đó vượt hẳn hơn tôi, mắt ông tập trung nhìn chiếc tủ. Giọng nói lạnh lùng của ông như một lưỡi dao sắc bén cắt vào cái trạng thái dễ bị tổn thương của tôi: "Leonard, cái này bao nhiêu, cho tôi biết ngay!"

Khi đứng lên, tôi cảm thấy lúng túng. Tìm cách tạo cho mình thời gian để suy tính, tôi đáp: "Ừa, ông W, chào ông, thông thường thì giờ này tiệm đã đóng cửa..."

"Cái tủ đựng đồ ăn này, ông muốn là bao nhiêu?" Ông hỏi một lần nữa, một cách hống hách. Đầu óc tôi lao nhanh về mọi phía. Tôi mất tự chủ và vội suy tính: "Đây này, mình đã mua là 90 bảng Anh; bán là 600 thì sẽ lời chán". Trước khi tôi có thể tìm thấy cơ hội cho mình được đồng ý với chính mình, miệng lưỡi tôi đã để lộ những ý nghĩ của tôi!

Như vỡ bắt được một con mồi, ông W nói như la hét: "Tôi mua ngay! Đây là một tấm séc. Đem nó tới cửa tiệm tôi với biên nhận ngay ngày mai".

Ông đi mất, một cách lén lút và nhanh chóng, cũng như khi đến. Tôi cảm thấy như ma quỷ đã vào tiệm buôn cũng như bản thân mình và tèn tèn cười.

Tôi thấy rối tung. Tại sao lại nhanh chóng bán nó đi? Tôi đã hiểu

thật rõ điều này là đừng bao giờ lập tức cho biết giá tiền; hãy đợi một hay hai ngày để tìm hiểu rồi mới định đoạt. Tôi nghĩ là mình đã hoàn toàn hiểu được cái thực tế đó. Nhưng không! Tôi đã chỉ làm theo những gì mình biết là đúng. Tôi không tiếp tục xem xét chiếc tủ nữa. Nó nằm ngược trên sàn nhà trái thâm thích hợp cho nó.

Khi suy tính lại, tôi ước lượng giá của chiếc tủ là vào khoảng 20.000 bảng Anh, vì đó là thứ hiếm quý. Lòng tôi trở nên nặng nề, mất yên tĩnh và rối loạn. Tôi nhìn xuyên qua khung cửa sổ rộng bầu trời mờ xám của buổi chiều, và hướng những ý nghĩ của mình tới vũ trụ: "Xin cảm ơn đã cho tôi cơ hội kiểm được cái tủ độc đáo bằng gỗ cây sồi đó, khiến tôi có thể nuôi sống một gia đình đông đảo, nhưng coi này! Tôi kiếm được, nhưng mình lại thật đần độn! Tôi hầu như đã đem nó tặng không cho ông W, khi ông ấy chỉ phải chăm sóc cho chính mình và vợ mình!"

Tôi cảm thấy bức tức chính mình, vì đã để cho ông W thúc ép mình bán nó cho ông. Tôi cố để cho sự xáo trộn đó qua đi khiến mình bình tĩnh trở lại, nhưng không thể được. Tôi cảm thấy mình như một nút bần bị một cơn gió mạnh đưa đẩy đây đó trên đại dương bão táp mà không tự chủ được.

Tôi quyết định chia sẻ sự khổ cực của mình với anh Toby, anh cũng có một cửa tiệm ở London buôn những thứ tương tự. Anh bình luận nói: "Nếu cái tủ đó là đúng với điều cậu nói, thì quả thực như vậy là đần độn. Bởi chưa đổi ra tiền mặt tấm séc đó, tại sao lại không tìm cách lấy nó lại? Cứ bịa đại ra một chuyện gì đó. Chiều mai tôi sẽ đến xem sao".

Anh Toby giúp tôi quyết định lấy lại cái tủ đó. Tôi đặt ra một chuyện nghe êm xuôi như sau: "Tôi mua của một bà chủ trang viên nợ, và ngày hôm sau thì bà kêu điện thoại cho tôi nói là bà đã sai sót vô cùng khi bán cái tủ đó cho tôi, vì ông chồng và mấy người con bà đã điên tiết lên vì bà và họ chống đối việc bà đem bán đi cái thuộc những đồ sưu tập của gia đình."

Điều đầu tiên tôi làm sáng hôm sau là đặt trở lại cái tủ nặng nề đó lên mui xe, và sau khi thận trọng buộc chặt nó lại, tôi lái xe tới tiệm ông W, đến đó chỉ mất nửa tiếng đồng hồ. Cố giảm bớt

những cảm xúc khiến mình tiều tụy, tôi luôn nhắc cho mình đừng quên điều này: "Nhưng Leonard, mà chỉ tìm cách nuôi sống gia đình! Mà sẽ trả lại cho ông tấm séc đó, và ông sẽ không bị thiệt thòi gì hết, như vậy là không đúng hay sao?"

Theo tôi biết từ trước cho tới nay, tôi đã chưa từng làm những chuyện bất lương, và điều đó khiến tôi cảm thấy như mình đã để mất hết lòng tự trọng. Tôi cảm thấy sự bẩn thỉu của chính mình.

Tôi đậu chiếc xe lớn chở hàng bên ngoài cửa tiệm ông, để tú trên giá mui xe và bước vào tiệm ông.

Ông la lên xuống phía dưới: <>Tôi trên lầu, lên đây>>.

Trong ngực mình, tôi run như một chiếc lá mùa thu và cảm thấy buồn nôn khi nặng nề bước lên những bậc thang trải thảm. Ông W chào tôi với một nụ cười mong manh là điều bất thường với ông.

"Đây này. Chúng ta sẽ đặt nó nơi đây, trong vị trí quan trọng nhất, đối diện ngay cầu thang".

Điều này là không sòng phẳng cho hai chúng tôi nếu để cho tình trạng này kéo dài lâu thêm nữa, nên tôi nói ngay: <>Ông W, tôi cảm thấy rất khó nói phải cho ông hay bà chủ trang viên bán cho tôi chiếc tủ bằng gỗ cây sồi sáng nay đã kêu điện thoại ngay trước khi tôi đến đây, để cho hay bà muốn lấy lại tủ. Bà đã làm một chuyện sai sót thật đáng tiếc, và mọi người trong gia đình bà đã tức điên lên vì bà đã đem bán nó".

Tôi nói tất cả những điều đó trong tiếng thì thào run lấy bối. Có một sự im lặng lạnh buốt làm tê liệt những cảm nghĩ của chúng tôi. Tôi quan sát khuôn mặt căng thẳng và nhăn nhó của ông W vì những tin trời đánh thánh đổ mà mình đem tới. Ông không biết phải nói gì đây vì sự tức giận khi nghĩ tới việc không thể chịu nổi là phải xa cách món hàng hiếm quý này. Cuối cùng, cặp mắt lạnh lùng màu xanh của ông từ từ lăn tròn để tập trung dính chặt trên cặp mắt tôi. Sau một lúc hình như vô tận, ông chỉ ngón tay trở vào ngực tôi, giọng nói mang cơn giận dữ bị cầm nén: "Nếu là bất cứ ai khác trên đời này, tôi sẽ không chấp nhận chuyện lếu láo đó! Nhưng Leonard, nếu đó là ông nói, thì tôi phải chấp nhận, vì ông

là một tay buôn duy nhất mà tôi có thể tin nhiệm và kính nể!”

Tôi bẽn lẽn mỉm cười. Tôi bị một trận sóng thần khiến mình hoàn toàn bị tan tành, mệt mỏi và thiếu khí lực để chỉ đủ sức đứng thẳng trên đôi chân mình. Tôi cảm thấy tấm séc đột ngột bị lấy ra khỏi bàn tay mình. Tôi cảm tạ ông vì sự tin nhiệm của ông, và chào tạm biệt ông một cách yếu ớt khi bước ra khỏi cửa tiệm ông.

Đấy, bạn có thể tưởng tượng tôi cảm thấy ra sao khi lái xe về nhà. Tôi đã gian dối vì đồng tiền. Đây quả thực là một trường hợp bị sức mạnh vật chất ám ảnh. Đâu rồi những đức tính con người của tôi? Sao tôi đã làm được một chuyện như vậy? Tình cảnh của tôi là như thế, vẫn còn cái tử và một chuyện kinh khiếp mà ngay trong cơn mơ cũng không thể có. Làm cách nào tôi có thể trừ bỏ, xóa sạch tất cả những đen tối hôi thúi đó?

Tôi cất giấu chiếc tủ đằng sau hai màn cửa bằng nhung màu rượu vang đỏ ngăn cách hành lang với phòng trưng bày hàng hóa. Tôi kêu điện thoại cho anh Toby để cho anh hay những gì đã xảy ra, và anh đến từ London lúc cuối chiều. Với sự chuyên môn của mỗi người, cả hai chúng tôi cẩn thận xem xét món hàng 'hiếm quý' đó. Nó rất đẹp, hầu như còn quá tốt khiến khó tin được đó là sự thật, nhưng nó có đó, và theo cái nhìn của chúng tôi thì có vẻ đó là thứ chính gốc đáng ngàn vàng. Tôi cảm thấy mình không thể bán nó nơi cơ ngơi mình. Anh Toby đã giao dịch nhiều với những khách hàng/kẻ sưu tập đồ cổ của London, nên chúng tôi quyết định đem nó tới cửa tiệm của anh tại Westbourne Grove, nơi anh đặt nó trong phòng ngoài và chỉ cho một vài khách hàng được kén chọn coi. Chúng tôi đem tủ để lên mui xe anh.

Tôi vẫn còn cảm thấy xấu hổ. Khi về nhà tôi kể cho Melinda nghe chuyện đó; bà không phê phán những hành vi của tôi, mà chỉ hoàn toàn để cho tôi tự xử lý lấy. Bà còn yêu tôi y như trước kia và không cảm thấy bị xuống tinh thần vì sự phiền muộn nặng trĩu trong lòng tôi.

Cũng tối hôm đó, tôi lái xe tới trụ sở Subud tại Pembury, cách Tunbridge Wells vài cây số, để tập latihan và tìm cách nối kết trở lại với linh hồn mình. Thực vậy, bởi chấp nhận sự quyết định lừa dối ông W, nên tôi đã làm mất sự nối kết siêu việt rất quý báu với



mình. Tôi cảm thấy lạc lõng nơi chính mình. Sự đau khổ, niềm hãnh diện bị xúc phạm của mình, khiến tôi bị cô lập khỏi gia đình yêu dấu của mình. Làm sao lại có thể làm một chuyện như vậy, sau biết bao nhiêu năm tập latihan? Nhưng chuyện đó đã xảy ra, tôi đã xảo trá vì đồng tiền. Mọi người bắt đầu tập latihan, và khi buông thả để hoàn toàn quy thuận Tạo Hóa, tôi gục ngã trên sàn nhà và khóc nức nở, nức nở khóc, những giọt lệ tuôn ra dần dần làm bớt đi những cảm xúc rối loạn của mình, cho tới khi tôi cảm thấy hoàn toàn an bình trong lòng.

Trong sự im lặng của nội tâm, tôi nói chuyện với cội nguồn của sự hiện hữu và minh triết: "Lạy Chúa, xin tha thứ cho con vì con đã đưa mình vào tình cảnh đó, và xin Chúa chỉ cho con đường ra khỏi bóng tối trong lòng con. Làm cách nào con có thể chinh lại những tai hại đã gây ra?" Với sự chú tâm của nhận thức và sự tiếp thu của nội tâm, một cách hoàn toàn chân thành, tôi ở tại một không gian là nơi chỉ có 'hiện hữu'.

"Phải trai giới trong 10 ngày" tôi nghe thấy tiếng nói làm yên lòng và âu yếm từ đáy linh hồn mình.

Trong 10 ngày tôi trai giới. Trong lúc trai giới, sự nặng nề trong tâm, sự rối loạn trong trí óc và cảm xúc, dần dần tiêu tan, và đến ngày thứ 9 tôi cảm thấy hoàn toàn nối kết lại được với linh hồn mình. Đến ngày thứ 10 anh Toby kêu điện thoại từ London: "Leonard, tôi đã nhìn đi nhìn lại cái tủ đó, bây giờ thì tôi thấy nó là đồ giả! Cậu đến đây càng sớm càng tốt!"

Tôi nhảy lên chiếc xe mình và lái xe tới Notting Hill Gate, trong lòng thấy nhẹ nhõm.

Chúng tôi lật ngược chiếc tủ, cạy kẽ xem xét lại từng chỗ và cùng đi đến kết luận đó là thứ làm giả rất khéo léo, có lẽ bằng gỗ cây sồi đầu thế kỉ 19. Khi tình cảnh đó làm chúng tôi cười, tôi cảm thấy kính mến và biết ơn anh Toby. Cả hai chúng tôi đều biết đó là đồ giả, bây giờ thì phải làm gì? Đem nó trưng bày để bán? Không, như vậy là không khôn ngoan, vì ông W chắc chắn sẽ phát giác được vụ này. Cuối cùng, anh Toby cảm thấy chắc sẽ kiếm được một tư nhân sưu tập đồ cổ là kẻ không bao giờ có được một tủ là đồ thật thuộc thế kỉ 16, và có lẽ người đó sẽ vui mừng mua chiếc

tủ này là một thứ làm giả rất khéo thuộc thế kỉ 19.

Một vài ngày sau, anh Toby kêu điện thoại cho tôi hay đã bán được cho nhân vật sưu tập mà anh nghĩ tới, chiếc tủ là thứ sao chép bằng gỗ cây sồi với giá 1.800 Anh bảng. Tôi lấy làm lạ về khả năng của trai giới và kết quả của một chuyện ban đầu có vẻ như hoàn toàn không giải quyết được.

Nếu ông W, tay buôn có tiếng tăm đó, phát giác được đó là đồ giả hay bán là đồ thật cho một trong những khách hàng của mình, và sau này biết được sự thật, thì ông sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi. Bằng cách lấy lại chiếc tủ, một cách vô tình tôi đã cứu nguy cho ông khỏi sự có thể bị lúng túng. Điều ban đầu có vẻ là một tình thế không giải quyết được lại có kết quả tốt đẹp cho mọi bên.

Tất nhiên sự việc đó đã để lại một vết sẹo: tôi đã gian dối với ông W vì sự thúc đẩy của lòng ham muốn kiếm tiền, nhưng do quá trình làm sạch của trai giới, tôi có thể tự tha thứ cho mình và lấy lại được lòng tự trọng.

Tôi học được rất nhiều từ cái kinh nghiệm về những khía cạnh khác nhau của chính mình đó, về việc như thế nào mình có thể sai sót. Biết được mình có thể chỉnh lại những sai sót của mình là điều khiến yên tâm. Đó là việc mình có thể, qua sự hoàn toàn buông thả cái Tôi, khiến cho một hành vi tiêu cực biến thành một tình trạng tích cực. 10 ngày trai giới làm chết đi những ham mê, dục vọng và cái Tôi rồi rẫm, khiến cho sự nhận thức được tự tại hơn của tôi có thể vượt tới chỗ thâm sâu của chân ngã để nối kết với linh hồn. Tình trạng hòa thuận được tái lập không chỉ nơi chính tôi, mà còn chỉnh lại những thiệt hại mà sự vị kỉ của tôi gây ra.

Một ý thức mới bắt đầu nổi bật trong bản chất tôi. Tôi hình như có thể khiến cho sự nhận thức của mình đổi hướng tới những nơi khác nhau thuộc cái vũ trụ của mình. Để được sự tự tại đó, tôi cần phải từ bỏ cái bản ngã vị kỉ của mình để tìm thấy cái không gian trong đó là sự yên bình hoàn toàn, rồi chỉ việc tuân theo những động tác của linh hồn. Một thí dụ có tính chất thị giác hơn: bạn hãy nghĩ tới một con chim màu trắng, linh hồn tôi, không còn chịu hấp lực của những ảnh hưởng vật chất, bay một cách không có trọng lượng tới tất cả những nơi trong cái không gian nội tâm của

tôi, những nơi trước kia tôi chưa nhận thức được.

Tôi thấy những ngôn từ Nam Dương/Java về tâm linh của Bapak để diễn đạt những cơ cấu thực tại của sự sống dễ hiểu đến nỗi tôi cũng thường dùng không những để thông giao với những người khác, mà còn đặc biệt với chính mình khiến tôi hiểu được những gì đang xảy ra nơi mình. Để giảm lược lối diễn đạt đó, Bapak nói tới những điều dễ nhận biết được để phân biệt những mức độ khác nhau của các sinh lực tạo thành toàn thể sự hiện hữu của chúng ta. Đó là sinh lực vật chất, sinh lực thực vật, sinh lực thú vật, sinh lực con người, sinh lực thánh thần và sinh lực siêu thánh thần. Tôi không bàn tới những mức độ có thể có khác, vì đó là những điều đi ra ngoài phạm vi của sự hiểu biết và kinh nghiệm trực tiếp trong lúc tôi viết cuốn sách này.

Với lối tu tập của latihan, sự nhận thức của tôi có thể trở nên tự tại, khiến nó vượt tới được tất cả các mức độ của ý thức thuộc thể giới nội tâm. Mỗi sinh lực, thuộc mỗi mức độ, hình như tiềm tàng chứa đựng tất cả những phần của các mức độ khác, nhưng chỉ trong giới hạn của mức độ là cội nguồn. Tôi hiểu được rằng những sinh lực đó tạo thành năng lực căn có khiến linh hồn tôi nghiệm được cuộc sống trần gian này, khiến nó trưởng thành, điều tiến triển qua sự tương tác của các sinh lực.

Lấy một thí dụ khác: con trỏ trên máy tính mà chúng ta có thể di động theo ý muốn mình, sẽ tự tại đáp ứng mệnh lệnh của chúng ta, để tới tất cả các nơi khác nhau trong cái thế giới ảo của máy tính. Tương tự, nhờ sự tu tập của latihan, tôi có thể di động con trỏ, ý thức mình, hoặc tới những nơi thanh thản và vui thú của bản chất, hoặc tới những nơi tối tăm nhất.

Nhưng tôi sẽ không tiếp tục với lối diễn đạt dùng biểu tượng đó nữa. Tốt hơn là tiếp tục kể những chuyện minh họa được thực tại của cách latihan tác động tới cuộc sống chúng tôi; 'chúng tôi' đây tất nhiên bao gồm gia đình, vì tôi không thể tách biệt sự phát triển tâm linh mình khỏi sự phát triển của vợ con mình. Tuy tất nhiên là sự tương tác của việc sống chung nhau đã ảnh hưởng tới mỗi người chúng tôi, nhưng ý thức của mỗi cá nhân thì hoàn toàn tự tại và độc lập.

## 14. Chứng kiến quyền năng của thế giới vật chất

Trong cuốn *Susila Budhi Dharma*, Bapak mô tả và giải thích vai trò của những sức mạnh ảnh hưởng tới chúng ta trong đời sống hằng ngày. Những sinh lực đó dễ nhận biết được nơi chính chúng ta, nơi chung quanh chúng ta, và ảnh hưởng của nó có thể nhận thấy qua cách cư xử của chúng ta. Sinh lực vật chất, sinh lực thực vật, sinh lực thú vật, sinh lực con người là những thứ mà chúng ta quen thuộc nhất. Ngoài 4 thứ căn bản đó, còn có những sinh lực khác cũng hoạt động, nhưng đến gần được những cái đó thì cần phải thông qua nội cảm tinh tế. Nói về nội cảm tinh tế thì thật khó, vì thực tại của nó nằm ngoài ngôn từ, nên tôi chỉ có thể mượn mô tả sự thật của nó.

Trong đời mình tôi hiểu được nhiều về ảnh hưởng mãnh liệt của sinh lực vật chất, khi chúng tôi mua Trung Tâm Anugraha tại Windsor Park, gần London. Một cách vắn tắt, tôi sẽ chỉ sơ sài nói tới lịch sử của việc như thế nào Hội Subud quốc tế mua được cái hồ đó gọi là Dell Park.

Đầu thập niên 80, trong một buổi họp tại Kenfield Hall, gần Canterbury, Bapak nói chuyện với chúng tôi về sự quan trọng của việc làm một kinh doanh lớn có thể tài trợ cho trung tâm Subud quốc tế. Ngoài những kinh doanh lớn mà Bapak đã đề xướng ở Nam Dương, chưa có một dự án lớn nào khác đã được khởi xướng tại bất cứ nơi nào khác. Thực vậy, một vài người chúng tôi đã khởi nghiệp những kinh doanh nhỏ của tư nhân, nhưng điều Bapak muốn nói tới là cái gì đó rất lớn tiếp đón được hàng ngàn người. Bapak đề nghị nước Anh là một nơi chốn tốt đẹp cho một dự án như vậy. Buổi chiều đáng chú ý đó, không có nhiều chúng tôi đã có mặt, nhưng Bapak cảm thấy đó là lúc lập nên một ê-kíp làm cho điều đó được thành hình. Từ những người trong phòng, Bapak chọn lựa những vị là bộ phận trung tâm đầu tiên cho cái dự án đầy thử thách đó. Hồi đó tôi còn nhớ là mình đã nghĩ điều này thật đáng chú ý, khi Bapak chỉ lựa chọn những vị có mặt trong buổi họp đó.

“Chúng ta cần một kiến trúc sư”, Bapak kết luận khi nhìn về phía anh bạn thân của tôi là Lambert Gibbs.

Tôi không đi vào tất cả các chi tiết của cái kinh doanh lớn đó, vì sẽ cần phải tốn rất nhiều trang giấy. Vậy, bạn tha thứ cho việc tôi đi thẳng vào chuyện trong đó sự lớn mạnh và phát triển của nó, đôi lúc khiến đau đớn nhiều, kéo căng nhận thức của tôi khiến nó nghiệm được tác động của sinh lực vật chất nơi bản thân mình và nơi những hội viên quyết tâm và làm việc nhiều, những vị đã trực tiếp lãnh trách nhiệm về dự án.

Cần có một danh hiệu nên ê-kíp mới được lựa chọn tạm thời lấy cái tên Amanco để đăng ký công ty. Đây nghị lực và nhiệt thành họ đi tìm một nơi chốn cho sự xây cất trung tâm quốc tế của chúng tôi. Sau một vài tháng ráo riết đi tìm, họ kiếm được gần Windsor một khu đất tên là Dell Park. Đó là một khu ẩn tượng có những chỗ đậu xe đẹp với bãi cỏ, cây cối và bụi cây. Nó được xây cất trong thế kỉ 19 bởi một gia đình gồm những chủ ngân hàng người Đức, những kẻ cũng thích sưu tập các nghệ phẩm. Việc khu đó có thể tốt đẹp xây cất và trang trí khiến nó trở nên quan trọng và có tầm vóc.

Tất cả chúng tôi đều sôi nổi về dự định của mình, và ban giám đốc đề ra một kế hoạch tài chánh khả thi, còn kiến trúc sư thì làm việc ngày đêm để phác họa một khái niệm từ đó có thể suy ra chi phí xây cất ban đầu.

Dự án được đưa cho Bapak coi. Bapak chấp thuận, đổi tên Dell Park lại thành 'Anugraha', theo Bapak giải thích, có nghĩa là 'đặc ân bất ngờ của Thượng Đế.'

Anugraha Ltd lập tức được đăng ký để thu góp số tiền cần cho sự khởi công xây cất. Năm vị giám đốc, cùng với kiến trúc sư, có những buổi họp để giới thiệu dự án cho các hội viên Subud. Tôi cũng dự một buổi họp như vậy tại Egham và thấy những gì được đề nghị thật hấp dẫn và đáng chú ý.

Anugraha là một khách sạn 3 sao gồm 120 phòng và một trung tâm hội nghị, kể cả một quán ăn cho những tay sành ăn. Cái công trình kiến trúc hấp dẫn bằng gạch đỏ và tòa nhà đồ sộ hình vuông sẽ được giữ nguyên vẹn. Tuy nhiên, lõi cốt của nó sẽ phải triệt để biến đổi thành một trung tâm hội nghị hình tròn. Một mái vòm trong suốt sẽ bao che một không gian rộng và ta có thể điều khiển

độ chấn sáng của nó bằng cách bấm vào một cái nút, khiến cho lúc ban ngày, nếu chẳng hạn cần chiếu một cuốn phim, thì không gian có thể làm cho mờ tối.

Mấy vị giám đốc ngồi bên một chiếc bàn dài lót một tấm khăn trải bàn màu xanh lá cây. Kiến trúc sư đứng bên cạnh một bảng mạch hiển thị trình bày những đồ họa và sơ đồ của đề nghị, còn vị chủ tịch thì giảng giải kế hoạch. Tất nhiên điều này không những thật đáng chú ý, mà còn hấp dẫn. Yên lặng ngồi trên ghế mình và chăm chú nghe, tôi đang hấp thụ những thông tin khiến say đắm đó, thì chợt nhiên điều khiến tôi rất ngạc nhiên là mình trở nên nhận thức được là không chỉ có mấy vị giám đốc, mà còn có sự sinh hoạt chung quanh họ, trên tấm khăn bằng nỉ cũng như trên cơ thể họ, đặc biệt chung quanh vị diễn thuyết. Tôi nhận ra những sinh vật đó: tôi đã gặp chúng trước đó nhiều lần, kể cả lúc ở Heathrow, là một biểu hiện sự tác động của sức mạnh vật chất, khi chúng điều khiển cảm hứng và óc sáng tạo của chúng ta. Mỗi sinh vật không lớn hơn một trái táo, và tôi có thể trông thấy chúng, cũng như tôi thích thú những gì vị diễn thuyết mô tả. Chúng gật gà gật gù khuôn mặt lông lá của chúng khi chấp thuận; đôi khi chúng còn dùng đôi tay nhỏ xíu của chúng thúc vào người vị diễn thuyết, để hồi thúc ông nếu ông ngập ngừng trong lúc đang nói năng lưu loát.

Anh chủ tịch nói tiếp: "Chúng ta sẽ phải lựa chọn việc có một phòng lớn hay hai phòng nhỏ. Sàn nhà hình tròn có thể nâng cao lên để tạo thành hai không gian độc lập, hay hạ thấp xuống để thành một khu vực thật rộng. Mỗi chỗ ngồi của phòng hội họp sẽ bắt loa và dây nói, để mỗi người tham dự có thể liên lạc với cử tọa. Ngoài ra, những đô thị khác trên thế giới cũng có thể đồng thời nhìn thấy những gì xảy ra tại Hội Nghị Anugraha. Một màn ảnh sẽ cho thấy khuôn mặt của các vị diễn thuyết..."

Đến đây thì lũ sinh vật bé tí ăn mừng và tỏ sự vui mừng bằng cách điên cuồng nhảy múa trên tấm khăn trải bàn màu xanh lục bằng nỉ. Tuy thấy điều đó thật vui nhộn, nhưng tôi vô cùng lo lắng. Sự ham mê, tham vọng và ước muốn mình là kẻ đầu tiên dùng những kĩ thuật mới nhất có ưu tiên hơn những nhu cầu căn bản của trung tâm quốc tế chúng ta? Dự án đó là quá tham lam? Chi phí cho tất

cả những kĩ thuật thực nghiệm đó quá cao đối với những phương tiện của chúng ta? Tôi băn khoăn đến nỗi khi xong buổi họp, trong sự ngây ngô của mình, tôi đến gặp anh chủ tịch, anh là một bạn thân của tôi, để chia sẻ cùng anh những điều mình vừa ý thức được và sự lo lắng của mình.

"Đừng lo gì, Leonard, mọi chuyện đều tốt đẹp! Chúng ta hoàn toàn làm chủ được sức mạnh vật chất."

Anh tìm cách trấn an tôi khi phá lên cười. Lúc đó, tôi còn nhớ là đáng lí ra mình nên cầm miệng.

Một vài tháng sau, tôi đề cập tới cái chứng nghiệm đó và những thắc mắc trong đầu óc mình với anh Lambert Gibbs là kiến trúc sư. Anh đáp: "Ngộ thật anh nói tới điều đó. Nhiều lúc tôi cũng tự hỏi là có lẽ chúng ta đã quá tham lam đối với một vài phương diện của dự án."

Sự phát triển của dự án Anugraha là một con đường dài và khó đi, phần nhiều là do sự thiếu kinh nghiệm của những người trong cuộc. Chính tôi cũng là kẻ trong cuộc, và tôi đã học được nhiều về bản thân mình, về việc như thế nào sinh lực vật chất có một ảnh hưởng nhiều loạn tới toàn thể bản chất mình. Có nhiều vấn đề kĩ thuật trong lúc xây cất, khác với dự tính ban đầu, chi phí tăng đáng kể, và như vậy thì phải vay thêm tiền.

Cuối cùng, tòa nhà đã được sửa đổi lại cho đẹp, khách sạn và trung tâm hội họp trở thành hiện thực. Người ta lựa chọn một quản đốc cho khách sạn, vị đó lập nên một ê-kíp cộng sự viên, và dự án khai trương tốt đẹp.

Tuy ban quản lí làm việc đặc lực để điều hành trung tâm hội nghị, nhưng chẳng bao lâu ủy ban nhận thấy sự thu nhập của khách sạn và quán ăn thậm chí không đủ để trả cho tiền lãi vay mượn.

Một con yêu trông đẹp mắt đã sinh ra, và phải kiếm thêm tiền để nuôi sống nó. Nó càng lúc càng thấy đói thêm. Mấy vị giám đốc xin từ nhiệm, và mấy vị khác được đề cử, trong khi đó thì đường đi càng lúc càng trở nên gồ ghề thêm. Một vị giám đốc điều hành khác được lựa chọn, rồi một vài tuần sau ban giám đốc được cải

tổ để tạo thành một ê-kíp khác.

Hồi đó cuộc sống tôi đã đầy việc làm. Tuổi tôi đã 47, Melinda và tôi có một gia đình đông con cái gồm 7 mạng, và ngoài ra còn phải lo tới một tiệm đồ cổ đắt khách và một kinh doanh trang trí nội thất. Tôi cũng là một phụ tá quốc gia của nước Anh, nên hầu hết thời gian tôi đã bị tất cả những điều đó ràng buộc. Vị giám đốc điều hành mới thăm dò ý kiến tôi về việc gia nhập ban giám đốc. Sau khi hơi do dự, tôi chấp nhận và cho hay mình không thể làm việc trọn ngày, nhưng sẽ vui lòng đi dự tất cả các buổi họp để hết lòng hỗ trợ họ, mặc dù những ràng buộc khác của mình.

Trong 2 năm kế tiếp, từ đầu năm 1984 tới đầu năm 1986, tôi đi dự những buổi họp thường xuyên của ban giám đốc, và nhanh chóng hiểu được rằng tình hình cực kì bấp bênh. Phần lãi của tiền vay mượn vượt xa số thu nhập có thể xuất ra từ trung tâm hội nghị và khách sạn. Thực ra thì ban quản lí của khách sạn đã làm việc thật đặc lực, và 85% phòng ốc thường có người thuê, như vậy thì cao hơn mức trung bình có thể đạt được của bất cứ khách sạn nào. Nhưng ngay cả đạt được 100% thì cũng không đủ trả số tiền nợ càng lúc càng gia tăng.

Áp lực rất nặng, nhưng ê-kíp vẫn tận tụy làm việc ngày đêm để tìm kiếm phương cách đáp ứng tất cả các vấn đề đang nhanh chóng triển khai. Sau khi nghiên cứu tất cả các giải pháp và để ngăn chặn cơn xoáy kinh khiếp của món tiền nợ càng lúc càng gia tăng, chúng tôi đến cái kết luận không khiến vui là phải đem bán tài sản của mình. Sự nhận thấy đó khiến đau đớn vô cùng, vì nhiều hội viên Subud trên khắp thế giới đã đặt nhiều kỳ vọng vào cái dự án cao quý đó.

Một khách hàng người Scandinavia của tôi đã đề nghị chúng tôi tiếp xúc với một công ty đầu tư của Thụy Điển đang tìm kiếm những dự án tương tự để đầu tư. Ban giám đốc của Anugraha liên lạc với họ, và sau một vài tuần thương lượng, chúng tôi đi đến điều có vẻ là một đề nghị chấp nhận được. Họ sẽ mua tài sản của Anugraha Hotels Ltd, nhưng sẽ giữ ê-kíp làm việc điều hành khách sạn và trung tâm hội nghị, và cho phép hội viên Subud dùng nó để tổ chức những đại sự của họ. Đây là điều kiện đáng nói nhất của sự thỏa thuận: họ để cho chúng tôi quyền được mua lại bất động



sản trong từ 5 tới 8 năm. Nói cách khác, chúng tôi có thể tiếp tục dùng nó, trong khi điều đó cho chúng tôi thời gian cùng nhau tìm kiếm đường lối hành động và có khả năng mua lại nó sau này.

Ban giám đốc nhất trí chấp thuận đó là giải pháp tốt đẹp nhất, và trước khi cuộc thương lượng thông qua lần cuối, chúng tôi tổ chức một buổi họp bất thường gồm những người có cổ phần để giải thích cho họ sự quyết định của mình. Phần đông hội viên Subud, không chỉ ở Anh mà còn trên khắp thế giới, đã đem Anugraha vào đáy lòng họ. Tất cả chúng tôi đều yêu thích cái nơi chốn đó. Cao ốc và lối trang trí nội thất của nó rất đẹp, khu vườn chung quanh và những cây cối được trăm tuổi tạo cho nó một dáng vẻ oai nghiêm. Chúng tôi cảm thấy đó là trung tâm quốc tế của mình, tuy trên thực tế, về mặt tài chính, nó thuộc ngân hàng và một vài kẻ đầu tư giàu có.

Một ê-kíp đổi lập nhanh chóng tạo thành, khi họ nghe tin ủy ban quyết định bán Anugraha. Họ cảm thấy chúng tôi đã bỏ rơi hội viên Subud, và quyết tâm không để cho chúng tôi thông qua quyết định đem bán.

Vài tháng cuối cùng rất gay go; áp lực vật chất đối với ủy ban gia tăng và một hôm họ đi đến chỗ nhận thấy mình đã không cười trong 3 tháng! Mấy đứa con tôi để ý thấy trong lúc đó tóc tôi đã bạc và tôi không còn thường là một người cha vui vẻ. Thậm chí tôi còn thấy khó khăn có thể hoàn toàn buông thả trong latihan. Tôi cảm thấy như bị dính chặt trong mật đường dày đặc nhầy nhụa. Trong một cái latihan họ, tôi đứng trước một sức mạnh tiêu cực rất ác liệt và tự hỏi: "Mình có thể có thái độ nào tốt nhất để không bị con yêu tinh của sức mạnh vật chất nuốt mất?"

Tôi thấy mình đang trần truồng đứng, hai cánh tay dang ra, trông nhỏ xíu trước mặt một kẻ Khổng Lồ đang đứng khựng lại cách mình không bao xa. Tiếng hát mãnh liệt phát ra từ cổ họng và ngực tôi, ý thức của tôi trở nên rộng lớn hơn, đem tôi tới một không gian thanh bình, trong khi tôi cảm thấy có đầy ánh sáng. Ngay lúc đó tôi nhận thức được sự tham gia vào Anugraha của mình là do trái tim mình: sức mạnh vật chất đã bắt rết vào đó và lấy đi tất cả những gì là tốt đẹp của mình. Tôi bắt đầu cười, khi tình trạng đó không biết sao lại trở nên khôi hài. Tôi đứng trần

trường nơi đó trước mặt con quái vật kinh khiếp đó, và chỉ với sức nặng và quyền lực của nó, nó có thể bóp chết tôi như một con bọ chét tòi tẹt vô dụng, nhưng nó lại không làm thế và bắt đầu bị mục nát, khi nó càng lúc càng trở nên nhỏ bé hơn, trong khi tôi cảm thấy càng lúc càng nhẹ nhõm hơn. Toàn thể cái chứng nghiệm đó mất một khoảng thời gian, và khi xong latihan, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, trong sáng và thản nhiên đối với những trách nhiệm là giám đốc của Anugraha.

Tôi còn nhớ là mình đã cảm kích cái Nguồn Gốc Sự Sống mà Bapak đã đưa chúng tôi đến chỗ tiếp giao được. Tôi cảm thấy sự tiếp giao đó gần cận với mình. Nó không những xua đuổi những lo lắng và sợ hãi của tôi, mà còn nối kết mình trở lại với linh hồn mình. Trong 3 tháng nằm trong ban giám đốc, tôi đã không còn giao tiếp được với linh hồn mình: sự nhận thức của tôi chỉ nằm trong cái thế giới vật chất với tất cả những khó khăn và vấn đề rối rắm của nó.

Cảm thấy tươi tỉnh, như được sống lại, nhờ cái latihan đó, tôi có thể trông thấy nhiều hội viên Subud đã mắc phải điều có thể gọi là hội chứng thánh đường. Họ coi Anugraha như thánh đường của mình, và sẵn sàng cho tất cả những gì họ có, kể cả nhà cửa, để cố cứu vớt nó. Lòng nhiệt thành 'cứu vớt' Anugraha đã khiến họ mù quáng không nhìn thấy cái thực tế vật chất là nhà cửa mình có thể bị mất trong cái lỗ đen đã trở thành tiền nợ. Tôi cảm thấy buồn bã khi chứng kiến sự phân hóa xảy ra giữa chúng tôi. Thật đau đớn khi thấy một dự án ban đầu cao quý nhưng rồi lại khiến cho có nhiều hội viên Subud chống đối nhau.

Một buổi tối đã muộn nợ, sau một buổi họp khó khăn của ủy ban trong đó những vị tổ chức nhóm đối lập cũng đến họp để cố thuyết phục chúng tôi đừng tiến hành việc đem bán Anugraha, tôi vào tập latihan trong phòng lớn. Tôi cảm thấy nặng nề khi quỳ trên sàn nhà, trán đụng trên tấm thảm bằng len. Làm sao tình trạng hòa thuận giữa chúng tôi có thể bị xáo trộn? Làm sao họ không nhìn thấy được là tình thế đến chỗ khiến họ sẽ mất nhà cửa? Họ nói rằng sự thiếu đức tin của chúng ta đã tạo nên vấn đề, và nếu mọi người đem thế cả nhà cửa mình, thì chúng ta sẽ đủ sức mượn thêm tiền của ngân hàng, khiến cho dự án thành tựu.

Nhưng theo sự quan sát của mình, tôi biết rằng điều đó sẽ chỉ làm tăng thêm đau khổ và hỗn loạn giữa chúng ta.

Nước mắt chảy xuống má tôi trên chiếc thảm dày. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn không nối kết được với linh hồn mình và trở nên trong sự đau khổ của mình đơn cô, thấp kém và trống rỗng, hầu như không hít thở được, như đang trôi nổi trong một nơi chốn nhỏ bé, đen tối và chật hẹp. Sau khi có lẽ được 20 phút, tôi nhận thức được một sự hiện diện đang quỳ bên cạnh mình. Ban đầu thì không thể nhận thấy, một cảm giác yêu thương dịu dàng bắt đầu bao bọc con người tôi, đặc biệt chung quanh đầu và tim. Tôi từ từ mở cặp mắt nội tâm của mình và trông thấy một bàn tay rất lớn và sáng chói dịu dàng vuốt ve đầu mình, như đang nói: "Đừng cảm thấy lạc lõng, anh bạn, bạn không đơn độc..."

Ý thức của tôi nhẹ nhàng nối kết trở lại với linh hồn mình, và tôi dần dần bắt đầu cảm thấy được toàn diện lại. Tính hiếu kì cố hữu của mình khiến tôi theo dõi cái bàn tay lớn đó. Nó thuộc một sinh linh rất lớn và sáng ngời chiếm hết phòng tập latihan. Tôi cảm thấy một sự rung động siêu phàm trong lòng mình.

Đêm hôm đó khi tôi từ Anugraha lái xe về nhà thì đã muộn, cơn đau trong ngực, sự căng thẳng trong cổ họng và cái cảm giác buồn chán vì sự bất hòa giữa các hội viên Subud, hoàn toàn không còn nữa. Tôi cảm thấy ổn định và an bình khi lái xe trên con lộ M25.

Toàn thân tôi đầy sức sống và thực tại của những giây phút kì diệu trong đó cái bản ngã bên trong hòa giải với cái bên ngoài của mình. Tôi cho điều này là sự thật: mỗi cá nhân, khi nghe nói hay đọc một chữ, thì hiểu nó theo kinh nghiệm của chính mình. Thế nên, nếu dùng chữ viết để diễn tả, tôi chỉ nói cái bàn tay lớn đã âu yếm an ủi tôi là của một sinh linh trong cảnh giới siêu phàm của ý thức. Theo tôi hiểu, cái cảnh giới đặc biệt đó chỉ có thể đến được qua bản thân tôi, vì nó là thành phần của tất cả những gì là cái bên trong tâm linh của mình.

Cuối cùng đã đến ngày trọng đại của buổi họp giữa hai phe Anugraha, và chúng tôi hội họp trong phòng lớn. Hôm đó là một ngày đầu xuân thật đẹp có ánh nắng mặt trời, và nhiều người có

cổ phần cùng với những hội viên Subud khác đã đi dự. Anh giám đốc điều hành, cũng là chủ tịch của ban giám đốc, khai mạc buổi họp bằng cách giải thích tại sao ban giám đốc đã đi đến quyết định không được mọi người ưa thích là làm theo đề nghị của nhóm Thụy Điển. Từ cử tọa người ta nghe thấy những âm thanh của sự tức giận và thất vọng khi anh chủ tịch nói. Hiển nhiên sự quyết định của chúng tôi không thuyết phục được nhiều hội viên.

Anh thủ lĩnh của phe đối lập lên cầm máy vi âm. Với sự quyết tâm, cường điệu và tài hùng biện, anh cuối cùng lôi kéo được những kẻ có cổ phần vẫn còn do dự. Theo anh chỉ có một biện pháp duy nhất để cứu vớt Anugraha: "Chúng ta hãy coi cái dự án này như mình đang xây cất thánh đường của chính mình. Bằng cách đem nhà cửa mình để thế chân, chúng ta có thể mượn đủ tiền để thông qua dự án trung tâm quốc tế của mình..." Anh say sưa nói vì xúc động, và có tiếng vỗ tay om sòm khen ngợi.

Theo những gì xảy ra, hiển nhiên ban giám đốc hiện thời phải từ nhiệm, và đó là điều chúng tôi làm. Một ban giám đốc mới được thành lập từ những thành viên của phe đối lập. Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm lên cầm máy vi âm nói, để xác định một lần nữa, theo sự hiểu biết của mình, việc những con số trong sổ sách kế toán tuyệt đối cho chúng ta thấy nếu thế chân nhà cửa mình để mượn thêm tiền, thì những nhà cửa đó rất có nguy cơ bị mất, và điều này sẽ không giải quyết được vấn đề. Phe 'thánh đường' la lối om sòm tới nỗi tôi thấy như vậy là vô ích, nếu mình tìm cách giải thích thêm sự phân tích căn nguyên của mình, và tôi đưa máy vi âm cho một người khác lên nói.

Trong sự loạn xạ của buổi họp và lúc đang nói, tôi nhận thấy như thế nào mình trở nên an bình, thản nhiên và nhẹ nhõm. Ủy ban chúng tôi từ nhiệm, một ủy ban khác được thành lập và chấp thuận, phần đông mọi người trong cử tọa cảm thấy lại có hy vọng. Ủy ban chúng tôi đã làm theo những gì mình nghĩ là tốt đẹp nhất, một cách hoàn toàn chân thành và tận tâm. Ủy ban mới lên cầm cương để đem Anugraha tới chỗ họ mong là giải pháp tốt đẹp nhất, một cách cũng hoàn toàn chân thành và tận tâm. Anh giám đốc ủy ban chúng tôi còn làm việc trong một thời gian cho tới khi ủy ban mới nắm vững được tất cả những gì liên quan tới

kinh doanh, và học được cách dùng những cái đó để đáp ứng ước vọng họ.

Một vài năm sau, chúng tôi mất hẳn Anugraha, còn mỗi người trong chúng tôi, những ai đã dính líu tới dự án về mặt tình cảm và tài chánh, thì phải đối phó với vấn đề trong lòng mình. Tôi thành tâm mong cho mỗi người học được cái gì đó từ vụ đó cho sự phát triển tốt đẹp bên trong và bên ngoài mỗi cá nhân.

Cái chứng nghiệm có tác động đó dạy cho tôi học được nhiều điều về cách nhận diện và đối xử sự hoạt động của sức mạnh vật chất trong lòng mình, khiến cho cảm xúc và cách nhìn của mình không bị ảnh hưởng.

## 15. Sau khi Bapak ra đi, 1987

Tôi đôi khi tự hỏi cái thời kì sau khi Bapak mất sẽ ra sao đối với hội viên Subud khắp thế giới, những người đã chứng kiến sự hiện diện truyền cảm của Bapak trong hơn 30 năm. Trong đáy lòng mình, tôi cảm thấy tinh vi nối kết với Bapak, và luôn mong chờ những lúc Bapak đều đặn tới thăm nước Anh. Đối với nhiều người chúng tôi, ông đích thực là một người cha tâm linh luôn tử tế và rõ rệt giảng giải cho chúng tôi, khi có tình trạng rối rắm. Ông thường có những quyết định trọng đại liên quan tới cơ cấu của tổ chức chúng tôi, tới việc nơi nào tổ chức hội nghị thế giới kế tiếp. Ông lựa chọn vị chủ tịch thế giới, chấp thuận những phụ tá mới được bổ nhiệm, và làm trắc nghiệm chọn những phụ tá quốc tế mới cho 4 năm tiếp theo. Ông khuyến khích chúng tôi khởi công những kinh doanh lớn cũng như của tư nhân bằng cách lấy chính mình làm gương mẫu: ông đã đề xướng nhiều dự án lớn, trong đó một ngân hàng, một khách sạn và một cao ốc thương mại và kinh doanh tại Jakarta. Điều khá lạ lùng là khi Bapak mất, tôi cảm thấy vô cùng thanh thản và vui sướng trong lòng, tuy cái Tôi của mình muốn mình buồn phiền, như điều thường xảy ra, khi có ai đó mất một người mà mình rất thương mến. Chợt nhiên tôi cảm thấy như mình đã lớn lên, để thành một người lớn có trách nhiệm tâm linh. Theo một cách nào đó, sự nhận thức của tôi trở nên rộng lớn hơn, và cho tới nay, khi mạo hiểm vào cái không gian là nội tâm mình, tôi cảm thấy Bapak hiện diện gần mình.

Chính tại Anugraha chúng tôi tưởng nhớ sự qua đời của Bapak sau 100 ngày. Một vài vị trong ban tổ chức đến tiệm Leonard Lasalle Antiques Ltd để hỏi tôi có muốn hay không nói gì về cuộc đời của Bapak, lúc cuối buổi lễ. Một vị iman sẽ khai mạc, tiếp theo là một rabbi, rồi tới một tu sĩ của giáo phái Anh, và kế tiếp có lẽ là anh Sharif Horthy, một người cũng như tôi đã nhiều năm làm thư kí tư cho Bapak. Tôi chấp nhận yêu cầu đó, nhưng sau đó cảm thấy khá căng thẳng về những gì mình sẽ nói.

Vậy nên, trong hai tuần kế tiếp, mỗi lúc rảnh tôi dùng cho sự chuẩn bị những gì mình sẽ nói. Tôi nghĩ là mấy vị iman, rabbi và tu sĩ giáo hội Anh sẽ phụ trách phần tôn giáo và tâm linh với sự cầu kinh và vân vân. Còn về anh Sharif, tôi không biết anh sẽ nói gì, nhưng tôi nghĩ sẽ là điều liên quan tới vai trò làm thư kí cho Bapak của anh. Vậy nên, tôi chuẩn bị một dàn bài với những điểm chánh: bắt đầu tại Coombe Springs trong năm 1957, rồi khai triển chuyện hoạt động trong 30 năm kế tiếp của Bapak để truyền bá latihan trên khắp thế giới. Tôi cũng sẽ nói tới những dự án mà Bapak đã khởi công hay truyền húng cho chúng tôi khai triển.

Rút cuộc ngày tưởng nhớ đã đến. Tầng dưới và lầu một hình tròn của phòng hội nghị Anugraha đều hoàn toàn chật ních người. Tôi cố ý đến thật đúng giờ để tránh gặp bất cứ ai khiến mình lãng trí không tập trung được. Người ta yêu cầu tôi đứng sau bức màn che sân khấu phía bên phải của cử tọa, để đợi chờ tới phiên mình nói chuyện. Chỉ có 4 ghế ngồi, và người ta yêu cầu tôi ngồi trên ghế cuối. Ngạc nhiên, tôi hỏi: "Này, không có 5 người nói chuyện với cử tọa hay sao?" Anh Sharif đầu rôi?"

Câu trả lời thật ngắn gọn: "Bên Nam Dương, Leonard."

Tôi ngồi xuống và bình tĩnh đợi chờ tới phiên mình. Tất cả các ánh đèn đều đã tắt; chỉ còn duy nhất một đèn sân khấu là chiếu sáng bục nói chuyện. Mỗi vị đại diện cho tôn giáo mình đều là hội viên Subud, và tôi thích thú nghe những diễn văn theo nghi lễ của họ. Khi vị tu sĩ thuộc giáo hội Anh nói chuyện xong, tôi nghĩ, đây rồi, tới phiên mình, và đứng dậy...Tôi cảm thấy một bàn tay nhẹ nhàng đặt trên vai trái mình, và một vị trong ban tổ chức nói: "Không được, Leonard, anh Sharif trước hết, rồi tới phiên anh."

Trước khi tiếp xúc trở lại với chỗ mình ngồi, tôi nghe thấy giọng nói trong rõ dịu nhẹ của anh Sharif vang dội qua khắp phòng...Tôi đã không hay là anh chưa trở về từ Nam Dương, và những gì chúng tôi nghe thấy là sự thu âm diễn văn của anh lúc đám tang của Bapak 100 ngày trước đó. Khi anh nói, điều khiến tôi ngạc nhiên là những điều anh nói trùng hợp từng điểm một với diễn văn mà tôi đã cặn kẽ chuẩn bị. Thật không thể tưởng nổi. Có lẽ tôi gần cận với anh trong cảm xúc mình, như anh là một người ruột thịt, nên những gì anh nói tương tự với những điều tôi đã mất hai tuần để chuẩn bị. Tôi thích những gì anh nói, vì đó là những gì ứng với những điều chắc tôi sẽ nói...Nhưng bây giờ? Tôi có thể nói những gì đây?

Giọng nói thu âm của anh Sharif không còn nghe thấy nữa, và tới phiên tôi bước lên bục. Tôi cảm thấy căng thẳng, khi mình đứng trước một cử tọa mà mình không trông thấy được. Giữ chặt hai cạnh của bục, nhìn xuống phía cử tọa và cố làm cho nội tâm mình trở nên calm lặng, tôi chợt cảm thấy sự hiện diện an ủi của Bapak hoàn toàn bao lấy mình. Tôi nhìn lên trên và yên lòng trông thấy một Bapak to lớn có vẻ như đang chiếm hết không gian của phòng họp. Tôi nhìn Bapak và hỏi trong lòng mình: "Bapak, xin cho biết tôi sẽ nói những gì?"

Bapak mỉm cười và tôi nghe thấy giọng nói của ông: "Leonard, bạn cứ nói tới những chứng nghiệm của mình về latihan."

"Nhưng chứng nghiệm nào, Bapak?" tôi hỏi.

"Đấy, cái chứng nghiệm về các vị thiên sứ", Bapak mỉm cười nói. Một cách bất ngờ, Bapak hiện ra cũng như biến mất.

Kể từ đó, không còn gì nghi ngại nữa, tôi kể cho họ nghe về câu chuyện khó tin có các vị thiên sứ, như đã kể cho bạn, trên kia. Những lời nói tuôn ra dễ dàng khỏi miệng lưỡi mình, tôi có thể thấy mọi người trong cử tọa đồng nhất với mình, chăm chú nghe những gì nói và bị xúc động vì câu chuyện. Đó là lần đầu tiên tôi chia sẻ những thực tại tâm linh của mình với một cử tọa.

Đôi khi trong lúc tôi kể chuyện có một vài người khóc, vì bị xúc động như tôi bị lần đầu tiên. Gần lúc cuối chuyện, lúc có một tiếng

nỏ nhỏ của cái kretek của Bapak, mọi người lớn tiếng bật cười.

Có một sự im lặng dài lâu, thâm sâu sau khi tôi kể xong. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy được kết hợp trong một cảm xúc sâu sắc, an hòa và khiến suy tư.

Một vài người sau đó đến phía tôi, vì họ muốn cảm ơn việc tôi đã kể lại chuyện đó, điều rọi ánh sáng vào một thực tại mà họ tin nhưng bị che giấu. Một trong những người đó, một thầy tu dòng Tên, nói với tôi là ông đã lâu năm thắc mắc không biết Bapak thực sự là ai, và như thế nào đặt Bapak vào phôi cảnh của các vị thiên sứ trong Thánh Kinh. Sau khi nghe tôi kể chuyện, ông rõ rệt hiểu được sự thật tất cả các vị thiên sứ chỉ là một sinh linh tâm linh duy nhất, để giúp đỡ nhân loại trong những lúc khác nhau qua lịch sử tâm linh của con người. Bapak là hiện thân của họ, và đã đem latihan đến cho chúng ta, để chúng ta trực tiếp tiếp xúc với cội nguồn mình và nối kết với cái thực tại tâm linh của mỗi cá nhân, ông kết luận, trong khi tạ ơn tôi.



## E. Latihan trong những chuyến đi quốc tế

### 1. Lần đầu đến thăm Java

Tiếng rít động cơ phản lực của chiếc máy bay lên cao trên mây biến thành tiếng rừ rừ khiến yên tâm. Tôi hít thở thâm sâu, trong khi thả mình cho trôi theo những ý nghĩ của mình. Lúc đó là mùa thu năm 1970, và tôi quyết định dự tháng Ramadan tại Nam Dương, đúng ra là tại Cilandak, Jakarta, nơi ở của Bapak và gia đình, cùng với nhiều người bạn thân của tôi.

Trong vài năm qua, Melinda và tôi đã theo sự trai giới trong mỗi năm đó. Cả hai chúng tôi được lợi rất nhiều từ sự theo tập đó; nó có tác động ngăn chặn sự tuôn chảy náo động, say đắm và không bao giờ ngừng của cuộc sống. Tuy người Hồi giáo không trai giới trong lúc du hành, nhưng bởi không là người Hồi giáo - tôi không theo một đạo nào - nên tôi quyết định không để mất một ngày nào, khiến trai giới trọn vẹn được 30 ngày.

Đây là lần đầu tôi xa cách gia đình và là chuyến bay đầu tiên tới một nơi xa. Cảm thấy hoàn toàn an bình, đầu óc tôi nhẹ nhàng nghĩ về những hoạt động của những ngày vừa rồi; nhiều chuyện

đã làm xong trước khi tôi ra đi. Peter, một thanh niên tận tụy thích buôn bán đồ cổ, cùng với người thư kí tôi, sẽ mở cửa tiệm trong lúc tôi vắng mặt. Mẹ tôi, Olivia, cùng với Melinda, sẽ trông coi nhà cửa và săn sóc con cái.

Khi tôi nhắm mắt lại, có những tình cảm trĩu mẫn đối với vợ, mẹ và 6 đứa con mình trong lúc đó. Tính tình và dáng vẻ mỗi đứa đều khác nhau, chúng làm tôi nghĩ tới một bó hoa đại, mỗi cành hoa có cái đẹp đặc biệt của nó. Tôi mỉm cười, khi nhận thức của mình hướng tới bụng của Melinda, để ôm hôn cái thai số 7, đứa bé sinh ra trong tháng tư tiếp theo.

Tuy nhiên, trong tâm tôi, có một câu hỏi đáng lo: liệu ông Marcel sẽ còn sống cho tới khi tôi trở về? Ông Marcel Laroche vừa mới thành hôn với mẹ tôi, và đã từ Cannes tới ở với bà trong căn buồng trên cửa tiệm. Ông quá mập (hơn 120kg) và chỉ có một cái chân, điều khiến cho cái chân đó và tim ông làm việc nhiều hơn, khi ông leo lên lầu.

Trong hai trường hợp trong tháng vừa qua, tôi đã phải làm cho ông sống lại vì cơn bệnh tim dữ dội của ông. Mỗi lần điều đó xảy ra lúc tôi đang trong văn phòng mình, tôi cảm thấy trên lầu có chuyện gì quyết liệt đang xảy ra. Tôi vội chạy lên lầu, mỗi bước đi là hai bậc thang, và thấy ông trên ghế bành đang ngồi không thở được, mặt mày méo mó vì cơn đau của bệnh tim. Trước tiên, tôi nắm lấy cườm tay ông, đều đặn đưa ông lên và mang ông xuống, rồi làm việc bơm tim ông với hai nắm tay mình. Việc làm đó có hiệu quả. Ông không nhớ là mình đã bất tỉnh, và tỏ vẻ ngạc nhiên khi tôi cho ông hay chuyện gì đã xảy ra. Vì biết cả mẹ tôi lẫn Melinda không đủ sức làm ông hồi sinh, tôi tự hỏi không biết ông sẽ còn sống hay không khi tôi trở về.

Tin tưởng mình đã để lại trách nhiệm của mình một cách tốt đẹp nhất mình có thể mong muốn, tôi cảm thấy hết sức thư thái trong một tình trạng nửa tỉnh nửa mơ.

Máy bay chúng tôi đậu tại Rimini, Dubai, Karachi và Calcutta để bổ sung nhiên liệu, và cuối cùng là Kuala Lumpur là nơi từ đó tôi lấy một máy bay khác tới Jakarta. Từ phi trường Luton, chuyển bay đó mất 36 tiếng, và tôi cảm thấy khá mệt mỏi, khi cuối cùng

chúng tôi đáp xuống phi trường Jakarta nóng nực và ẩm ướt.

Cilandak như một ngôi làng nhỏ, nơi mọi người đều tập latihan, khiến nơi chốn đó có một không khí rất đặc biệt. Đến khu vực của Subud như bước vào một không gian quen thuộc. Tôi lập tức cảm thấy như ở nhà, và được những khuôn mặt tươi cười chào đón mình. Trước khi đến thăm những người bạn từ Âu Châu và Hoa Kỳ thường trực sống tại đó của mình, tôi đi tới văn phòng Subud quốc tế, để được ghi vào sổ sách là mình đã đến và tìm coi mình sẽ ở đâu. Khoảng 50 tới 60 người từ những nơi khác nhau trên khắp thế giới đã đến để dự Ramadan tại Cilandak. Văn phòng bận rộn ghi vào sổ sách những người mới đến và chỉ dẫn họ tới những nơi chốn của họ.

Cuộc sống tại Cilandak trong lúc trai giới hầu như xảy ra ban đêm, vì sau một bữa ăn nhẹ lúc khoảng 6 giờ rưỡi chiều, phần đông chúng tôi thường thức khuya cho tới lúc ăn sáng, và đó là từ 3 giờ rưỡi cho tới 4 giờ rưỡi sáng khi bắt đầu bình minh. Trước kia khi theo trai giới, tôi luôn phải lo tới gia đình và công việc hằng ngày của mình. Nhưng ở đây, khi xa nhà, tất cả thời giờ đều thuộc về tôi.

Sau khi ngủ 3 hay 4 tiếng, tôi thường thức dậy để đi dạo ngoài đồng quê, mang theo giấy vẽ và một hộp sơn nước. Tất cả đều mới lạ với tôi: các động vật, những con trâu, dân địa phương và làng mạc họ. Thấy chính mình trong một đất nước mình không thể dùng ngôn từ để giao tiếp, mà chỉ với bàn tay, nụ cười và sự diễn cảm, là một trải nghiệm mới với tôi. Đôi khi để người ta hiểu mình rõ hơn, tôi thường nhanh chóng vẽ sơ lược trên giấy, điều làm vui cười đám trẻ con hình như thường trực có chung quanh.

Năm tới Hội Nghị Subud Thế Giới sẽ tổ chức tại Cilandak, và người ta đã bắt đầu xây cất một phòng tập latihan lớn. Trong lúc đó, chúng tôi tập latihan trong một tòa nhà khá rộng xây cất rẻ tiền vài năm trước đó.

Điều này thật bất thường, khi không bị áp lực của thời gian và bốn phận: tôi phải làm chuyện này, tôi phải làm chuyện nọ, như mình dưới quyền chỉ huy của thế giới vật chất. Nên một khoảng thời gian sau bữa ăn tối, tôi thường coi điều này là kì diệu, khi

vào phòng tập latihan để hoàn toàn buông thả, vì biết rằng mình không phải trở về bất cứ đâu vì bất cứ chuyện gì. Tôi chỉ việc để cho latihan tự do tuôn ra và tiến triển cho tới khi nó đạt tới một tình trạng khiến tôi cảm thấy vô cùng an vui, để cho tôi hay là xong rồi.

Ngày thứ 19 của trai giới, latihan khiến tôi trải qua một chứng nghiệm bất thường, trong đó sự nhận thức của tôi đạt tới một kích thước tâm linh không chỉ của cái không gian thể chất của mình, mà còn đem tôi tới một thực tại của vũ trụ. Đang ngồi hai chân xếp lại dưới cơ thể mình, cẳng tay và bàn tay đặt trên đầu gối, tôi nghe thấy những tiếng rảng rặc, như có một hơi gió mạnh bởi một cái gì đang bốc cháy.

Tôi mở mắt ra để coi xem, thì thấy phòng tập latihan không có lửa. Được trấn an, tôi nhắm mắt lại một lần nữa, và nhìn vào trong lòng mình: tôi nhận thức được thực ra lửa đang cháy trong đầu mình. Những ngọn lửa màu xanh phát ra những tiếng rảng rặc trong một căn buồng đóng kín hình tròn màu đỏ đậm: tôi nằm bên trong sọ mình, và cảm thấy thực ra những ngọn lửa đó đang lọc sạch cái trí tuệ dùng tư tưởng của mình. Phần trên của cơ thể tôi nhẹ nhàng lắc lư theo sự chuyển động vòng tròn của những ngọn lửa trong đầu mình. Tôi cảm thấy thật đau đớn, tuy cường độ của lửa không đụng tới mình. Sau một thời gian, như không còn nhiên liệu để nuôi dưỡng, ngọn lửa dần dần chết đi, đem theo nó những tiếng rảng rặc cùng với cơn đau của tôi.

Tôi cảm thấy êm dịu trong sọ mình, một sự sáng khoái mát mẻ. Nằm trong nơi chứa đựng là linh hồn, sự nhận thức của tôi bay lượn bên ngoài cơ thể mình. Tôi có thể trông thấy, ở phía dưới, cơ thể mình đang quỳ trên sàn nhà của căn phòng rộng, nơi vẫn còn một vài người khác đang tập latihan. Kế đến, tôi cảm thấy linh hồn mình bành trướng, và khi điều đó xảy ra, tôi đứng trên phòng tập latihan, và trông thấy toàn bộ khu vực của Subud với những ánh đèn lấp lánh của nó. Vì sự nhận thức của tôi trở nên lớn hơn, tôi trông thấy, như từ nơi một khí cầu, toàn bộ Jakarta với các vùng lân cận. Tôi vẫn còn bành trướng, và tuân theo sự cần phải nhìn lên trên là bầu trời.

Tâm linh tôi dần dần nhận thức được việc mình đang nằm giữa đôi

chân to lớn của Bapak, và đồng thời tôi cũng ý thức được sự sống phía dưới mình. Cảm thấy rất mạnh một tình thương hình như xuất phát từ Bapak, linh hồn tôi đạt tới một trình độ của ý thức mà tôi hầu như không chứa nổi. Tôi đến gần nơi đôi chân gắn liền với cơ thể, và biết rằng mình không thể đi xa hơn nữa, vì chỗ chứa đựng của tôi chưa phát triển đủ để chứa thêm ý thức của mình. Tôi nhận thức được phía trên là phần còn lại của cơ thể tâm linh của Bapak đang biến mất ra ngoài Ngân Hà...

Tôi phải mất một khoảng thời gian mới trở về được với cái bản ngã thể chất mình. Latihan tôi hết một cách yên lặng, tôi đứng lên và chậm chạp bước ra phòng tập. Cái chứng nghiệm đó rất có tác động, và dù cảm thấy cực kì thoải mái và tỉnh táo, tôi thấy như mình không muốn gần bất cứ ai, nên tôi đi dạo trong ban đêm thiếu ánh trăng, trên những lối đi chật hẹp của các khu vườn, nơi đây đặc mùi thơm ngát của vùng nhiệt đới. Tôi khóc, không vì buồn, mà vì điều gì như sự pha trộn của sự vui mừng với sự tôn kính và cảm kích. Tôi đã ý thức được kích thước tâm linh của Bapak.

Chỉ nhiều năm sau tôi mới hiểu được ý nghĩa của cái chứng nghiệm đó. Những ngọn lửa xanh dữ dội cháy trong sọ tôi như một sự thanh lọc của trí óc tôi, cái trí óc dần dần thành một công cụ vâng lời linh hồn tôi nhiều hơn, thay vì là nhân viên của dục vọng và ham muốn, như từng là một món vật trong hầu hết cuộc đời tôi cho tới khi đó.

Tuy trông thấy cái cơ thể của xác thân Bapak khi mình đi ngang qua Bapak trong khu vực của Subud, nhưng trong lòng mình tôi hiểu được rằng ý thức rộng lớn của Bapak vượt xa Ngân Hà đến được những nơi rộng hơn của vũ trụ.

Sau 30 ngày trai giới, tôi ở lại Cilandak thêm một tuần nữa, trước khi bắt đầu cuộc hành trình dài lâu trở về phi trường Luton. Tuyết trắng bao phủ nước Anh, và tuy ban đêm, chúng tôi không trông thấy được những ánh sáng lấp lánh. Người ta yêu cầu máy bay chúng tôi bay vòng quanh trên phi trường không ánh đèn hơn một tiếng đồng hồ, trước khi nó được phép đáp xuống. Hai hàng ánh sáng màu vàng nhỏ bé lấp lánh trên mặt đất phía dưới, trước khi máy bay bắt đầu hạ cánh. Vì sự tổng đình công của nhà máy điện,

nên toàn thể đất nước hoàn toàn chìm trong bóng tối.

Có nhiều chuyện để kể cho gia đình nghe và những món quà để phân phát khi tôi về tới nhà. Bị cơn hành hạ lần thứ ba của bệnh tim, ông Marcel đã qua đời. Melinda và mẹ tôi đã phải xử lý vấn đề gửi xác chết của ông về Cannes là nơi sẽ có đám tang.

## 2. Những thay đổi trong trách nhiệm tâm linh

Vì số người tập latihan trên khắp thế giới gia tăng, Bapak cảm thấy cần phải tạo cho Subud có hình thức đơn sơ của một tổ chức. Trước hết là để đáp ứng những nhu cầu vật chất; đó là phòng tập latihan và việc chi tiền cho những hội viên có chức vụ quốc tế khi họ du hành. Chúng tôi cũng cần phải tổ chức những hội nghị thời kì là 4 năm. Kế đến, để cân bằng vật chất và tâm linh, Bapak cần sự trợ giúp của những hội viên nhiều kinh nghiệm, để truyền bá lối tu tập của latihan tới khắp nơi trên thế giới, nếu được yêu cầu.

Bapak gọi họ là Phụ Tá Quốc Tế, và mỗi 4 năm tại hội nghị thế giới những phụ tá mới sẽ được lựa chọn qua trắc nghiệm bởi các phụ tá quốc tế hết nhiệm kì. Sự lựa chọn một vị chủ tịch của Hội Đồng Quốc Tế cũng được hợp thức hóa y như vậy. Nên mỗi chu kì tất cả các hội viên với trách vụ quốc tế sẽ được hoàn toàn thay thế. Điều đó sẽ tránh tạo nên một hệ thống cấp bậc trong lòng tổ chức.

Tôi nghĩ trước kia mình đã đề cập tới việc latihan là một chứng nghiệm không lặp đi lặp lại, và mỗi lần theo tập, tôi trải qua điều gì đó khác biệt. Thường thì đó là trường hợp của những điều nghiệm được trong latihan là sự chuẩn bị cho những gì sắp xảy ra với mình.

Giữa thập niên 80, trong lúc đang tập latihan với một vài người khác tại Tunbridge Wells, tôi chợt nhận thức được mình đang đứng dưới đáy một đại dương mênh mông. Mắt tôi trên mặt biển có thể trông thấy phía trên là bầu trời vô tận, cũng như phía dưới là sự tươi mát của màu xanh lam và lục nhạt. Tôi cảm thấy một nhịp điệu thâm sâu đập nhẹ nhàng, như đại dương đang hít thở, khiến cho các tảo bẹ chạy dài ra tới ánh sáng mặt biển cũng nguy nga lắc lư trong sự đồng âm. Khoảng hai năm sau, tôi hiểu được ý nghĩa của điều đó qua một chuyện bất thường và ấn tượng khác.

Hồi đó, tôi thuộc một ê-kíp phụ tá quốc gia của Anh. Trước đó, tôi đã từng lãnh cái trách vụ đó, và hiểu rằng như vậy nghĩa là phải hy sinh một chút thời gian của mình cho cái nhiệm vụ đó. Điều đó đáng làm, vì nó mở rộng lĩnh vực kinh nghiệm của mình trong sự đối phó với khía cạnh con người và tâm linh của cuộc sống. Tôi cũng được dịp vui thú làm việc chung với một ê-kíp khác đại diện cho những nơi khác nhau của England, Scotland và Wales. Ê-kíp đó gồm số nam và nữ bằng nhau, dù là phụ tá quốc gia hay quốc tế.

Bapak quý mến của chúng tôi đã qua đời trong năm 1987, và Hội Nghị Thế Giới kế tiếp sẽ tại Sydney đầu năm 1989. Đó là Hội Nghị Thế Giới đầu tiên thiếu sự hiện diện bằng xương thịt của Bapak, và tất cả chúng tôi đều tự hỏi điều đó sẽ ra sao. Thật không dễ kiếm được những người muốn lãnh trách nhiệm thành phụ tá; tôi nhiều lần được đề nghị nhưng đã thoái thác vì công việc tại tiệm buôn mình và thời giờ không có là bao cho gia đình đồng đảo của mình. Melinda và tôi quyết định đi dự Hội Nghị Thế Giới Thứ 9, và cùng đi với chúng tôi là 4 người con: Lucianne, đứa lớn nhất, Richard, Hernas và Dahlan, kể cả đứa bé 9 tháng của Lucianne là Liora.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi có mặt tại một phần của Nam Bán Cầu, nơi sự mát mẻ của không khí, cơn nóng thiêu đốt của mặt trời và sự đa dạng lạ thường của hệ thực vật khiến vui vẻ. Ước ao được thưởng ngoạn Thái Bình Dương là nơi vẫn còn xa lạ với mình, một vài người chúng tôi quyết định đến bãi biển lúc cuối buổi sáng của ngày tiếp theo ngày chúng tôi tới.

Đi xe vào một vùng đồng cỏ nhỏ bé xanh tươi có lác đác những cây thông khổng lồ dẫn tới một bãi biển màu trắng rực rỡ, tôi thấy quang cảnh thật nguy nga. Âm thanh sâu sắc du dương của những gợn sóng cuốn tới rồi rút ra chiếm đoạt tất cả cái không gian khả thính. Một người cứu đắm da màu đồng đỏ, chân được sóng biển mơn trớn, mũ bê-rê bằng cao su màu đỏ trên bộ tóc vàng hoe, chăm chú quan sát những kẻ đang bơi tắm. Không cùng chung với những người nữ, Hermes và tôi đem theo đồ đạc vô tư đi tới phía thật xa bên phải, nơi bãi biển vắng người. Nóng lòng muốn bắt gặp mặt biển màu xanh lục nhạt trông đẹp mắt, cả hai

chúng tôi nhảy lao đầu xuống đợt sóng cuộn cuộn trước khi nó tan vỡ trên mặt cát. Cái cảm giác mát mẻ tức khắc của nước biển bao quanh cơ thể nóng bỏng của chúng tôi là điều thật thú vị. Tôi chợt nhận thấy là tuy chúng tôi chỉ gần ngay bãi biển, nhưng chân tôi không đụng tới dưới đáy, và những sóng ngầm mạnh mẽ đã đưa chúng tôi ra khơi. Tôi nâng đầu lên khỏi mặt nước và tự hỏi mình có thể trông thấy con trai mình không... Có, nó đang đằng kia, xa hơn, hình như đang vui thú trôi nổi trên lưng. Khi bơi về hướng đó, tôi cảm thấy chân mình bị kéo xuống, và cần phải gắng sức nhiều hơn lúc thường để giữ cho mình gần mặt biển.

Hermas lúc đó gần tôi và tôi hỏi: "Có sao không?"

Nó mỉm cười và bình tĩnh đáp: "Không sao, nhưng không hiểu sao con cảm thấy khá mệt mỏi. Con quay về".

Khi đem cơ thể mình về bãi biển, chúng tôi nhận thấy nó có vẻ thật xa xôi. Tôi cũng cảm thấy khá mệt mỏi, vì sự cực nhọc của việc chống cự cho không bị kéo xuống dưới của mình. Tôi còn nhớ là mình đã nghĩ tới chuyện mà một anh bạn Nam Dương đã kể cho mình, là Nữ Hoàng Nam Hải thích kéo chân những người đàn ông, để đem họ tới Vương quốc dưới đáy biển của mình. Tuy bà hoàng đó có trẻ đẹp mấy đi nữa, nhưng cái ý nghĩ mình bị kéo xuống dưới thì không chút nào thú vị, nên tôi xua đuổi nó khỏi đầu óc mình để tập trung vào sự bò lê trở về của mình.

Tôi bắt đầu cảm thấy thực sự mệt yếu. Cơ thể tôi có vẻ như không muốn trôi nổi nữa. Tôi chỉ có thể hít một chút hơi, nhưng không đủ để thích đáng nuôi dưỡng cơ thể mình với khí Oxy mà nó cần. Tôi cảm thấy lo lắng cho con trai mình và tự hỏi không biết nó đang ở đâu, và cho vợ con trên bãi biển, chắc họ cũng tự hỏi chúng tôi đang ở đâu. Cảm thấy mình có thể thua bại trong cuộc chiến để sống còn, tôi hỏi Đấng Tạo Hóa trong bản chất mình: "Đó là điều Ngài muốn? Cho tôi lặn lội tới tận nước Úc để bị chết chìm?"

Tôi tức khắc nhận được sự trả lời một cách thật rõ rệt: "Không đâu! Người chỉ việc nhận lãnh trách nhiệm làm Phụ Tá Quốc Tế."

Tôi cảm thấy như bị hăm dọa để làm tiên. "Ý Ngài muốn nói là nếu không chấp nhận, tôi sẽ chìm ngay xuống vương quốc màu xanh



của Nữ Hoàng Nam Hải?”

“Chuyện đó là sự lựa chọn của người. Người phải quyết định”.

Tôi chưa từng cảm thấy cơ thể mình yếu đuối đến như vậy, điều đó như là cổ, cánh tay, chân và cơ thể mình đã mất hết sức lực. Tôi nghĩ: “Làm sao mình về được khi không còn sức?” Trong lòng mình, tôi thương lượng: “Thôi được, tôi chấp nhận, nhưng Ngài phải đem con trai tôi và tôi an toàn tới bãi biển!” Tôi mặc cả như vậy.

Sự chiến đấu cuối cùng do trí óc hơn do cơ thể, tôi có thể thò đầu ra khỏi mặt nước để tìm kiếm Hermas... Hay quá, nó ngay phía sau tôi, không xa lắm, và cũng chỉ có thể bơi nổi. Từ ngoài khơi, cách ba làn sóng, tôi trông thấy một cơn sóng lớn cuộn cuộn lao tới phía chúng tôi. Tôi la lên: “Sắp có một đợt sóng lớn. Coi kìa! Mau lên, chúng ta dùng nó đem mình về bãi biển!”

Cảm thấy năng lực mạnh mẽ của làn sóng nguy nga lôi kéo mình theo nó, tôi có đủ sức để bơi chèo theo. Điều làm cho tôi thật khuây khỏa là mình nhận thấy đứa con trai yêu dấu của mình cũng được lợi nhờ sự chở kéo đi kì diệu đó. Trong sự bắn tóe dữ dội của nước biển, cơ thể kiệt quệ của chúng tôi, như những tảo biển chói lọi thiếu sự sống, được an toàn đem về bãi cát ẩm ướt.

Chúng tôi nằm đó, không đi đâu khác được vì quá mệt mỏi. Tôi mở mắt ra trông thấy Hermes cách mình một vài phân đang nhìn mình. Nó tươi cười nhìn tôi và uể oải nói: “Không sao chứ, bố? Xém chút nữa là tiêu luôn, phải không bố?” Tôi đồng ý gật đầu và nói cho nó hay về thỏa ước của mình với Tạo Hóa: tôi sẽ đề nghị tên mình ra làm Phụ Tá Quốc Tế.

Khi hồi phục đủ sức lực để trở về chỗ chúng tôi tụ tập trên bãi biển, tôi cho Melinda và Lucianne hay về sự quyết định của mình. Phản ứng của Melinda là: “Thế thì hay quá, em luôn cảm thấy anh nên đưa tên mình ra.”

Chúng tôi đi xe về Đại Học Sydney là nơi có Hội Nghị. Chúng tôi tới hơi trễ cho xuất latihan 6 giờ chiều của phái nam, và khi đến gần phòng tập, tôi đã có thể nghe thấy đang bắt đầu tập latihan.

Tôi cởi dép ra và bước vào cái phòng tập thể dục rộng lớn đó. Có đầy nhóc người, mỗi người đều nhắm mắt, độc lập thả lỏng theo những cử động của linh hồn. Chắc phải có tối thiểu là 500 hay 600 mạng. Tôi len lỏi qua một nơi thật xa, chỗ có một cái bục bằng gỗ nhỏ bé trên đó tôi đứng để có thêm một chút không gian. Tôi đặt dép dựa vào tường và quay mình về phía phòng tập rộng lớn trong một trạng thái hoàn toàn an bình và chú tâm. Tôi nghe thấy những âm thanh chói tai của những người nam đang tập latihan, và điều đó khiến tôi nhớ tới âm thanh của đại dương. Tôi để cho nó đu đưa mình.

Tôi nhớ tới cái chứng nghiệm mình có tại Tunbridge Wells, khi đứng trước đại dương mênh mênh. Mắt tôi từ từ tự động mở ra. Từ cái bục nơi mình đứng, tôi có thể trông thấy những người nam có vẻ như đang chuyển động, như những tảo bẹ và vật sống của đại dương đang đáp ứng những sóng ngầm thâm sâu. Tôi cảm thấy thương mến và đồng nhất với họ, đồng thời cũng nhận thức được sự duy nhất của nhân loại. Tất cả những người nam đó, mỗi người mỗi cá tính, người này khác người kia, đã trở thành một toàn thể duy nhất hài hòa. Như được một người chỉ huy vô hình điều phối, mỗi cá nhân trong phòng đi đến đoạn cuối của latihan, và kể đến là một sự im lặng thâm sâu và cung kính.

Tôi đi đến nhóm phụ tá quốc tế đang lặng lẽ trò chuyện, tươi cười chào họ nói: "Nếu các anh thiếu ứng viên, tôi vui lòng cho tên mình vào danh sách." Ngay buổi tối đó, sau một cái latihan ngắn, trải nghiệm xác nhận tôi thích đáng nhận lãnh bốn phần Phụ Tá Quốc Tế trong 4 năm kế tiếp.

### 3. Cái latihan đầu tiên của anh Janusz trong một gác mái ở Warsaw.

Ê-kíp hoạt động của chúng tôi gồm 6 mạng - 3 nam và 3 nữ - thể giới được chia thành 3 khu vực: Á Châu, Đông Nam Á và Thái Bình Dương kể cả Úc và Tân Tây Lan; Âu Châu và Phi Châu, kể cả Trung Đông; Nam và Bắc Mỹ. Tổng cộng là 18 Phụ Tá Quốc Tế có nhiệm vụ thăm viếng những nhóm và hội viên cô lập của 9 vùng đó.

Khu vực của chúng tôi, Khu Vực Hai, bao gồm Tây Âu, Trung Đông,

Đông Âu, kể cả những phần trước kia của Liên Xô và toàn bộ Phi Châu. Ba người nữ làm việc chung với chúng tôi gồm Lusiyah Bassi là người Italy, Rosalind Williams và Karadiyah Gardiner là người Anh. Những người nam, ngoài tôi ra, gồm Reibrand Visman là người Hà Lan và Dr. Hernando Cacho là người Tây Ban Nha.

Trong 4 năm kế tiếp, 6 người chúng tôi gặp gỡ nhau mỗi năm hai lần, để tổ chức những chuyện sẽ làm cho 6 tháng sắp tới. Đó luôn là lúc vui thú để cùng nhau chia sẻ những chuyện về nơi nào mình đã đến, và những ai mình đã gặp. Nơi nào một người trong chúng tôi sẽ đến luôn là điều được quyết định qua trắc nghiệm. Từ cái vị trí yên tĩnh đó, mỗi người chúng tôi rõ rệt tiếp nhận được nên hay không nên đến thăm một quốc gia nào đó. Điều thú vị là trông thấy sự tiếp nhận của chúng tôi được hài hòa như thế nào, và như thế nào nó thường thích ứng với những gì mà 3 đồng nghiệp phái nữ đã tiếp nhận được, vì nam và nữ làm trắc nghiệm trong những phòng tập khác nhau.

Một trong những quốc gia đầu tiên mà ê-kíp Phụ Tá Quốc Tế mới mẻ đến thăm là Ba Lan. Chuyến đi của chị Kadariyah và tôi là hai tuần. Chúng tôi lấy máy bay tới Warsaw, nơi anh Daniel Holt, một hội viên lâu đời, đón chúng tôi và đem chúng tôi tới ở với chị Anna Szeliska, một người đã nhiều năm tập latihan. Hội viên Subud Ba Lan dưới sự thống trị quyền uy của Liên Xô và cộng sản đã học được cách, vì an ninh cho mỗi cá nhân, không liên lạc với nhau. Hậu quả là hầu hết các hội viên trong thành phố không biết tới sự hiện diện của chúng tôi. Tuy nhiên chúng tôi có thể tụ tập hơn chục hội viên và tập latihan cùng họ. Chúng tôi cũng cho họ hay dự tính của mình đi thăm những đô thị và thành phố Gdansk, Grudziad, Olsztyn và Torun, nơi những hội cô lập và những người muốn tìm hiểu đang mong đợi chúng tôi.

Ba Lan mới được giải phóng khỏi sự kìm kẹp áp bức của người Nga, phương tiện vận chuyển khó tổ chức được, nên chúng tôi quyết định thuê một người lái xe tắc xi không những chỉ đưa chúng tôi đi nơi này nơi kia, mà còn làm thông ngôn cho mình. Ngày hôm sau chúng tôi gặp anh Kasimir và chiếc Mercedes cũ kĩ của anh. Chúng tôi lập tức mến anh và thương lượng giá cả cho nguyên một ngày ở Ba Lan; anh sẽ đưa chúng tôi đến tất cả

những nơi chúng tôi cần phải đi thăm và thông ngôn cho chúng tôi khi cần thiết. Kasimir là người gần 50 tuổi. Cơ thể cường tráng và giọng nói thấp bé của anh khiến ta cảm thấy được che chở, và chẳng bao lâu chúng tôi nhận thấy anh là một người cực kì nhã nhặn và hiểu biết. Tiếng Anh rất khá của anh khiến chúng tôi có thể thoải mái hiểu nhau. Anh nhanh chóng hiểu biết về Subud, latihan và mục tiêu thăm viếng của chúng tôi.

Ở Warsaw thật khó tìm được một nơi chốn đủ rộng để tập latihan nhóm. Một hội viên tên Natasha, một người sống nơi ngoại vi thành phố rộng lớn đó, đề nghị cho chúng tôi dùng căn phòng gác mái của chị. Anh Ryszard, người hồi đó làm hội trưởng Subud Ba Lan, đi cùng chúng tôi. Chúng tôi đậu xe nơi một đường vòng, đi bộ tới một tòa nhà màu giữa hơi đỏ và xám và cùng nhau đứng chung quanh nơi ra vào, trong khi chị Natasha tìm kiếm những chìa khóa của mình. Có một tiếng sập mạnh nơi bên kia đường, như tiếng của xe hơi trăm trọng đụng vào nhau, và anh Kasimir đi qua đó điều tra, trong khi chúng tôi lên lầu năm để hội họp và tập latihan. Căn phòng gác mái nhỏ bé hơn theo sự dự trước của chúng tôi. Anh Ryszard và tôi được dẫn vào một gác mái đầy bụi dùng làm kho chứa đồ, trong khi 8 người nữ dùng căn phòng cho một người ở cho việc tập latihan.

Độ dốc rất cao của mái nhà chỉ cho chỗ đứng của chúng tôi được không đầy một mét, trước khi đầu chúng tôi đụng vào những xà nhà đầy mạng nhện. Chúng tôi cất dọn một vài hộp cũ kĩ bụi bặm bằng các-tông để tạo thêm cho mình một chút không gian, và khi tôi cúi xuống, mắt mình ngạc nhiên để ý thấy một binh phục cũ xưa của quân đội Đức và một nón sắt bị bỏ quên nằm đó, có lẽ từ Thế Chiến Thứ Hai.

Tôi nhìn anh Ryard, và cả hai chúng tôi cùng nhau trao đổi những nụ cười hơi méo mó. Chúng tôi đứng đó cho tới khi lòng mình hoàn toàn yên tĩnh, rồi bắt đầu tập latihan. Điều đầu tiên tôi để ý tới là âm thanh ngoài đường có vẻ như vang dội dưới những ngói vẩy cá của mái nhà và cái mùi mốc lạ lùng của nơi chốn. Tôi đi sâu vào bản chất mình, và những tiếng hát bắt đầu tuôn ra từ ngực mình. Những tiếng hát nghe như những điệu ca cổ xưa của vùng Bắc Âu đó đem tôi tới tận một cảnh giới của sự nhạy cảm tinh

luyện. Điều đó kéo dài một khoảng thời gian, cho tới khi tôi cảm thấy như có ai đó đang kêu gọi sự chú ý của mình.

Tôi từ từ mở cặp mắt nội tâm mình ra và trông thấy, như mình đang nhìn xuống phía dưới xuyên qua mái nhà của gác mái, một thanh niên tóc vàng hoe, trần truồng, đầu cúi xuống, trông vô cùng bối rối. Anh ngồi trên hàng rào chắn song của một phần đường đi hai chiều, khuỷu tay dựa trên đầu gối. Ngạc nhiên, tôi nhìn xa hơn trên đường và trông thấy cơ thể trẻ trung nát bầy của anh nằm giữa đường trên một vũng máu. Có 3 người phụ giúp công việc y tế đắp lên cơ thể anh một chiếc mền dày màu xám. Những gì còn lại của chiếc xe gắn máy bị tháo dỡ hết các trang bị của anh nằm troi trên đường.

Tôi đứng gần người thanh niên đó và dịu dàng hỏi tên anh. "Janusz Petrovsky. Bây giờ tôi làm gì được đây? Cơ thể tôi đã nát bét, không còn gì nữa", anh đáp khi ngừng cái đầu đẹp mã của anh lên nhìn tôi với đôi mắt rộng, màu xanh nhạt. Khi nhìn khuôn mặt anh, tôi hiểu được ngay tất cả thân thể anh, anh là hạng người nào, cha mẹ anh là ai với sự gắn bó nồng nàn với đứa con trai duy nhất của họ, một sinh viên đại học kiến trúc. Tôi cũng được cho biết về toàn thể chân tính anh và cảm thấy thương mến anh cùng gia đình anh.

Tôi nói một cách khuyến khích: "Anh có muốn tập latihan để thả linh hồn mình đi, khiến anh có thể thoải mái đi trên con đường tâm linh của mình?"

Janusz đáp: "Có chứ, tôi muốn".

Tôi trở về gác mái. Latihan của anh Ryszard đang trong trạng thái thâm sâu và yên tĩnh, tôi khẽ gọi tên anh. Anh dò hỏi nhìn tôi, hơi ngạc nhiên vì thông thường thì không được làm ngưng tập latihan của bất cứ ai.

"Không sao chứ, nếu anh cùng tôi tập latihan với một thanh niên vừa mới chết vì tai nạn xe cộ dưới kia".

Anh Ryszard mỉm cười nhìn tôi và gật đầu đồng ý. Tôi nói vài điều thông thường về sự khai mở trước khi tập latihan, rồi chúng tôi

bắt đầu tập.

Latihan kéo dài được 20 phút. Đó là một cái latihan rất mạnh, và có lần tôi cảm thấy những làn sóng tinh vi rung động qua thân thể mình rồi phóng lên trời: tôi biết anh bạn trẻ của chúng tôi đã khởi hành một chuyến đi mới. Một cách từ từ, latihan chúng tôi trở nên yên lặng trước khi hết hẳn. Gần gũi với linh hồn mình, tôi nhìn xuống dưới để coi xem Janusz đã đi khỏi hàng rào chắn song hay chưa, chỉ cái cơ thể bất động nát bấy của anh là còn nằm trên đường với một đám đông đã tụ tập chung quanh.

Sau cái latihan lạ thường đó, anh Ryszard và tôi cảm thấy cực kì nhẹ nhõm và vui sướng. Chúng tôi bước ra khỏi gác mái làm nơi đựng đồ để cùng các người nữ uống trà và ăn bánh ngọt. Khi kể lại những điều về tai nạn lưu thông, anh tài xế Kasimir xác nhận đúng y như những gì tôi đã trông thấy trong lúc latihan.

#### 4. Có kẻ xuất hồn đến thăm trong latihan

Tôi được nhiều dịp đến Ba Lan với Rosalind, Kadariyah hay Lusiyah, mỗi lần với những sự cố bất ngờ. Dưới đây là một chuyện thật lạ lùng, nhưng có thật. Anh Ryszard và ban quản trị yêu cầu chúng tôi đến thành phố đại học Grudziad, nơi có một số sinh viên muốn tìm hiểu Subud. Chúng tôi sắp xếp gặp gỡ họ trong một buổi tối nọ tại một cao ốc của đại học để giải thích về latihan. Có nhiều người đến dự, phần đông là những sinh viên trẻ, nhưng cũng có 5 hay 6 người già. Buổi họp diễn tiến êm xuôi, có nhiều điều muốn hỏi và được giải đáp. Cuối cùng chúng tôi lập một danh sách gồm những người ngày hôm sau muốn tập latihan.

Tôi để ý thấy một kẻ râu mép cong rậm rạp không ngớt nhìn mình trong lúc hội họp. Cặp mắt màu xanh và nụ cười trên miệng anh có cái vẻ giễu cợt; hiển nhiên anh đã biết hết tất cả và khiến tôi có cảm tưởng là anh không thực sự nghe những gì chúng tôi đang nói. Khi hội họp xong xuôi, tôi đến nơi anh và tự giới thiệu mình. Tên anh là Stanislas; anh là một sĩ quan đã phục vụ 18 năm trong quân đội Ba Lan. Anh nói với tôi là anh rất thích tìm hiểu những điều mà anh gọi là vấn đề tâm linh liên quan tới sự xuất hồn. Anh hỏi đôi bên có thể gặp nhau lần nữa không, và tôi yêu cầu anh sắp xếp chuyện đó với anh hội trưởng Ryszard.

Sáng hôm sau, Kasimir lái xe đem chúng tôi tới một khối nhà ở nằm trên một ngọn đồi lộng gió. Chúng tôi lấy thang máy lên lầu 6, nơi một người đàn ông tên Roman và bạn gái anh đứng đón chúng tôi. Căn hộ chúng tôi vào thật rộng rãi với những cửa sổ nhìn ra thành phố và dòng sông nơi bên kia.

Vì là một tay buôn đồ cổ luôn đi săn lùng những thứ hiếm lạ, nên tôi đã đi vào nhiều tư gia và mắt tôi tự động xem xét từng điểm của căn hộ. Tôi lập tức để ý thấy nơi bên phải mình một tủ kính trong đó có nhiều đồ cổ, đa số là Ai Cập. Trên tường là một số những ảnh in màu trắng đen lên khung của những chữ tượng hình, những điều tôi hiểu là vũ trụ và sự sống sau cái chết. Một cây giá chữ thập nặng bằng đồng, người ta gọi nó là cây giá chữ thập của sự sống, nguy nga treo trên tường. Từ cái không khí chung chung của căn phòng, tôi thấy được có sự thích thú tìm hiểu những phép thần thông chân chính.

Chúng tôi nghe thấy tiếng chuông reo ngoài cửa, và Stalinas tươi cười bước vào. Không quan tâm tới bất cứ ai, anh đi thẳng tới phía tôi, bàn tay béo lùn anh đưa ra. Sau khi nhanh chóng bắt tay, mọi người đều ngồi xuống, Stanislas bên trái, Rosalind và Kasimir đối diện, chủ nhà bên phải.

Trong phòng mọi người cảm thấy kì quái, khi anh sĩ quan Ba Lan đó hoàn toàn không quan tâm tới các bạn bè tôi. Một cách lúng túng, cặp mắt màu xanh anh tập trung vào tôi, tìm cách lôi kéo tất cả sự chú ý của tôi. Tôi tránh nhìn anh, tịnh tâm và tự hỏi: "Không biết chuyện gì đây?"

Cô bạn gái của Roman dọn cho chúng tôi trà và bánh ngọt, và bởi không thể cầm lặng lâu hơn nữa, Stanislas lớn miệng nói tiếng Ba Lan với giọng nói khàn khàn nặng nề. Mắt tôi quay qua phía Kasimir, anh vô cùng kinh ngạc vì những gì mình đang nghe thấy. Cách Stanilas nói thật nhanh, cường độ của những lời nói đó, lối đối xử của anh với tôi, làm tôi đoán được những gì anh nói là cực kì quan trọng với anh, tôi là một nhân vật rất đặc biệt. Tôi nhìn Kasimir một lần nữa.

Anh đưa cánh tay lệnh về phía Stanislas như muốn nói: "Thôi đi! Đủ rồi!" Giọng nói khàn khàn chột ngưng lại. Tỏ vẻ bức tức và

hoang mang, Kasimir nói với tôi: "Thằng cha này nói toàn những chuyện tào lao. Tôi không hề nghĩ mình phải dịch lại!"

Tôi tươi cười nói với anh: "Được rồi. Cứ việc tự động dịch ra, như một cái máy, đừng cố hiểu những gì hắn nói. Cứ dịch. Kasimir, cảm ơn anh".

Nụ cười khả ái của tôi làm anh yên lòng, và anh bắt đầu thông dịch. Thực vậy, đối với ai chưa được chuẩn bị, những gì Stalinas nói thì hết sức kì quái, nhưng trong cái khung cảnh của nó và nhìn theo cái thế giới của anh, thì điều đó có ý nghĩa. Tôi là một nhân vật rất cao siêu trong cái hệ thống cấp bậc của vũ trụ, đã đến để dự một buổi họp ngày hôm sau tại một nơi ở Warsaw mà anh được hân hạnh và có trách nhiệm đem tôi tới. Tại đó, tôi sẽ gặp một nhân vật cao siêu khác, một kẻ ngay trong lúc này đang du hành xuyên qua vũ trụ để có mặt trong buổi họp rất quan trọng đó. Về mặt niềm nở lộ qua cặp mắt màu xanh lẫn da cam của anh có vẻ như xin tha thứ cho những gì dịch cho tôi nghe.

"Ý anh muốn nói là ngày mai tôi sẽ gặp Long Trắng ở Warsaw?"

Tôi nói điều đó với một giọng hơi mỉa mai, vì biết rằng nhắc tới nhân vật tù trưởng Anh-Điêng vĩ đại đó sẽ khiến Stanislas giật mình.

Tôi phải kể cho bạn điều này là vài năm trước đó, anh bạn Lambert Gibbs đã dẫn tôi đi gặp một lão y tại khu Đông London giúp anh trị bệnh sạn trong thận. Tôi trông thấy trên tường một bức hình rất đẹp của một tù trưởng Anh-Điêng, và sau buổi trị bệnh, tôi hỏi đó là ai, thì được cho hay là "Long Trắng", kim chỉ nam của danh y.

Có điều gì đó đã nối kết tôi với lĩnh vực hiểu biết của Stanislas, khi tôi thấy được điều anh muốn nói. Thực vậy, anh có vẻ kinh ngạc là tôi đã biết về nhân vật tù trưởng Anh-Điêng đó, nhưng điều đó cũng xác nhận những lí do khiến anh ngưỡng mộ và tôn kính tôi. Stanislas nói với một giọng thật thấp: "Đây là một buổi họp bí mật tối quan trọng cho thế giới...Anh thấy đấy, Leonard, tôi biết anh đúng là người chúng tôi đang chờ đợi. Tôi đã có bằng chứng về việc đó."



Tôi liếc nhìn Rosalind. Chị thấy khó chịu và tỏ vẻ lo lắng. Tôi mỉm cười nhìn chị trước khi quay đầu qua phía Stanislas. Tôi nói: "Tôi nghe và hiểu được những gì anh nói, và anh đang có một sứ mệnh trọng đại. Tất nhiên anh muốn tôi thích ứng với những khuôn khổ mà anh tin. Nhưng anh không nhận thấy là tôi có mặt nơi đây để cho những người Ba Lan muốn tiếp nhận có thể dễ dàng tập luyện. Ngày mai tôi không chút nào muốn đến Warsaw, vì đã dự tính những chuyện khác".

Stanislas nài nỉ, như đã không nghe tôi nói gì, bằng cách sống sượng đặt dưới mắt tôi một cuốn sách nhỏ bé màu đen. Ngón tay anh nhanh chóng tìm thấy trang sách nhờ đó anh hi vọng thuyết phục tôi thay đổi ý kiến. Sách có những tính toán của thuật chiêm tinh cùng với những điều mà tôi nhận biết được là những hình tượng của chiến sĩ thánh chiến Templar. Ngón tay gõ nhẹ lên trang sách, anh mong làm cho yêu cầu mình trở nên trang trọng hơn, bằng cách chỉ cho tôi thấy điều mà anh coi là bằng chứng về buổi họp quan trọng tại Warsaw. Tất cả các dấu hiệu biểu hiện đều chỉ tới đó!

Tôi nhẹ nhàng cầm cuốn sách lên, đóng nó lại và trầm tĩnh nói: "Stanislas, có thật vậy không, anh đang làm những gì mà anh cảm thấy là một sứ mệnh tối quan trọng trong đời mình?"

Điều đó được thông dịch, anh gật đầu đồng ý, vẫn còn tràn trề hy vọng.

"Vậy đó, đối với tôi thì cũng thế. Linh hồn tôi chỉ cho tôi một đường đi mà tôi đang theo. Tất nhiên tôi không muốn ra ngoài con đường đó. Làm vậy là không đúng".

Như vậy là đủ. Buổi chiều chúng tôi phải gặp những người khác trước lúc tập luyện buổi tối tại Đại Học. Chúng tôi ra về.

8 người nam và 6 người nữ thuộc giới trẻ đang chờ đợi chúng tôi đến. Tôi khoan khoái cảm thấy lạc quan, khi trông thấy những bạn trẻ muốn tập luyện đó. Tôi đi theo đám người không là bao đó, và chúng tôi bước vào một hành lang dài. Khi đi qua một phòng học nhỏ bé gần căn phòng là nơi sẽ tập luyện, tôi trông thấy qua một cửa sổ nhìn ra hành lang Stanislas đang ngồi trên một ghế

bành rách nát. Tôi lập tức nghĩ: “Ừa, chắc hẳn đến tập latihan.” Tôi mở cửa ra hỏi: “Vô tập với chúng tôi?”

Nhưng anh không bước vào phòng để tập latihan với chúng tôi.

Sau khi nói những lời tịnh tâm của Bapak, chúng tôi tuôn vào những thế giới của riêng mình và vào cái nôi của linh hồn mình. Tôi ngạc nhiên thấy latihan mãnh liệt như thế nào. Tất cả 8 người bạn trẻ đó có vẻ như đang chân thành tiếp nhận: có người khóc, có người ca hát, một người thì cười. Tôi cảm thấy mình được mang đi bởi cái sức mạnh trẻ trung của họ. Chợt nhiên, tôi để ý thấy có ai đang kêu gọi mình. Tôi tìm kiếm với cặp mắt nội tâm mình, và không thể không kinh ngạc khi trông thấy Stanislas ngồi trên một phi thuyền hình xi-gà bằng thép đi qua tầm nhìn của mình. Anh mỉm cười nhìn tôi, vẫy tay như muốn nói: “Chào bạn.”

Tôi tự hỏi lòng mình: “Chuyện này là gì vậy?”

Tôi trông thấy Stanislas đang thâm sâu tọa thiền trên chiếc ghế bành cũ kĩ, trong phòng học tôi đã đi qua. Tôi hiểu được rằng nhờ sự định tưởng của mình, anh đạt được điều một vài người gọi là xuất hồn, và anh đang du hành trong lĩnh vực tâm linh của thế giới vật chất. Ngay lúc đó tôi vô cùng cảm khái khi nhận thức được sự quy thuận trong latihan khiến ta được giải thoát khỏi thế giới vật chất, để ý thức của mình đến được những thế giới khác bằng cách vượt qua thế giới vật chất.

Ngày hôm sau, trong căn hộ nhỏ bé mà những người bạn của bạn chúng tôi cho thuê, tôi thức dậy sớm và vào trong bếp sửa soạn bữa ăn sáng. Ngủ lại tại một khách sạn gần đó, Kasimir bước vào, tay cầm tờ nhật báo của Warsaw. Tôi trông thấy anh bước vào phòng khách mãi mê đọc những tin mới nhất trên thế giới. Tôi đang dọn bữa ăn sáng lên bàn, thì chợt nghe thấy những sự cần nhần lớn tiếng từ phòng khách. Tôi vội bối rối, Kasimir chạy vào phòng bếp, ngón tay trỏ chỉ lên tờ báo mình.

“Thật không ngờ, anh hãy nghe tôi đọc bài báo ngắn này! Nó nằm bên phải phần dưới cùng trang đầu của tờ báo lớn nhất của Warsaw”.

Anh biểu lộ sự xúc động khi dịch bài đó cho tôi nghe. Đại khái là chuyện này: một buổi họp tối quan trọng được tổ chức hôm nay tại một nơi chốn bí mật ở Warsaw, nơi những nhân vật thông thái có tiếng tầm quốc tế đến từ khắp nơi trên thế giới và vũ trụ để hội họp và trao đổi về những vấn đề trọng đại cho trái đất và vân vân.

Quả thực chuyện này thật lạ lùng. Đối với tôi, điều có vẻ kì quặc là có một bài báo như vậy trên trang đầu của một tờ báo quốc gia. Tôi nghĩ loại bài đó chỉ thấy được trên một tạp chí về đĩa bay hay những hiện tượng huyền bí.

Có vẻ khó xử và cảm thấy còn ngờ, Kasimir ngập ngừng nói: "Leonard, tôi có nên mau đem anh tới Warsaw?"

Thấy thật vui thú về tình trạng đó, tôi cười và đáp: "Cảm ơn anh, Kasimir. Lí do chúng tôi có mặt nơi đây là Subud và latihan. Ngày mai chúng tôi có một buổi họp không thể bỏ qua tại Turin".

## 5. Tổng thiên thần

Liên lạc với nhau vẫn còn khó khăn tại Liên Xô của đầu thập niên 90, vì sự cai trị cứng nhắc của cộng sản chưa được nới lỏng khi chúng tôi lần đầu tới Moscow. Thư từ thường bị nhà chức trách mở ra đọc, và ta phải rất thận trọng về những gì mình viết. Những cuộc viếng thăm khó có thể tổ chức được, và những người Nga đầu tiên vào Subud đã có thể tập cái latihan đầu tiên của họ tại Trung Tâm Amadeus ở London. Họ gồm Sasha P, một người làm việc thông dịch tiếng Nga và Anh cho sứ quán, và Alexander R, một con buôn chợ đen những cuốn sách thần bí, những thứ hồi đó không được chính quyền cho phép bán. Qua cái mạng đó, Alexander bắt gặp được một bản dịch qua tiếng Nga cuốn Concerning Subud của ông Bennett là cuốn mà anh thích. Sasha, Alexander và Natasha, vợ anh, là hạt nhân đầu tiên đem latihan tới Nga.

Chưa có nhóm nào có thể chính thức thành lập, nên chúng tôi tổ chức sự viếng thăm của mình một cách rất âm thầm. Rosalind, Lusiyah và tôi phải kín đáo ở trong một khách sạn chỉ dành cho du khách. Chúng tôi phải ký tên vào một cuốn sổ, khi nào mình ra ngoài và khi nào về khách sạn, luôn luôn phải trước 9 giờ tối. Cô

nhân viên tiếp tân của khách sạn thông cảm và có cảm tình với chúng tôi, và tôi có thể thuyết phục cô cho mình âm thầm ở chung với bạn bè, thay vì phải ở khách sạn. Dân Nga ước ao được tự do, và họ lấy làm thích thú được giúp đỡ những người nước ngoài, ngay cả khi điều đó có nghĩa là vi phạm luật lệ.

Tôi thích thú ngạc nhiên về sự nhiệt tình và ân cần tử tế của những người Nga chăm lo cho mình. Tuy hoàn cảnh vật chất của họ rất eo hẹp, chỉ có một chút không gian để sống và rất ít thức ăn, nhưng điều đó không làm mất đi cái tính khôi hài vui vẻ của họ.

Vừa mới kết hôn với Sasha, chị Olga xuất thân từ một gia đình những nhà ngoại giao, và đã sống nhiều năm ở nước ngoài. Chị đề cập tới Subud với Igor, em trai mình, một họa sĩ, và anh cũng muốn tập latihan.

Căn hộ đón tiếp chúng tôi nằm trên lầu 6 của một tòa nhà xây cất cầu thả bằng những phiến đá mỏng. Nó bao gồm một nhà bếp nhỏ tí, một phòng vệ sinh và một hành lang rộng 4 thước vuông, nơi lối vào dẫn tới phòng khách. Phòng ngủ duy nhất được ngăn cách khỏi nơi chốn ăn ở bởi một cánh cửa bằng gỗ dán. Một chiếc giường cho hai người và một tủ đựng quần áo chiếm hầu hết không gian phòng ngủ.

12 hay 13 người chúng tôi ngồi chật ních trong phòng khách nhỏ bé. Chúng tôi trò chuyện, vui cười và uống trà đen pha với mút mật. Đến lúc cho Igor bắt đầu tập cái latihan đầu tiên của anh. Alexander và tôi đứng lên và biến mất đằng sau cánh cửa mỏng bằng gỗ dán để làm một cái latihan ngắn trong 10 phút, khiến lòng mình hoàn toàn yên tĩnh trước lúc khai mở.

Như bạn đã biết, sự biểu hiện của latihan thông thường lộ diện qua âm thanh và động tác, tối thiểu hầu hết với những ai tập latihan. Nhưng với Alexander thì tuy anh đã tập được một thời gian, latihan anh vẫn còn hoàn toàn trong lòng mà không có những biểu lộ của âm thanh và động tác. Anh có vẻ vui sướng được như vậy, và nói rằng mình cảm thấy thoải mái trong lòng khi tập latihan.

Chúng tôi tập gần được 5 phút, thì có một điều khiến tôi mở mắt ra nhìn thấy anh bạn mình trông trắng tinh như khăn trải bàn và cứng đơ như khúc gỗ. Anh té nhào xuống về phía một ngăn sách đựng một máy chữ Olivetti nặng nề cũ xưa dưới đó là một bàn cạnh giường. Tôi lập tức lao mình tới phía trước để kịp thời bắt lấy chiếc máy nặng nề không cho nó đập vào mặt anh bạn mình.

Anh nằm trên sàn nhà, có vẻ như thiếu sự sống, cặp mắt nửa mở chỉ để lộ tròng trắng, miệng mím chặt. Tôi để ý thấy có chút máu chảy ra từ cạnh bàn tay anh, nó chắc đã đập vào nơi góc sắc bén của chiếc bàn cạnh giường. Tôi quỳ xuống bên cạnh cơ thể anh; có vừa đủ chỗ giữa bức tường và chiếc giường cho hai người. Tôi để ý thấy anh không thở được. Tôi lo lắng đặt tai mình trên ngực anh, và nhận thấy tim anh không phát ra âm thanh. Toàn thân anh cứng nhắc và thiếu sự sống. Tôi ép tai kia của mình trên ngực anh. Không âm thanh, không động tác. Anh đã chết.

Tôi ngồi khoanh chân bên cạnh anh bạn bất động của mình, vô cùng sửng sốt và không biết phải làm gì. Tôi còn nghe thấy qua cánh cửa mỏng bằng gỗ dán tiếng cười và vui đùa của những người đang uống trà. Những ý nghĩ lo lắng như một con sông nào loạn tràn vào đầu óc tôi. "Chúng tôi có nên gọi xe cấp cứu đến? Làm vậy thì được gì nếu anh ấy đã chết? Nhưng có chắc là đã chết?"

Tôi nhìn anh một lần nữa. Không có gì cho thấy có sự sống. Tôi nghe tiếng tim anh một lần nữa, và mong rằng nhờ một phép màu nào nó sẽ tự động đập trở lại. Nhưng tôi không nghe thấy một tiếng đập nào, tròng trắng cặp mắt anh vẫn còn lộ ra, miệng và quai hàm anh vẫn còn mím chặt.

Nhiều ý nghĩ u ám xâm chiếm cảm xúc tôi: sự hiện diện của chúng tôi nơi căn hộ này quả thực là bất hợp pháp, vì người ta đã rõ rệt cho chúng tôi hay là không được phép ở lại nhà của công dân Nga. Chắc chắn chúng tôi sẽ bị bắt giữ, và làm sao tôi có thể bào chữa cho việc có người chết và trên tay người chết có dính máu? Có thể là đã xảy ra chuyện ấu dâm? Cơ quan KGB sẽ điều tra sự hiện diện của chúng tôi nơi căn hộ, và các bạn bè người Nga của chúng tôi chắc cũng sẽ bị bắt giữ. Họ sẽ bị tổng giam tại gulag, một nhà tù giam tù nhân chính trị? Chúng tôi phải liên lạc với sứ quán mình

như thế nào?

Đối diện một tình cảnh mà mình chỉ có thể thấy trước những hệ quả không tốt lành và cảm thấy tâm trí mình lo lắng, cơ thể mình căng thẳng, tôi quyết định hoàn toàn buông thả những ý nghĩ và sự lo lắng của mình. Tôi nhắm mắt lại để nhập được vào sự sống nguyên thủy rung động. Tôi đặt mình được vào một sự yên tĩnh thâm sâu trong lòng, và sau một lúc có lẽ là vài phút, tôi nghe thấy một tiếng nói dịu dàng: "Hãy gọi anh ấy bằng cái tên thánh của anh ấy".

Tôi tìm kiếm trong đầu óc mình cái tên đó nhưng chẳng được gì. Chuyện này thật kì quái, khi tôi đã quen thân anh. Theo kinh nghiệm của tôi, việc không tìm thấy tên tuổi có thể khiến lo lắng, nên tôi không tìm kiếm nữa, mà chỉ việc trở về cái không gian yên lặng trong lòng. Vẫn còn ngồi gần anh bạn mình, tôi bắt đầu ca hát - đúng ra là cầu kinh. Điều này như là tôi đang kêu gọi ông Trời để phó mặc toàn bộ tình cảnh đó cho cội nguồn sự sống. Tiếng cầu kinh trở nên lớn hơn, và tôi chứng kiến thấy linh hồn mình bành trướng ra bên ngoài phòng, rồi ra bên ngoài tòa nhà. Ý thức của tôi vượt lên trên thành phố Moscow, và tôi trông thấy sự hiện diện của nhiều thiên thần. Tôi nhận ra cái cảm giác rất tinh vi của nội tâm mà mình đã nghiệm được trước đó, khi lái xe trên xa lộ. Tôi hiểu được rằng họ có đó để giúp đỡ. Nhận thức của tôi trở nên cực kì tinh tế, và tôi nghe thấy một tiếng nói êm dịu phát ra từ không gian tinh trong: "Alexander!"

Những tiếng cầu kinh nhịp nhàng du dương bao gồm cả tên tuổi anh, kêu gọi anh sống trở lại. Sau một lúc, tôi nhận biết được các thiên thần chỉ là một giai đoạn cần có để mở lối cho cội nguồn của một ý thức cao siêu hơn. Tới đó thì chỉ có sự nhận thức, trong thứ bậc tinh tế của ý thức: cái 'tôi', 'bản thân tôi', đã hoàn toàn tiêu tan để được thay thế bởi một trạng thái hiện hữu tinh trong.

Tổng thiên thần Michael chợt xuất hiện trong ý thức của tôi. Sinh linh rất cao quý hoàn toàn là năng lượng đó đứng trông cao lớn hơn Moscow, năng lực hầu như chiếm hết bầu trời. Nhiều năm trước đó, trong phòng tập latihan tại Tunbridge Wells, Tổng Thiên Thần Michael đã bất ngờ thăm viếng ý thức của tôi trong hình thù của một sinh linh có cánh rất rộng, mình mặc áo giáp vẩy cá màu

của vàng, tay cầm một thanh kiếm sáng loáng.

Cái hình ảnh đó, tôi hiểu được hồi đó, chỉ là ngôn ngữ hình tượng thích nghi với tư chất nghệ sĩ của tôi. Hình vẽ Tổng Thiên Thần Gabriel của họa sĩ Raphael thời Phục Hưng của Italy có những chỗ giống nhau nhất mà tôi có thể gợi ra cho bạn thấy, nhưng đó cũng chỉ là một hình ảnh. Nhận thức được tổng thiên thần là điều gì như sự xác nhận của cái trình độ mà ý thức của tôi đã đạt được.

Tôi đang tìm cách chia sẻ với bạn một chứng nghiệm rất có tác động chỉ bằng cách dùng những ngôn từ về một điều gì đó, điều trên thực tế vượt ra ngoài ngôn từ. Điều này có lẽ là nguyên do khiến cho không có nhiều những gì được chia sẻ hay viết về những gì nằm trong thế giới tâm linh.

Trạng thái sự nhận thức của mình vẫn còn như vậy, như ý thức của mình đã đồng hóa với sinh lực của Tổng Thiên Thần, tôi trông thấy chính mình mang cái cơ thể bất động của anh bạn mình, nó như không còn trọng lượng, đặt trên chiếc giường cho hai người, đôi chân anh co lại nơi lề giường. Tôi đứng bên cạnh đôi chân anh, trong lòng tràn đầy ánh sáng và quyền năng của sự sống. Không dùng bất cứ lời lẽ nào, tôi thấy chính lòng mình đang ra lệnh cho sinh khí phải được đem lại cho Alexander. Tôi cảm thấy có một nguồn năng lượng thật mạnh khắp nơi chung quanh chúng tôi. Tiếp theo là sự im lặng, tôi nghe thấy một lần nữa tiếng cười xuyên qua cánh cửa bằng gỗ dán. Tôi lại trở về với cái bản ngã thông tục của mình, nhìn khuôn mặt xanh xao của anh bạn mình và chứng kiến thấy sự sống rung động tuôn trở lại vào cơ thể anh. Mắt anh nhiều lần rung rinh, rồi từ từ mở ra. Trước hết, cặp mắt đó không nhìn bất cứ nơi nào, rồi nhìn chung quanh phòng và cuối cùng chăm chú nhìn tôi. Hơi thở anh, tuy vẫn chưa cảm thấy được, đã trở lại khi da thịt hồng hào lại. Tôi vô cùng sung sướng và cảm khái vì đã chứng kiến điều mà bọn phạm phu tục tử gọi là phép màu. Do những gì vừa nghiệm được, tôi nhận biết được khả năng siêu nghiệm là con đường dẫn tới những mức độ cao siêu của ý thức, nơi những gì có vẻ như không thể xảy ra trở nên có thể xảy ra.

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay mình và thấy là đã 35 phút latihan thay vì 10 phút, như đã báo trước. Sau khi những gì vừa mới xảy ra,

tôi tự hỏi mình không biết điều này có thích đáng hay không, nếu mình yêu cầu Alexander tham dự cái latihan đầu tiên của Igor. Tôi liền hỏi linh hồn mình, và câu trả lời là "Được, không có vấn đề gì." Tôi nhìn anh bạn mình đang ngồi bên lề giường ngạc nhiên nhìn máu trên bàn tay anh. Tôi hiểu kì và kinh ngạc hỏi: "Trong lúc tập latihan, anh té xuống và tay anh đã đụng vào nơi góc chiếc bàn cạnh giường. Anh còn nhớ lại gì không? Anh không sao chứ?"

"Không, tôi không nhớ là mình đã té xuống. Không sao, chẳng có gì hết, nhưng hơi mệt."

Tôi phải cho bạn hay điều này là mình chưa từng nói cho Alexander biết những gì mình đã chứng kiến và nghiệm thấy trong cái latihan cực kì lạ thường đó. Không biết làm sao, tôi cảm thấy như vậy là không nên, vì điều quan trọng là anh bạn tôi gần cận được cái thực tại của chính mình. Dù sao, những điều tôi mô tả là chứng nghiệm của mình. Tuy tôi đã chứng kiến Alexander chết và sống lại sau khoảng 35 phút, nhưng chính anh đã không nhận thức được gì.

Vẫn còn rung động với quyền năng của những giây phút lạ thường trải qua với Alexander, tôi mở cửa ra vào phòng khách để tìm kiếm Igor.

"Chúng tôi đang tự hỏi điều gì đã xảy ra cho các bạn: các bạn trong đó lâu đến nỗi chúng tôi hầu như sắp vào đó xem coi điều gì đang xảy ra!"

Chị Rosalind vui cười nói, khi chị đến gần tôi thì thầm nói vào tai tôi: "Nói đi, điều gì đã xảy ra? Trông anh rục rờ đầy ánh sáng. Thật khác thường".

Tôi nói mình sẽ cho biết sau đó, và kêu Igor tham dự với chúng tôi tập cái latihan đầu tiên của anh.

Cái latihan tiếp theo đó thật thanh thản và thâm sâu. Tôi để ý thấy anh Alexander, đây là lần đầu tiên, đang cử động và phát ra những âm thanh, như có điều gì đã khai thông khiến anh được tự do.

Trước đây tôi không chia sẻ chuyện đó với ai, trừ ra với Melinda



vợ mình, với chị Rosalind để trả lời những dò hỏi của chị, và với vị phụ tá quốc tế làm việc chung với mình là bác sĩ Hernando Cacho để coi xem về phương diện y khoa chuyện đó có đáng tin không. Anh cho tôi hay là có những trường hợp nhịp tim có thể trở nên rất chậm, khiến cho cuối cùng ngưng đập, nhưng chỉ tối đa trong thời kì là 5 phút. Nếu lâu hơn thì bộ óc sẽ bị hư hại không chữa trị được. Vậy, xin cho các bạn hay là về phương diện y khoa, chuyện đó khó tin được.

## 6. Sinh lực toàn bao

Nhân nói về chuyện khả năng siêu nghiệm, thiên thần và tổng thiên thần, tôi sẽ kể cho bạn một chứng nghiệm khác đi ra ngoài cái thông thường xảy trong một buổi tối nọ khi tôi đến Cherkassy ở Ukraine.

Đầu thập niên 90 mức sống vật chất của đa số người dân Ukraine bị điêu đứng do sự chuyển tiếp từ chế độ cộng sản qua chế độ tư bản dân chủ. Những vật liệu và thức ăn cần bản nhất mà người ta coi là chuyện đương nhiên ở Tây phương, lại không thể mua được, hay nếu được thì chỉ rất ít và rất mắc. Giao thông, xăng dầu, điện nước thật thiếu thốn, và buổi tối thì không có phương tiện giao thông công cộng, các đường xá thì thiếu ánh sáng, và xăng dầu thì không dễ gì kiếm được nơi những trạm xăng công cộng vẫn còn thuộc quyền sở hữu của nhà nước.

Một buổi tối khuya nọ, các Phụ tá Quốc tế và những vị tiếp đãi chúng tôi đi bộ từ trung tâm Cherkassy tới một tòa nhà công cộng rộng lớn tại ngoại ô cách đó vài cây số. Lúc đó là một đêm sôi nổi với những xuất latihan tập chung với mọi người, tiếp theo là những thắc mắc và giải đáp. Khi ra về, chúng tôi cảm thấy mệt mỏi nhưng dễ chịu vì sự lặng yên của đường xá và tươi mát của ban đêm.

Tôi cần là chính mình trong một lúc, nên quyết định từ biệt những người bạn thích tán ngẫu của mình để chọn một con đường khác về nhà. Các đường xá đều rộng và dài. Tôi đi trên một khu vùng ngoại ô, với một vài khu đất đai nhỏ bé của tư nhân và phần nhiều là những khối nhà cửa cao rộng màu xám mà chung quanh là những không gian mênh mông màu xanh chỗ đậu xe trống không.

Từ nhỏ tôi đã có năng khiếu tìm thấy phương hướng nên lấy làm thích thú cho đôi chân mình đưa dẫn mình về nhà. Lúc đó ban đêm phần đông các cư dân đều đã đi ngủ, và chỉ một vài căn hộ là có đủ ánh sáng để chỉ đường cho tôi.

Tôi đi tới phần cuối của con đường thì chân mình chợt quay qua phía trái. Tôi làm theo mà không chống cự; ý thức của tôi trong một trạng thái thâm sâu yên bình; những ý nghĩ của tôi không còn hoạt động; tôi chỉ việc vui thú sự hiện hữu của mình. Chúng tôi, chân cẳng tôi và tôi, đi tới một chỗ nối liền hình chữ T, rồi đổi hướng qua phía trái một lần nữa. Trong sự im lặng của thành phố, tôi nghe thấy một tiếng than khóc, hay đúng hơn là tiếng rên rỉ? Tôi tiếp tục bước đi; phía bên trái mình là một ụ đất đầy cỏ trên đó có một hàng rào kẽm gai rỉ sét, đôi chỗ bị phá hoại, ngăn cách hè đường với những cây thông và những bụi cây rậm rạp.

Tiếng rên rỉ ngay phía bên phải tôi. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, tôi trông thấy một bà lão say rượu, lưng dựa trên hàng rào rỉ sét, đang ngồi nâng đỡ trong cái nôi đôi chân khoanh lại của mình một người đàn bà bất tỉnh trông trẻ hơn. Bên hông bà lão say rượu ăn mặc rách rưới là một chai rượu vodka trống không. Bà khóc lóc, khuôn mặt trở nên méo mó, có lẽ do sự đau khổ của việc không biết phải làm gì trong tình trạng đó.

Tôi quỳ gối bên cạnh hai người đàn bà đó, và nhìn kĩ hơn người đàn bà hình như bị bất tỉnh. Bà khoảng 50 tuổi, mặc một áo len đan tinh vi trên chiếc áo choàng màu trắng. Mi mắt khép lại của bà khiến ta có cái cảm tưởng là những lông mày đều đặn của bà sắp bay đi mất. Da thịt bà nổi lên trên xương gò má cao. Cặp môi rạch ròi không tô son của bà hầu như gần đụng vào nhau, như bà sắp nói điều gì đó.

Tôi để ý thấy bà không thở được. Tai tôi đặt trên tim bà không nghe thấy tiếng động, cơ thể lạnh cóng và bất động, đôi tay đặt chéo trên đám rối dương. Tôi ngừng đầu lên và nhìn chung quanh bóng tối, để coi xem thấy được ai giúp mình không. Không có ai chung quanh. Bên phải phía bên kia đại lộ là một tòa nhà rộng lớn mà từ một góc của lầu một cho chúng tôi một chút ánh sáng. Tôi nhớ tới sự cố xảy ra ở Moscow, lời kêu gọi một Đảng cao siêu giúp đỡ mình, khả năng siêu nghiệm...

Buông thả cái tình cảnh thê lương nhận thấy nơi chính, tôi đi vào một không gian không có cộng và trừ, mà chỉ là sự yên lặng. Tôi tuân theo tiếng cầu kinh xuất phát từ đáy lòng, và một lần nữa nó đem tôi tới điều tôi mô tả là cảnh giới của thiên thần. Chung quanh chúng tôi có sự hiện diện của nhiều thiên thần, và tôi hỏi họ mà không dùng lời nói, chỉ bằng cách trình bày nhu cầu mình: "Tên bà ấy là gì?"

"Anna Maria, Anna Maria, Anna Maria..."

Môi tôi phát ra những âm thanh nhịp điệu vào tai bà. Tôi được khiến cho nâng cằm bà với bàn tay trái mình, bàn tay phải đặt trên trán bà, và cố gắng hô hấp nhân tạo trong một lúc, trong khi ý thức của tôi bành trướng tới một lĩnh vực rộng lớn hơn của thực tại. Khi du hành ra bên ngoài, tôi nhận thức được là Anna Maria đã đi ra ngoài cơ thể mình, như đang chờ đợi, bị lạc lối, không biết mình phải đi đâu. Nhận thức của tôi trở nên tinh tế hơn, khi tôi một lần nữa nhập vào ý thức của Tổng Thiên Thần Michael. Tôi hiểu được rằng cái trình độ đó của ý thức là một phần của toàn thể tiềm năng của ý thức của con người: đó là cái sức mạnh toàn bao, cái quyền năng tạo nên sự sống. Nó đang tuôn tràn về, và tôi cảm thấy sự rung động tinh tế đó nhẹ nhàng thấm vào cơ thể của Anna Maria. Tôi nghe thấy nhiều tiếng nói và nhận biết được có nhiều người chung quanh mình. Khi nhìn lên chung quanh, tôi nhận ra nhóm bạn bè Subud của mình đã lấy một đoạn đường dài hơn. Tôi nghe thấy chị Kadariyah lo ngại nói: "Leonard, anh đang làm cái quái gì ở đây với hai người đàn bà này?"

Tôi dò hỏi biết được tên bà này là Anna Maria. "Mau lên! Ai đó hãy đi kêu hộ một xe cấp cứu! Ai có thể dùng tiếng Nga hỏi bà cụ say rượu này có biết người đàn bà mình đang nâng đỡ là ai không?"

Một hội viên Cherkassy chạy đi kiếm xe cấp cứu, trong khi một hội viên khác tìm cách hỏi chuyện bà lão uống rượu vodka. Tôi áp tai nghe tim của Anna Maria và nhận thấy những tiếng đập thất thường yếu ớt cho thấy bà đang thở một cách không thể cảm thấy. Dựa vào cột trụ của hàng rào rỉ sét, bà lão say rượu cố gắng đứng dậy. Bà không biết tên người đàn bà ngất xỉu. Bà thấy người đó nằm bất tỉnh trên hè đường và không biết phải làm gì.

Tôi đứng gần Anna Maria, trong khi những người khác yên lặng đứng chung quanh chúng tôi. Phải mất 20 phút xe cấp cứu mới tới với ánh đèn lấp lóe. Hai nam y tá nhanh chóng kéo ra một cái cáng mà họ đặt kế bên người đàn bà bất tỉnh. Một nam y tá khác đến với một chai ôxi và một mạng che mà anh mau lẹ đặt lên miệng và mũi bà. Vẫn còn bất tỉnh bà nhanh chóng được mang tới một bệnh viện địa phương.

Ngày hôm sau, anh Wladimir, một người đã có mặt tại hiện trường đêm trước đó, đến thăm Anna Maria để cho bà hay như thế nào người ta đã tìm thấy bà.

## 7. Những vấn nạn tại phi trường Kinshasa

Trước khi lãnh trách vụ Phụ Tá Quốc Tế, trong latihan mình, tôi thường nhảy múa và phát ra những âm thanh theo nhịp điệu của những bộ tộc ở Phi Châu, và cảm thấy trong toàn thân mình những động tác của việc là một người Phi Châu. Miệng lưỡi tôi được tập luyện tạo thành những âm thanh biểu lộ cảm xúc. Thực ra, những chứng nghiệm đó không chỉ liên quan tới Phi Châu, mà còn tới những văn hóa và ngôn ngữ khác trên thế giới, khiến cho khi đi tới một đất nước xa xăm, tôi thường cảm thấy như mình đã từng tới đó rồi, dù đó là Nhật Bản, những quốc gia Slav, Nam Dương hay Bắc Phi. Thế nên, tôi cảm thấy nền văn hóa của những đất nước đó không xa lạ với mình. Những gì tôi vừa giải thích về những chứng nghiệm của mình trong latihan sẽ như thế nào đó, tôi mong vậy, giúp bạn hiểu được lối cư xử của tôi trong những tình huống khác nhau của mình.

Cuối tháng 9 năm 1989 là lần đầu tôi đến một quốc gia gọi là Zaire, dưới sự cai trị hà khắc của tổng thống Mobutu. Mẹ tôi đã nuôi dạy chị tôi và tôi với những phép chữa vi lượng đồng cân, nên chúng tôi tiếp tục cái truyền thống đó mà không dùng y học đối chứng. Trước khi đến Kinshasa, tôi yêu cầu bà bác sĩ vi lượng đồng cân của mình cho mình một giấy chứng nhận là mình đầy đủ sức khỏe và được chích ngừa cho vùng nhiệt đới. Bà cũng cho tôi mua đem theo nhiều loại vitamin và phương thuốc vi lượng đồng cân khác nhau, để phòng ngừa trường hợp bị đau ốm. Khi tôi nhận visa của mình, viên thư kí của sứ quán nói với tôi giấy chứng nhận bác sĩ mà tôi có là đầy đủ để vào Zaire, nơi hiện nay gọi là

nước Cộng Hòa Dân Chủ Congo. .

Trong chuyến đi lần đầu tới trung bộ Phi Châu, anh Lusiyah và tôi may mắn được một phụ nữ tài ba cùng đi với mình, một người không những nói được tiếng Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và nhiều ngôn ngữ khác, mà còn đã từng nhiều lần đến thăm Kinshasa và Zaire khi trước đó là Phụ tá Quốc tế. Chị tên Rachmaniyah Bowden, một người gốc Hungary, tuy lúc đó chị ở Bồ Đào Nha với ông chồng người Anh. Một khi đã thoải mái ngồi trong máy bay, tôi thích thú nghe người bạn Hungary của mình kể những chuyện về cuộc đời chị và những cuộc phiêu lưu tại trung bộ Phi Châu.

Một tiếng đồng hồ hay khoảng đó trước khi máy bay đáp xuống, một cách không suy nghĩ tôi lấy ra khỏi ví tiền một tờ \$50. Tôi thận trọng gấp nó lại, nhét nó vào túi áo sơ mi mình. Tôi tự hỏi mình mà không băn khoăn tìm kiếm giải đáp: "Mình làm vậy để làm gì?"

Tôi dừng lại nơi chỗ đứng, trước khi bước xuống lối đi của máy bay. Không khí nóng nực, ẩm ướt và dày đặc, với một mùi vị phong phú mà tôi khó mô tả được. "Chà, mùi vị của Phi Châu vùng nhiệt đới," tôi nghĩ như vậy, khi cho tất cả các sắc tố của da thịt mình được quyền đồng hóa với nó. Tôi nhớ tới lần đầu mình đến phi trường Jakarta trong năm 1970, nơi không khí ẩm ướt mang theo một mùi vị đặc biệt của Nam Dương, khiến tôi nhớ tới những thuốc lá đinh hương và trái cây chín ngọt của vùng nhiệt đới. Nơi đây thì khác hẳn. Không có mùi vị ngọt cho nó, vì có rất ít người hút thuốc. Đúng hơn, nó như nấm đã quá hạn ăn được. Không phải như vậy là khó ưa, mà là lạ lùng, khiến tò mò.

Tôi có thể nhận ra nơi xa có khoảng 30 người nam và nữ đang cười nói vẫy tay chào đón chúng tôi. Chị Rachmaniyah đã qua được quan thuế mà không có vấn đề gì, nhưng một người đàn ông nhỏ bé mặc áo khoác màu xanh lục nhạt yêu cầu tôi đứng lại để hỏi giấy chứng nhận sức khỏe. Tôi mở hộ chiếu mình ra trong đó mình kẹp tờ chứng nhận sức khỏe để đưa nó cho y coi. Y chợt trả nó lại cho tôi và cộc cằn ra lệnh: "Cái này là cái gì? Tôi muốn coi cái thẻ màu vàng! Cái thẻ y tế".

Khi nhận thấy tôi không thể đưa tư liệu chứng minh đó ra, y yêu cầu tôi đi theo y. Chúng tôi đi dọc theo một hành lang đen tối dẫn tới một cánh cửa bằng kim loại, rồi bước xuống những bậc thang dốc đứng đưa chúng tôi qua những đường rối của phi trường. Chúng tôi đi vào một căn phòng nhỏ bé. Bên trái là một tủ lạnh cũ xưa đứng trên những chân bệt vẹo. Có lần nó đã từng được sơn bằng màu xanh của sông Nile, nhưng bây giờ thì hầu như hoàn toàn bị rỉ sét. Hai nam y tá trẻ, gầy và cao lêu nghêu, cũng mặc áo khoác nhiều gàu màu xanh sông Nile, đứng dựa mỗi bên của tủ lạnh. Họ thèm khát mỉm cười khi tôi bước vào phòng.

Tôi rùng mình thấy lạnh xương sống vì lo sợ những gì có thể xảy ra do cái tình cảnh quái gở này. Bên phải là một bàn giấy bằng kim loại rỉ sét với hai chiếc ghế cũng bằng kim loại. Mặt bàn hoàn toàn không có gì. Viên y sĩ trông có vẻ trang trọng ngồi xuống, và trong khi cũng mời tôi ngồi y nói: "Chắc ông đã biết, tôi có quyền trả ông về Anh trong chuyến bay tới. Nếu ông muốn vào Zaire, tôi phải yêu cầu các y tá của tôi chích ngừa đầy đủ cho ông, kể cả cho bệnh sốt vàng!"

Y nghiêm trọng nói điều đó, trong khi nhìn tôi với cặp mắt cho thấy nhiều tròng trắng.

Khi y nói xong, gã y tá cao, nhe răng ra cười, mở cửa tủ lạnh và chỉ vào một ống tiêm duy nhất trên một ngăn bằng kim loại; chung quanh nó là một vài lọ kì dị màu nâu. Tôi cực lực phản đối, cố họng tôi trở nên căng cứng vì nói dối: "Nhưng tôi đã chích ngừa đầy đủ cho vùng nhiệt đới, kể cả cho bệnh sốt vàng".

Tình hình trở nên không nên không thể nắm vững được, nên tôi quyết định đi tìm sự yên tĩnh trong lòng mình. Tôi nhìn viên y sĩ, một cách thân ái. Sự bức tức và sợ hãi của tôi xua tan để thay vào đó là một cảm giác an bình, tâm hồn tôi tràn ngập một tình cảm thương hại, vì tôi nhận thức được mấy kẻ này đã làm như vậy vì sự nghèo đói thay vì ác độc. Tôi nhớ tới số tiền \$50 trong túi áo mình. Trong cái trạng thái hạnh phúc đó, tôi trông thấy trong lòng mình nhiều người chung quanh viên y sĩ, và nhận thức được họ đều là những người trong gia đình phải dựa vào y để sinh sống. Tôi đưa cho y tờ \$50, mà tôi kín đáo lấy ra giữa ngón tay trở và ngón tay giữa, rồi gấp nó lại trong lòng bàn tay để che giấu nó.

Lướt bàn tay mình về phía viên y sĩ, tôi hơi để hở cạnh để y có thể trông thấy thứ gì tôi che giấu.

"Như vậy thì cuối cùng chúng ta có thể thỏa thuận!" Y mừng quýnh la lên, khi kéo cái ngăn bằng kim loại của bàn giấy để lấy ra cuốn sổ y tế nhỏ bé phải có màu vàng, cùng với một lô những con dấu và một lọ mực. Thận trọng không cho đám y tá trông thấy cuộc thương lượng bất chính thức đó, y vui đùa nói thêm khi lấy tiền: "Theo tôi nghĩ, như vậy thì mọi chuyện sẽ êm xuôi. Một vài chuyện khác nữa cũng sẽ êm xuôi, nếu ông muốn?"

Không khí trong phòng trở nên nhẹ nhõm, tích cực, và một sự im lặng thâm sâu tỏa ra khắp nơi, khi viên y sĩ thận trọng ghi viết tất cả các bệnh tật và đóng dấu lên mỗi vắc-xin trong cuốn sổ dùng được nhiều lần.

Chợt nhiên, cánh cửa văn phòng hiện đang yên lặng của viên y sĩ mở tung ra. Vừa bước vào, một người tướng tá lùn kêu la: "Mấy ông đang làm cái quái gì với người anh em của tôi?"

Tên anh là Ruagasore; tôi đã gặp anh tại Hội Nghị Thế Giới vừa qua ở Úc, nơi tôi làm thông ngôn cho nhóm đại diện cho các hội viên Zaire. Anh là phụ tá quốc gia của đất nước mình, tận tâm với vai trò của mình mà anh coi trọng. Chúng tôi thân nhau. Phá lên cười với giọng khàn khàn, viên y sĩ đáp: "Ông nói gì vậy? Làm sao ông ấy có thể là anh em ông? Ông là một người da trắng!"

Tôi lập tức đứng lên đến ôm Ruagasore. Tuy trông bề ngoài anh không mạnh mẽ, nhưng khi ôm anh tôi có thể cảm thấy những bắp thịt cứng như thép trên cơ thể gầy còm của anh. Viên y sĩ gọng gàng biên viết, đứng đắn đóng dấu lên mỗi chứng thư của cuốn sổ nhỏ bé màu vàng, đưa nó cho tôi và cho phép chúng tôi ra đi. Tôi chợt cảm thấy được tự do và thanh thản, khi đi theo những bước chân của anh bạn mình qua những hành lang như thuộc âm phủ của phi trường Kinshasa. Khi Kinshasa và tôi tươi cười và thanh thản đi lên gian bên dẫn tới những hàng rào ngăn cản, nhóm người đông đảo của Subud lớn tiếng vui vẻ chào đón. Khi chúng tôi đi ra ngoài trở lại, sự vui mừng bằng cách khoa chân múa tay của những người bạn chúng tôi nghe như họ vừa mới thắng một trận đá banh trọng đại.

## 8. Tuân theo lối nhảy múa gào thét

Trong những chuyến đi quốc tế khi xa nhà, sự nhạy cảm và ân cần của tôi luôn tăng thêm, nhưng việc tới Phi Châu vùng nhiệt đới, không hiểu vì sao, đã đưa trình độ sự nhận thức của tôi tới chỗ cao nhất. Tất cả các giác quan của tôi - thính giác, thị giác, khứu giác và sự tiếp thu qua cảm giác, tư tưởng và sự nhận thức của linh hồn, trở nên mãnh liệt, sắc bén và trong sáng. Đó là vì mọi thứ đều khác biệt? Đó là vì được tách biệt khỏi những lễ thói hằng ngày của mình và tự đặt mình vào một môi trường hoàn toàn khác biệt, nên tôi cảm thấy sự đầy đủ của con người mình?

Tôi thấy rất quý mến và có nhiều quan hệ thân thuộc với những người mà mình gặp. Âm thầm trong lòng mình tôi cảm thấy mình như một người Phi Châu, tuy tất nhiên bề ngoài mình đối với đại đa số là của một người da trắng chính cống. Khi cảm thấy mình đồng hóa với dân địa phương và các bạn bè mình, tôi nghiệm được như thế nào chỉ khác biệt về màu da thì có thể là một hàng rào đánh thức những định kiến, điều luôn che mờ những sự tương đồng giữa người và người.

Những sự tương phản và đa dạng muôn màu của Phi Châu vùng nhiệt đới, những cây cối và hoa quả lộng lẫy, những con người hào phóng của nó, làm tôi nhớ tới những bức tranh của Douanier Rousseau. Điều này như tôi cũng là thành phần của bức tranh sống động đó nhưng thiếu 4 cạnh của những con thú ăn thịt.

Trong chuyến đi vừa qua tới Ba Lan của chúng tôi, các hội viên Ba Lan đã đề nghị tổ chức nơi vùng hồ của họ một trại hè quốc tế cho giới trẻ của Subud. Các hội viên trẻ của Subud trên khắp thế giới sẽ cùng nhau cắm trại trong hai tuần chung quanh một hồ nước đẹp nhất, không xa Olsztyn, nơi có một nhóm Subud. Chúng tôi đề nghị họ gửi giấy mời cùng với những thông tin về trại hè tới tất cả các hội trưởng của những quốc gia có Subud. Ý kiến đó được nhiệt thành chấp thuận và các giấy mời được gửi đi khắp thế giới.

Hồi đó tại Zaire có 600 tới 700 hội viên tập latihan, phần đông thuộc vùng hạ lưu Sông Congo. Trên con đường phía nam của Kinshasa là những tỉnh Inkisi, Matadi, Boma và sau cùng là Muanda, một tỉnh nằm ngay bên phải miệng Sông Congo, nơi một nhóm độ vai



người đã mọc lên chung quanh căn nhà và trường học của Kiti Menghi và vợ anh là Marie Claire. Chuyện tôi sẽ kể cho bạn thực sự đã xảy ra, khi Lusiyah, Rachmaniyah và tôi đến Inkisi, nơi có một nhóm đồng đảo gồm nhiều thành phần trẻ. Ban đêm không có ánh trăng, khi chúng tôi đi khỏi căn hộ của chủ nhà để đến hội họp với các hội viên Subud địa phương. Một thanh niên khá ái nếm lấy cánh tay chúng tôi để dẫn dắt chúng tôi đi trong 20 phút trong màn đêm đen tối như mực. Cuối cùng thì chúng tôi đến được tận nơi, sau khi đi trên những rãnh mương, những miệng hố trên mặt đường, những chỗ lồi lõm và những vũng nước hình tròn vấy bùn. Tôi khâm phục cái khả năng nhìn thấy được thật rõ trong bóng tối toàn diện của chủ nhà. Chúng tôi được dẫn tới 3 chiếc ghế xếp trên một nền bằng gỗ. Trần nhà thấp làm bằng thứ vỏ bào ép với nhựa dính, đôi chỗ treo lủng lơ vì buộc cột không chắc. Nó trông như một mặt biển đông lạnh gợn sóng bị đảo ngược. Khi phòng họp đầy người, không khí trở nên dày đặc hơn, và mọi người có vẻ như đang sôi nổi cùng nhau trò chuyện.

Rút cuộc anh hội trưởng của nhóm Inkisi đi ra khỏi đám đông đang nói năng om sòm, bước lên 3 bậc thang của khán đài. Cử tọa tức khắc im lặng chỉ còn những tiếng thì thầm. Anh có vẻ nghiêm khắc, đi chậm chạp và trang trọng tới trung tâm khán đài và nói một vài lời chào đón. Tôi có thể cảm thấy những lời nói đó không xuất phát từ tâm hồn anh, tuy anh cố gắng làm cho có cái ấn tượng là từ lòng mình. Khuôn mặt anh căng thẳng và miệng anh thấy khó mím cười được. Không thể trầm tĩnh được lâu hơn nữa, anh làm cho giọng nói mình bị kích động để biểu lộ sự bức tức mà anh đã nén ép lại trong lúc những lời chào đón.

"Nhân danh giới trẻ của Subud Zaire, bố mẹ và ông bà họ, tôi phải nói là tất cả chúng tôi đã bức bối như thế nào vì cái Tổ chức Subud Thế giới tự gọi mình là một hội trong đó mọi người thân thương nhau!"

Anh ngưng nói một chút và chăm chăm nhìn chỗ này chỗ kia, để mong được hỗ trợ trong cặp mắt của đám cử tọa bất bình. Một sự im lặng đông lạnh tỏa ra khắp nơi. Trang nghiêm lựa chọn những lời nói của mình, anh tiếp tục: "Giới trẻ chúng tôi nhận được giấy mời đi dự trại hè ở Ba Lan. Họ dùng tất cả tiền tiết kiệm của mình,

kể cả của bố mẹ và ông bà mình để chụp hình cho hộ chiếu, và đã kiên nhẫn đợi chờ lấy vé máy bay khiến họ nhận được visa vào Ba Lan. Nhưng chẳng có gì hết! Các bạn có nghe tôi nói không? Chẳng nghe được Tổ chức Subud Thế giới nói gì thêm nữa, cả người Ba Lan cũng vậy! Bây giờ thì hầu như quá muộn; họ sẽ không bao giờ tới đó đúng lúc được. Vé máy bay hiện giờ ở đâu, khiến giới trẻ chúng tôi đáp ứng được lời mời với sự hiện diện của họ?”

Mong được cho hay tại sao, anh chăm chăm nhìn về phía chúng tôi.

Trong sự im lặng nặng nề, tôi có thể nghe thấy những tiếng thì thầm bức tức từ phòng họp. Sự căng thẳng đã đạt tới một tình trạng bùng nổ. Tôi liếc nhìn Rachmaniyah và Lusiyah; tôi sống sờ và biết rằng họ mong muốn tôi làm điều gì đó để giải quyết một tình trạng khó xử.

Tôi chậm chạp đứng lên trên chân mình và bước tới trung tâm khán đài. Tất cả những gì tôi trông thấy được là căn phòng ánh đèn mờ, nơi những tròng trắng của nhiều con mắt đang chăm chăm nhìn mình. Anh hội trưởng trở về chỗ ngồi của mình. Đứng trên khán đài trước một đám đông tức giận và bị thách thức bởi một tình hình thế lưỡng bất ngờ, tôi điềm nhiên thâm sâu hít thở, rồi buông bỏ những sợ hãi cùng với cái Tôi của mình để đến gần linh hồn mình...

Lập tức, điều này khiến tôi rất ngạc nhiên, và tôi nghĩ tất cả những người khác cũng vậy, tôi bắt đầu có lối nhảy múa bất thường. Bụng tôi mảnh liệt co lại, khiến cơ thể tôi cúi xuống thành một góc vuông nơi khung chậu, trong khi cổ họng và miệng lưỡi tôi lấy giọng cao hơn, còn chân tôi thì lộn cộ theo một nhịp điệu làm cơ thể tôi nhảy múa theo những vòng tròn rộng lớn trên nền bục bằng gỗ.

“Mình đã điên khùng rồi hay sao? Mình đang làm cái quái gì đây?” Tôi tự hỏi mình trong khi mơ hồ nhớ tới việc cách đây vài năm có một điều tương tự đã xảy ra trong một cái latihan nọ. Một tiếng nói không xao xuyên phát ra từ nơi thâm sâu của bản chất tôi: “Cứ tiếp tục nhảy múa cho tới lúc có sự thay đổi của không khí.”

Lỗi nhảy múa dị kì đó tiếp diễn trong một khoảng thời gian và tôi tự hỏi không biết khi nào nó sẽ ngưng lại.

Mỗi lần đi ngang qua hai bà bạn nữ phụ tá, tôi có thể trông thấy từ khoé mắt mình những khuôn mặt kính hãi của họ, nhưng tôi vẫn cứ nhảy múa, vì cảm thấy đó là sự biểu lộ của tình thương.

Cường độ sự nhảy múa và la hét từ từ suy giảm. Tôi sửa cơ thể mình lại cho thẳng và đứng đó được vài giây, nhể nhại mồ hôi và hỗn hển thở. Tôi mở mắt ra nhìn thấy một quang cảnh khiến kinh ngạc: cử tọa nhiệt tình đứng lên hoan hô hết sức vui mừng, họ khoa chân múa và la ó để chứng tỏ sự hoàn toàn tán thành lỗi trình diễn của tôi.

Tôi nhả mặt cười và khi cái không khí cực kì vui nhộn đó lắng xuống, có điều trong lòng mình khiến tôi chợt hiểu được khi tôi nói: "Các anh chị em thân mến, chúng tôi, hai bà chị nữ phụ tá quốc tế và bản thân tôi, hiểu được tại sao các bạn đã hết sức thất vọng và ngay cả bức tức về lời mời qua đường dây quốc tế của anh chủ tịch nhóm Thanh Niên Subud Ba Lan. Đã du hành nhiều nơi trên thế giới, nên tôi nhận thức được điều này là tuy những gì đã nói có thể giống nhau từ quốc gia này tới quốc gia khác, nhưng nội dung và ý nghĩa của nó có thể khác biệt tùy theo văn hóa, truyền thống và nếp sống của mỗi quốc gia. Cái thực tế đó đã nhiều lần trước kia và hiện nay trong trường hợp của chúng ta lại làm cho người ta hiểu lầm nhau rất nhiều, và hậu quả là phải đau khổ".

"Như thế nào một chữ như 'mời', một chữ chứa đựng những tình cảm tích cực, lại có thể khiến cho đau khổ và lộn xộn đến như vậy? Để giúp các bạn hiểu được, tôi yêu cầu các bạn tưởng tượng là các bạn cùng tôi đang nơi một quốc gia tận phía Bắc, chẳng hạn như Na Uy. Một người anh em ở đó có thể nói 'Tôi mời bạn đến thăm tôi.' Với một người Na Uy, như vậy có nghĩa là 'Bạn được mời tới căng lều nơi cuối vườn nhà tôi, trong một ngày hay khoảng đó để chúng ta có thể gặp nhau. Thậm chí người đó có thể mang một chai rượu vào lều bạn để cùng uống với bạn. Một người Anh có thể nói 'Tôi mời bạn đến chơi để uống một chén trà.' Khi mời bạn, một người Đức đúng ra muốn nói 'Bạn đến đây cùng tôi ăn uống'.

“Khi mời bạn, một người Bắc Phi hay Algerie thường muốn nói: ‘Bạn đến ăn ở cùng tôi, có thể ngủ lại một hay hai ngày nếu muốn, do phí tổn của tôi’.

“Nhưng bây giờ thì tôi hoàn toàn hiểu được là khi mời mình, một người Zaire không chỉ mời mình đến nhà, mà còn gửi luôn cả vé máy bay với giấy mời! Một chữ giống nhau, mời, lại có một nội dung hoàn toàn khác nhau!”

Đến đây thì mọi người đều cười không ngớt. Một vài người còn thấy những nhận xét cuối cùng của tôi khôi hài đến nỗi nước mắt đã chảy ra trong lúc cười. Anh hội trưởng bước lên khán đài trở lại, giọng nói đầy vui vẻ: <>Leonard, cảm ơn, cảm ơn anh đã rõ rệt giải thích. Bây giờ thì chúng tôi hiểu tại sao lại lộn xộn đến như vậy. Thực vậy, ở Zaire trước khi mời ai, chúng tôi trước hết phải coi túi tiền mình xem là có thể mua vé hay không!>>

Mọi người lại cười một lần nữa. Buổi họp trở nên vui hòa, chúng tôi cảm thấy mình đồng hóa với nhóm và chia sẻ những kinh nghiệm quốc tế của mình cùng với nghe những chuyện kể của họ. Chúng tôi ra về lúc tối khuya, anh thanh niên khả ái, kẻ nắm lấy cánh tay của chúng tôi để dẫn chúng tôi đi qua những lối đi đen tối, hỏi: “Bác Leonard, bác đã học được ở đâu lối nhảy múa như vậy? Bác không biết điều này hay sao là chưa từng có một người da trắng biểu diễn lối nhảy múa gào thét cho người Phi Châu da đen? Lối nhảy múa đó là truyền thống của chúng cháu để biểu lộ tình thương và sự trọng vọng cao quý nhất đối với những ai mà chúng cháu rất quý mến, có thể là một ông vua hay một nhân vật nào đó mà chúng cháu rất kính trọng. Do đó mà chúng cháu đã cảm động, thật xúc động khi bác bày tỏ sự trọng vọng của mình bằng cách dùng ngôn ngữ truyền thống của chính chúng cháu”.

“Bác không học lối nhảy múa đó”, tôi đáp, “nó đã có sẵn trong lòng mình. Bác nghiệm được nó trong một cái latihan cách đây vài năm. Khi đứng trên khán đài, bác tận tâm và cảm thấy thương mến mọi người trong phòng, và bác chỉ việc tuân theo lối nhảy múa đó, những động tác và âm thanh tự phát trong lòng”.

## 9. Nhận được sự chỉ dẫn từ bất cứ bộ phận nào của cơ thể

Thưa bạn đọc, tôi phải nhắc cho bạn nhớ rằng điều chúng tôi gọi là trắc nghiệm thường được những ai tập latihan dùng để đem chúng tôi tới một chỗ hiểu biết, không thông qua trí óc mình như thường xảy ra trong đời sống hằng ngày, mà qua toàn thể bản chất mình khi chúng tôi nghiệm được một thực tại không dùng đến tư tưởng. Do đó mà khi bản thân mình dùng trắc nghiệm, tôi luôn phải chắc chắn là mình không dùng trí óc để hiểu câu hỏi và làm cho vấn đề được sáng tỏ, mà phải khách quan nghe vấn đề của người đặt câu hỏi, rồi hoàn toàn buông thả tất cả những gì mình đã nghe thấy. Trong một cái latihan ngắn thường ngay sau đó, ta có thể hiểu được toàn bộ tình trạng và thường thường thì tiếp theo những lời lẽ thích đáng làm cho 'kẻ tiếp nhận' nghiệm được cái thực tại của mình để tìm thấy đường đi của mình.

Chuyện tôi kể dưới đây cho bạn minh họa được, một cách không thiếu phần hài hước, những gì Bapak muốn nói khi giải thích về trắc nghiệm: "Các bạn thực ra có thể tiếp nhận được một sự giải đáp qua bất cứ bộ phận nào của cơ thể và bản chất mình." Tôi còn nhớ lại được là hồi đó mình đã không hiểu được rõ rệt những gì Bapak muốn nói.

Lúc đó tôi đang ở Kinshasa. Người đàn ông kể cho tôi nghe vấn đề của mình tuổi có thể hơn 50. Người anh thon lùn và có những nét thanh mảnh như thế nào đó làm tăng cường tính bền lển của anh. Anh bạn Ruagasore nói khi giới thiệu anh cho tôi: Leonard, không hiểu sao Andre lại không tiếp nhận được gì trong latihan cách đây khá lâu. Trước đó, latihan anh ồn ào và rất mạnh. Hiện nay thì anh nói là không còn cảm thấy bất cứ gì nữa.

Andre cho biết như vậy là đúng bằng cách gật đầu. Tôi đề nghị anh đến phòng ngủ của tôi để cùng nhau tập latihan. Lúc đó tôi tá túc tại Trung tâm Công giáo. Chúng tôi đứng đối diện nhau trong phòng ngủ khá rộng. Tôi cho anh hay trước hết chúng tôi cùng nhau tập một cái latihan ngắn, có thể cũng làm thêm một vài trắc nghiệm.

Chúng tôi bắt đầu tập latihan. Ngay sau đó tôi thấy được là tuy

đang hết sức chân thành yên lành đứng đó, nhưng anh im lặng và hoàn toàn không cử động được gì, như đã hoàn toàn vắng mặt. Latihan tôi tăng gia cường độ, một giai điệu êm dịu phát ra từ miệng lưỡi tôi, trong khi sự nhận thức của tôi trở nên lớn rộng hơn để bao gồm Andre vào lĩnh vực sự hiện diện của mình. Sau không bao lâu, điều này khiến mình ngạc nhiên, tôi cảm thấy có sự nhận thức nơi bộ phận sinh dục mình. Tôi mở cặp mắt nội tâm mình ra và nhận xét thấy, điều này thật khá ngượng, là bộ phận dương vật đang cương lên nửa chừng của mình biến thành một màu đen tối, như có sự liên hệ với bộ phận của Andre.

"Leonard, mày thật quái đản, tất cả chuyện này là cái gì đây?" Khi tự hỏi mình về cái tình cảnh bất thường đó, tôi hiểu được tại sao latihan của Andre đã bị trở ngại.

"Andre", tôi gọi, nhưng hiển nhiên anh đang nơi nào đó xa xôi trong lòng mình, vì anh phải mất thời gian để mở mắt ra tập trung nhìn vào mắt tôi.

"Gì vậy? Anh điềm tĩnh trả lời".

"Anh có cảm thấy", tôi hỏi, "bất cứ gì đặc biệt trong cái latihan ngăn này?"

Tôi tức khắc cảm thấy sự lúng túng của anh, khi đôi mắt anh liếc qua liếc lại mà không có câu trả lời nào.

"Anh có cảm thấy gì không phần bên dưới mình?" Tôi tiếp tục hỏi một cách đích xác hơn.

"Có, có cảm thấy", anh đáp với một giọng thấp khi thấy bớt căng thẳng.

"Anh cho biết, anh đã có vợ rồi? Nếu vậy thì anh đã có một vấn đề tính dục với vợ mình?"

Anh bắt đầu kể cho tôi chuyện đau buồn khiến có cảm xúc bị trở ngại của mình.

"Tôi đã yêu một cô gái tên Felicity. Cách đây 6 tháng, tôi đến gặp ông già cô để hỏi cưới, và sau những cuộc điều đình dài lâu,

chúng tôi thỏa thuận là tôi sẽ biếu ông một con bò cái và hai con dê để cưới con gái ông. Lễ cưới đã tổ chức và mọi việc đã êm xuôi trôi chảy, tuy đối với tôi đó là một nỗ lực tài chánh lớn lao để gom đủ số tiền làm vinh danh thỏa thuận về hôn lễ. Như anh thấy, tôi rất nghèo... Felicity có vẻ như cũng yêu tôi, và chúng tôi hạnh phúc sống chung với nhau trong căn nhà nhỏ bé của tôi”.

“Chỉ cưới nhau được một tuần hay khoảng đó thì ông già cô tức giận đến nhà tôi hăm dọa giết tôi, nếu tôi tìm cách ngăn cản ông đem con gái ông đi. Lí do ông đưa ra là tôi đã lừa bịp ông trong cuộc điều đình với những lời lẽ khôn khéo, nhưng con gái ông còn sáng giá hơn nhiều, thay vì chỉ có một con bò cái và hai con dê”.

“Anh sợ”, tôi nhẹ nhàng hỏi, “ông già của Felicity?”

Nhìn sàn nhà và dang rộng đôi tay, Andre đáp: “Ông cao lớn, ông mạnh khỏe và dữ tợn. Tôi không thể đem cô ấy về nhà vì quá khiếp sợ!”

“Latihan anh bị bế tắc”, giọng nói đều đều tôi nhắm mắt hỏi, “sau khi ông già của Felicity đem cô ấy đi?”

“Đúng vậy”, anh thì thầm nói.

“Anh hãy nhắm mắt lại tịnh tâm. Bằng cách hoàn toàn buông thả cái Tôi thông thường của mình, anh hãy tìm thấy trong lòng mình cái nơi chốn không có cộng và trừ, mà chỉ có sự an bình...”

Tôi đợi chờ cho tới khi cảm thấy anh đã đạt được một trạng thái yên bình trong lòng.

“Bây giờ hãy để cho những gì đến từ đáy lòng mình, hãy cho thấy ngay sau đó mình sẽ như thế nào nếu anh đến gặp ông già của Felicity?”

Sự sợ hãi chợt xâm chiếm lấy Andre, cơ thể anh bắt đầu run rẩy lay động, khuôn mặt méo mó của anh biểu lộ sự hốt hoảng. Thấy không cần phải để cho nỗi thống khổ đó chiếm ưu thế, tôi nói:

“Thôi đủ rồi”, tôi nói trong khi chờ đợi cho hơi thở anh được lắng yên, “anh hãy để cho sự sợ hãi đó trôi qua... Hãy trở về cái trạng

thái trước đây trong lòng mình là nơi cư ngụ của sự an bình”.

“Bây giờ hãy chỉ tuân theo những động tác và âm thanh tự nhiên đến. Thái độ anh như thế nào nếu anh gần cận với linh hồn mình, khi anh đến gõ cửa nơi nhà ông bố vợ mình để đòi mang vợ mình về? Hãy tiếp nhận”.

Dần dần khuôn mặt Andre biến dạng như được những lông mày mỏng may của anh kéo lên, như ánh sáng đã hiện ra trong lòng anh. Miệng anh dịu dàng cười, cánh tay anh dang ra như để ôm hôn, và anh bước tới phía trước.

Trông anh rất vui sướng, thanh thản và đang mỉm cười.

“Cảm ơn”, anh nói, “bây giờ tôi hiểu rồi”.

“Để đem Felicity về nhà”, tôi kết luận khi chúng tôi chia tay, “bây giờ anh biết mình phải làm gì rồi”.

Một tuần sau chúng tôi tôi trở về Kinshasa từ chuyến đi tới miền Tây Nam của mình. Trong lúc tập latihan với nhóm Salemba, tôi thấy mình đứng gần Andre. Ban đầu tôi không nhận ra anh nhưng để ý thấy latihan anh có sự thoải mái tiếp nhận được. Tôi ngạc nhiên nhận thấy anh đã đến tìm tôi tại Trung Tâm Công giáo. Sau latihan, anh đến bên tôi kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra.

Ngày hôm sau, sau khi làm trắc nghiệm cùng tôi, anh đến nhà ông bố vợ mình. Trước khi gõ cửa, anh nhớ tới buổi trắc nghiệm là lúc hoàn toàn buông thả cái Tôi và sự sợ hãi của mình. Anh gõ cửa và điều kinh ngạc là ông bố vợ anh ra mở cửa, cánh tay dang rộng để đón tiếp anh và cho Felicity về với anh. Ông cũng xin lỗi vì lối cư xử tồi tệ của mình, và nói rằng tất cả những gì ông mong ước là không có chuyện gì phiền phức với người con rể mới của mình.

“Bây giờ”, tôi nói và biết rằng phải là như vậy, “latihan anh có khác không?”

“Có, thật tuyệt vời và thoải mái”.



## 10. Liên quan tới tổ tiên

Chuyện tôi kể dưới đây cho bạn thấy như thế nào lối tu tập của latihan không những luyện cho cơ thể cử động một cách tự do hơn trong tất cả những bộ phận ẩn khuất của nó, mà còn khiến nhận thức được những thế giới tâm linh, những thế giới không thể nhìn thấy với mắt phàm. Tôi dùng cụm từ ‘những thế giới’ là số nhiều, vì nhận thấy rằng mỗi thế giới cân xứng với cái thực tại của nó và trình độ sự nhận thức của tôi. Nói cách khác, mỗi thế giới có sự thật tương đối của nó, và trên thực tế không thể dùng cho một thế giới khác.

Cái chứng nghiệm đó xảy ra trong một buổi latihan với các hội viên nam của nhóm N’djili cách phi trường quốc tế Kinshasa không xa. Khoảng 15 người nam có mặt, phần đông tuổi dưới 40, trong một phòng nhỏ bé không nhiều đồ đạc. Trước đó tôi đề nghị với họ là sau một cái latihan ngắn chúng tôi sẽ làm vài trắc nghiệm khái quát.

Trong một lúc đang latihan, tôi thấy gần mình một anh rất trẻ. Anh không cử động và có vẻ như không có latihan như tất cả những người khác. Tôi mở con mắt nội tâm mình ra và trông thấy một đoàn người nhiều màu sắc nối đuôi nhau trông có vẻ như những thân nhân của anh đang đứng sau lưng anh. Tôi đặc biệt chú ý tới một bà lão có tầm vóc khoẻ đang nắm lấy áo sơ mi anh để kéo anh về phía sau với một bàn tay, trong khi bàn tay kia cầm một cây gậy dài. Đoàn người nối đuôi dài đến tận một nơi xa xôi không nhìn thấy được; mọi người trông đều buồn bã, và tôi để ý thấy không có ai đang mỉm cười.

Sau 20 phút latihan chúng tôi tự động xong, và tôi đề nghị các người nam ngồi dựa lưng vào tường mà để một khoảng trống ở giữa. Tôi chia sẻ với họ sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình về điều chúng tôi gọi là ‘trắc nghiệm’, và dành chỗ cho bất cứ ai cảm thấy cần phải chia sẻ kinh nghiệm latihan họ, hay muốn hỏi qua trắc nghiệm những gì mình thắc mắc.

Một sự im lặng toàn diện tỏa ra khắp nơi, và tôi cảm thấy có sự ngăn ngại bển lển không muốn phá tan sự im lặng đó. Điều khiến tôi ngạc nhiên là Daniel, anh bạn trẻ mà trong lúc latihan tôi trông

thấy tổ tiên anh nắm kéo lại, nói với một giọng bức tức: "Tôi đã tập latihan hơn 18 tháng. Tôi không thấy được tại sao mình phải tiếp tục tập vì không cảm thấy gì, không cử động được và không phát ra âm thanh như những người khác"

"Chúng ta coi xem", tôi đề nghị, "trắc nghiệm có giúp được gì không?"

Anh đồng ý và tôi yêu cầu những người khác ngồi yên lặng chung quanh trong phòng, trong khi chúng tôi trắc nghiệm. Daniel và tôi đứng giữa đối diện nhau. Khi cảm thấy chúng tôi hoàn toàn yên tĩnh, tôi nói:

"Daniel, bạn hãy để cho tất cả các bộ phận của con người mình hoàn toàn được thư thái, hãy để cho cảm xúc mình được yên lặng như một hồ nước khi không có gió nhẹ. Hãy cho thấy qua latihan thái độ bạn đối với bà ngoại mình?"

Trong vòng vài giây anh bạn trẻ đó gào thét, bàn tay và cánh tay đặt trên đầu, như để che chở mình khỏi những cú đánh đập của một cây gậy. Toàn thân anh run sợ; anh té xuống đất trong tư thế một thai nhi, bàn tay che chở đầu và khuôn mặt. Anh đau đớn kêu la và khóc lóc:

"Trời ơi, đừng, đừng! Đừng làm vậy, thôi, làm ơn thôi đi!"

Sự tiếp nhận của anh rất mạnh. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy sự đau khổ của anh.

"Daniel", tôi dịu dàng nói, "bạn hãy điềm nhiên lại. Bạn đứng lên và trở về cái nơi chốn yên tĩnh trong lòng mình".

Như vẫn còn đầy những vết thâm tím, anh từ từ đứng lên trên đôi chân và yên lặng đứng trước mặt tôi.

"Bạn vừa cho chúng tôi thấy quan hệ của mình ra sao với bà ngoại còn sống của bạn. Bây giờ hãy tiếp nhận quan hệ với bà ngoại mình có thể ra sao, nếu bạn gần cận linh hồn mình".

Trong khi tìm kiếm trong lòng một cái gì đó để bám vào, Daniel cảm nhận được tình thương đối với mẹ mình. Khuôn mặt anh trở

nên tươi đẹp biểu lộ cái tình thương đó, bàn tay mở ra dọc theo cơ thể.

“Như vậy đó”, tôi dịu dàng nói, “đó là tình thương của bạn đối với mẹ mình, nhưng để hòa hợp với bản thân mình và gia đình mình, bạn hãy cảm nghiệm cái tình cảm thích đáng đối với bà ngoại bạn”.

Anh bạn trẻ của tôi phải tốn nhiều thời gian hơn để tiếp nhận được, vì trong lòng anh có một sự xung đột. Cuối cùng anh thôi chống cự, cánh tay đưa ra phía trước âu yếm ôm hôn bà ngoại anh.

“Một lần nữa”, Daniel, “bạn hãy hoàn toàn thư thái. Nỗi sợ đó trú ngụ nơi nào của bạn? Hãy biểu lộ nó...”

Cơ thể anh run sợ trở lại, khuôn mặt anh biểu lộ sự sợ hãi.

“Trong khi tiếp nhận sự sợ hãi đó, bạn phải làm gì trong lòng mình để tìm thấy tình thương là nơi không có sự sợ hãi?”

Daniel nhanh chóng cho thấy mình có thể buông thả sự sợ hãi khi có.

Một năm sau, trong chuyến đi kế tiếp tới Congo, Daniel đến gặp tôi nói rằng kể từ khi làm trắc nghiệm bà ngoại anh không còn đánh với một cây gậy và anh cũng không còn sợ bà ấy nữa. Bà đã tử tế với anh. Tôi cũng để ý thấy latihan anh bây giờ hoàn toàn không căng thẳng, tỏ vẻ thoải mái và mãnh liệt.

Bạn có thể lấy làm lạ như thế nào tôi biết được sự biểu lộ tình thương lần đầu của Daniel là cho mẹ anh? Đó là vì khi tôi làm trắc nghiệm với một hội viên, sự nhận thức của tôi đi vào những cảm xúc tinh vi của tâm hồn và chú ý tới sự tiếp nhận của người đang làm trắc nghiệm. Vậy nên, tôi thấy rõ được vì chính mình cũng trải qua những gì cảm nghiệm được, nhưng với một cường độ kém hơn, của người đó. Với ai chưa quen thuộc lối tu tập của latihan, điều đó có vẻ kì quái, hầu như là yêu thuật, nhưng thực ra đó là cái gì có thật và lôgic như phương trình hai cộng hai là bốn trong thế giới vật chất.

Tôi đã rất nhiều lần dùng lối trặc nghiệm đó để giúp người ta nối kết được với sự thật của họ, để họ tìm thấy trong lòng mình những gì mình có thể làm được, để cải thiện cách họ hòa hợp được với chính họ, với gia đình và bạn bè họ. Khi tôi nối kết với linh hồn mình, ý thức của tôi làm một chuyện có tính siêu nghiệm. Latihan đã tập luyện cho tôi có khả năng siêu nghiệm đạt tới linh hồn.

Trong một vài nói chuyện của Bapak, lúc du hành từ quốc gia này tới quốc gia kia, Bapak thường giải thích, không thiếu phần hài hước, tình trạng linh hồn mình sẽ ra sao đối với phần đông chúng ta: đó là vì linh hồn chúng ta chỉ có vài phần của cơ thể tâm linh. Bapak đôi khi thường phải cười khi mô tả việc ai đó có hai cái chân tâm linh tới chỗ thắt lưng, nhưng trên đó thì không có cơ thể. Hay chỉ có một cái miệng, một dạ dày và bàn chân. Những gì được mô tả thật tức cười. Bapak cũng thường nói rằng bằng cách tập latihan đều đặn, chúng ta sẽ đạt được một cơ thể hoàn toàn tâm linh.

Thành thật mà nói, hồi đó tôi thực sự không hiểu được Bapak đang nói gì. Nó có vẻ hết sức kì quặc, nhưng vì rất kính mến Bapak và nhận biết được là mình không hiểu gì nhiều về tâm linh, nên tôi chấp nhận những gì Bapak nói mà không phê phán, và tôi cũng mong rằng một ngày nào đó mình sẽ hiểu được.

Một cách hết sức đơn giản, hiện nay tôi có thể nói rằng bên trong cái thực tại của mình tôi nhận ra những gì Bapak nói tới cách đó nhiều năm. Tất nhiên, bởi latihan không có giáo lý, nên những ngôn từ tôi dùng đều do những kinh nghiệm của mình; như vậy thì tôi không dùng những ngôn từ tôn giáo 'học được' để biểu đạt sự hiểu biết tâm linh của mình.

Tôi được cơ hội đặc biệt làm Phụ tá Quốc tế và dịp may du hành tới những nơi khác nhau trên thế giới, không chỉ để gặp gỡ những người của tất cả những quốc gia khác, mà có thể một cách hoàn toàn tin cậy buông thả cùng với dân nội địa trong lúc tập latihan. Từ Scandinavia tới Nga, Ukraine và Trung Âu, từ Nam Âu tới Bắc Phi, từ Trung Âu tới Nam Phi, trong 4 năm chúng tôi đã có thể du hành tới tất cả những vùng đó và cùng nhau tập latihan. Không dùng ngôn từ mà nghiệm được sự thân cận và tương đồng giữa tất cả loài người như chúng ta là điều gì khiến hài lòng và được

an ủi. Trong latihan, trong khi mọi người hoàn toàn buông thả cái Tôi và những thị dục của họ, Thiên Lực, không dùng giáo lý, điều lệ và phép tắc, kết hợp những ai có thể tuân theo những động tác bắt nguồn từ linh hồn mình.

## 11. Giải tỏa những gì bế tắc qua âm thanh và động tác trong latihan

Khi đến thăm Nigeria trong mùa thu của năm 1992, tôi ngạc nhiên nhận thấy, trong lúc lần đầu tập latihan với những người nam của nhóm Lagos, có 11 người hay khoảng đó, họ hoàn toàn không cử động hay phát ra bất cứ âm thanh nào. Ngạc nhiên thấy mình là kẻ duy nhất cử động và ca hát, tôi hỏi họ tại sao lại như vậy. Anh hội trưởng của nhóm giải thích:

“Latihan chúng tôi thường tự do có động tác và âm thanh, nhưng nó lại quá ồn ào. Một vài năm trước đây, một chuyện chẳng may đã xảy ra mà kết cuộc lại biến thành một bi kịch”.

“Chúng tôi thường tập latihan trên lầu nhất của một kho hàng rộng nơi một khu chợ lớn gần trung tâm Lagos. Có lần, một trong những người phái nữ của chúng tôi đã có một latihan khá mạnh làm chị kêu gào. Một nhóm đàn ông dưới chợ nghe thấy những âm thanh mãnh liệt để thanh lọc đó, và họ lập tức nghĩ rằng có một vụ hiếp dâm đang xảy ra nơi kho hàng. Một vài kẻ đã trông thấy lúc nào trước đó vài người đàn ông và đàn bà lên lầu, và họ suy diễn là họ cũng nên lên đó để ‘cứu’ các phụ nữ khỏi đám người man rợ.

“Theo đó là một cuộc ẩu đả loạn xạ, một vài người anh em Subud bị thương tích và chúng tôi không thể tập latihan nơi kho hàng nữa. Chuyện rủi ro đó khiến chúng tôi băn khoăn, và chúng tôi hỏi anh phụ tá quốc gia hồi đó là mình nên làm gì. Anh đáp Bapak đã có lần cho hay khi chúng ta tập latihan trong một phòng, mà phòng đó không được chặn âm, nếu điều đó làm phiền những người hàng xóm, chúng ta nên xin có một latihan yên lặng. Kể từ đó, chúng tôi không có cử động và phát ra âm thanh”.

Anh mở miệng cười khi nói xong. Lúc đó là 9 giờ tối, và bởi chúng tôi tập latihan trong một văn phòng, tôi hỏi David:

“Có ai bên trên hay bên dưới hay bên cạnh chúng ta?”

“Không”, anh đáp, “không có ai hết”.

“Vây thì hay quá. Tôi đề nghị bây giờ chúng ta làm trắc nghiệm với những ai cảm thấy không mãn nguyện với latihan mình. Trước hết, latihan mình hiện nay ra sao? Kế đến, latihan mình ra sao nếu hoàn toàn không bị ảnh hưởng của bất cứ quy định nào?”

Mỗi người lên làm trắc nghiệm, hết phiên người này tới người khác. Kết quả là mọi người đều giác ngộ khi họ tiếp nhận được, qua âm thanh và cử động, sự biểu lộ của chân tính mình. Một người trong họ còn nói đến việc mình trong tình trạng ngủ lâu dài kể từ ngày xảy ra cuộc ẩu đả dữ dội nơi khu chợ.

Anh Latif, hồi đó là hội trưởng, đã thân ái dẫn chúng tôi đi thăm 4 nhóm chánh yếu khác, và trong mỗi nhóm chúng tôi đều gặp phải một trường hợp tương tự: tình trạng căng thẳng, yên lặng, thiếu sự biểu lộ của cơ thể trong latihan. Mỗi lần chúng tôi đều làm trắc nghiệm với từng hội viên, hết phiên người này tới người khác, và mỗi lần latihan họ được giải tỏa, họ tìm lại được sự tự do của cử động và âm thanh của mình. Chẳng may là nhiều hội viên đã không còn đều đặn đến tập latihan nữa trong thời kì dài lâu của ‘latihan yên lặng’ vì cảm thấy chán nản là mình không tiến bộ trong tâm linh.

Những ngày cuối cùng cuộc viếng thăm của mình, chúng tôi dự Hội nghị Quốc gia của Nigeria tại Ijebu-Ode. Hội nghị được tổ chức nơi một căn nhà rộng lớn của một y sĩ Subud tại nơi, đủ rộng lớn để chứa những hội viên Nigeria đến dự. Latihan của chúng tôi rất mạnh, và tôi thích thú trông thấy như thế nào mỗi hội viên đã có thể bỏ qua cái thời kì ‘latihan yên lặng’ để hoàn toàn buông thả vào cái latihan không bị hạn chế của mình.

## 12. Đối diện tà thuật

Khi ở Nigeria tôi xin chia sẻ cùng bạn một chứng nghiệm kỳ quái xảy ra ở Enugu. Samson, một hội viên trẻ của nhóm Enugu, hỏi tôi anh có thể sáng sớm mai đến đón tôi để đem tôi đi xem những cơ ngơi của anh là nơi anh mong triển khai kinh doanh quảng cáo

và minh họa bằng đồ thị của mình.

Anh đến đón tôi trên một chiếc xe tải màu trắng phía trước thiếu cửa kính. Ngả người ra ngoài, anh mở cánh cửa cọt kẹt mời tôi ngồi trên ghế của hành khách với một nụ cười chào đón khá ái. Samson rất vui mừng có tôi bên cạnh trên chiếc xe tải của anh, và niềm vui tràn trề của anh dễ lây qua người khác. Chúng tôi vui thú vì sự có bầu bạn bên nhau và để lộ điều đó với những nụ cười rộng trên khuôn mặt mình. Anh đang trong tình trạng thích nói. Tôi chỉ việc nghe.

“Nó gần ngoại ô Enugu. Ông sẽ thấy, rất có triển vọng. Việc đầu tiên của tôi là sơn trắng lại tất cả. Ông sẽ thấy, hiện nay thì khá lồi thối lếch thếch. Tuyệt thật, chỉ sơn lại một chút là xong... Bây giờ chúng ta đang đi vào phần gay go nhất của thành phố. Nếu có chuyện gì xảy ra, ông cứ để cho tôi nói”.

Anh báo cho tôi biết trước như đã có linh cảm.

Anh bạn trẻ của tôi chợt trở nên căng thẳng và nghiêm trọng. Tôi nhìn ngay phía trước mình trông thấy chúng tôi đang đến một giao lộ thì một người đàn ông cao lớn khiến kinh hoàng chợt xuất hiện từ một con đường bên cạnh và chạy tới giữa giao lộ. Tay hắn cầm một cây cung và vài mũi tên, mặt hắn che khuất sau một mặt nạ lớn bằng gỗ sơn vẽ hung dữ, lồng ngực hắn sơn vẽ những đường kẻ màu trắng. Một chiếc quần ngắn bằng cọ sợi chung quanh chỗ thắt lưng là y phục duy nhất của hắn.

Samson đậu xe lại trong khoảng 5 hay 6 mét của kẻ đang hăm he đứng ngay trước mặt chúng tôi; tay hắn dang ra, cẳng tay cong lại chỉ lên trời. Chân cẳng cách xa nhau, đầu gối cong lại theo hình góc vuông, toàn thân hắn lay động dữ dội.

Những người qua đường đứng lại nhìn quang cảnh đó. Môi và đầu không động đậy, anh bạn trẻ của tôi cẩn rằng nói:

“Đừng nhìn gì, đừng phản ứng hay cử động, cái này là điềm xấu”.

Trong lối nhảy múa biểu diễn sự chém giết, kẻ đeo mặt nạ lớn tiếng nói một thứ tiếng Phi Châu mà tôi không hiểu. Tôi chỉ nhận ra những tiếng thường dùng tới là ‘bọn da trắng’.

Tôi khó chịu cảm thấy lạnh buốt xương sống, khi từ khoé mắt bên phải tôi nhận thấy một mũi tên bằng kim loại gỉ sét trông như đã tẩm độc đang chĩa vào thái dương mình chỉ cách vài phân.

Samson run sợ, khuôn mặt anh xanh xao. Tôi cảm thấy cái nơi chốn tốt nhất cho mình là sự gần cận với cái vũ trụ của nội tâm mình, nên tôi buông thả sự sợ hãi của mình để đạt được một trạng thái cực kì yên bình. Ngay sau khi buông thả cái bản ngã thông thường của mình, tôi hết sức tinh tế cử động đầu mình để tập trung vào cây cung đã căng ra hết cỡ. Tôi đánh liều nhìn thật từ từ về bên phải để coi xem ai là kẻ đằng sau đó.

Kẻ cầm cung chắc khoảng 17 tuổi, đôi tay vững chắc đang nắm cây cung và kéo mũi tên về phía sau của hãn có những ngón tay bị cắn và những vết phẩn trắng. Khuôn mặt trẻ trung trắng bạch vì phẩn của hãn chăm chăm nhìn tôi tỏ sự thù ghét không đội trời chung. Đôi môi đã từng dày cộm của khuôn mặt một thanh niên đã teo lại thành một vòng tròn nhỏ bé chật hẹp xuyên qua đó lộ ra một cái lưỡi đầu nhọn. Trong cặp mắt đen và sâu mà tôi nhìn vào, tôi chỉ có thể giải đoán được cái nhìn của một kẻ đi săn muốn bắn chết con mồi mình.

Tuy có thể nghe thấy gã cao lớn đang nhảy múa điệu chém giết đến gần mình, tôi để cho khuôn mặt mình biểu lộ những gì bất thường. Lưỡi tôi đẩy bên trái môi dưới mình lên trên, xương gò má cao của tôi đưa lên trên làm mắt trái khép lại trong khi lỗ mũi nở ra. Những ngón tay tôi xoè ra một cách thất thường để tăng cường hiệu lực sự nhần mặt của mình.

Gã thanh niên cầm cung chột lớn tiếng nổ thành một trận cười mà không kiềm chế được, cây cung và các mũi tên của hãn rớt xuống lễ đường, trong khi đầu gối bị đụng vào mà hãn vẫn vui cười vì sự khô hài xảy ra đó. Với dáng vẻ khô hài đó, tôi từ từ quay về phía gã nhảy múa, và khi trông thấy khuôn mặt tôi, hãn cũng chột lớn tiếng cười, điều chúng tôi có thể nghe thấy từ đằng sau cái mặt nạ hung dữ của hãn. Đã đề cao cảnh giác, Samson thấy được cơ hội trốn thoát, nên tăng tốc chiếc xe để tránh những người qua đường và những kẻ muốn gây sự với chúng tôi đang sặc sụa cười.

Khi đã tới một giao lộ nơi không trông thấy họ nữa, Samson tò



mò hỏi tôi:

“Đã có thể trở thành một bi kịch đấy. Làm cách nào ông đã biến nó thành một hài kịch?”

“Samson, tôi chỉ việc quy thuận, buông thả cái bản ngã sợ hãi và căng thẳng của mình, mà tuân theo những gì đến với mình, y hệt như trong latihan”.

Tôi đáp trong khi cảm thấy nhẹ nhõm vì một lần nữa mình được cứu nguy khỏi một tình cảnh rắc rối, theo một cách hoàn toàn không ngờ tới được.

### 13. Phát triển sự nhận thức của linh hồn

Tôi thấy dùng từ tập luyện là cực kì thích đáng để giải thích như thế nào chúng tôi hiểu từ latihan của Nam Dương.

Kết quả của những chứng nghiệm mà tôi mô tả trong cuốn sách này chỉ có thể được là vì sự tập luyện tâm linh hay tu tập đó. Trước tiên, chỉ dần dần tôi mới có thể giải tỏa cái ý thức có vẻ như chỉ nằm trong một phần nhỏ bé của bản chất mình. Kế đến, một cách lưỡng lự, là sự mạo hiểm vào những phần khác của cái toàn thể của mình. Theo tôi hiểu, linh hồn giống như một nơi chứa đựng mênh mông trong đó ý thức có thể du hành tới những nơi khác của cái vũ trụ của chính mình.

Bapak thường dùng một lối so sánh khác: chân tâm mình có thể được xem là một lâu đài trong đó có nhiều mức độ và phòng ở. Ông thường nói với chúng tôi rằng phần đông chúng ta chỉ cư trú trong một hay hai phòng, và nếu latihan mình tiến bộ, điều này sẽ dần dần khiến mình được tự do khám phá tất cả những mức độ khác nhau của cái lâu đài nội tâm của mình.

Theo tôi hiểu, sự tu tập theo latihan là khả năng buông thả cái bản ngã ích kỉ và đặt sự nhận thức của mình vào cái nôi của linh hồn mình, khiến cho điều hướng dẫn chúng ta không là tư lợi mình, mà là nội quy của Thượng Đế, điều luôn làm cho mọi thứ được cân đối và hoàn thiện.

Theo những gì Bapak giảng giải về linh hồn: càng được hoàn

thiện, cơ thể tâm linh của linh hồn càng đem chúng ta đi xa hơn vào cái vũ trụ tâm linh của nội tâm. Lúc này tôi đang chia sẻ cùng bạn về chuyện mình đang nơi đâu trong sự hiểu biết của mình về sự liên hệ giữa những thế giới vật chất và tâm linh. Trong nhiều năm qua, quá trình của latihan đã đem tôi đi qua hằng hà sa số những giai đoạn khác nhau, mỗi lần làm cho sự hiểu biết và ý thức của tôi được mở rộng.

Trong trường hợp của tôi, đó là trạng thái sợ hãi: sợ hãi cái không gian chưa từng biết, sợ hãi sẽ không tìm thấy gì nơi bên kia, và đó là những điều khiến cho sự phát triển tâm linh của tôi bị trở ngại. Hiện nay, tôi thấy từ ngữ 'không có gì hết' là không dùng được đối với nơi có ý thức của tâm linh.

Gần cận với linh hồn mình một cách hoàn toàn tin cậy, để cho nó sống qua tất cả những gì của những hoạt động thể gian của mình, là những điều đã trở thành ưu tiên với tôi, vì tôi thấy việc chỉ sống qua cái Tôi, những dục vọng và ham muốn của mình là sống theo chiều ngang không có nhiều chiều sâu.

Tất nhiên, tôi không thể gỡ ra hay tách biệt khỏi latihan những trải nghiệm của cuộc đời mình. Đó là lối tu tập duy nhất của tôi, nhưng tôi mong rằng một vài bạn đọc, những ai chưa tập latihan của Subud nhưng đã theo những lối khác, sẽ có những chứng nghiệm tương tự và nhận ra được cách ăn nói của tôi.

## F. Đến ở miền Nam Provence

### 1. Đi khỏi nước Anh sau 26 năm

Căn nhà sấy hoa bia ở Bassett là một giai đoạn tuyệt vời trong cuộc sống gia đình chúng tôi. Căn nhà đó đủ rộng để chứa 11 người chúng tôi, kể cả mẹ tôi Olivia và Marcus Hamilton, ông bạn đời của bà. Những không gian phân phối một cách bất thường trong đó, và vùng đất bao quanh căn nhà, tạo cho mỗi người chúng tôi nơi chốn tự do phát triển cá tính mình, cho các con tôi một môi trường tiến triển, khiến chúng dễ dàng phát hiện được tính tình mình.

Kinh doanh đồ cổ và trang trí nội thất đầy đủ cung ứng cho những nhu cầu vật chất của gia đình, và hồi đó quyền sở hữu của chúng tôi ở Anh là một sự an toàn tương đối về vật chất. Nhưng những cái đó không đủ để cho Melinda và cá nhân tôi được thoải mái về hưu.

Nhờ tiệm buôn, tôi phát hiện nơi mình nhiều tài năng mà tôi có thể dùng để sinh lợi, những việc bạn đã đọc trong chương một và bốn. Trong đáy lòng, tôi luôn có ý định một ngày nào đó diễn đạt mình qua mỹ thuật. Lúc này là lúc tôi cảm thấy phải dùng tất cả những gì là bản chất mình cho sự thuần túy biểu đạt nghệ thuật.

Melinda và tôi cả hai đều rất mong muốn trở về miền Nam nước Pháp là nơi chúng tôi bắt đầu cùng nhau sống chung lúc tuổi

trong vòng 20. Năm trong 7 đứa con chúng tôi, Lucianne, Miriam, Richard, Pamela và Hermas đã bắt đầu có cuộc sống riêng tư, và 2 đứa nhỏ nhất, Dahlan và Laurence, còn đang học tại London; Dahlan tại International Film School và Laurence tại trường họa hình. Chúng chia sẻ với nhau một căn nhà nhỏ bé tại Hammersmith Bridge và chắc tương đối vui sướng tại đó, trong lúc phát giác được và tranh đấu như thế nào đó để đối phó với cái thế giới rộng lớn chung quanh mình.

Hai năm trước đó, trong năm 1988, Richard, hồi đó còn làm việc cùng tôi trong tiệm buôn, biết chúng tôi thầm mong trở về Pháp sống. Nó đề nghị ông già và bà già nó nghỉ một tuần để về Provence tìm kiếm một căn nhà.

“Con ơi”, tôi kêu lên tự hỏi lấy tiền ở đâu, “chúng ta không có tiền cho chuyện đó!”

Nó quả quyết đáp, theo một cách tôi hình như nhận ra chính mình: “Không sao, bố, chúng ta sẽ kiếm được bằng cách này hay cách khác”.

Làm theo đề nghị con trai mình, chúng tôi lên đường tháng 3 trong năm đó, sau khi quyết định đi kiếm một căn nhà tại vùng của Mont Ventoux, ngọn núi cao nhất của Provence. Chúng tôi mượn một phòng khách sạn tại địa phận thời Trung Cổ của Vaison la Romaine, một nơi trải rộng dưới chân núi đẹp để đó, và đi ngay tới đại lý bất động sản gần nhất.

Chúng tôi kiếm một căn nhà cũ xưa chưa sửa đổi, vì thích tự mình làm việc sửa đổi. Nó phải xây cất bằng đá, với vài mẫu đất trong vòng bán kính 10 km của Vaison la Romaine. Anh đại lý bất động sản đề nghị 3 căn nhà và nhiệt tình lấy xe chở chúng tôi đi coi.

Trước hết anh đưa chúng tôi đi coi bất động sản xa xôi nhất, kể đến là một căn nhà nhỏ nhỏ. Khi nhận thấy sự thiếu hứng thú của chúng tôi, anh cuối cùng nói: “Thôi vậy! Đây là chỗ cuối cùng tôi đem ông bà tới, vì tôi nghĩ rằng không chắc gì ông bà sẽ muốn mua. Nhưng kinh nghiệm cho tôi biết những gì khách hàng nghĩ thì không biết trước được...”

Lúc đó là cuối mùa đông. Đang mưa và những đám mây thấp vẫn còn trải rộng trên các ngọn đồi. Đường đi đem chúng tôi qua những hẻm núi chật hẹp, thì chợt nhiên phong cảnh mở ra cho thấy một thung lũng tươi đẹp nhỏ bé ẩn khuất, nép mình giữa Mont Ventoux và một ngọn núi nhỏ hơn tên là La Platte.

Anh đại lý bất động sản nhanh chóng lái xe qua hai thôn xóm, và đi xa hơn thung lũng một cây số, qua một vườn cây quả mơ, chúng tôi quẹo phải tới một đường làng cũ xưa không ai dùng. Tức khắc chúng tôi thấy thích nhà trại cũ xưa bên cạnh một đồi rừng cây thông và cây sồi.

Dù đang mưa, chúng tôi thấy tòa nhà đó hoàn toàn không bị ẩm ướt. Những nông dân hiền lành rất nghèo đã xây cất nó vào những tảng đá chỉ với những vật liệu của địa phương. Ban đầu có một ngọn suối hiện nay đã khô cạn, nên bất động sản đó thiếu nước hay hệ thống mương máng. Nơi đó không trực tiếp bắt điện được. Chung quanh là những mẫu cây quả mơ đã chín, những cây sồi năm cục và những khu rừng thông.

Đã không có ai ở đó hơn 100 năm và bác nông dân địa phương dùng đó làm nơi cất giữ những nông cụ của mình. Những chiếc lá khô và phân thú vật xưa kia vẫn còn trên những sàn bằng đá lát thảm dày của 3 chuồng bò và ngựa khác nhau. Phân đã khô của thú vật chắc là do một cặp bò, một con ngựa và một bầy cừu và dê. Không còn những cửa sổ và cánh cửa nữa, nhưng bác nông dân vẫn còn giữ cho tình trạng của mái nhà được tốt, điều giúp cho các tường không bị đổ nát.

Khi trở về khách sạn, tôi mở tấm bản đồ của địa phương ra, và tranh đua nói cùng Melinda: "Một, hai, ba! Chúng ta hãy chỉ ngón tay vào căn nhà nào mình thích nhất."

Giữa những tiếng cười, bàn tay chúng tôi gập gờ nhau, trong khi ngón tay mình tranh đua chỉ vào một nơi y như nhau trên tấm bản đồ bóng loáng đầy màu sắc. Cả hai chúng tôi đều lựa chọn cái nông trại cũ xưa thiếu điện nước, nhà vệ sinh và cống rãnh.

Sau khi chúng tôi đã quyết định đó là căn nhà mình muốn, việc kiểm vốn được hay không là ăn thua ở tôi. Tôi sẽ không khiến bạn

phát chán về tất cả những chuyện như thế nào tôi thuyết phục được ngân hàng, nhưng cuối cùng thì căn cứ vào căn nhà Hoa Bia Bassett, ông giám đốc của ngân hàng tôi vui lòng cho tôi tiền cần mua được bất động sản đó.

Trong hai năm tiếp theo, chúng tôi dùng những kỳ nghỉ hè của mình để cắm trại nơi căn nhà đó và tổ chức những sửa đổi căn bản khiến nó trở nên tương đối ấm cúng.

Một máy phát điện diesel cung cấp điện cho chúng tôi, trong khi tôi sắp đặt một ống phun nước dài 200m để hút băng xifông từ một giếng nước băng đá, một giếng tại một nơi xa trên rừng. Nước đó dùng cho việc tắm vòi ngoài trời và những việc chung chung.

Richard cùng tôi thảo dự kiến cho những thay đổi chánh yếu: nơi nào đặt nhà bếp, phòng tắm, phòng khách và vân vân. Chúng tôi mượn một người Anh trẻ nghiên cứu những điều căn bản để hoàn thiện dự kiến mình. Chúng tôi xây cất một cái lán bằng đá trong đó máy phát điện được bảo toàn: đứng ra phần nhiều là để triệt đi những âm thanh ồn ào và đơn điệu của nó. Những công việc còn lại sẽ chỉ do tôi làm, một khi chúng tôi đến đó ở.

Nước Anh trải qua một tình trạng suy thoái thâm sâu khi chúng tôi ra đi, và thị trường nhà cửa thì hoàn toàn phá sản. Tôi đã mong rằng nếu bán được bất động sản rộng lớn của mình thì như vậy cũng đủ cho mình bắt đầu một cuộc sống mới ở Pháp. Tôi có ý định đầu tư số tiền còn lại cho việc tạo cho chúng tôi một sự thu nhập nhỏ bé. Nhưng chúng tôi không thể bán căn nhà của mình cũng như không thể trả nợ cho ngân hàng. Thế nên, chúng tôi cho thuê căn nhà Hoa Bia Bassett cho tới khi tình hình cải thiện.

Melinda hiểu được ra sao tôi rất mong muốn nghề vẽ, và tôi còn nhớ đã hỏi bà: <>Bà xã, em có vui lòng đến ở nơi nông trại cũ xưa thô sơ của chúng ta ở Pháp, nơi anh sẽ lấy cọ vẽ để vẽ, nhưng không bảo đảm là sẽ có thu nhập?>>

"Không gì", bà đáp, <>làm em thích hơn là anh bắt đầu vẽ trở lại. Đừng bao giờ quan tâm tới khía cạnh tài chánh: trước kia chúng ta đã luôn giải quyết được!"

Tình yêu và sự tin cậy của bà cho tôi sức mạnh đối diện cái tương lai mới của mình. Mẹ tôi xác nhận quyết định bằng cách nói rằng ngay sau đó nếu được bà rất có thể đến Provence ở với chúng tôi.

Sự khủng hoảng tài chính ở Anh là điều ai cũng cảm thấy rõ rệt, đặc biệt trong doanh vụ những món hàng xa xỉ như đồ cổ và bất động sản. Tôi khó khăn lấy lại được phần tiền đầu tư vào chứng khoán. Nếu là hai năm trước đây thì tình trạng vật chất sẽ thuận lợi hơn nhiều.

Tiệm buôn đã khiến chúng tôi sinh nhai trong 24 năm, và tạo một chỗ đứng tuyệt vời cho sự thi triển các tài năng của tôi. Tôi hơi luyện tiếc và rất cảm khái những gì đã được ban cho mình. Tôi bán hợp đồng cho thuê cho một tay ham mê buôn đồ cổ. Sự chia tay với tiệm buôn tạo nên một khoảng trống vô bờ, điều chợt hiện ra trước mặt chúng tôi. Đến lúc này thì tôi có thể triệt để dự tính cho tương lai mình.

Mùa hè năm 1982, sau khi tạm thời đem mẹ mình cùng với ông Marcus vào một nhà cho người già ở Devonshire, rất gần nơi bà chị tôi sinh sống, chúng tôi cảm thấy có thể đi khỏi nước Anh để chuẩn bị nơi định cư mới của mình.

Hai ngày trước khi ra đi, chúng tôi tổ chức một buổi liên hoan nhỏ 'có hoa hồng và kẹo sôcôla' cho gia đình và bạn thân. Một cách bất ngờ và khiến chúng tôi ngạc nhiên, người ta tặng cho chúng tôi những món quà hậu hĩ: một cây trái táo Bramley và Cox's Orange Pippin, những thiết bị nuôi ong, cộng với một phong bì chứa một tấm séc sẽ giúp cho chúng tôi rất nhiều khi chúng tôi ra đi.

Chúng tôi cùng khóc với 3 đứa con mình là Dahlan, Laurence và Pamela, những đứa đến từ London giúp chúng tôi gói đồ đem lên chiếc xe vận tải nặng 40 tấn với toa moóc, rồi dọn dẹp nhà cửa sau khi chúng tôi ra đi.

Vậy nên, giữa mùa hè là lúc chúng tôi rời khỏi căn nhà Hoa Bia trên một chiếc xe đầy đồ đạc như phải đi qua sa mạc, cùng với hai con mèo tỏ vẻ ngạc nhiên là Tequila và Hercules. Đây là lần đầu tiên chúng ngồi trên một chiếc xe.

Khi xe chạy trên những con đường quanh co của Kent dẫn tới Dover để lên tàu phà đệm hơi, tai chúng tôi có đầy âm thanh tiếng kêu meo meo bồn chồn của Tequila. Melinda, lòng chắc nặng trĩu, đang nghĩ tới những đứa con bỏ lại ở Anh. Còn tôi thì cảm thấy được tự do một cách kỳ quặc, không còn có tất cả những trách nhiệm chồng chất trong những năm qua của cuộc sống, kể từ lúc lần đầu tới ở Tunbridge Wells.

Tôi cảm thấy mình như con ngựa được giải thoát khỏi xe ngựa kéo. Tôi nghĩ tới những khách hàng, họ chỉ việc nhắc điện thoại lên, không còn áp dụng được những ý kiến và năng khiếu nghệ thuật của mình. Tôi đã trải qua 24 năm hứng thú tại số nhà 21 The Pantiles. Nhiều khách hàng của tôi đã thành những người thành thạo sưu tập những đồ đạc trong nhà của thế kỉ 17 và những thứ khác sưu tầm được trước đó...

Tôi chợt nhận thức được là mình đang tự động lái xe đi được hơn chục cây số, và quyết định tập trung tất cả sự chú ý của mình vào những con đường quanh co.

## 2. Tiếp theo là bắt tay vào công việc...

Khi đến nhà mới, thật tuyệt vời là chúng tôi được sự nồng nhiệt chào đón của con trai mình là Richard cùng với cô vợ mang thai là Miranda. Họ đến ở cái nông trại cũ xưa đó để sắp đặt cho chúng tôi, trước khi về một thành phố tên là Forcalquier, cách xa 100 km về hướng Tây.

Tôi nhớ lại là đã kể cho bạn về việc tôi được nuôi nấng tại một hòn đảo hoang vu trên biển Địa Trung Hải, nơi khan hiếm nước và các tiện nghi thì chẳng có là bao. Vậy đó, năm đầu tiên sinh sống tại nông trại cũ xưa làm tôi nhớ tới lúc còn bé mình sinh sống tại Ile du Levant với mẹ và chị mình. Một lần nữa, nước lại khan hiếm, điện thì không có và vân vân...

Có rất nhiều công việc thực tế phải làm. Việc đầu tiên là đem nước vào nhà. Kế đến là đặt hệ thống ống dẫn tới tất cả các nơi cần nước trong nhà. Kế tiếp nữa là làm thích nghi các phòng tắm, nhà vệ sinh, và sắp đặt lại nhà bếp với tất những đồ dùng cho nơi đó, xây cất lò sưởi cùng với vô số những việc mà một căn nhà cần có



để trở nên tương đối ấm cúng.

Chúng tôi lấy tên bất động sản mình là les Muriers theo hai cây dâu tằm màu trắng tại sân hiên, nơi cho chúng tôi rất nhiều bóng mát lúc nóng nực. Sau khi đã thoả mái định cư tại một thung lũng ấm cúng thanh bình, chúng tôi bắt đầu thực thi những nhiệm vụ của mình kể từ khi đến đây.

Bổn phận làm Phụ tá Quốc tế Subud của tôi vẫn còn đòi hỏi nhiều thời gian, và tôi chưa thể vẽ bất cứ gì hay xúc tiến tại nơi chốn mình việc trở thành một nghệ sĩ. Dự trữ tài chánh của chúng tôi đã kiệt quệ, và tôi tự hỏi như thế nào chúng tôi sẽ thích nghi được trong những tháng tới.

Một buổi chiều nọ, trong ngày trước khi tôi lấy máy bay tới Moscow, một khách hàng Na Uy điện thoại cho tôi để hỏi ý kiến về việc mua một căn hộ sang trọng tại nơi trượt tuyết của Meribel trên núi Alpes của Pháp. Tôi sẽ cho ông biết, nếu thấy dự án đó được, tôi có thể trang trí nội thất và trông coi cho tới khi hoàn thành? Tôi yêu cầu ông lập tức gửi cho tôi một bản fax của sơ đồ, vì phải coi nó trước khi có thể trả lời.

Biệt thự lớn đó xây cất nơi bệ một đường dốc trượt tuyết danh tiếng. Nó gồm 3 căn hộ rộng cộng với những chỗ đậu xe. Dự án thật hấp dẫn và tôi thấy có thể biến nó thành một không gian đẹp đẽ. Tôi cho ông biết sự chấp thuận của mình rồi đi Moscow.

Khách hàng muốn tôi trang trí tất cả những gì trong căn hộ rộng, từ các đồ đạc trong nhà cho tới khăn trải giường và áo gối, ngay cả lựa chọn những cái lật vật như những ly bằng pha lê! Tôi quyết định không tính giá cho thời gian đề nghị trang trí, mà chỉ đòi tiền cho sự khác biệt giữa bán buôn và bán lẻ đối với tất cả những gì mua hay làm cho căn hộ. Khi sơn vẽ những hiệu ứng đặc biệt, tôi tính giá mỗi giờ làm việc.

Công việc tình cờ có đó, trong lúc tình hình tài chánh của chúng tôi xuống dốc thấp nhất, tăng cường sự tin tưởng của tôi là tất cả những gì thực sự hệ trọng là được tại một nơi chốn tốt đẹp trong lòng mình. Những chuyện khác sẽ tự động đến theo.

Lái xe từ Les Muriers tới Meribel chỉ mất 4 tiếng rưỡi; điều này khiến tôi có thể chặt chẽ giám sát kế hoạch trang trí nội thất mà mình đề nghị với khách hàng. Sau nhiều tháng tối đa lao lực, toàn bộ căn hộ được hoàn tất và khách hàng rất vui mừng, tuy ông chưa từng tin tôi khi tôi cho hay công việc trang trí của mình không tốn cho ông một đồng xu nào!

Tôi kể thêm vài đề nghị làm việc nữa cho bạn thấy như thế nào một công việc này kéo theo những công việc khác, tuy tính chất của những việc đó khác nhau.

Diana, một chị bạn kiến trúc sư đã tới Jakarta ở với chồng trước đó, một hôm nọ kêu điện thoại cho tôi để hỏi xem tôi vui lòng hay không vẽ một loạt những bức tranh tường lớn cho một khách sạn quốc tế tại cái đô thị siêu năng động đó của Nam Dương. Tôi lập tức yêu cầu chị gửi cho mình một cảnh hình đầy đủ của những thảm khốp nhau của khách sạn, cùng với những gì mô tả các tường và phòng, nơi sẽ treo các bức tranh.

Màu sắc và những hình tượng quạt trang hoàng các thảm của khách sạn Mandarin Oriental cho tôi đề cương về màu sắc cho những bức họa rộng lớn. Tôi gửi 7 bức tranh mẫu vẽ màu bột là đề nghị của mình. Những bức đó được chấp nhận, và tất cả những gì tôi phải làm là tìm kiếm một nơi chốn để vẽ, vì nó quá lớn đối với căn nhà nhỏ bé của mình. Tôi chưa xây cất được xưởng vẽ rộng lớn của mình nơi các chuồng ngựa của nông trại cũ xưa.

Các nghệ sĩ trong làng thân mật cho tôi dùng xưởng của họ, tình cờ là những nơi gần nhà thờ và nhà ông thị trưởng. Một hôm nọ, tôi đang vẽ nơi chỗ cao nhất của một thanh kiểu bậc, thì ông thị trưởng chợt bước vào xưởng chăm chăm nhìn việc làm của tôi. Ông nói: 'Leonard! Tôi không hay ông có thể vẽ được như vậy.>>

Hiển nhiên ông đã khâm phục và đề nghị trước khi tranh gửi đi Jakarta, chúng tôi sẽ tổ chức nơi phòng lớn của thành phố cho dân địa phương tới xem. Ông sẽ sắp xếp mọi chuyện và cho báo chí hay.

Cuộc triển lãm là một sự thành công và ngày hôm sau những hình chụp của tranh vẽ và cá nhân tôi có trên tất cả các tờ báo địa

phương. Ông thị trưởng mời 4 vị trong ban giám đốc của Điện Lực Provence tới dự cuộc triển lãm, và họ quyết định không để cho một nghệ sĩ tầm cỡ như vậy phải vất vả trong khu vực mình. Họ tổ chức cho chúng tôi được nối kết với nguồn cung cấp điện năng với một giá tiền cực kì phải chăng.

Trong cơn hăng say ông thị trưởng hỏi tôi có vui lòng hay không phục hồi lại những tranh vẽ đã khô thuộc thế kỉ 17 trên trần nhà và tường của nhà thờ địa phương, và tạo nên một tranh tường mới để vinh danh Thánh Roch, vị thánh bảo hộ của nhà thờ. Tôi chấp nhận cái dự án lớn đó và lập tức bắt tay vào công việc. Đa số đã bong ra với thời gian, nhưng tôi có thể vớt vát lại những cái chánh yếu để vẽ lại toàn bộ trên tường và trần nhà, bằng cách dùng sơn keo bột màu.

Tôi làm việc trong 8 tuần một cách thích thú đầy cảm hứng: lên lên xuống xuống giàn giáo, pha trộn sơn keo, cho thêm vào những bột màu thích ứng. Tôi để cho những cọ vẽ lông chồn của mình tự do nhảy múa trên các diện tích. Tôi thấy mình không phải suy nghĩ về sự sẽ làm gì và làm như thế nào. Điều này như là tất cả đã ghi khắc vào cảm nghĩ của mình, tôi chỉ việc tuân theo các động tác và thụ động nhìn bàn tay mình cầm cọ vẽ làm việc.

Khi tôi hít vào, những chất nước mặn tự động chảy nơi cuối mũi, do không khí ẩm ướt lạnh của nhà thờ, ý thức của tôi trở nên rộng hơn để bao gồm, trong cảm xúc mình, một vài họa sĩ thời Phục Hưng của Italy. Tôi cảm thấy mình có mối quan hệ với họ: Giotto, Fra Angelico, Mantegna, Simone Martini, chưa kể tới Leonardo de Vinci và Michelangelo. Không phải tôi so sánh sự sáng tác của mình với các Bậc Thầy, đương nhiên không là vậy. Nhưng trong sự im lặng sâu sắc trung lập của những nhà thờ nơi họ làm việc, chắc chắn cái không khí bên trong và bên ngoài mà họ nghiệm thấy thì cũng tương tự.

Mùi vị đặc biệt của sơn keo, một hỗn hợp của dầu hạt lanh, lòng đỏ trứng và nước cất, cộng với cái cảm giác an hòa và yên lặng trong những lúc tập trung khi hơi thở ngưng lại trong lúc chờ đợi bàn tay vẽ xong, tạo nên những tác động mà chắc họ đã nghiệm thấy. Tuy hầu hết những họa sĩ đó đã dùng thuật vẽ khô trên tường, bằng cách dùng một hỗn hợp còn ướt của vôi.

Tôi không đòi tiền cho công lao mình, chỉ lấy một chút cho chi phí của đồ dùng. Tôi cảm thấy đó là sự đóng góp của mình cho cộng đồng Beaumont du Ventoux. Dân địa phương rất cảm kích việc tôi phục hồi nhà thờ họ, và chúng tôi điều đó bằng cách đem đến cho chúng tôi những chai rượu, những nụ cười nở mát và những bắt tay ấm áp. Như vậy, điều đó có hiệu quả là kêu gọi trở lại ước vọng vẽ của mình. Tôi lập tức sửa sang lại các chuồng ngựa của nông trại cũ xưa để biến thành một xưởng vẽ thuận lợi.

### 3. Vẽ tranh sơn dầu trở lại

Cái giếng tài chánh của chúng tôi một lần nữa lại trở nên nông cạn. Tuy thế, tôi hiểu được đó đúng là lúc cho mình nên bắt đầu vẽ, vì xưởng vẽ của tôi đã sẵn sàng. Vì chưa thể tậu cho mình những bức vẽ, tôi chuẩn bị 3 panô gỗ dán rộng mà tôi sơn lót với một hỗn hợp keo và thạch cao tự làm lấy. Vừa vẽ xong tranh tường trong nhà thờ, tôi lấy những sơn keo bột màu đã dùng.

Tôi muốn hiện đại hóa lại cuộc sống của chúa Giê-su, và nghĩ tới việc làm một bộ tranh gồm 3 cảnh trú danh: lễ rửa tội của chúa Giê-su với thánh John tại một dòng sông của địa phương chúng tôi; cô Mary Magdalene trét dầu cao lên chân Chúa Giê-su tại nhà của Lazarus; Chúa Giê-su trên cây thập giá với 3 kẻ cướp đàng xa. Mỗi panô đều có cảnh của Mont Ventoux và địa phương; các nhân vật của tôi mặc y phục thời nay, chúa Giê-su mang quần chần của đàn ông đang được rửa tội.

Điều này thật lạ thường, sau biết bao nhiêu năm, khi tôi được trong sự yên lặng của xưởng vẽ mình, trước một tấm ván màu trắng đòi hỏi mình vẽ lên đó. Tôi thấy mình đang đứng khóc, những giọt lệ chảy trên má, trong lòng cảm khái vì đã có thể trở lại với những giây phút thần diệu của sự thuần túy sáng tác. Ngay sau đó, sự say mê nghệ thuật chiếm lấy bản chất tôi. Tôi trở về cái thế giới của cảm xúc để ứng phó với hình dạng, không gian và màu sắc.

Sáng tác hội họa đã sống trở lại nơi tôi, và khi làm việc, tôi cảm thấy như mình đang tưởng tượng những bức họa sắp tới khác. Khi những cái đó hiện ra trong đầu óc và cảm xúc mình, tôi âm thầm lưu trữ nơi nào đó trong bản chất mình. Tôi cảm thấy gần



French Sunset

như bồi rối về chính mình, khi dùng tất cả thời gian quý báu của cuộc sống mình để biểu đạt cá nhân mình: tôi biết chắc chắn là có phần nào sự ích kỉ trong đó, nếu muốn trở về với cái năng khiếu ban đầu của mình.

Tôi nhận thấy điều lí thú này là khi tôi vẽ, những bức vẽ trở thành một thứ gương kính nội tâm phản chiếu sự hiểu biết của mình về những gì là căn bản của cuộc sống: chủ đề Adam và Eve; quan hệ giữa nam và nữ nơi bản thân mình; sự tạo lập của thế giới trong quyển đầu của kinh Cựu Ước, trong đó các thành tố trộn lẫn nhau để tạo thành sự sống.

Qua những bức tranh của mình tôi muốn biểu đạt việc như thế nào mình hiểu và trải qua những thực tại đó. Với tôi Adam và Eve không chỉ có tại một nơi xa xôi trong lịch sử đã qua của loài người, mà còn thực sự hiện diện trong mỗi giây phút cuộc sống của tôi.

Khi tôi tiếp tục vẽ, con mắt và cảm xúc nghệ thuật của tôi dần dần thức dậy khỏi một giấc ngủ dài lâu, cho tôi biết chỉ việc nhìn là thấy được sự tinh khiết của thiên nhiên chung quanh mình. Ánh sáng của miền Provence có đặc tính này là làm nổi bật vẻ đẹp vốn có của thiên nhiên. Bất cứ nơi đâu mình nhìn, tôi đều cảm hứng muốn vẽ, dù đó là phong cảnh, bông hoa hay những cái đang sống.

Tuy đã không vẽ trên bức vẽ trong hơn 30 năm, tôi thấy mình đã trưởng thành trong nghệ thuật của mình. Thực vậy, điều này như là sự sáng tạo nghệ thuật của tôi vẫn âm thầm tiếp diễn, nơi đáy lòng.

Có nhiều khác biệt với lúc tôi vẽ cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60: có lẽ do việc đều đặn tập latihan cùng với lối sống toàn diện của mình, nên tôi đã đạt tới một nơi chốn của ý thức mà mình không biết tới khi còn trẻ.

Hầu như không lúc nào là lúc tôi không tiếp tục vẽ, để có đủ tác phẩm cho cuộc triển lãm đầu tiên tại địa phương. Phản ứng của khán giả khuyến khích tôi, tuy tôi thấy mình chỉ bán tranh cho những người mình quen biết. Trong năm tiếp theo, tôi có một cuộc triển lãm khác, và cũng lại thấy dân địa phương ngưỡng mộ

tác phẩm mình, nhưng chỉ có những tranh bán được cho những người mình quen biết đến từ nước ngoài.

Chẳng bao lâu sau đó, tôi lại bị thế giới vật chất bắt kẹt với những đòi hỏi của nó. Cách duy nhất cho tôi để tiếp tục vẽ là bán đi phân nửa bảo hiểm nhân mạng của mình. Vì thế cho nên tôi có thể tiếp tục sáng tác, trong khi được giải thoát khỏi những lo lắng tức khắc về đồng tiền.

#### 4. Kế đến là một thử thách bất ngờ

Trong khi vẽ tôi không từ chối những công việc bất ngờ đến, dù đó là trang trí đồ dùng trong nhà, sửa sang nhà cửa, trang trí lò sưởi, trợ giúp một khách hàng về nội thất... Tất cả những việc đó đều giúp cho sự thu nhập nhỏ bé của chúng tôi.

Cuối tháng 6 1995, tôi nhận được một cú điện thoại của chị Diana Smith, một nữ kiến trúc sư đã giới thiệu cho tôi công việc vẽ tranh tường cho khách sạn Mandarin Oriental. Thật thú vị khi nghe thấy giọng nói chị đến từ một nơi xa xôi là Nam Dương... Chị hỏi tôi là có cảm thấy mình có hay không khả năng trang trí một đồng hồ khổng lồ bằng pha lê cho một trung tâm thương mại ở Jakarta. Sự đòi hỏi đó là một thách thức, nên tôi yêu cầu chị lập tức gửi cho mình một bản fax sơ đồ của chị về nội thất của dự án rộng lớn đó.

Đó là cho một cao ốc 23 tầng tại trung tâm thủ đô của Nam Dương. Ba tầng dưới cùng là một trung tâm buôn bán bao gồm ngân hàng, những tiệm buôn sang trọng, những quán cà phê và tiệm ăn. Một sân trước rộng lớn nối liền 3 tầng đó đến được qua thang máy. Tầng dưới cùng có suối nước, và nơi chính giữa cái không gian mênh mông đó, một gia đình giàu có người Nam Dương chủ trương dự án muốn thấy treo một đồng hồ lớn bằng pha lê.

Nhìn những bức vẽ của chị Diana, cách chị chọn vật liệu, những đá granite màu đỏ và xanh đậm cùng với sự phác họa thành hình thoi những cột nguy nga bằng đá granite chống đỡ sàn nhà, làm tôi nhớ tới các Pharaohs, những vua chúa xưa kia của Ai Cập. Tôi lập tức bắt đầu làm việc, bằng cách mở cuốn vở nháp của mình ra nơi một trang trống. Tôi nhắm mắt lại và nhận thức được nhu cầu,

nhưng đầu óc mình trống rỗng không suy nghĩ gì, lòng mình hình dung được sự việc nơi chính giữa của một không gian trống trải.

Chẳng mấy chốc, cái nhìn nội tâm của tôi thấy được toàn bộ cách trang trí: tầng dưới cùng, nơi chính giữa của sân trước rộng lớn sẽ là một mặt phẳng hình tròn chứa nước. Trung tâm của nó sẽ nổi lên một tảng đá granite hình tròn màu đen, chung quanh có những tia nước tạo thành một suối nước hình tròn. Nơi chính giữa của tảng đá granite màu đen sẽ có những panô bằng đá granite màu đỏ tạo thành một hộp không nắp. Bên trong đó những đèn rọi chuyển động màu xanh và hồng sẽ chiếu lên trần nhà. Trên hộp màu đỏ bằng đá granite sẽ là một cái tháp cao 10m làm bằng 4 kính vuông bằng pha lê mà phía dưới được những ánh đèn chuyển động chiếu sáng. Bên trong kính dày hơn 2 phân bằng pha lê sẽ có một quả cầu, kích thước một bóng rổ, trong đó sẽ có một xe điện được làm cho chuyển động bởi một máy vi tính đặt nơi nào đó trong văn phòng của cao ốc. Đến 1 giờ khuya quả bóng màu của vàng sẽ từ từ bắt đầu tụt xuống trên một dây bằng đồng không ai trông thấy, một dây đem điện lực tới cho máy chiếc xe trong quả bóng. Bên trái mỗi 4 panô bằng kính pha lê của tháp sẽ khắc những mẫu tự La Tinh mạ vàng cho biết thời giờ từ 1 tới 24.

Tôi bắt đầu làm việc với bản vẽ của mình. Làm theo cảm hứng mình, tôi nhanh chóng vẽ xong một hình theo tỷ lệ về những đề nghị của mình và gửi đi một bản fax. Người ta không những nhận được mà còn chấp nhận nó, rồi yêu cầu tôi vẽ sơ đồ cho những ngọn suối, công trình điêu khắc và 4 tranh tường khác. Dự án thật mênh mông và tôi cần phải tổ chức công việc một cách có phương pháp để khỏi phải bị ngập thờ.

Tài năng nghệ thuật và kiến trúc của tôi chưa từng cùng một lúc bị thách thức trên nhiều phương diện. Điều này là một sự kích thích khiến an tâm, khi tôi nhận thấy mình không có vấn đề gì tìm được cảm hứng cần có. Vậy nên một lần nữa, tôi để qua bên những vải căng màu trắng, những cọ vẽ và sơn dầu của mình, để bắt đầu vẽ bên chiếc bàn kiến trúc sư cũ xưa của mình.

Trên cái nền đá granite của tháp pha lê, khách hàng Nam Dương muốn thấy một đồng hồ thông thường. Vậy nên, trên panô bằng granite màu đỏ của cái nền hình vuông, cái nền đối diện những



thang máy của 3 tầng trên, tôi phác họa một đồng hồ hình tròn hoàn hảo mà mặt bằng thủy tinh dày ngang bằng với đá bóng loáng.

Cho ngọn suối thứ 3 tôi phác họa một vũng dài hẹp hình chữ 'i', cái 'chấm' của nó là một vũng rộng tròn, trong đó 3 con ngỗng cái bằng đồng và 9 vịt con sẽ bơi quanh 4 vịt đực bất động, cổ ưỡn lên trời tạo thành một ngọn suối với 4 tia nước. Vũng dài rải rác có 12 hoa huệ tây lớn bằng đất sét màu ngọc bích, trung tâm của nó sẽ là một ngọn suối hình cây dù chiếu sáng từ dưới nước.

Ngọn suối thứ 3 nơi cao nhất của một cầu thang chánh yếu sẽ có một cái bát hình tròn bằng đá hoa trên một cột pha lê, qua đó nước sỏi bọt sẽ phun lên chỗ bằng phẳng cao nhất của chiếc bát đá hoa. Trên đó sẽ có một tượng mạ đồng trông như thật của thần Kresno thuộc thần thoại Java, trong một điệu múa cổ truyền, chân phải của thần đè ép lên đầu một con quỳ màu đen.

Ông giám đốc già người Nam Dương của công ty cũng muốn 4 bức tranh, mỗi bức vẽ cảnh 4 giai đoạn phát triển của con người. Từ lúc sinh ra tới tuổi dậy thì, từ tuổi dậy thì tới lúc đi học, từ lúc đi học tới lúc làm ăn, từ lúc làm ăn tới lúc về hưu rồi chết. Điều này quả thực là một dự án hứng thú. Người ta cũng yêu cầu tôi thiết kế thêm một vài điều khác cho trung tâm thương mại.

Tôi kiếm được một hãng kỹ thuật, gần Marseilles, làm và ráp những bộ phận cơ khí khác nhau, rồi cho cất giữ trước khi gửi đi bằng đường thủy. Một xí nghiệp thủy tinh danh tiếng của Pháp làm và khắc chạm tháp pha lê. Một thương gia sỏi đá tại địa phương cung cấp tất cả những phần bằng đá granite và cẩm thạch cho thiết kế của tôi. Hãng Omega làm đồng hồ. Những kỹ xảo máy móc và phần mềm cho quả cầu màu của vàng sẽ làm tại Anh, kể cả giai điệu ngân ngủi, hiện đại của nhạc gamelan, điệu nhạc có mỗi giờ trong suốt 24 tiếng. Những thứ bằng đồng của thần Kresno và mấy con vịt sẽ được đúc khuôn tại Đức, gần tỉnh Stuttgart. Cuối cùng, một hãng ở Paris sẽ làm những máy bơm bắn tia nước.

Tất cả những việc làm đó phải được điều phối theo đúng ngày giờ đã định. Tôi quyết định triển khai dự án trong 3 giai đoạn. Khách

hàng sẽ phải trả tiền trước cho những chi tiêu trong mỗi giai đoạn. Gia đình giàu có người Nam Dương trách nhiệm về chương trình quy mô đó sẽ đến xưởng của tôi, không chỉ là gặp tôi mà còn để ước định khả năng thiết kế và điều hành dự án của tôi. Trong 3 ngày gặp gỡ họ, tôi đem họ qua tất cả các giai đoạn phát triển, rồi dẫn họ tới công ty cơ khí mà mình đã chọn gần Marseilles. Khi tham quan họ có ấn tượng tốt, thì chúng tôi lập tức được phép tiếp tục làm.

Một lúc nào đó cuối tháng 4 1997, trong khi đang làm việc cho dự án, tôi cảm thấy thật rối rắm nơi chân ngã mình: "Dự án này sẽ không tới nơi tới chốn. Mình phải cho tất cả các hãng xưởng và những ai liên quan hay là tuyệt đối đừng phung phí thêm thì giờ cho dự án, nếu chưa nhận được tiền cho những gì đã làm." Sự báo trước cho biết đó rối rắm tới nỗi tôi lập tức đáp ứng bằng cách viết thư cho tất cả những người liên quan để yêu cầu họ đừng làm gì nữa cho tới khi nhận được tiền đợt hai.

Tôi bận rộn nhiều không chú ý được tới những bức tranh lớn của mình, và quyết định dùng cái thời gian đó để bắt đầu vẽ thêm. Dùng những chất màu thiên nhiên kết thành khối bởi chất pha màu acrylic, tôi vẽ trên những bức vẽ đặc biệt không bị mục nát. Phải làm việc nhiều, nên tới cuối tháng 8 tôi mới vẽ xong.

Trong lúc đó, tôi thấy các đối tác Nam Dương của mình bớt liên lạc với mình, và đã không gửi món tiền cho đợt hai, tuy tôi đã cho họ hay là phải làm vậy. Một hôm nọ, trong khi nghe tin tức của radiô, tôi hay được là toàn bộ nền kinh tế của Nam Dương đang suy sụp, và đất nước hoàn toàn bị phá sản! Tất cả các ngân hàng phải đóng cửa; kinh tế bị bế tắc.

Tôi liên lạc với chị Diana, và chị xác nhận sự khủng hoảng chính trị và tài chánh. Chị cũng cho biết là dự án không thể tiếp tục, vì ngân hàng tài trợ cho dự án đã phá sản. Sau cú điện thoại đó, tôi rất cảm khái Cội Nguồn sự Sống đã hướng dẫn mình đúng lúc, để che chở mình khỏi bị mắc nợ kinh khiếp. Rút cuộc, tôi không thiếu nợ một đồng xu nào đối với bất cứ công ty nào hoạt động cho dự án, trừ phi đối với chính mình, vì trong khi chờ đợi nhận được thêm tiền, tôi dùng thời gian đó để vẽ 4 bức tranh tường.

Một vài tháng sau, gia đình người Nam Dương đề nghị mua các bức tranh mà họ muốn có, họ đề nghị mua tất cả 4 bức nhưng chỉ trả tiền cho 2 bức. Tôi từ chối, vì thà giữ tranh lại trong xưởng còn hơn.

Cái chứng nghiệm đó làm gia tăng sự tin tưởng ở tài phát minh và sáng tác của tôi. Nó cũng để lộ cái khả năng thiết kế mà tôi không hay là mình có. Tôi nhường chiếc đồng hồ pha lê cho các kĩ sư ở Marseilles, và yêu cầu các lò đúc phá hủy những tượng bằng đất sét, vì không có khả năng đúc những cái đó thành tượng đồng. Còn lại cho tôi là 4 tấm đá hoa trên đó đáng lẽ ra phải có những con ngỗng đục, cùng với cái nền cho ngọn suối của thần Kresno. Hiện nay cái nền đó là chiếc bàn đá hoa cho khu vườn cây thảo của chúng tôi, làm tôi nhớ tới một chuyện mạo hiểm là một sự thách thức đối với mình.

Đương nhiên là tôi mong muốn thấy dự án hứng thú đó được hoàn thành, nhưng rồi cảm thấy tất cả những gì đã xảy ra là điều cũng khiến lạc quan. Những việc đó đã đưa tài sáng tác của tôi tới những biên giới mới, và cho tôi cơ hội làm việc với những kĩ sư tài ba về những vấn đề xảy ra trong lúc triển khai những khía cạnh của dự án. Cuối cùng nhưng không kém quan trọng là công ty *Lassalle Art and Design* của tôi đã có một sự thu nhập đáng kể trong hai năm rưỡi.

## 5. Bi kịch ngày 11 tháng 9 năm 2001

Khoảng 4 giờ chiều ngày 11 tháng 9 năm 2001 là lúc tôi vừa sơn vẽ trong xưởng, vừa bị thu hút bởi một bó hoa và một bản concerto của Chopin cho đàn piano trong một chương trình về nhạc cổ điển của đài radiô. Chợt nhiên âm nhạc bị gián đoạn, tiếp theo là một bản tin: "Chúng tôi vừa nghe được một tin từ phóng viên của chúng tôi tại New York là một trong các Twin Towers bị một máy bay lớn đụng vào!"

Kinh ngạc vì bản tin đó, tôi vặn cái TV mà mình thường đặt phía sau một màn che trong xưởng. Những gì tôi trông thấy thật không thể tin được. Chính cái cao ốc thương mại trông như tháp đó, nơi tôi đã tới tham quan nhiều năm trước đây, đang bốc cháy. Máy ảnh quay quang cảnh kinh khiếp đó chắc là từ một khoảng cách

nào đó. Bầu trời hoàn toàn xanh tươi, ngoại trừ những khói đen dày đặc bốc lên từ nơi khoảng 3/4 của cao ốc.

Tôi không thể tin được những gì mình trông thấy, khi đột nhiên một chiếc máy bay khác đung vào cao ốc thứ hai trong một tiếng nổ rất lớn phát ra lửa và khói đen. Máy quay phim phóng đại quang cảnh. Tôi trông thấy, giữa những mảnh vụn đang rơi xuống do sức va chạm, một vài hình người trông như kiến lơ lửng dọc theo cái cao ốc đồ sộ đó, như trong một cảnh của phim quay chậm.

Nhịp tim tôi chợt đập mạnh hơn, ép máu quanh cơ thể. Tôi chợt cảm thấy rất tức giận về những hành vi điên động và đầy tội ác của con người. Thế giới đã trở nên hoàn toàn điên loạn rồi? Thật không thể tin được những gì tôi đang trông thấy là sự thật đang xảy ra. Hoàn toàn nhận thức được mình rối loạn ra sao, tôi hỏi chân ngã mình: "Cái trạng thái và nơi chốn tốt nhất cho mình phải ra sao trong một lúc thế thảm như vậy?"

Tôi lập tức tắt TV và đứng lên, buông thả những cảm xúc rối loạn và cảm phần cùng với cái Tôi đang đau khổ của mình. Ngay sau đó, tôi cảm thấy một sự yên lặng trung lập thâm sâu vì ý thức của mình trở nên rộng lớn hơn, trong khi giọng nói của tôi phát ra những âm thanh du dương lớn mạnh. Cái latihan mà tôi đang tập rất mãnh liệt, trong khi tôi hoàn toàn sáng suốt. Con mắt nội tâm của tôi mở ra trong khi tôi vẫn còn ca hát rồi chợt trông thấy một quang cảnh khiến sửng sốt.

Bên kia con sông Hudson tôi có thể trông thấy thành phố New York dưới ánh mặt trời màu của vàng lúc sáng sớm. Gió từ hướng tây bắc đẩy về phía mặt trời đám bụi to lớn màu đen xám của những cao ốc bị sụp đổ. Tôi trông thấy, trong đám mây đầy bụi, sự hấp hối đau khổ của một nhân loại đang kêu khóc vì cực kì tuyệt vọng.

Kể đến, tôi nghe thấy tiếng ca hát du dương siêu phàm. Tôi nhìn lên trời và trông thấy có đầy những sinh linh siêu phàm đang đi xuống với cánh tay hướng về phía quang cảnh bi đát; cơ thể nhẹ bồng của họ biến thành màu của vàng bởi ánh mặt trời. Tuy đám mây đen tối của sự hấp hối lan ra từ thành phố mang theo nhiều

khuôn mặt để lộ sự hỗn loạn và đau khổ vô cùng, nhưng tôi cũng có thể trông thấy, từ nơi cao nhất của đám mây, phần trên cùng của cơ thể, bàn tay và cánh tay họ đang hiến dâng cho những thiên thần đến cứu giúp.

Có một sự cân bằng giữa cái đẹp và cơn hấp hối. Hình như sự hỗn loạn tận phía dưới là do con người tạo ra, sự đau khổ nằm trong khói bụi. Nhiều linh hồn được vô số các thiên thần cứu vớt. Họ hình như có đó để trợ giúp và trấn an những linh hồn lưỡng lự thoát ra từ mây khói đen tối. Không thể phán xét hành động của họ. Có tình thương và sự sẵn sàng để trợ giúp những linh hồn đã bỏ mất sự giận dữ và đau khổ của mình.

Tôi tắt TV. Tôi cảm thấy mình cần phải chia sẻ những hiểu biết do cái chứng nghiệm đó. Tôi mau lẹ lấy tập vở nháp lớn để bắt đầu vẽ. Sau một vài phác họa mau lẹ, tôi biết rằng bức vẽ của mình đã có sẵn trong chân tâm. Tôi cảm thấy một tình trạng trung lập, khi nhìn những gì mình đã chứng kiến trở lại trên tấm vải lanh màu trắng.



Một vài ngày sau, bức tranh của tôi hầu như đã khô, thì có hai người khách đến xưởng để coi những tác phẩm của tôi. Chị Issa là một nhà phân tâm học và pháp sư, còn anh Laura, bạn chị, là một ca sĩ chuyên nghiệp. Cả hai đều sinh sống tại San Francisco. Chị Laura đi ngay đến trước bức tranh 9/11 để hỏi giá tiền là bao. Tôi cho chị hay, và không chút do dự chị mua ngay.

Họ đánh giá tác phẩm của tôi cao đến nỗi đề nghị tạo cho tôi cơ hội có một cuộc triển lãm tại nơi ở của họ là ngoại ô của San Francisco. Vậy nên, họ đề nghị tôi tổ chức những bức họa chứa ngụ ý của tôi tại viện Integral Studies của California.

## 6. Chỉ thêm một chuyện nữa

Tôi xin được kể thêm cho bạn một chuyện nữa chứng minh như thế nào sự việc buông thả tạo cơ hội cho sự hoạt động của những năng khiếu tiềm tàng khác: những năng khiếu vượt hẳn ra ngoài khả năng vươn tới của cái bản ngã thông thường. Điều tôi muốn nói, khi không bám vào những ham muốn của cái Tôi, là mình có khả năng ý thức được những nhu cầu đích thực của mình, của những gì có lợi cho gia đình, bản thân và những người chung quanh mình. Biết được những nhu cầu đó, nhưng không dùng ý chí để kiếm cách đạt được, là tạo cơ hội cho sự hoạt động của linh hồn.

Theo đề nghị của chị Issa, tôi chuẩn bị hai cuộc triển lãm tại San Francisco. Đây là một công việc gay go với 40 bức tranh, một vài bức đặc biệt lớn, thậm trọng được bao gói và đặt trong những hòm lớn bằng gỗ để đem tới phi trường Charles de Gaulle giao cho một công ty chuyên chở.

Melinda và tôi đi San Francisco trong một tháng, ăn ở tại tư gia của chị Issa và anh Laura. Cả hai cuộc triển lãm đều thành công, và có 15 bức tranh bán được. Những bức còn lại được cất giữ, vì tôi có ý định năm tới sẽ tổ chức một cuộc triển lãm tại New York.

Cuối tháng chạp, chúng tôi trở về Pháp, mệt mỏi vì một hành trình lâu dài. Khi về tới nhà khoảng 10 giờ khuya, chúng tôi nhận thấy mình không thể mở cánh cửa của nhà bếp. Trong lúc chúng tôi đi vắng, một trận mưa như thác lũ đã khiến xưởng vẽ và những

tầng dưới cùng của căn nhà bị ngập lụt, sàn nhà ngập nước cao hơn hai phân.

Ngày hôm sau, tôi vào xưởng vẽ nhận thấy mình đã mất 200 bức họa và những nghệ phẩm khác. Đó là những tác phẩm trong thời kỳ hơn 45 năm, nhiều cái bằng mực màu trên giấy Bristol trơn nhẵn. Nước đã làm cho những cái đó dính vào nhau mà không cách gì cứu vãn được. Công ty bảo hiểm nhà cửa lập tức phái nhân viên tới kiểm tra. Sau khi ghi chép những tình cầu của tôi, người ta nói là tôi ít có hy vọng được bồi thường cho sự mất mát những nghệ phẩm của mình. Theo hợp đồng, chỉ vài tấm thảm và màn được rửa sạch, và họ xác nhận điều đó bằng cách viết một tấm séc khoảng 200€. Tôi trả lại tấm Séc đó với một chứng thư kháng nghị, và 6 tháng sau sự kiện tụng đó vẫn chưa giải quyết.

Một khoảng thời gian sau, tôi nhận được một cú điện thoại của một người bạn ở Chicago tên là Daniel hỏi tôi có vui lòng hay không làm việc với những kẻ có kinh nghiệm về công tác xã hội tại Phi Châu. Vì đã được nhiều dịp đến miền Trung của Phi Châu, tôi biết thật rõ về những dự án Subud của bạn bè mình tại Angola và nước Cộng hòa Dân chủ Congo. Một vài bệnh xá, trường học, dự án xã hội và kinh doanh nhỏ bé được sự tài trợ của SDIA (Susila Dharma International Association) và tư nhân doanh nghiệp là những hội viên Subud. Daniel tổ chức một hội nghị chuyên đề tại văn phòng rộng lớn của anh, để coi xem như thế nào chúng tôi giúp được gì thêm cho dân địa phương phát triển kinh doanh trên đất nước họ. Thật độ lượng, Daniel đề nghị bao tất cả các chi phí, kể cả vé máy bay. Tôi chấp nhận.

Trước ngày qua Mỹ, tôi viết một kháng thư quyết liệt cho công ty bảo hiểm, để nhắc cho họ đừng quên là mỗi bức tranh của tôi đáng giá hơn 200€, và nếu họ không bồi thường được phần nào, tôi sẽ giao vụ đó cho cố vấn pháp luật của mình. Tôi cũng cho họ biết thêm là mình đã gửi một bản sao của kháng thư cho cố vấn pháp luật. Trên đường tới phi trường, tôi suy nghĩ về tình trạng chiếc xe của mình, một chiếc Renault Nevada đã chạy hơn 380.000km và đang cho thấy những dấu hiệu của tuổi già. Tôi tự hỏi trời ơi không biết ra sao đây mình có thể tậu một chiếc khác, và có thể trả những món nợ đã mang trong năm qua. Tôi đến bưu

điện gửi thư cho công ty bảo hiểm của mình trước khi lấy máy bay tới Chicago, trong khi không biết chút gì về kết quả của sự việc.

Tuy không cho người Congo nhập cảnh, nhưng sở nhập cư của Mỹ lại cho người Angola những visa ngắn hạn. Thiếu thốn sự hiện diện của những huynh đệ từ nước Cộng hòa Dân chủ Congo, nhưng chúng tôi cũng có một tuần làm việc chung với nhau đây kết quả. Ngày cuối cùng, chúng tôi cảm thấy cần phải móc túi cho các anh em Angola vài đô la giúp họ khởi công kinh doanh. Tôi kín đáo nhìn vào ví tiền mình trong đó mình còn đúng 330\$. Tôi lấy ra ba tờ 100\$ là vốn góp của mình, giữ lại 30\$ cho chuyển đi về nước.

Từ khi tới Beaumont du Ventoux ở, Melinda và tôi hoàn toàn được dân cư nơi đó chấp nhận. Sơn vẽ những bức tranh trên tường tại nhà thờ đương nhiên là một việc làm thuận lợi, nhưng không chỉ có thế thôi. Dân địa phương bày tỏ sự kính trọng và ngay cả tình cảm thân thuộc đối với chúng tôi. Vài năm trước đó, tôi đưa tên mình ra cho cuộc bầu cử vào hội đồng địa phương, và gần như được bầu cử nhưng chỉ thiếu một lá phiếu. Phe đối lập, trong đó tôi là thành viên, quyết định làm một tờ báo xuất bản 3 tháng một lần phân phát miễn phí cho tất cả các thành viên của cộng đồng. Báo tường thuật đích xác về những điều bàn luận trong các buổi họp của hội đồng, về những gì xảy ra tại địa phương, và đón nhận bất cứ bài viết nào, miễn là những bài đó cho biết tác giả là ai, không có sự quy tội, mà chỉ là tường thuật sự kiện. Sự ra đời của tờ báo làm cho cộng đồng cảm thấy một tình trạng đoàn kết và dân chủ hơn. Một vài dân địa phương đã bắt đầu tập luyện, và chúng tôi có thể cùng nhau tập.

## 7. Vài lời cuối...

Viết những trang đầu tiên của cuốn sách này là lúc tôi bắt đầu tập luyện kedjiwaan của Subud khi 19 tuổi. Đường lối tu tập đó đã truyền thụ hiểu biết cho tất cả cuộc đời tôi. Thế nên, tôi không thể tách biệt nó khỏi bản thân mình, vì nó đã thành cái toàn thể của mình. Tôi thực sự mong cho bạn thấy những dụng ngữ của tôi để tiếp thu, và nhận ra một vài điều tương tự bất ngờ xảy ra trong đời sống hằng ngày của mình, những điều có thể xuất phát từ 'Cội nguồn sự Sống' của chính bạn.



# THUẬT NGỮ

## **Bapak**

Một từ Nam Dương bày tỏ sự tôn kính trong lối xưng hô với một người già.

## **Kejiwaan**

Một từ Nam Dương nghĩa là tâm linh.

## **Subuh**

Nghĩa là bình minh. Bapak sinh ra lúc bình minh.

## **Subud**

Gốc của nó là một tiếng địa phương cổ xưa của Á Châu nghĩa là 'toàn diện'. Nó là sự tập hợp của 3 từ tiếng Phạn: Susila, Budhi và Dharma.

## **Cilandak**

Một làng nơi ngoại ô của Jakarta.

## **Trắc nghiệm**

Từ dùng diễn tả cách tiếp cận một câu hỏi hay một tình trạng, khiến nghiệm được một sự hiểu biết mà không dùng tâm trí.

*Ghi chú của tác giả:* tôi tránh dùng những từ ngữ tôn giáo để làm cho thực tại những chứng nghiệm của tôi dễ tiếp thu đối với những độc giả không theo một đạo nào.

# Nhận Định về Source of Life của Leonard Lassalle

Marcus Bolt

Leonard Lassalle đã đạt được một kì công với cuốn sách mới này, và nếu không là một hội viên, chắc chắn tôi sẽ muốn tìm hiểu và tiếp nhận latihan sau khi đọc sách: anh đã khiến cho latihan trở nên hứng thú, nung đốt lại sự nhiệt tình của tôi trong những ngày tháng đầu tiên của mình, khi hình như tất cả chúng ta đang bước vào một chuyển phiên lưu tâm linh.

Hồi đó anh là người đầu tiên trò chuyện với tôi về Subud, khi tôi còn là một hội viên dự bị, và như Bapak đã có lần chỉ cho thấy, khi một phụ tá làm việc đúng cách, người hội viên dự bị sẽ tự nhiên cảm thấy có gì đó. Tôi có thể nói rằng mình hầu như lúc nào mình cũng cảm thấy như vậy, khi lần đầu trò chuyện với anh cách đây khoảng 44 năm, trong bữa cơm tối với ánh đèn cầy cùng anh tại vườn nhà anh.

Tôi phải thú nhận, sau 40 năm tập latihan, điều này hiếm khi xảy ra trong Subud, mình còn là một kẻ tin ở thuyết bất khả tri, vẫn còn vấn đề với những gì người ta gọi là Thượng Đế với tất những phụ tùng cổ xưa, xui xẻo của nó. Leonard đã truyền đạt được một tinh thần tâm linh sâu đậm, sự huyền bí của những gì khác với cái trần tục và sự kính sợ những gì mình không hiểu nổi mà không cần phải dính líu tới tôn giáo (trừ phi lúc anh diễn tả những chứng nghiệm phi thường với Bapak). Thực vậy, cái tựa đề Source of Life



đã khiến tôi thấy rõ điều đó và là một từ ngữ tôi thấy rất hay, và tôi sẽ dùng nó kể từ nay. Ngoài ra điều đó còn khiến cho đó là một cuốn sách lí tưởng cho những người tìm hiểu không theo các nhất thần giáo (Do Thái, Thiên Chúa, Hồi giáo). Vậy nên, những người thuộc tất cả các tôn giáo hay không theo bất cứ tôn giáo nào sẽ vui vẻ trung kiên ngồi đọc.

Sách được viết với một lối văn lưu loát, dễ đọc và thân mật (tôi ngưỡng mộ những ai viết lưu loát trong một ngôn ngữ không là tiếng mẹ đẻ của mình). Trong những chương đầu Leonard nói về lúc mình đi học tại một hòn đảo ngoài bờ biển nước Pháp cho tới lúc vào trường Central School of Arts ở London. Và đó là nơi anh gặp Melinda, người phụ nữ cùng anh nuôi nấng 7 đứa con, và họ vẫn còn là vợ chồng trong 53 năm sau đó (một chuyện hiếm có khác trong Subud, phải nói vậy). Chính nhờ người phụ nữ sẽ là vợ mình đó mà Leonard phát hiện được Subud, và cuối cùng anh mở đến Coombe Springs để cho Bapak khai mở mình.

Những chương tiếp theo nói về chuyện như thế nào anh đã khai thác những tài năng thiên phú của mình là buôn bán đồ cổ, kinh doanh và thiết kế nội thất, về việc anh trở thành phụ tá quốc tế trong đó có những chuyện ly kì khó tin lúc anh qua Nga, Ba Lan và Phi Châu. Cuối cùng là việc anh trở về với cái nghề sơn vẽ của mình tại một nông trại nơi thôn dã ở Pháp, nơi anh và Melinda còn ở cho tới nay.

Toàn thể những chuyện về cuộc đời anh đều thấm nhuần sự hướng dẫn của latihan và là một gương mẫu cho tất cả chúng ta.

Sách sẽ khiến cho những hội viên lâu đời thích thú với những chuyện về Bapak và quá khứ của Subud, và cũng sẽ làm cho những hội viên sau thời Bapak phải kinh ngạc. Tôi tin là nó sẽ đem sinh khí trở lại cho bất cứ hội viên Subud nào thích đọc. Tôi cũng tin là nó sẽ mãn nguyện bất cứ ai đi tìm cái gì đó huyền bí, thần diệu, điều tất cả chúng ta đã từng làm. Nói cách khác, đó là một cuốn sách lí tưởng cho những người đi tìm đạo.



